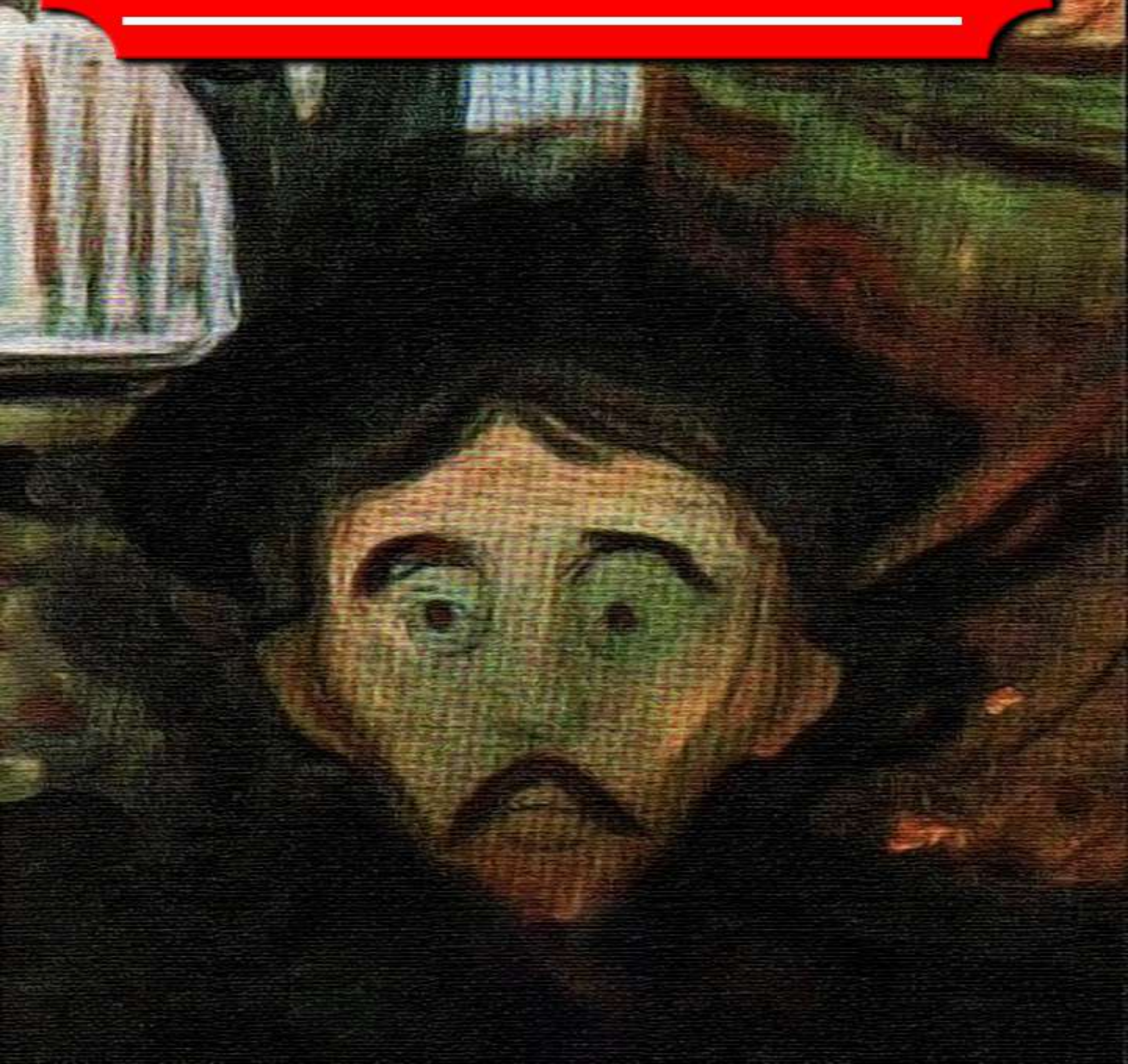
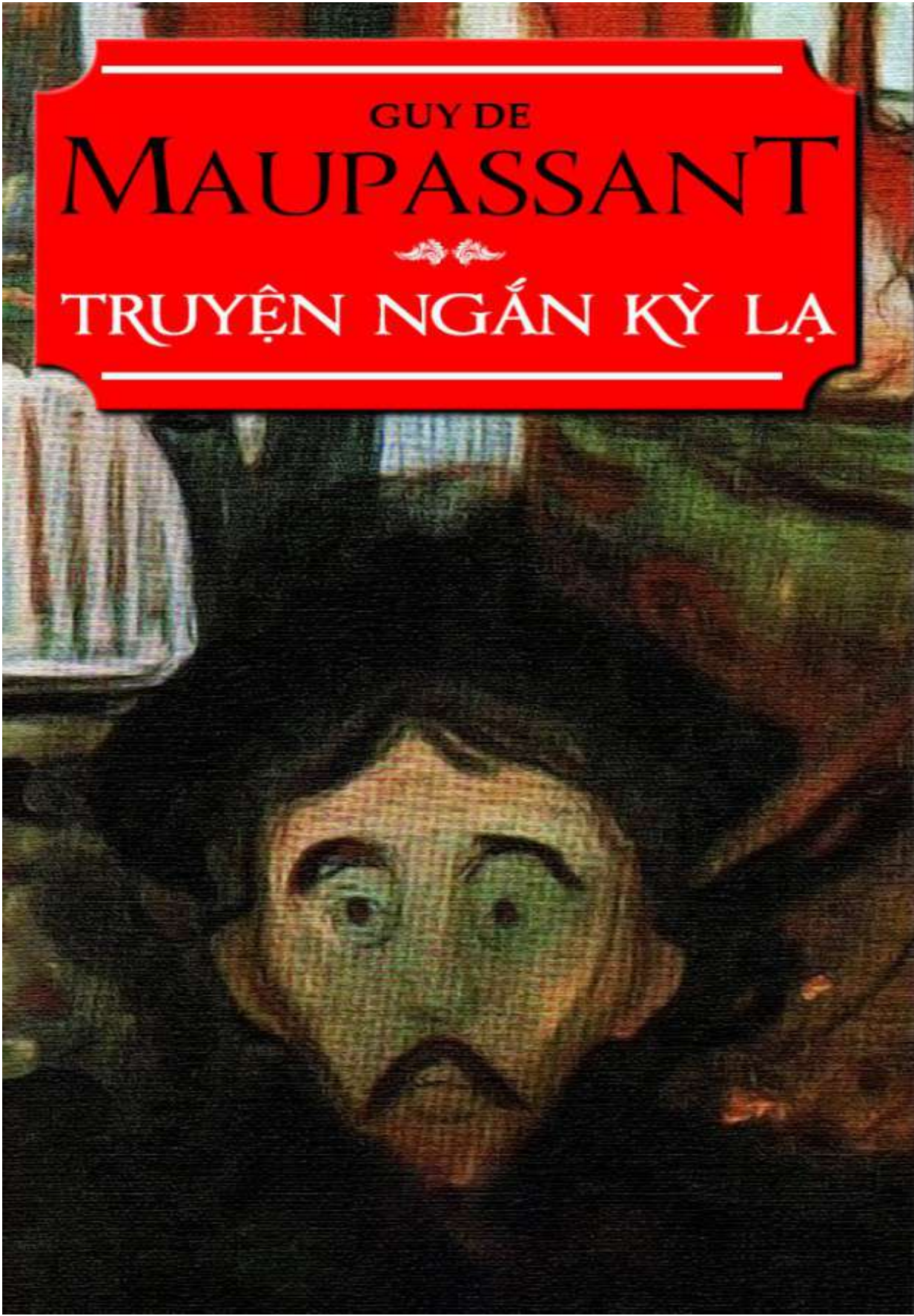


GUY DE  
**MAUPASSANT**



TRUYỆN NGẮN KỶ LẠ





GUY DE  
**MAUPASSANT**  
TRUYỆN NGẮN KỶ LẠ



**GUY DE MAUPASSANT**

**TRUYỆN NGẮN KỶ LẠ**  
**(The Greatest Ghost Story)**

Vũ Yến Ly dịch

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG 2005**

# LỜI NÓI ĐẦU

Nói đến truyện ngụ ngôn, người Pháp nhắc đến La Fontaine, về tiểu thuyết không thể không nói đến Balzac còn khi nói đến truyện ngắn thì phải nhắc đến Guy de Maupassant.

Guy de Maupassant sinh ra và lớn lên ở miền quê Normandie, ông là nhà văn vừa có óc phê phán sắc bén lại vừa có óc tưởng tượng vô cùng phong phú. Được hai người bạn từ thuở thiếu thời của mẹ ông, nhà văn Gustave và nhà thơ Louis Bouihet, dìu dắt trong sự nghiệp văn chương nên ông đã có thể trở thành một nhà thơ (ông sáng tác một vài bài thơ) hoặc một nhà soạn kịch (ông là tác giả một vài vở kịch nhỏ); và tất nhiên ông có khả năng thành danh nhờ viết tiểu thuyết vì các tiểu thuyết ông đã rất nổi tiếng ngay từ thời đó và đến nay chúng vẫn còn được nhắc đến như: “Một cuộc đời”, “Ông bạn đẹp” hay “Pierre và Jean”,...

Nhưng chính ở thể loại truyện ngắn, tài năng của ông mới thật sự nở rộ. Có thể nói tài năng xuất sắc trong thể loại truyện ngắn đã làm lu mờ thành tựu của một tiểu thuyết gia. Trong tập truyện “Những truyện ngắn về một người đàn bà khờ khạo” và nhất là trong tập truyện “Một cuộc đời” hay “Trái đất” ông đã đạt được tới sự sâu sắc từ những chuyện tưởng như tầm phào vô nghĩa. Với tính giản dị, sự cô đọng, sức khái quát, những truyện nhỏ của Maupassant “chứa đựng những cốt tủy của những tập sách mà các tiểu thuyết gia khác phải viết thật dày” như Émile Zola đã nhận định.

Ngoài thể loại truyện ngắn hiện thực mang tính thời đại, ông còn sáng tác những truyện ngắn siêu thực, và có thể nói Maupassant là một nhà văn hiện thực nhất trong các nhà văn viết truyện hoang tưởng, ông cũng là một trong không nhiều nhà văn của thế kỷ trước thu hút được sự chú ý, sự tò mò của công chúng với thể loại truyện siêu thực.

Năm 1877, Maupassant mắc chứng bệnh tim và căn bệnh quái ác này đã khiến niềm vui sống trở thành một nỗi đau trong những ngày tháng cuối đời còn lại của ông. Ngay năm 1882, Maupassant đã có những ảo giác không phải là ảo giác dưới sự ảnh hưởng của căn sa nữa. Và kể từ năm 1887, trong ông đã xuất hiện hiện tượng tự kỷ ám thị: ông tin rằng ông nhìn thấy một ai đó đi lại trước mặt ông. Và trong suốt ba năm cuối đời ông đã không xuất bản thêm một tác phẩm nào. Tuy nhiên vào năm 1890, tức là khi Maupassant xuất bản tập truyện ngắn cuối cùng của mình, ông vẫn hoàn toàn minh mẫn. Ông không phải là một bệnh nhân tâm thần mà ông là một người bệnh đôi khi phải chịu đựng những rối loạn tinh thần. Những truyện ngắn siêu thực của ông không phải là tác phẩm của một kẻ điên, mà hiển nhiên là ông đã sử dụng những kinh nghiệm, những trải nghiệm của chính bản thân ông trong những cơn rối loạn tinh thần để viết lại những xúc cảm mà con người có thể cảm thấy.

Những truyện ngắn này không chỉ phản ánh thế giới nội tâm con người mà còn phản ánh cả cách suy nghĩ tư duy của con người thời đại đó, phản ánh cả hơi thở của thời đại đó. Những truyện ngắn đề cập đến chứng bệnh điên của Maupassant không những không bị coi là tác phẩm của một người điên mà còn được đánh giá là những tác phẩm của một nhà văn hiện thực thiên tài, người đã rất thành công trong cách lột tả nội tâm con người.

Từ năm 1875 đến năm 1890, nghĩa là từ khi hai mươi lăm tuổi đến khi bốn mươi tuổi, Maupassant đã xuất bản hơn ba trăm truyện ngắn, chủ yếu in trong ba tờ: Gil Blé, Le Gaulois, Le Figaro, và một số tạp chí khác nữa. Những truyện ngắn này thường được tập hợp lại ngay khi tác giả còn sống thành những tập truyện ngắn được thu thập theo niên đại.

\_Xin trân trọng giới thiệu với độc giả 29 truyện ngắn siêu thực, kỳ lạ và hiện thực của Guy de Maupassant - một bậc thầy viết truyện ngắn của thế giới.\_

# VÔ HÌNH

## (BẢN VIẾT NĂM 1887)

**Ngày 8 tháng 5**

Một ngày thật tuyệt! Suốt cả buổi sáng tôi nằm dài trên cỏ, dưới bóng cây rợp mát trước cửa nhà. Tôi yêu miền đất này, tôi muốn sống ở đây, nơi tổ tiên tôi đã đến, ở lại và sinh sôi nảy nở. Chẳng có gì gắn bó quyến luyến với một người hơn miền đất mà cha ông họ đã sinh ra và đã chết đi ở đó. Miến đất ấy ảnh hưởng tới cách người ta nghĩ, cách người ta ăn, sở thích người ta uống, và ảnh hưởng cả đến giọng nói, mùi hơi của người dân. Tôi yêu ngôi nhà mà tôi đã được sinh ra ở đó, lớn lên ở đó.

Từ cửa sổ phòng, tôi nhìn thấy dòng sông Seine lững lờ trôi, dọc theo vườn nhà tôi, phía sau con đường, ngay sát nhà tôi, dòng sông Seine rộng lớn dẫn đến Rouen, đến Havre, tàu bè qua lại nườm nượp. Thấp phía xa, bên trái thành phố rộng lớn là những gác chuông nhọn, màu xanh da trời theo kiểu gô-tích. Những gác chuông kiểu này nhiều không đếm xuể, cái rộng cái hẹp. Sáng sáng, từ rất sớm, tiếng ngân nga của các loại chuông đã vang lên, và vọng tới tận nhà tôi. Tiếng binh boong khi gần khi xa của các loại chuông. Sáng hôm nay mới tuyệt làm sao!

Khoảng mười một giờ, một đoàn tàu thuyền đi qua, dẫn đầu là một con tàu to, nó trông như một con ruồi đen xì, xinh xịch vừa đi vừa nhả ra cột khói dày đặc bay tới tận song cửa nhà tôi. Tiếp sau là hai chiếc thuyền buồm kiểu Anh với cờ hiệu màu đỏ tung bay trên trời, cuối cùng là một chiếc thuyền ba cột buồm kiểu Brazin, trắng toát, vỏ tàu sạch bóng lấp lánh sáng dưới ánh mặt trời. Bỗng nhiên tôi giơ tay chào con thuyền không hiểu tại sao nhưng tôi rất vui khi nhìn thấy chiếc thuyền đó.

**Ngày 12 tháng 5**

Tôi hơi sốt từ một vài ngày nay, tôi cảm thấy mệt và buồn chán. Sao tôi lại thấy buồn và cô đơn đến thế? Từ đâu những ảnh hưởng bí ẩn đã khiến lòng yêu đời vui sống của tôi lại thành ra mệt mỏi buồn chán thế này? Người ta bảo rằng nó đến từ trong không khí, cái thứ không khí không thể nhìn thấy được, đầy những sức mạnh mà con người chưa biết đến, và chúng ta phải chấp nhận việc chung sống với người hàng xóm bí ẩn này.

Tôi thức dậy đầy sáng khoái, vui vẻ, ngân nga vài câu hát. Tại sao? Tôi đi dọc bờ sông, sau một cuộc dạo ngắn, tôi trở về nhà và bỗng nhiên lòng đầy buồn rầu như thể thần bất hạnh đã đợi sẵn ở nhà tôi. Tại sao? Tôi thấy rùng mình dường như có một cái gì đó đã sượt qua da tôi, kéo căng dây thần kinh của tôi và phủ bóng u buồn lên tâm hồn tôi? Phải chăng là hình dạng của mây, màu của thời gian, hay màu của mọi đồ vật vô cùng đa dạng đã lướt qua mắt tôi làm tôi đảo lộn suy nghĩ? Có ai đó biết tại sao không?

Mọi thứ bao quanh ta, mọi thứ đập vào mắt ta, mọi thứ vô tình chạm phải ta, mọi thứ ta vô tình chạm phải, mọi thứ chúng ta gặp mà không nhận ra. Tất cả những thứ đó chạm vào da ta, thâm nhập vào tim ta, rất nhanh, rất đáng ngạc nhiên và không thể giải thích được.

Nó mới sâu kín làm sao, điều huyền bí về Người vô hình! Chúng ta không thể hiểu được nó vì khốn khổ làm sao, giác quan của chúng ta chưa đủ để nhận biết được nó. Mắt chúng ta không thể nhận biết được những vật quá bé, cũng như những vật quá lớn, không thể nhìn thấy những vật ở quá xa hay quá gần, và cũng không thể nhìn thấy những sinh vật sống trên các hành tinh khác cũng như không thể nhìn thấy những sinh vật đang sống trong một giọt nước...

Tai của chúng ta làm cho chính chúng ta nhầm lẫn bởi nó thường chuyển đến óc người những tiếng vang. Tai chúng ta là những bà tiên chuyên vẽ ra những điều bí ẩn bằng cách làm thay đổi tiếng động và chính những thay đổi này đã sinh ra âm nhạc, chuyển tải tiếng động trong thiên nhiên và chuyển tải cả những rung động không phát ra âm thanh trong thiên nhiên... Mũi chúng ta, không nhạy bằng mũi chó... vị giác thì chỉ phân biệt được tuổi của rượu. Ôi! Giá mà chúng ta có được những giác quan thính và nhạy hơn, để chúng ta có thể khám phá được hết những gì đang ở quanh chúng ta!

### **Ngày 16 tháng 5**

Tôi ốm! Từ tháng trước tôi đã không được khỏe! Tôi sốt ùng ùng, tôi phát sốt vì luôn cảm thấy có một mối đe dọa khủng khiếp đang treo lơ lửng trên đầu tôi. Lúc nào tôi cũng cảm thấy có một tai họa khủng khiếp đang đến và thần chết đang lảng vảng đâu đó quanh tôi. Những dự cảm khủng khiếp đó cứ ám ảnh và gặm nhấm tinh thần tôi, mài mòn xương thịt tôi.

### **Ngày 18 tháng 5**

Tôi vừa đi khám bệnh về, tôi bị mất ngủ. Bác sĩ thấy mạch tôi chạy nhanh, mắt tôi giãn rộng, thần kinh tôi căng thẳng, nhưng chưa có triệu chứng đáng lo ngại nào. Bác sĩ kê cho tôi uống thuốc an thần và tự chữa trị bằng liệu pháp tắm vòi sen.

### **Ngày 25 tháng 5**

Chẳng cải thiện được gì hơn! Tình trạng của tôi vẫn thế. Mỗi khi màn đêm buông xuống, một nỗi lo lắng bồn chồn khó tả lại bám riết lấy tâm hồn tôi, màn đêm như ẩn chứa một hiểm họa khủng khiếp.

Tôi ăn tối rất nhanh, rồi cố đọc một chút nhưng tôi chẳng thể tập trung được. Tôi đi dọc ngang trong phòng khách, sợ hãi khi nghĩ đến việc phải về giường ngủ. Khoảng mười giờ, tôi trở về phòng, vừa vào phòng, tôi lập tức khóa cửa lại bằng hai lần khóa, cài then cẩn thận; tôi sợ... tôi sợ gì nhỉ?... ở đây chẳng có gì đáng sợ cả... tôi mở các tủ của mình ra xem, tôi nhìn xuống gầm giường... tôi nghe ngóng... liệu có tiếng động lạ nào không? Chỉ có tiếng xe, tiếng quăng lưới, tiếng chim chóc và tiếng đập của tim tôi... Rồi tôi lên giường đi ngủ, chờ đợi giấc ngủ đến với mình như kẻ tử tù chờ đợi tên đao phủ. Tôi đợi giấc ngủ đến với mình với một nỗi sợ hãi vô cùng. Tim tôi đập thình thịch, chân tôi run lấy bầy; toàn cơ thể tôi run bần bật trên giường cho tới khi tôi chìm vào giấc ngủ như thể người ngã xuống vực nước xoáy. Tôi không cảm thấy nó đến, cũng như trước đây, giấc ngủ đầy phản trắc, trốn sau tôi, rình mò tôi, chộp lấy đầu tôi, khiến mắt tôi nhắm lại, tiêu diệt tôi.

Tôi ngủ khoảng hai hay ba tiếng gì đó rồi chìm vào một giấc mơ, không, đúng hơn là một cơn ác mộng phủ chụp lấy tôi khiến tôi ngạt thở. Tôi cảm thấy rõ ràng rằng tôi đã đi nằm và tôi đã ngủ... tôi cảm thấy rõ điều đó và



nhận biết được điều đó... và tôi cũng cảm thấy rất rõ ràng có ai đó lại gần tôi, nhìn tôi, sờ vào tôi, trèo lên giường tôi, đè chân lên ngực tôi, bóp cổ tôi, siết mãi siết mãi khiến tôi ngạt thở. Giãy giụa, nhưng bất lực; tôi muốn kêu lên nhưng không kêu lên được, tôi muốn giãy ra nhưng không thể cử động được, tôi cố sức bằng một nỗ lực tuyệt vọng để lật người lại, để hất cái vật đang đè nặng lên tôi, khiến tôi ngạt thở mà không sao làm được!

Bừng tỉnh, hoảng hốt, mồ hôi đầm đìa, tôi sốt đèn lên. Tôi có mỗi mình trong phòng. Cơn ác mộng đó đến với tôi hàng đêm và sau cơn ác mộng đó tôi ngủ lại chìm vào một giấc ngủ mê mệt không mộng mị tới tận sáng hôm sau.

### **Ngày 2 tháng 6**

Bệnh của tôi có vẻ nặng thêm. Tôi bị bệnh gì nhỉ? Thuốc an thần và liệu pháp tắm vôi sen đều tỏ ra vô hiệu. Buổi chiều, tôi đi dạo quanh rừng Roumare như một hình thức tập thể dục nhằm làm cho cơ thể thật mỏi mệt để có được một giấc ngủ say không mộng mị. Và lại tôi tin không khí trong lành tràn ngập mùi cỏ cây sẽ truyền vào máu tôi một luồng khí mới, truyền vào tim tôi một năng lượng mới. Tôi đi vòng quanh khu săn bắn, rẽ về phía vùng Bouille trên một lối đi hẹp nằm giữa hai hàng cây rợp bóng mát, hai hàng cây rậm rạp đến nỗi nó như một mái che bằng lá, dày bóng phủ xuống làm tôi cả đường đi.

Đột nhiên tôi rùng mình, không phải là một cái rùng mình bình thường vì lạnh mà là một cái rùng mình rất lạ, một cái rùng mình vì sợ.

Rảo bước, lo lắng khi thấy chỉ có mỗi một mình trong rừng, hoảng sợ vô lý khi thấy mình đơn độc trong rừng. Đột nhiên, tôi cảm thấy như có ai đang đi theo mình, đi sát gót mình, rất gần, gần như có thể chạm được vào mình. Tôi bất thành linh quay ngoắt lại phía sau? Vẫn chỉ có mình tôi, đằng sau tôi chẳng có ai, chẳng có gì ngoài lối mòn tối rợp bóng cây tôi vừa đi qua. Bỗng nhiên lúc này lối mòn lại có một vẻ gì đó rất đáng sợ. Tôi nhắm mắt lại, sao lại thế nhỉ, và tôi như quay tròn trên một gót chân, rất nhanh, như một con quay. Suýt ngã, tôi mở bừng mắt ra; cây cối quay tròn, bầu trời xoay tít; tôi phải ngồi thụp xuống. Ôi! Tôi không còn biết tôi đang đi đâu nữa. Ý nghĩ kỳ quặc! Kỳ quặc! Kỳ quặc thật! Tôi chẳng còn hiểu thế nào nữa.

Tôi đi theo lối mòn ở bên phải tôi và tôi quay về phía đường lớn dẫn vào giữa rừng.

### **Ngày 3 tháng 6**

Đêm nay thật đáng sợ, tôi chắc chắn sẽ đi nghỉ một vài tuần để bình tĩnh lại.

### **Ngày 2 tháng 7**

Tôi quay về với một tinh thần hoàn toàn bình phục. Tôi đã có một cuộc dã ngoại rất thú vị. Tôi đã đi thăm vùng núi Saint - Michel. Cảnh đẹp thật tuyệt vời, thời tiết ở nơi đó cũng rất tốt. Tôi đến nơi vào cuối buổi chiều, thành phố tọa lạc trên sườn đồi.

Chúng tôi đi thăm công viên, nó nằm ngay lối vào thành phố. Tôi trầm trồ và đầy ngạc nhiên, một vịnh nước biển mênh mông trải dài trước mắt tôi, xa hút tầm nhìn, hai đường bờ biển hẻo lánh mất hút trong làn sương mù; giữa vịnh nước mênh mông và bầu trời như dát vàng sáng chói là một ngọn núi đứng cao chót vót, sừng sững. Mặt trời vừa lặn vào giữa bãi cát vàng.

Đường chân trời như một vệt chỉ lửa huyền ảo bao phủ lên đỉnh núi tạo nên một bức tranh phong cảnh đẹp tuyệt vời.

Khi trời vừa bình minh, tôi đã đi ra biển. Biển vẫn như tối qua, hiền hòa, sóng gợn lăn tăn. Và tôi ngắm nhìn một tu viện kỳ dị, đứng ngay trước mặt tôi, ngay khi tôi vừa ra đến biển. Tôi đã đến công trình to lớn bằng đá đỏ sau nhiều giờ dạo bộ, nơi Chúa ngự trị.

Đi theo con đường nhỏ, tôi vào một trong những nơi đáng tự hào nhất của kiến trúc gô-tích, một trong những công trình được xây dựng dành cho Chúa trời trên trái đất, nó rộng lớn như một thành phố, đầy những phòng thấp lè tè bị đè bẹp dưới những mái vòm thấp và những phòng tranh cao chỉ được chống đỡ bằng những cột mỏng manh. Công trình kiến trúc bằng đá được đục tạc tinh xảo bay bổng. Tu viện có rất nhiều tháp canh, rất nhiều gác chuông mà đường lên đó là cầu thang vặn xoắn. Đỉnh của các cầu thang đó là những cái đầu xù xì hình quái vật mình người đầu sư tử, hình các con vật kỳ dị, hình những bông hoa quý tung lên trời cao xanh vào ban ngày, tối thui vào ban đêm. Những gác chuông được nối với nhau bằng những mái vòm được đắp tía công phu.

Khi tôi leo lên được đến tháp canh cao nhất, tôi nói với ông linh mục, người đã đưa tôi lên: “Thưa cha, hẳn cha cảm thấy rất thoải mái khi ở đây”. Ông trả lời tôi: “Có quá nhiều gió, thưa ngài”. Rồi chúng tôi cùng im lặng nhìn ra xa, xa kia biển đang vỗ về bờ cát trắng.

Ông linh mục kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện, rất nhiều chuyện xa xưa ở vùng đất này, về những truyền thuyết. Một trong những truyền thuyết ấy đã có tác động mạnh đến tôi. Người dân ở đây, những người sống ở vùng núi, khẳng định là họ từng nghe thấy tiếng người nói chuyện trong đêm trên bờ cát, rồi họ còn nghe thấy tiếng hí của hai con ngựa, một con hí vang rên, còn con kia tiếng hí nghe nhỏ hơn. Những người không tin thì cho rằng đó là tiếng chim biển kêu, một loài chim hay bắt chước, lúc thì bắt chước tiếng kêu của súc vật, lúc lại bắt chước tiếng than van của con người; những người đánh cá về muộn thề sống thề chết là đã gặp một người chẵn cừu già, đang rình mò trên các đụn cát giữa hai vịnh nước quanh làng, khá xa nơi mọi người đang sống. Nhưng người ta không bao giờ nhìn thấy đầu của lão mục đồng này vì nó luôn được giấu kín trong áo choàng của ông ta, và ông ta thường dắt ngay trước mắt họ một con vật đầu đàn ông mình dê, và một con khác đầu phụ nữ mình ngựa, cả hai đều râu tóc bạc phơ, nói không ngừng, chúng cãi nhau bằng một ngôn ngữ lạ lùng, thỉnh thoảng dồn hết sức bình sinh hí ầm lên.

Tôi hỏi ông linh mục: “Cha có tin chuyện đó không?” Ông buồn rầu nói: “Ta không biết”. Tôi lại nói: “Nếu tồn tại trên trái đất một loài sinh vật khác, ngoài chúng ta, làm sao mà chúng ta lại không hề nhận biết đến họ, làm sao chúng ta không hề nhìn thấy họ. Sao tôi lại không trông thấy họ?”

Ông trả lời tôi: “Liệu chúng ta có nhìn thấy hàng triệu vi sinh vật đang sống quanh ta không? Xem này, gió đấy, một sức mạnh vô cùng to lớn trong thiên nhiên, gió hất ngã con người, đẩy đổ một tòa nhà, tróc rễ cây cổ thụ, hất nhào thuyền lớn, dâng nước ở biển lên, quạt nát vách đá hoa cương. Gió tàn phá, gào hét. Thế mà ngài có nhìn thấy gió không, ngài có thể nhìn thấy gió không? Ấy thế nhưng nó vẫn tồn tại đấy thôi”. Tôi im lặng trước những lý lẽ vô cùng giản dị nhưng đầy thuyết phục đó. Vị linh mục này hoặc là một nhà thông thái hoặc là một kẻ điên. Tôi không thể khẳng định được thế nào

là đúng nhưng tôi vẫn phải nín thinh. Điều ông nói đã khiến tôi trần trở rất nhiều.

### **Ngày 3 tháng 7**

Tôi lại khó ngủ, hẳn đó là một thứ bệnh lây, vì người đánh xe ngựa của tôi cũng chịu chung căn bệnh như tôi. Hôm qua, khi về đến nhà, tôi để ý đến sắc mặt xanh xao của anh ta, tôi hỏi thăm: “Jean, cậu sao thế?” Anh ta trả lời tôi: “Tôi không sao tĩnh tâm được, thưa ông, kể từ khi ông đi chơi tôi gặp ác mộng hàng đêm, ác mộng luôn bám riết tôi”.

### **Ngày 4 tháng 7**

Những cơn ác mộng lại quay về với tôi. Đêm nay tôi lại cảm thấy có ai đó ngồi lên người tôi, miệng người đó áp lên miệng tôi, hút lấy tinh lực tôi. Vâng, nó hút tinh lực trong người tôi, dai dẳng như đĩa. Rồi nó đứng lên, đầy vẻ thỏa mãn.

Tôi bừng tỉnh, mệt mỏi kiệt quệ đến nỗi tôi không động dậy được nữa. Nếu tình trạng này tiếp diễn chắc chắn tôi lại phải đi nghỉ nữa.

### **Ngày 5 tháng 7**

A! Tôi mất trí rồi chẳng? Điều gì đang xảy ra thế này, điều tôi đã thấy đêm qua thật lạ lùng, đầu tôi mông lung khi nghĩ đến chuyện đó. Như mọi tối, vào phòng, tôi đóng cửa lại, khóa cửa, cài then. Khát nước, tôi uống hết nửa cốc rồi đặt nó lên bàn ngủ, vô tình tôi để ý thấy bình nước của tôi đầy đến tận nắp. Tôi lên giường đi ngủ và tôi rơi vào một giấc ngủ say mê mệt. Khoảng hai giờ sáng tôi giật mình thức giấc, và bỗng cảm thấy hoảng sợ vô cùng.

Hãy tưởng tượng một người đàn ông bị ám sát khi đang ngủ, và khi tỉnh dậy anh ta thấy một con dao cắm vào tim, thân thể anh ta đầy máu, anh ta không còn có thể thở được nữa, anh ta sắp chết mà không hiểu tại sao. Thế đấy.

Đến khi tôi tỉnh táo lại, tôi lại cảm thấy khát, tôi đốt đèn lên và đi lại bàn để lấy bình nước. Tôi cầm nó lên rót vào cốc; nước hết sạch, cái bình rỗng không. Tôi không hiểu thế là thế nào. Rồi một nỗi sợ khủng khiếp bóp nghẹt tim tôi khiến tôi phải ngồi thụp xuống, không, nói đúng hơn là khiến tôi ngã ngồi xuống ghế. Tôi lại nhảy dựng dậy nháo nhác nhìn quanh. Rồi tôi lại

ngồi xuống trước cái bình bằng thủy tinh của tôi, điên lên vì sợ, vì lạ. Tôi nhìn nó chăm chăm và cố đoán xem điều gì đã xảy ra. Hai tay run run. Nước đã được uống hết sạch? Ai uống? Hẳn nhiên là tôi rồi vì làm gì còn ai khác ngoài tôi trong phòng? Vậy ra tôi bị mộng du, tôi làm những việc mà tôi không nhận thức được trong khi đang ngủ hay còn có một thực thể sống bí ẩn nào khác cùng đang ở đây, cùng với tôi, hay là một sinh vật lạ, chưa được biết đến và vô hình đang khiến tim ta tê cóng, thân thể ta bị cầm tù, một sinh vật như chính chúng ta và thông minh, nhiều khả năng hơn chúng ta.

Ôi, ai có thể hiểu được sự tức tối tồi tệ của tôi? Ai có thể hiểu được cảm giác của một người hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo đã thấy sự tồn tại của một sinh vật lạ nhờ cái bình bằng thủy tinh trong suốt đây, chỉ nhờ một chút nước mất đi khi anh ta đang ngủ! Và tôi cứ ngồi như thế cho tới tận sáng, không dám nghĩ đến chuyện đi nằm nữa.

### **Ngày 6 tháng 7**

Tôi điên rồi. Ai đó đêm nay lại uống hết cả nước của tôi, ai? Hay chính tôi đã uống? Phải tôi đã uống không? Nếu không thì là ai? Ôi Chúa ơi, con điên mất rồi. Ai cứu tôi với.

### **Ngày 10 tháng 7**

Tôi vừa làm một thử nghiệm nhỏ để xem tôi có thật sự phát điên rồi hay không. Trước khi đi ngủ, ngày mùng 6 tháng 7, tôi đã đặt lên bàn rượu vang, sữa, nước, bánh mì và nho. Ai đó đã uống - tôi đã uống - hết cả nước và một chút sữa mà không hề đụng đến rượu vang, bánh mì và nho. Ngày mùng 7, tôi làm lại thử nghiệm này. có cùng một kết quả. Ngày mùng 8, tôi bỏ nước và sữa đi. Không có gì bị đụng tới. Và cuối cùng là ngày mùng 9, tôi chỉ để lên bàn nước và sữa, bọc kỹ bình nước lại bằng khăn ăn và buộc lại bằng dây. Rồi tôi lấy nhọ nôi bôi lem luốc tay, miệng, râu mình rồi lên giường đi ngủ. Tôi rơi ngay vào một giấc ngủ mê mết, rồi như mọi hôm tôi lại bừng tỉnh giấc. Tôi chưa hề rời khỏi giường, khăn trải giường của tôi trắng tinh không có một vết nhọ nào. Tôi nhảy bổ đến cái bàn. Cái khăn ăn bao bọc bình nước của tôi vẫn còn nguyên. Dây buộc vẫn còn nguyên. Ai đó đã uống hết sữa, uống hết nước của tôi! Ôi Chúa ơi! Ngay ngày mai tôi sẽ đi Paris.

### **Ngày 12 tháng 7**

Paris, ngay những ngày mới đến tôi đã thấy bồn chồn khó tả! Tôi hẳn đã bị những tưởng tượng của mình hù dọa, hay là thật sự tôi bị mộng du, hay tôi bị một ảnh hưởng bệnh lý nào đó ở đây mà người ta hay gọi là ám thị. Dù sao đi nữa sự điên rồ của tôi cũng đã khiến cho trí lực của tôi giảm sút, và hai tư tiếng ở Paris đủ để tôi tĩnh tâm trở lại.

Hôm qua, sau khi đi chợ và đi dạo phố, tôi cảm thấy đầu óc thư thái, tôi cảm thấy như một luồng gió mát lành đã thổi vào tim tôi một luồng sinh khí mới. Và tôi đã dừng lại ở Rạp hát lớn, hôm nay người ta diễn một vở kịch của Alexandre Dumas con, nói về vị thần báo tin và đầy quyền lực.

Sự cô đơn rất nguy hiểm với trí thông minh của chúng ta. Chúng ta luôn cần có nhiều người quanh chúng ta đang nói hoặc đang làm gì đó. Nếu chúng ta cô đơn quá lâu, chính chúng ta sẽ tự tưởng tượng thấy những điều kỳ quặc.

Tôi quay về khách sạn với một tâm trạng vui vẻ, khi sát cánh cùng mọi người trên quảng trường tôi đã nghĩ không hề có chút hàm ý mỉa mai nào đến nỗi sợ của mình, đến sự tự ám thị mình tuần trước, bởi tôi tin, vâng, thật sự tin có một sinh vật sống đang cư ngụ dưới mái nhà của mình.

Bởi thần kinh của chúng ta rất yếu, dễ bị kích động và dễ thất thần ngay khi một sự kiện không hiểu nổi xảy ra.

Thay vì nói một cách giản dị: “Tôi không hiểu tại sao lại thế”, thì chúng ta lại thường nghĩ ngay đến một cái gì đó siêu thực, một cái gì đó bí ẩn và vô cùng đáng sợ.

### **Ngày 14 tháng 7**

Quốc khánh, tôi ra đường đi dạo, không khí náo nhiệt của một buổi lễ tết khiến tôi náo nức như trẻ con. Tôi tự thấy mình thật ngớ ngẩn, sao không là ngớ ngẩn khi mọi người đều vui chơi, cảm thấy sung sướng vào một ngày đã được ấn định trước bằng một nghị quyết của chính phủ. Dân chúng chỉ như một đàn súc vật ngu xuẩn, khi thì kiên nhẫn một cách ngu đần, khi lại vùng lên tranh đấu một cách dữ dội. Người ta bảo họ: “Hãy vui chơi nào”. Họ liền vui chơi một cách vui vẻ. Người ta lại bảo họ: “Hãy đi đánh nhau với nước láng giềng thôi”. Họ liền vội đi đánh nhau ngay. Người ta báo tiếp: “Bỏ phiếu cho hoàng đế đi”. Họ liền bỏ phiếu cho hoàng đế. Rồi người ta lại bảo:

“Bỏ phiếu cho đảng Dân chủ thôi”. Họ vội vàng đổ xô đi bỏ phiếu cho đảng Dân chủ. Và những người lãnh đạo dân chúng cũng là những kẻ ngốc nết; Thay vì vâng lệnh con người thì họ vâng theo những quy tắc, những lề luật, những thứ có thể nói là hết sức xuẩn ngốc, ngớ ngẩn, vô bổ và sai lầm kể cả khi chúng là các quy tắc. Nghĩa là những ý kiến nổi tiếng, chắc chắn và bất di bất dịch. Ở một thế giới mà người ta không dám chắc vào bất cứ điều gì, bởi ánh sáng là một ảo ảnh và tiếng động cũng là một ảo ảnh.

### **Ngày 16 tháng 7**

Hôm qua tôi đã nhìn thấy những điều khiến tôi vô cùng bối rối.

Tôi dùng bữa tối ở nhà cô em họ, bà Sablé, chồng của cô em họ tôi chỉ huy một trung đoàn biệt kích ở Limoges. Tôi ở đó cùng hai người phụ nữ trẻ, một là vợ của bác sĩ Parent, ông này từng điều trị cho rất nhiều bệnh nhân tâm thần và biết rất nhiều biểu hiện lạ của dạng bệnh tâm thần. Và ông thường điều trị cho họ bằng liệu pháp thôi miên cùng với thuốc an thần.

Ông kể cho chúng tôi nghe rất nhiều về tác dụng kỳ diệu của liệu pháp, đã được kiểm nghiệm và công nhận bởi các nhà bác học người Anh và các bác sĩ của trường Nancy. Những sự kiện này có vẻ lạ lùng đến nỗi tôi tỏ ý nghi ngờ.

“Chúng tôi sắp khám phá ra một trong những bí mật quan trọng nhất của thiên nhiên, ông ta khẳng định, tôi muốn nói một trong những bí mật quan trọng nhất của thiên nhiên trên trái đất; bởi nếu bí mật nằm ở một hành tinh nào đó, thì đương nhiên nó sẽ có tầm quan trọng khác đối với chúng ta. Kể từ khi con người biết nghĩ, biết nói và biết viết ra suy nghĩ của mình. Người ta luôn cảm thấy có một điều huyền bí không thể hiểu được, đang tồn tại sát mình, nhưng vì tự phụ rằng mình là hoàn hảo và vĩ đại nhất trong vũ trụ nên con người thường lờ cảm giác đó đi. Và con người, nhờ vào trí thông minh của mình, ra sức bổ sung thêm cho hoàn hảo những giác quan còn khiếm khuyết. Khi trí thông minh vẫn còn ở dạng sơ đẳng, nỗi sợ hãi những hiện tượng không nhìn thấy được biểu hiện dưới dạng kinh sợ bình thường. Từ đó, rất nhiều người tin có tồn tại những sinh vật siêu nhiên, niềm tin đó đã hiển hiện ở việc luôn có những truyền thuyết về ma quỷ, thần tiên, về những quái thú và thậm chí cả những truyền thuyết về Đức Chúa. Bởi những khái

niêm về Đấng tối cao, về tôn giáo của chúng ta được hình thành từ những tưởng tượng bịa đặt xoàng xĩnh nhất, ngu ngốc nhất, khó chấp nhận nhất của những kẻ hoảng sợ những vật được Chúa sáng tạo. Chẳng có gì đúng đắn hơn câu nói của Voltaire: ‘Chúa tạo ra con người bằng trí tưởng tượng nhưng chính con người đã tự hoàn thiện mình vượt qua cả sự tưởng tượng của Chúa’.

Nhưng từ hơn một thế kỷ nay, có vẻ như con người đã dự cảm thấy một điều gì đó mới lạ. Mesmer<sup>[1]</sup> và một vài người khác đã dẫn chúng ta theo một con đường không được trông đợi và chúng ta thì thật sự đã có từ bốn năm năm nay. một kết quả thật đáng ngạc nhiên”.

Cô em họ tôi, cũng như tôi tùm tùm cười đầy vẻ không tin. Ông bác sĩ lại nói: “Bà có muốn tôi thử làm cho bà thiếp ngủ một lát không, thưa bà?”

“Vâng, tôi cũng muốn thử”.

Em họ tôi ngồi vào một chiếc ghế bành, và ông bác sĩ bắt đầu nhìn chăm chăm vào cô, thôi miên cô. Còn tôi lúc đó bỗng thấy hơi lo lo, tim tôi đập thình thịch, cổ họng se lại. Tôi nhìn đôi mắt đang nặng trĩu dần của em họ tôi, nhìn miệng cô đang mím lại, ngực phập phồng. Chỉ khoảng mười phút sau, cô đã ngủ ngon lành.

“Hãy đứng ra sau cô ấy!” Ông bác sĩ bảo tôi. Tôi ra đứng đằng sau cô. Ông ta đặt vào tay cô một tấm danh thiếp rồi bảo cô: “Đây là một tấm gương, bà nhìn thấy gì trong đó?”

Cô trả lời:

“Tôi nhìn thấy anh họ tôi.”

“Anh ta đang làm gì?”

“Anh ta đang vắn vẹo bộ râu của mình.”

“Thế còn bây giờ?”

“Anh ta đang rút từ trong túi quần ra một bức ảnh.”

“Bức ảnh nào?”

“Ảnh anh ta.”

“Đúng thế đấy! Và bức ảnh này tôi vừa chụp một lát trước đây ở khách sạn.”

“Trông anh ta thế nào trong bức ảnh?”



“Anh ta đứng, mũ cầm tay.”

Cô ta chỉ nhìn một tấm danh thiếp mà nói như thế tấm thiếp ghi danh đó là một chiếc giường vậy. Hai phụ nữ trẻ, kinh sợ, cùng kêu lên: “Đủ rồi! Đủ rồi!” Nhưng ông bác sĩ lại ra lệnh: “Sáng mai, bà hãy thức dậy vào lúc tám giờ, đến khách sạn gặp ông anh họ của bà và năn nỉ ông ta cho bà mượn năm nghìn frăng mà chồng bà đã yêu cầu bà phải đưa cho chồng trước chuyến du hành sắp tới”.

Rồi ông “đánh thức” em họ tôi dậy.

Vừa về khách sạn tôi vừa mông lung suy nghĩ đến những gì đã chứng kiến. Hoài nghi những gì mình trông thấy. Tôi không hề hoài nghi về thiện chí không thể nghi ngờ của em họ tôi, người tôi đã biết từ thuở nhỏ, người thân thiết với tôi như em gái của tôi, nhưng tôi hoài nghi ông bác sĩ đã gian trá. Hẳn ông ta đã cho em tôi nhìn vào một tấm gương trong khi giơ ra cho chúng tôi xem một tấm danh thiếp. Trò ảo thuật đó thì quá đơn giản đối với một người lành nghề như ông ta.

Tôi về đến khách sạn và đi ngủ.

Sáng hôm sau, khoảng tám rưỡi, tôi bị người hầu phòng đánh thức, anh ta giải thích: “Có bà Sablé đề nghị được gặp ông ngay”.

Tôi vội vàng mặc quần áo rồi ra đón cô. Cô ngồi xuống với một vẻ ngượng nghịu, hai mắt sụp xuống, rồi không hề lên giọng, cô nói: “Em có một việc muốn nhờ anh giúp, anh họ thân mến của em”.

“Việc gì thế em?”

“Thật ngại quá nhưng em đang rất cần năm nghìn frăng.”

“Sao kia, em cần ư?”

“Vâng, em, hay nói đúng hơn là chồng em đề nghị em phải kiếm được số tiền đó cho anh ấy.”

Tôi hoàn toàn sững sốt đến nỗi ấp úng không thành lời. Tôi tự hỏi phải chăng cô ấy và ông bác sĩ đang cùng nhau bày trò để trêu tôi, phải chăng đây là một trò đùa nhà đã chuẩn bị trước và đã được diễn rất khéo. Nhưng khi tôi để ý nhìn cô em họ tôi thật cẩn thận thì mọi nghi ngờ của tôi đều tan biến. Cô ấy đang run rẩy vì lo sợ, cô đầy vẻ đau khổ với những tiếng nức nở đang kìm nén trong họng. Tôi biết rõ rằng cô rất giàu nên tôi hỏi lại:

“Sao cơ, chồng em không có đến năm nghìn frăng trong tài khoản ư. Xem nào, em nghĩ lại đi, em có chắc rằng anh ấy đề nghị em đi hỏi vay anh không?”

Cô do dự vài giây như thể cô đang cô nhớ lại, rồi cô trả lời:

“Vâng... vâng... em chắc mà.”

“Anh ấy có viết cho em à?”

Cô lại do dự, suy nghĩ. Tôi cho là những suy nghĩ đang khiến cô khổ sở. Cô không biết. Cô chỉ biết đến mỗi một điều là cô phải vay tôi năm nghìn frăng cho chồng cô. Thế nên cô nói dối.

“Vâng, anh ấy đã viết cho em như thế.”

“Anh ta viết cho em khi nào? Em đã chẳng hề nói gì với anh tối qua cả.”

“Em mới nhận được thư sáng nay.”

“Cho anh xem lá thư đó một chút được không?”

“Không... không... không, anh ấy viết cho em một số điều tế nhị, rất riêng tư... em đã... em đã đốt nó đi rồi.”

“A thế ra chồng em đã mang công mắc nợ phải không?”

Cô lại do dự nữa, rồi rên rỉ:

“Em không biết.”

Tôi đột nhiên nói:

“Thế nhưng anh không thể có ngay năm nghìn frăng cho em bây giờ.”

Cô bật lên một tiếng kêu đau khổ:

“Ôi, em xin anh, em xin anh đấy...”

Rồi cô cuống lên, chắp hai tay vào nhau như thể để cầu khẩn. Giọng của cô lạc cả đi; cô khóc nức nở, vừa nấc vừa khẩn cầu:

“Ôi anh, em van anh đấy, giá mà anh biết được em đau khổ đến thế nào... em cần có số tiền đó ngay ngày hôm nay.”

Tôi lấy làm thương cho em mình.

“Em sẽ có khoản tiền đó ngay thôi, anh hứa đây.”

“Ôi, cảm ơn anh, ngàn lần cảm ơn anh. Anh thật vô cùng tốt bụng.”

Tôi lại hỏi cô:

“Em có nhớ điều gì đã xảy ra ở nhà em hôm qua không?”

“Có ạ.”

“Em có nhớ là bác sĩ Parent đã thôi miên cho em ngủ không?”

“Có ạ.”

“Ông ấy đã ra lệnh cho em sáng nay phải đến vay anh năm nghìn frăng, giờ đây em đang bị ám thị và vâng theo lệnh của ông ta đấy.”

Em tôi suy nghĩ vài giây rồi trả lời:

“Em vay anh vì chồng em đề nghị thế.”

Trong suốt một giờ đồng hồ, tôi cố gắng thuyết phục em tôi nhưng tôi không sao thuyết phục được cô tin.

Khi cô già biệt tôi ra về, tôi liền chạy ngay đến nhà bác sĩ Parent. Ông đang định ra ngoài; vừa nghe tôi kể ông vừa cười. Rồi ông hỏi:

“Bây giờ ông tin chưa?”

“Vâng, bắt buộc phải tin rồi.”

“Chúng ta hãy đến nhà người em họ anh đi.”

Cô vẫn đang thiu thiu nửa thức nửa ngủ trên một chiếc ghế dài, đầy vẻ mệt mỏi. Bác sĩ Parent xem mạch cho cô, nhìn cô một lát rồi để một tay lên phía trên đôi mắt của cô, dần dần mắt cô nhắm nghiền lại như chịu một sức mạnh huyền hoặc không thể kháng cự được. Khi cô đã hoàn toàn say ngủ, ông ta nói:

“Chồng bà không còn cần năm nghìn frăng nữa. Vì thế bà sẽ quên bà đã khẩn cầu anh họ mình cho vay số tiền đó và nếu anh ta có nói về điều đó với bà, bà cũng không hiểu gì hết.”

Rồi ông ta đánh thức em họ tôi dậy. Tôi rút ví ra và bảo em họ tôi.

“Em thân mến, đây là số tiền mà em đã hỏi anh sáng nay.”

Cô ngạc nhiên đến nỗi tôi không dám nhắc lại nữa, tuy nhiên tôi vẫn cô thử gợi lại trí nhớ của cô bằng cách nhắc lại một vài chi tiết, nhưng cô khẳng từ chối, tin chắc rằng tôi đang trêu cô, và cuối cùng suýt nữa cô phát khùng lên với tôi.

Thế là tôi quay về, không sao ăn được, vì quá bối rối trước những gì vừa diễn ra.

### **Ngày 19 tháng 7**

Tất cả những người được tôi kể cho nghe chuyện đó đều châm chọc tôi. Tôi không còn biết nghĩ thế nào nữa. Sự khôn ngoan trong tôi tự nhủ: Có thể

thế chẳng?

### **Ngày 21 tháng 7**

Tôi dùng bữa tối ở Bougival, một vùng sông nước nằm giữa Paris và Saint Germain, rồi tôi đến một hộp đêm chuyên dành cho dân thuyền chài. Rõ ràng là mọi việc đều tùy nơi và tùy môi trường. Tin vào những gì siêu nhiên ở đảo Grenouillère là điều cực kỳ điên... nhưng ở đỉnh núi Saint Michel thì sao?... Ở vùng những người Ấn Độ thì sao?

Chúng ta đang phải chịu đựng những ảnh hưởng ghê sợ của những sinh vật, những hiện tượng đang sống, đang diễn ra quanh chúng ta. Tuần sau, tôi sẽ về nhà.

### **Ngày 30 tháng 7**

Tôi đã về nhà từ hôm qua. Mọi việc đều tốt.

### **Ngày 2 tháng 8**

Chẳng có gì mới; thời tiết rất đẹp. Tôi dành hàng ngày trời ngồi ngắm sông Seine.

### **Ngày 4 tháng 8**

Một vụ cãi lộn giữa những người làm. Họ đổ cho nhau tội làm vỡ cốc trong tủ. Họ khẳng định là ai đó đã làm vỡ cốc vào ban đêm. Anh hầu phòng thì đổ tội cho bà bếp, bà bếp đổ tội cho chị lau dọn, chị lau dọn lại đổ tội cho một ai đó tôi không biết nữa. Nhưng kết luận ai làm vỡ, chẳng ai biết được.

### **Ngày 6 tháng 8**

Lần này, tôi không hề điên. Tôi đã nhìn thấy... tôi đã nhìn thấy... Tôi không thể nghi ngờ gì nữa... tôi đã nhìn thấy. Tôi vẫn còn lạnh buốt đến tận đầu ngón tay... Tôi đã sợ tới tận xương tận tủy... Tôi đã nhìn thấy... Vào hai giờ chiều, tôi đi dạo dưới ánh nắng chói chang của mặt trời, trong vườn hồng nhà tôi... giữa hai hàng hồng đang bắt đầu nở hoa vụ thu. Tôi đứng lại chiêm ngưỡng một nhánh hồng tuyệt đẹp có ba bông chúm chím, thế rồi tôi nhìn thấy, tôi nhìn thấy một cách rất rõ ràng ngay sát trước mặt tôi, cành hoa bỗng cong xuống như thể có một bàn tay vô hình đang vít nó xuống, rồi nó gãy rời ra như thể bị ai đó hái! Rồi bông hoa bay lơ lửng, rồi nó nghiêng đi trông như thể có ai đó, cầm nó cho lên mũi người. Thế rồi bông hoa cứ treo lơ

lửng trong không khí, trông rất kỳ quặc và đáng sợ ngay trước mũi tôi, cách chừng ba bước chân.

Lạ lùng, tôi vươn tay ra chụp lấy nó! Tôi chẳng thấy gì cả; nó đã biến mất. Bực cả mình, không thể nào một người hoàn toàn khỏe mạnh, tỉnh táo lại có thể có ảo giác như thế được. Nhưng đó phải chăng là ảo ảnh? Tôi quay lại để tìm thân cây hoa, tôi tìm thấy nó ngay lập tức. Cành hoa vẫn còn nguyên vết bẻ còn tươi, nhành hoa đó nằm giữa hai bông khác trên một cành ba bông. Tôi quay về phòng với tâm trạng bối rối; bởi tôi chắc chắn, chắc chắn như hai cộng hai là bốn rằng tồn tại ngay cạnh tôi một sinh vật sống vô hình, sinh vật đó sống bằng sữa và nước, sinh vật đó có thể sờ vào mọi vật, có thể chuyển dịch mọi vật, nó cũng sống trong nhà chúng ta, nhưng chúng ta không nhận biết được nó có thể do các giác quan của chúng ta chưa đủ tinh nhạy.

### **Ngày 7 tháng 8**

Tôi đã có một giấc ngủ yên bình. Nó đã uống nước trong bình, nhưng nó không hề quấy rầy giấc ngủ của tôi. Tôi tự hỏi mình có điên không. Trong khi đi dạo, lúc trong vườn hồng, lúc dọc bờ sông, lúc giữa trưa nắng, lúc chiều tà, tôi luôn tự hỏi phải chăng mình đã phát điên. Tôi đã biết đến nhiều người điên, hoàn toàn bình thường, sáng suốt, thậm chí là uyên bác và thông thái trong nhiều lĩnh vực chỉ trừ một điểm. Họ nói về mọi lĩnh vực với đầy vẻ uyên thâm, thế rồi đột nhiên, họ như rơi vào vùng xoáy giữa cơn bão của đại dương, bao quanh họ là sóng gầm, là mây mù dày đặc, lưới cá bao bọc... và người ta gọi là “điên”.

Chắc chắn là, tôi đã tin rằng tôi điên, hoàn toàn điên, nếu tôi không hề ý thức được tình trạng của mình, nếu tôi không suy nghĩ đến tình trạng của mình và phân tích nó một cách hoàn toàn tỉnh táo. Vậy thì tóm lại, tôi là một kẻ hay lý luận bị ảo giác.

Óc tôi đang chịu một rối loạn nào đó, một trong những rối loạn mà cho tới tận ngày nay các nhà vật lý học vẫn đang nghiên cứu, thí nghiệm. Rối loạn này đã ăn sâu trong đầu tôi, trong óc tôi. Những hiện tượng chỉ có thể xảy ra trong mơ lại diễn ra ngay giữa ban ngày như là một trò ảo thuật vô lý nhất, nhưng lại không làm cho chúng ta ngạc nhiên được vì lúc này mọi giác quan

đang trong tình trạng ngủ, trong khi đó khả năng tưởng tượng vẫn còn đang thức và làm việc. Phải chăng, cũng như một số người khác, sau một tai nạn nào đó, quên hết những gì vốn thân thuộc với mình hoặc chỉ quên một số chi tiết nào đó thôi, ví như chỉ quên hết tên của người thân, nhầm lẫn đồ vật này với đồ vật khác, mất khả năng đếm...

Tôi miên man nghĩ đến tất cả những điều đó khi đi dạo bên bờ sông. Mặt trời chiếu sáng rực rỡ xuống làn nước lăn tăn sóng, mọi vật được bao phủ bởi ánh sáng có một vẻ đẹp thật đáng yêu. Tôi nhìn trời, nhìn sông, nhìn mây bay, nhìn đàn chim nhạn đang bay ngang qua, tôi thấy thư thái yêu đời, mắt tôi ngời sáng đầy vui vẻ, tai tôi như đang nghe thấy những nốt nhạc ngân nga, tim tôi rộn rã...

Thế mà một sự bất ổn bồn chồn khó giải thích bỗng dần xâm chiếm tôi. Một dự cảm lạ lùng nào đó luồn vào tim tôi, khiến tôi lạnh cóng, khiến tôi buồn bực, chặn tôi lại, không cho tôi đi xa thêm nữa, gọi tôi từ phía sau. Tôi cảm thấy khao khát được quay về nhà, một mong muốn cồn cào, không thể cưỡng lại được. Như thế ta để lại người yêu đang ốm ở nhà một mình và ta dự cảm thấy cô ấy đang yếu dần đi, cô ấy cần có ta ở bên.

Thế là; dù không muốn nhưng tôi vẫn quay về, tin chắc rằng khi về đến nhà sẽ nhận được một tin xấu, một bức thư hoặc một bức điện. Chẳng có gì đợi tôi ở nhà cả; Tôi ngạc nhiên và lo lắng hơn cả là khi tôi có những ảo giác lạ thường.

### **Ngày 8 tháng 8**

Hôm qua tôi đã có một đêm kinh hoàng. Nó không hề biểu lộ chút nào sự có mặt của nó, nhưng tôi cảm thấy nó đang ở rất gần tôi, nhìn tôi, rình tôi, luồn vào trong tôi, chế ngự tôi và đáng sợ hơn cả là điều đó báo hiệu có sự có mặt vô hình và sự chắc chắn của nó trong tự nhiên. Thế nhưng, tôi vẫn ngủ được.

### **Ngày 9 tháng 8**

Chẳng có gì hết nhưng tôi vẫn sợ.

### **Ngày 10 tháng 8**

Chẳng có gì, nhưng ngày mai điều gì sẽ đến?

### **Ngày 11 tháng 8**

Vẫn chẳng có gì xảy ra; tôi không thể cứ ở nhà với nỗi sợ và những suy nghĩ quần quanh như thế. Tôi phải đi thôi.

### **Ngày 12 tháng 8**

10 giờ tối. - Ngày nào tôi cũng muốn bỏ đi nhưng tôi không thể. Tôi đã muốn lấy lại sự tự do của mình một cách đơn giản nhất, dễ dàng nhất, bỏ đi - lên xe, phóng đến Rouen. Tôi đã không thể làm thế. Sao thế nhỉ?

### **Ngày 13 tháng 8**

Khi người ta mắc một số chứng bệnh nào đó, cơ thể người ấy sẽ mệt nhừ, bại hoại như không còn chút sức lực nào nữa, chân tay mềm nhũn như bún, thịt da nhẽo nhèo. Tôi cũng cảm thấy cùng cảm giác như thế, một cảm giác rất lạ và khó chịu. Tôi không còn chút sức lực nào, không còn chút nghị lực nào, chẳng còn muốn gì nữa thậm chí cũng chả buồn động đậy. Tôi chẳng thể mong muốn gì nữa cả, nhưng như có ai đó có những mong muốn hộ tôi và tôi vâng lời người đó.

### **Ngày 14 tháng 8**

Tôi là một kẻ mất hồn! Ai đó đã lấy mất hồn tôi và điều khiển nó! Ai đó đã định đoạt mọi cử chỉ của tôi, mọi suy nghĩ của tôi, mọi việc tôi làm. Tôi không còn là tôi nữa, tôi chỉ còn là một tên nô lệ, khiếp sợ mọi việc tôi phải hoàn thành. Tôi mong muốn được ra đi nhưng không sao đi được. Nó không muốn tôi đi; và tôi ở lại, cuống cuồng lo sợ, run rẩy ngồi trong cái ghế bành mà nó đặt tôi ngồi vào đó. Tôi chỉ muốn đứng lên, nhồm lên để tin rằng tôi vẫn còn đang làm chủ bản thân mình. Tôi không thể! Tôi bị gắn chặt vào ghế, cái ghế bị dính chặt vào mặt đất, không một sức mạnh nào có thể nhấc được chúng tôi lên.

Rồi đột nhiên, tôi phải, tôi phải ra cuối vườn hái dâu tây và ăn chúng. Và tôi đi ra đó. Tôi hái dâu và ăn chúng! Ôi, Chúa tôi! Chúa tôi! Chúa tôi! Nó là Chúa trời sao? Nếu quả thật nó là một dạng như Chúa?! Ôi trời ơi, cứu tôi với, cứu tôi với! Hãy thương xót lấy tôi! Cứu tôi! Giúp tôi! Ôi, khổ khổ thân tôi! Khiếp đảm quá! Ghê sợ quá!

### **Ngày 15 tháng 8**

Hắn em tôi cũng đã phải chịu nỗi thống khổ đó khi đến vay tôi năm nghìn frăng. Cô ấy cũng phải chịu đựng một mong muốn lạ thường vò xé tâm can,

một linh hồn khác, như thể một linh hồn ký sinh, một linh hồn thống trị. Phải chăng thế giới đã đến ngày tận thế?

Nhưng cái sinh vật vô hình đang điều khiển tôi, nó là cái gì vậy? Cái sinh vật chưa được biết đến, kẻ rình mò này phải chăng là một giống loài siêu nhiên? Vậy ra những Người vô hình là có thật? Tôi chưa bao giờ đọc được một điều gì tương tự như điều đang xảy ra ở nhà tôi. Ôi, giá mà tôi có thể bỏ đi được, giá mà tôi có thể trốn đi và không bao giờ quay lại nữa. Tôi sẽ được cứu, nhưng tôi không thể.

### **Ngày 16 tháng 8**

Hôm nay tôi đã có thể thoát thân trong vòng hai tiếng đồng hồ, như thể một tù nhân tìm được lối ra, một cách ngẫu nhiên cổng nhà tù mở. Bỗng nhiên tôi cảm thấy tôi được tự do và rằng nó đang ở xa. Tôi lập tức ra lệnh chuẩn bị xe và đi thẳng đến Rouen. Ôi, sung sướng biết bao khi ta có thể nói với một người mà người đó lập tức vâng lời ta: “Hãy đi đến Rouen!”

Tôi dừng lại trước cửa thư viện và yêu cầu người ta cho tôi mượn quyển chuyên luận của tiến sĩ Hermann Herestaurs về những sinh vật lạ, đã từng xuất hiện ở thời cổ đại cũng như ở thời hiện đại. Rồi vừa leo lên xe tôi vừa muốn nói: “Ra ga!” và tôi đã kêu lên - tôi đã không nói gì hết, tôi đã hét lên bằng một giọng to đến nỗi tất cả những người qua đường đều ngoái lại nhìn: “Về nhà!”, và tôi ngã bịch xuống ghế ngồi, điên lên vì giận dữ. Nó đã tìm được tôi và bắt được tôi.

### **Ngày 17 tháng 8**

A! Đêm mới tệ hại làm sao! Đêm mới tệ hại làm sao! Tuy nhiên, lẽ ra tôi phải lấy làm vui mới phải. Tôi đã đọc sách tới tận một giờ sáng. Hermann Herestaurs, tiến sĩ về triết học và về thần học đã viết những chuyện về tất cả các dạng sinh vật vô hình đang rình mò quanh con người hoặc có mặt trong các giấc mơ của con người. Ông ta miêu tả nguồn gốc của chúng, sức mạnh của chúng, thói quen của chúng. Nhưng chẳng có gì giống với sinh vật đang ám ảnh tôi. Người ta nói rằng con người, kể từ khi biết nghĩ, đã biết dự cảm và hãi sợ những vật thể lạ, mạnh hơn con người, biết hãi sợ một ngày nào đó, những sinh vật lạ đó sẽ chiếm cứ hành tinh Trái đất, từ nỗi sợ đó, đã sản



sinh ra những câu chuyện ma quái, những chuyện về những sinh vật lạ ám ảnh con người...

Đến một giờ sáng, để thư giãn đầu óc một chút, tôi ra mở toang cửa sổ và ngồi xuống đón cơn gió đêm mát lành. Trời đẹp, ấm áp. Xưa kia, tôi đã yêu biết bao cái không khí ban đêm dịu mát này!

Trời không trăng, những vì sao lấp lánh sáng trên nền trời đêm. Ai đang sống trên các hành tinh đó? Hình dạng thế nào? Sống ra sao? Sinh vật nào? Loài động vật nào? Loài cây nào sống ở trên đó? Những sinh vật trên các hành tinh xa xôi đó có biết nghĩ không? Họ có biết nhiều hơn chúng ta, những con người không? Họ có thể làm được những gì hơn con người? Họ có thể nhìn thấy những gì mà con người không nhìn thấy? Liệu một ngày nào đó họ có vượt qua không gian, xuất hiện trên Trái đất của chúng ta và chiếm cứ nó như những người Anh đã vượt biển đến chiếm đóng các nước yếu hơn?

Chúng ta quá yếu đuối, không được trang bị vũ khí, quá dốt nát, quá bé nhỏ, chúng ta chỉ như một hạt bụi và sẽ tan loãng vào một giọt nước.

Gió mát hiu hiu làm tôi thiu thiu ngủ. Khoảng bốn năm phút sau tôi choàng tỉnh, cảm thấy rất bồn chồn. Đầu tiên tôi chẳng thấy gì lạ cả, rồi bỗng nhiên một trang sách trên bàn bỗng dờ lên. Chẳng hề có một ngọn gió nào bay qua để có thể làm lật trang sách. Tôi thấy lạ và tôi ngồi im đợi. Khoảng bốn phút sau, tôi lại thấy, vâng, chính mắt tôi lại nhìn thấy một trang sách dờ lên và nằm ép xuống trang sách trước, như thể có một ngón tay dờ nó lên để đọc. Ghế bành của tôi rỗng không, có vẻ như rỗng không, nhưng tôi hiểu nó đang ở đó, nó, ngồi ở ghế của tôi, ngồi ở chỗ của tôi và nó đang đọc sách. Bằng một bước nhảy dữ dội, bước nhảy của một con thú nổi loạn muốn xé nát người thuần hóa, tôi lao qua căn phòng để tóm lấy nó, để ôm lấy nó, để giết nó!... Nhưng cái ghế của tôi đổ nghiêng ra trước khi tôi kịp chạm đến như thể nó đứng bật dậy bỏ chạy, bàn lắc lư, đèn đổ xuống, tắt ngấm và cửa sổ đóng sập lại như thể một tên du đảng vừa nhảy qua rồi lấy tay đóng sập nó lại, để người ta không thể đuổi theo nó được.

A ra nó bỏ chạy, nó sợ, nó sợ tôi. Nó! Thế thì... thế thì... ngày mai... hay ngày kia.... hay một ngày nào đó tôi có thể giữ được nó trong tay mình; và

nghiền nát nó trên đất. Phải chăng không có những con chó thỉnh thoảng cắn và chẹt cổ chủ mình?

### **Ngày 18 tháng 8**

Tôi đã suy nghĩ suốt cả ngày. Ô! Vâng, tôi sẽ vâng lệnh nó, làm theo những gì nó ra lệnh, hoàn thành mọi mong muốn của nó, làm cho tôi tầm thường, đốn hèn, dễ bảo đi. Nó mạnh nhất. Nhưng một giờ sẽ đến...

### **Ngày 19 tháng 8**

Tôi biết... tôi biết... tôi biết hết rồi! Tôi vừa đọc điều này trên tạp chí Thế giới khoa học: “Một căn bệnh thần kinh lạ mới được phát hiện ở Rio de Janeiro. Thời Trung cổ căn bệnh này đã phát triển như một bệnh dịch và hoành hành ở Châu Âu. Hiện nay nó lại xuất hiện ở tỉnh San Paulo. Những cư dân ở đây, dứt khoát bỏ quê hương xứ sở của mình ra đi vì theo họ vùng này đang có bọn ma cà rồng hoành hành. Họ nói nếu họ không sớm ra đi, họ sẽ thành nô lệ của bọn ma cà rồng này, bọn ma cà rồng này là những sinh vật vô hình, sống bằng sữa, nước và máu người, ngoài ra chúng không hề động đến bất cứ một thực phẩm nào khác.

Giáo sư Don Pedro, cùng với rất nhiều các nhà bác học, các bác sĩ đã đến vùng San Paulo để nghiên cứu tại chỗ nguồn gốc và những biến thể của căn bệnh điên lạ lùng này và để có thể đưa ra những kiến nghị nhằm làm yên dân”.

A! A! Tôi chợt nhớ ra, tôi chợt nhớ ra vào ngày mùng 8 tháng 5 trước, tôi đã nhìn thấy một chiếc tàu ba cột buồm của Brazil đi ngang qua nhà tôi, khi tôi đang ngồi chơi ngắm sông từ cửa sổ phòng mình. Tôi nhìn thấy rằng con tàu đó rất đẹp, rất trắng, rất vui vẻ! Sinh vật vô hình có thể đã ở trên đó, đến từ đó, từ đó sinh sôi ra. Và nó đã nhìn thấy tôi! Nó đã nhìn thấy ngôi nhà cũng trắng toát của tôi! Và nó đã bay qua dòng sông vào nhà tôi. Ôi! Chúa ơi! Giờ thì tôi biết rồi, tôi đoán ra được rồi. Thời thống trị của con người đã kết thúc.

Nó đã đến, nó chính là cái mà tổ tiên con người từ thời hoang sơ đã sợ, cái mà những tu sĩ chuyên trừ tà ma lo lắng, nó chính là những gì mà con người đã dự cảm được và miêu tả như những mục phù thủy bay ngang qua màn đêm, rồi biến mất, được miêu tả như những tà ma, quái thú... mà con

người chỉ dự cảm thấy, chứ chưa bao giờ nhìn thấy một cách rõ ràng. Mermes đã đoán trước được điều đó và các bác sĩ đã từ mười năm nay khám phá ra một cách vô cùng rõ ràng rằng thiên nhiên có những sức mạnh siêu nhiên khác, mà một ngày nào đó nó sẽ có những vũ khí mới, nó sẽ thống trị linh hồn con người và biến con người thành nô lệ cho nó, bằng cách điều khiển mong muốn trong linh hồn con người. Và người ta gọi điều đó là thôi miên...

Tôi còn biết gì nữa nhỉ? Tôi đã thấy chúng chơi đùa với sức mạnh của mình như những đứa trẻ và rất khinh suất với sức mạnh khủng khiếp này! Bất hạnh thay cho chúng ta! Bất hạnh thay cho loài người! Nó đã đến, nó... biết gọi nó bằng cái tên gì bây giờ? Có vẻ như nó hét tên nó lên với tôi, tôi không nghe thấy... gì cơ.... gì.... nó hét tên nó lên... tôi chăm chú lắng tai nghe... tôi không thể nghe thấy... nhắc lại đi... Le... Horla... tôi đã nghe thấy... Le Horla... đúng nó rồi... Le Horla... nó đã tới!...

A! Con kền kền đã xơi con bồ câu; con sói đã ngoạm con cừu; con sư tử đã làm thịt con trâu vại bộ sừng sắc nhọn; con người đã giết chết con sư tử bằng tên, bằng kiếm, bằng súng; nhưng Le Horla sẽ khiến con người thành cái mà chúng ta đã làm với bò, ngựa; biến chúng ta thành vật sở hữu của nó, thành đầy tớ của nó, thành thức ăn của nó chỉ bằng sức mạnh làm biến đổi ý nguyện của chúng ta. Bất hạnh thay cho chúng ta!

Tuy nhiên, súc vật đôi khi cũng nổi loạn và giết chết chủ chúng... tôi cũng thế, tôi muốn... tôi sẽ có thể... nhưng cần phải nhận biết được nó, phải chạm được vào nó, phải nhìn thấy nó! Các nhà bác học đã nói rằng mắt của súc vật khác với mắt của con người, chúng không phân biệt được như mắt con người... và mắt tôi không thể phân biệt được kẻ mới đến đang dè dặt tôi, đang giày vò tôi.

Tại sao? Bây giờ tôi nhớ đến những lời của vị linh mục trên núi Saint Michel: “Liệu chúng ta có nhìn thấy hàng triệu vi sinh vật đang sống quanh ta không? Xem này, gió đẩy, một sức mạnh vô cùng to lớn trong thiên nhiên, gió hất ngã con người, đẩy đổ một tòa nhà, tróc rễ cây cổ thụ, hất nhào thuyền lớn, dâng nước ở biển lên, quật nát cả vách đá hoa cương. Gió tàn phá, gió gào, gió hét, gió gầm. Thế mà ngài có nhìn thấy gió không, ngài có

thể nhìn thấy gió không? Ấy thế nhưng nó vẫn tồn tại đấy thôi”. Và tôi lại nghĩ: mắt tôi yếu, kém đến nỗi không nhận ra nổi những thân thể rắn chỉ vì nó trong suốt như thủy tinh!... và rằng nếu một tấm kính trong suốt không tì vết cản đường chúng ta, chúng ta sẽ va đầu vào nó như những con chim vẫn lao vào cửa kính nhà chúng ta khi chúng muốn vào nhà. Ngoài ra còn có hàng nghìn điều khác thường, đánh lừa mắt ta, làm chúng ta nhầm lẫn. Vậy thì có gì phải ngạc nhiên, vậy phải chúng có một dạng cơ thể mới mà ánh sáng có thể đi qua được.

Một dạng sinh vật mới! Tại sao không? Chắc chắn là nó phải đến! Sao chúng ta có thể trở thành sinh vật cuối cùng được! Chúng ta không nhận biết được nó, cũng như những sinh vật được tạo ra trước chúng ta không nhận biết được ra chúng ta? Phải chăng đó là vì tư chất của nó hoàn hảo hơn, cơ thể nó uyển chuyển hơn, khéo léo hơn, nhanh hơn, mạnh hơn, bền vững hơn cơ thể vô cùng yếu đuối, vô cùng vụng về, cái cơ thể rất dễ bị tổn thương, đau yếu của chúng ta. Chúng ta sống như một cái cây, như một con thú tự nuôi sống mình một cách khó khăn bằng không khí, bằng cỏ cây và bằng thịt, cơ thể sống của chúng ta hay bị giày vò bởi bệnh tật, bởi sự biến dạng, bởi sự thối rữa. Thế nhưng chúng ta lại tự huyễn hoặc rằng chúng ta là sinh vật thông minh nhất, hoàn hảo nhất.

Trái đất đã qua biết bao sự chuyển hóa từ sinh vật thân nhũn đến con người. Tại sao không một lần nữa, một lần thực hiện một kỳ chuyển đổi, đưa những sinh vật hoàn hảo hơn thay thế những sinh vật kém cỏi hơn? Tại sao không một lần nữa? Tại sao không một lần nữa sản sinh ra những loài hoa có bông to hơn, rực rỡ hơn, thơm hơn những loài hoa hiện có trên Trái đất? Tại sao không xuất hiện những phần tử khác thay thế cho lửa, không khí, nước và đất? Bốn phần tử chủ yếu nuôi dưỡng, sản sinh ra sự sống, chỉ bốn phần tử, chẳng có gì khác ngoài bốn phần tử đó! Đáng thương hại làm sao! Tại sao không phải là bốn mươi, bốn trăm, bốn nghìn! Khốn khổ làm sao, ti tiện làm sao, hạ lưu làm sao!

Nhưng bạn nói đi, bạn bướm! Một bông hoa biết bay! Tôi đã mơ thấy một bông hoa lớn bằng cả trăm vũ trụ, với những cánh hoa mà tôi không thể tả hết được hình dạng to lớn đẹp đẽ lung linh sắc màu của chúng. Nhưng tôi

nhìn nó... nó đi từ ngôi sao này đến ngôi sao khác, làm mát những ngôi sao và ướp hương cho chúng khi đi ngang qua. Và những cư dân trên các vũ trụ khác từ trên cao nhìn chúng đi ngang qua đầy thích thú.

Vậy tôi có gì nào? Chính nó, nó, Le Horla, nó ám ảnh tôi, nó khiến tôi nghĩ đến những điều điên rồ! Nó ở trong tôi, nó trở thành linh hồn của tôi; Tôi sẽ giết nó!

### **Ngày 19 tháng 8**

Tôi sẽ giết nó. Tôi đã cảm nhận được nó! Tối qua khi tôi ngồi ở bàn và làm ra vẻ đang viết một cách rất chăm chú. Tôi biết rõ nó đang rình mò quanh tôi, rất gần tôi, gần đến nỗi mà tôi gần như có thể chạm được vào nó, bắt được nó. Tôi, tôi có sức mạnh của sự tuyệt vọng, tôi có đôi tay, đôi chân, có răng, có óc để bóp được cổ nó, đè nó xuống đất, cắn nó, xé nó. Và tôi rình mò nó với tất cả các giác quan căng ra.

Tôi đã đốt tất cả các đèn, nến mà tôi có trong nhà với hy vọng với ánh sáng chan hòa như thế tôi có thể tìm ra nó, trông thấy nó. Bên phải tôi là lò sưởi. Bên trái tôi là cửa ra vào mà tôi đã đóng lại rất cẩn thận sau khi để ngõ khá lâu để gây chú ý cho nó. Đằng sau tôi là chiếc tủ gương lớn mà hằng ngày tôi vẫn đứng trước nó để cạo râu, mặc quần áo, và tôi thường có thói quen liếc nhìn mình từ đầu đến chân mỗi khi đi qua nó. Thế là tôi làm ra vẻ như đang đọc sách để lừa nó; đột nhiên tôi cảm thấy, một cảm giác, rất rõ ràng nó đang đọc qua vai tôi, rõ ràng nó đang đứng đó, sượt cả vào tai tôi. Tôi đứng phắt dậy, giơ hai tay ra và quay ngoắt lại phía sau nhanh đến nỗi suýt ngã. Và thế là... tôi đứng đối diện với cái gương nhưng tôi không nhìn thấy mình trong gương! Chiếc gương hoàn toàn trong suốt, sáng loáng nhưng không hề có hình tôi trong đó mặc dù tôi đang đứng đối diện với gương... Tôi nhìn chiếc gương lớn, trong suốt từ đầu đến chân. Tôi trừng trừng nhìn gương, hoảng hốt đến mức không dám nghĩ đến chuyện tiến gần lại nó, cảm thấy rõ ràng giữa tôi và chiếc gương là nó và rằng nó vẫn trốn thoát khỏi sự tìm kiếm của tôi, nhưng cơ thể không thể nhìn thấy được của nó lại che được hình ảnh phản chiếu của tôi. Tôi sợ biết bao! Thế rồi tôi nhìn thấy hình ảnh của tôi, dần dần hiện lên trong gương, hình bóng của tôi dần hiện như đi đến từ trong sương mù, như đến từ làn nước. Và cũng giống như

sóng nước, hình bóng của tôi hiện dần lên trong gương từ trái sang phải, dần dần, từ từ, từng giây từng giây rõ nét dần lên. Cuối cùng hình tôi đã in rõ trong gương như mọi ngày tôi vẫn soi. Tôi đã nhìn thấy nó! Tôi vẫn phải chịu đựng nó, vẫn bị nó cầm tù.

### **Ngày 20 tháng 8**

Giết nó, nhưng giết bằng cách nào? Bởi tôi không thể chạm được vào nó? Bằng thuốc độc chẳng? Nhưng nó sẽ nhìn thấy tôi hòa thuốc độc vào nước, và lại liệu thuốc độc có tác dụng đối với một cơ thể không thể nhận thấy được không? Không... không... không có tác dụng gì là chắc rồi. Vậy thì làm cách nào bây giờ? Làm cách nào bây giờ?...

### **Ngày 21 tháng 8**

Tôi đã đến một xưởng làm sắt ở Rouen. Và tôi đề nghị họ làm cho tôi cửa chớp bằng sắt với lý do để chống trộm ngoài ra tôi cũng muốn cửa ra vào phòng tôi cũng phải bằng sắt. Họ sẽ làm cho tôi. Tôi tự cho rằng mình là một kẻ nhát gan và tôi tự chế giễu mình vì điều đó.

### **Ngày 10 tháng 9**

Rouen, khách sạn Continental. Đã làm rồi... đã làm rồi... nhưng nó chết chưa? Tôi bối rối trước những gì tôi đã thấy.

Hôm qua, thợ sắt đã đưa đến cho tôi cửa chớp và cửa ra vào bằng sắt mà tôi đã đặt làm, tôi lắp chúng vào phòng tôi, sau đó tôi để ngỏ cửa tới tận nửa đêm dù trời đã bắt đầu có gió lạnh.

Đột nhiên tôi cảm thấy nó đang ở đó, vui mừng, tôi cảm thấy trong tôi đang bùng lên một niềm vui rồ dại. Tôi từ từ đứng dậy, rồi tôi đi đi lại lại trong phòng rất lâu, để nó không thể đoán được tôi đang định làm gì; rồi tôi cởi bỏ ủng ra, xỏ chân vào giày một cách cầu thả; tôi đóng cửa chớp bằng sắt lại, rồi bước những bước chậm rãi đến bên cửa ra vào, tôi đóng nốt nó lại rồi khóa hai lần khóa. Rồi lại dạo bước đến bên cửa sổ, tôi chốt nó lại, khóa vào rồi đút chìa vào túi.

Tôi cảm thấy nó đang cuống lên, nó đang lượn quanh tôi, nó sợ. Nó ra lệnh cho tôi mở cửa thả nó ra, tôi suýt vâng lệnh nó; nhưng rồi tôi kiềm chế lại được. Tôi ngồi dựa lưng vào cửa, tôi hé mở cửa ra một lối nhỏ vừa đủ để có thể đi lọt qua, rồi tôi đứng lại đó, tôi khá cao nên đầu tôi chạm cả vào

khung trên của cửa, thế nên tôi tin chắc rằng nó không thể chuồn ra được. Tôi đang nhốt nó, tôi đã nhốt nó lại được. Còn gì vui hơn! Tôi đã tóm được nó rồi! Đóng cửa lại, tôi đi ra, lấy đèn ở phòng khách và phòng ngủ của mình rồi tưới dầu trong bình dầu đèn lên thảm, lên tủ, lên bàn ghế, tôi tưới dầu khắp nhà; rồi tôi châm lửa đốt. Tôi phải tự cứu mình, sau khi đã tự khóa hai lớp khóa cửa ra vào.

Tôi bỏ chạy và trốn ở tận góc sâu trong vườn nhà, trong một bụi cây thẳng. Thời gian mới dài làm sao! Đêm tối đen như mực, im phăng phắc, bất động; không một ngọn gió, không một ngôi sao, những núi mây mà người ta không hề nhìn thấy nhưng luôn đè nặng lên tâm hồn con người một sự nặng nề khó chịu, rất khó chịu.

Tôi nhìn nhà mình và đợi. Thời gian trôi mới lâu làm sao! Tôi đã tin rằng hần lửa đã tắt ngấm đi mất rồi, hay nó đã dập lửa rồi. Nó, khi một trong những cánh cửa sổ ở dưới bắt cháy rồi rơi xuống, và một ngọn lửa, một ngọn lửa lớn cháy sáng liếm lên tường trắng rồi leo rất nhanh lên mái. Một tia lửa nhỏ chạy từ trong quầng lửa thẳng ra vườn, chạy vào lùm cây, leo lên cành cây, luồn vào lá cây, và một cơn rét run, một cơn rét run sợ hãi lan tỏa khắp người tôi.

Những con chim giạt mình thức giấc bay táo tác. Một con chó tru lên; có vẻ như sắp sáng. Rồi hai cánh cửa sổ khác cũng mở toang ra, giờ đây toàn bộ tầng dưới của nhà tôi đã trở thành một lò than đang cháy rùng rục. Rồi một tiếng kêu, một tiếng kêu kinh hoàng, chói tai, xé lòng vang lên, một giọng phụ nữ xé toang màn đêm, cửa tầng áp mái mở toang ra! Ôi, tôi đã quên những người làm của mình. Tôi nhìn thấy khuôn mặt kinh hoàng của họ và những cánh tay chới với của họ...

Thế là cuống cuồng kinh hoàng, tôi chạy về phía làng, vừa chạy vừa hét: “Cháy! Cháy! Cứu với! Cứu với!” Tôi trình bày cho những người đã chạy tới và cùng họ quay trở về để nhìn!

Giờ đây, căn nhà chẳng còn gì nữa, nó đang cháy rùng rục như một khúc củi khổng lồ, một khúc củi quái gở, chiếu sáng khắp cả một vùng, một khúc củi đang thiêu cháy những người còn đang mắc lại trong đó, một khúc củi

đang thiêu cháy Nó, Nó, kẻ cai ngục của tôi, Sinh vật mới, Người chủ mới, Le Horla!

Mái nhà sụp xuống và một cột lửa phụt lên tới tận trời đêm. Nhìn ngôi nhà đang bốc cháy ngùn ngụt, tôi cho rằng nó đang ở trong đó, trong lò lửa đó, trong lò thiêu đó, đã chết...

“Chết rồi sao? Có thể thế không?... Có thể giết chết được cái thân thể vô hình trong suốt của nó không? Nếu nó không chết thì sao? Liệu nó có thể bị phá hủy được không? Nó có một cơ thể vô hình, một cơ thể của Thánh thần, nhưng liệu nó có sợ cái xấu, sợ bị thương, sợ bị chết non? Bị chết non? Mọi con người đều sợ bị chết non! Quá trình tiến hóa có tiếp tục? Sau con người là Horla. Sau con người, một giống loài có thể chết bất cứ lúc nào, bất cứ khi nào, bất cứ ở đâu, bởi bất cứ một tai nạn nào xảy đến, là một giống loài khác, một giống loài chỉ chết vào đúng ngày đúng tháng đã được định trước. Không!... Không!... không nghi ngờ gì nữa, không nghi ngờ gì nữa... nó chưa chết. Vậy thì... vậy thì... chỉ còn mỗi một cách... duy nhất một cách... giết chính tôi đi, giết chính tôi...”



# CÁI TAY KHÔ

Vào một tối cách đây khoảng tám tháng, Louis, một trong những người bạn của tôi, tụ tập một vài người bạn học từ thuở nhỏ tại nhà. Chúng tôi cùng nhau uống rượu mạnh, hút thuốc và bàn về văn học, thơ ca, tranh phú. Cũng như mọi cuộc vui của đám thanh niên, thỉnh thoảng lại nổ ra một trận cười vì ai đó trong chúng tôi lại kể một chuyện vui, tếu táo. Đột nhiên cánh cửa mở toang, một cậu bạn lao vào như một cơn gió. “Đoán xem tôi vừa ở đâu về nào?” vừa vào cậu ta vừa hỏi.

“Tôi cá là cậu vừa về từ vũ hội hóa trang của cô nàng Mabelle.” Một người trả lời.

“Không, trông cậu có vẻ rất cao hứng, chắc là cậu vừa mượn được tiền của ai đó, hoặc là vừa chôn cất một ông chú ông bác nào đó, người cho cậu một khoản thừa kế kha khá hay cậu vừa đặt được chiếc đồng hồ với một giá hời.” Một người khác đoán.

“Cậu vừa làm một cốc ở đâu đó và bây giờ cậu đang chếch choáng say,” người thứ ba đập lại, “và cậu ngửi thấy mùi rượu thơm lừng ở nhà Louis nên cậu đến đây để lại tiếp tục chén tạc chén thù chứ gì?”

“Các cậu sai bét, tôi vừa về từ nhà P... ở Normandie, tôi đã ở đó tám ngày và xem tôi mang gì về từ đó đây này.” Vừa nói cậu ta vừa rút từ trong túi ra một cái tay khô.

Cái tay này rất đáng sợ, đen sì, khô cong, rất dài và như thể co quắp lại vì đau, những cơ bắp bằng một cố gắng phi thường đã giữ chặt với nhau như những dải dây bằng da thuộc, những móng tay vàng ệch, hẹp, vẫn còn lại trên đầu các ngón tay; tất cả những cái đó khiến người ta liên tưởng tới một cái gì đó tàn ác.

“Các cậu biết không,” Anh bạn tôi kể, “người ta bán những di vật của một phù thủy già nổi danh trên khắp vùng; thứ bảy nào ông ta cũng cười trên cán

chối tới lễ hội phù thủy, ông vừa đi vừa làm phép, cả phép tốt lành lẫn phép xấu xa, ông ta khiến sữa bò trở thành màu xanh và khiến cho đuôi bò ngắn tũn như đuôi lợn. Trong số những di vật được bán có bàn tay này, bàn tay của một tên tội phạm nổi tiếng đã bị kết án tử hình năm 1736 vì hắn đã chặt đầu bà vợ hợp pháp của hắn rồi vứt cái đầu xuống giếng và mang cái xác treo lên gác chuông nhà thờ mà tại nhà thờ này đức giám mục đã làm lễ cưới cho hắn ta. Sau hai kỳ tích này, hắn đã bắt cóc mười hai nhà thám hiểm, xông khói khoảng hai chục thầy tu trong chăn của họ và làm một hậu cung trong một nhà thờ tôn giáo.”

“Nhưng cậu làm gì với cánh tay khủng khiếp này.” Một người kêu lên.

“Ờ tất nhiên, tôi sẽ treo cái tay khô này vào dây kéo chuông để dọa các chủ nợ của tôi.”

“Bạn thân mến của tôi,” Henri Smith, một người Anh cao lớn, điềm tĩnh nói “tôi tin rằng bàn tay này đơn giản là tay của một người da đỏ còn trẻ, tôi khuyên cậu đừng có lấy nó mà nấu canh.”

“Các cậu đừng có đùa,” Một sinh viên trẻ ngành y nói một cách lạnh lùng “và cậu, Pierre, nếu tôi có thể khuyên cậu, thì tôi khuyên cậu hãy chôn bàn tay này theo đúng thể thức của những người theo đạo Cơ Đốc đi. Nếu không tôi sợ rằng chủ nhân của cái tay này sẽ theo cậu mà đòi lại cái gì của nó đấy. Và rồi tôi sợ là cái tay này sẽ mang đến cho cậu những điều không may, vì cậu biết đấy đã có câu thành ngữ: ‘Ai đã giết người một lần sẽ giết người lần nữa’.”

“Ai đã uống sẽ uống nữa”. Chủ tiệc tiếp lời.

Và cậu ta rót cho cậu sinh viên một cốc rượu đầy, một cậu khác làm một hơi cạn cốc và ngã bịch xuống gầm bàn, say như chết. Cú ngã khiến cho bàn tiệc bùng lên những tiếng cười ầm ĩ, Pierre giơ cao ly rượu chào bàn tay, anh ta gào lên: “Ta uống, vì chuyến viếng thăm sắp tới của chủ người”, rồi mọi người nói qua chủ đề khác và một lúc sau mọi người lục tục ai về nhà người đó.

Ngày hôm sau, nhân thể đi ngang qua nhà anh ta, tôi rẽ vào chơi với anh ta một lúc, lúc đó vào khoảng hai giờ chiều, tôi thấy anh ta đang vừa đọc chuyện vừa hút thuốc. Tôi hỏi:

“Chào cậu, cậu khỏe chứ?”

“Rất khỏe.”

“Thế bàn tay khô của cậu sao rồi?”

“Bàn tay khô của tôi ấy hả, hẳn nhiên là cậu phải nhìn thấy nó rồi, vì hôm qua khi về đến nhà tôi đã gắn nó vào dây kéo chuông cửa nhà tôi. Nhân thế tôi kể cho cậu nghe, cũng hôm qua một tên đàn độn nào đó, hẳn là muốn đùa nhà đến kéo chuông cửa nhà tôi ầm lên vào lúc nửa đêm; và khi tôi hỏi ai đó thì chẳng có ma nào trả lời cả. Tôi cũng chả buồn quan tâm và tôi quay lại giường đi ngủ.”

Đúng lúc đó, có tiếng chuông cửa, đó là ông chủ nhà, một tuýp người cục mịch và thô thiển. Ông ta vào mà không buồn chào ai.

“Này ông,” Ông ta nói với bạn tôi “ông hãy bỏ ngay cái thứ hôi thối mà ông treo ở trên dây kéo chuông ở cửa phòng ông đi, nếu không tôi sẽ buộc phải hủy bỏ hợp đồng thuê nhà với ông.”

“Nhưng thưa ông,” Cậu bạn Pierre trả lời với đầy vẻ nhã nhặn “ông đã xúc phạm một bàn tay mà nó không đáng bị thế, ông có biết rằng nó vốn thuộc về một người đàn ông mạnh mẽ và rất có giáo dục.”

Ông chủ nhà không buồn trả lời, quay gót bỏ đi cũng đột ngột hết như cái cách khi ông ta vào. Pierre đi theo ông ta, anh tháo cái tay ra và mang nó buộc vào cái chuông treo trong hốc cạnh giường ngủ.

“Thế này thì hơn,” Anh nói “và tôi nghĩ sự có mặt của nó ở đó sẽ như sự có mặt của một thầy tu dòng Cister - một dòng tu nổi tiếng vì sự hà khắc đối với lỗi lầm của kẻ khác, nó sẽ nhắc nhở tôi, gợi cho tôi phải có những ý nghĩ nghiêm chỉnh khi ngủ.”

Khoảng một tiếng sau, tôi rời khỏi nhà anh ta và về nhà.

Đêm đó, tôi rất khó ngủ, tôi cảm thấy nóng ruột, cáu kỉnh; nhiều lần tôi giật mình thức giấc trong đêm, thậm chí có những lúc tôi tưởng như có ai đó ở trong nhà tôi khiến tôi phải bật dậy, ngó hết gầm bàn, gầm tủ, mọi xó xỉnh trong nhà. Cuối cùng vào khoảng sáu giờ sáng, khi tôi bắt đầu thiu thiu ngủ, một tiếng gõ cửa mạnh và vội vã khiến tôi bật dậy. Đó là người giúp việc của bạn tôi, quần áo xộc xệch, xanh xao và run rẩy.

“A! Ông đây rồi!” Anh ta kêu lên rồi bật khóc “Ông chủ khốn khổ của tôi đã bị người ta ám sát.”

Tôi mặc vội quần áo và chạy đến nhà Pierre. Ngôi nhà đầy người, mọi người thi nhau bàn tán, bình luận, đoán già đoán non xem chuyện gì đã xảy ra...

Rất khó khăn tôi mới đến được cửa phòng ngủ, cửa vẫn đang được đóng chặt, tôi xưng tên, người ta để tôi vào. Bốn viên cảnh sát đang đứng ở giữa phòng, sổ trên tay, họ kiểm tra, thỉnh thoảng khẽ khàng trao đổi và ghi chép; hai bác sĩ đang đứng gần giường của Pierre, trên giường. Pierre nằm sõng soài, bất tỉnh. Anh ta chưa chết, nhưng sắc mặt đầy vẻ kinh hoàng, đôi mắt anh ta mở to hết cỡ, đồng tử giãn rộng có vẻ như chăm chăm nhìn vào một điều gì đó rất khủng khiếp, khó tin, kỳ lạ, những ngón tay của anh ta co quắp lại, cơ thể anh ta, kể từ cằm trở xuống được phủ kín trong một tấm ga trải giường. Tôi nhấc tấm ga trải giường ra, và tôi thấy trên cổ anh ta hẳn rõ năm vết ngón tay, một vài giọt máu giây trên áo sơ-mi của anh ta. Có điều gì đó khiến tôi bỗng nhìn lên cái chuông ở hốc đầu giường của anh ta, cái tay khô không còn ở đó nữa. Hẳn các bác sĩ đã mang nó đi để không gây khiếp sợ cho những ai vào phòng của người bị thương bởi cái tay này thật sự trông rất sợ.

Hôm sau, trên báo có đăng một bài tường thuật vụ án với tất cả các chi tiết được cung cấp từ cảnh sát. Và đây là những gì người ta đã đăng:

“Một vụ ám sát khủng khiếp đã diễn ra ngày hôm qua, nạn nhân là một thanh niên trẻ tên Pierre. B, sinh viên trường Luật, con trai của một trong những gia đình danh giá nhất Normandie. Pierre trở về nhà lúc mười giờ đêm, anh than phiền với ông Bouvin, người hầu của anh, rằng anh mệt, sau đó lên giường nghỉ ngay. Vào lúc nửa đêm, ông Bouvin bị đánh thức một cách đột ngột bởi tiếng chuông phát ra từ phòng ông chủ, tiếng chuông rung lên như thể người lắc chuông lắc nó với một sự thịnh nộ khủng khiếp. Ông Bouvin cảm thấy sợ, ông đốt đèn lên và chờ đợi; tiếng chuông ngừng khoảng một phút rồi lại tiếp tục rung lên còn mạnh hơn trước khiến ông Bouvin cuống cuồng vì sợ hãi, chạy ra khỏi phòng xuống đánh thức người gác cửa, và ông này đã vội gọi ngay cho cảnh sát, mười lăm phút sau, hai

nhân viên cảnh sát đã phá cửa để vào được phòng. Một cảnh tượng kinh hoàng bày ra trước mắt mọi người, đồ đạc bị hất đổ lung tung chứng tỏ đã có một cuộc vật lộn ghê gớm giữa nạn nhân và kẻ sát nhân.

Giữa phòng, Pierre nằm ngửa, chân tay cứng đờ, mặt tái mét, mắt mở to hết cỡ đầy vẻ kinh hoàng; trên cổ hằn sâu năm vết ngón tay. Theo báo cáo của bác sĩ Bourdeau, người ngay lập tức đã được mời đến khám nghiệm tử thi, thì kẻ sát nhân phải có một sức khỏe siêu phàm và có một bàn tay gầy gò, khỏe một cách kỳ lạ, bởi vết những ngón tay để lại hằn sâu như lỗ bi trên da thịt nạn nhân. Không ai biết động cơ của kẻ giết người là gì, và cũng chưa có một manh mối gì về kẻ giết người. Cảnh sát đang tiếp tục điều tra”.

Hôm sau nữa, cũng trên tờ báo đó:

“Pierre, nạn nhân của vụ án khủng khiếp mà chúng tôi đã đưa tin ngày hôm qua, đã tỉnh lại sau hai giờ điều trị tận tâm của bác sĩ Bourdeau, nạn nhân đã qua cơn nguy kịch nhưng trí não của anh ta bị chấn động mạnh và có khả năng không hồi phục lại được, cảnh sát vẫn chưa có một chút manh mối nào về kẻ phạm tội”.

Thật vậy, cậu bạn tội nghiệp của tôi đã phát điên; trong suốt sáu tháng, ngày nào tôi cũng vào bệnh viện thăm anh ta, nhưng bệnh điên của anh không có vẻ gì thuyên giảm. Như mọi người điên khác, anh ta tin chắc rằng có một bóng ma đang bám riết lấy anh ta, trong cơn mê sảng, anh thường nói những điều rất lạ lùng.

Một hôm có người chạy đến tìm tôi và báo cho tôi rằng bệnh tình của anh ta đang rất nguy kịch, khi tôi đến thì anh ta đang hấp hối.

Trong suốt hai tiếng đồng hồ, anh nằm thiêm thiếp, rồi đột nhiên, anh ta ngồi bật dậy, vừa kêu vừa khua hai tay lên như thể chống chọi với một kẻ nào đó rất đáng sợ: “Giữ nó đi! Giữ nó đi! Hẳn bóp cổ tôi, cứu tôi với! Cứu tôi với!” Anh ta chạy hai vòng quanh phòng, vừa chạy vừa gào thét, rồi ngã gục xuống, mặt úp xuống đất, chết ngay lập tức.

Anh ta không có người thân ở đây và bởi tôi cùng quê với anh ta nên tôi phải lãnh trách nhiệm đưa thi hài anh về ngôi làng nhỏ ở vùng Normandie, nơi bố mẹ anh cũng được chôn tại đó. Đó cũng chính là nơi mà từ đó anh ta

đã đến thẳng nhà Louis để uống rượu cùng chúng tôi, và khoe về bàn tay khô.

Thi hài của anh ta được đặt trong một chiếc quan tài bằng chì, chuyến đi kéo dài suốt bốn ngày, đi theo hộ tống quan tài chỉ có tôi và một vị linh mục già, người sẽ đọc kinh cầu siêu cho anh ta khi hạ huyệt.

Hôm đó là một ngày đẹp trời, bầu trời xanh thắm với những đám mây trắng lững lờ trôi, chim hót véo von trong những cây ngầy ở triền dốc. Nơi đó, thuở thơ bé, biết bao lần tôi và Pierre đã đến hái quả ngầy chín về ăn.

Tôi còn như thấy rõ bóng anh ta lén qua hàng rào bằng một lỗ nhỏ ở hàng rào mà chúng tôi biết rất rõ, sát cạnh rẻo đất mà người ta chôn những người đã chết. Rồi chúng tôi về nhà, môi và má đen xỉ vì dính nhựa quả ngầy; tôi nhìn lên hàng cây ngầy, chúng trĩu qua; một cách máy móc, tôi với lấy một quả và cho vào miệng.

Ông linh mục mở quyển Kinh và bắt đầu lầm rầm cầu nguyện cho Pierre. Tôi nghe thấy những nhát cuốc đầu tiên của những người phu đào mộ. Đột nhiên, họ gọi chúng tôi, vị linh mục đóng quyển sách của ông lại, và chúng tôi đi ra xem họ cần gì. Hóa ra họ đã đào phải một quan tài. Bằng một nhát cuốc, họ phá tung nắp ván thiên và lộ ra trước mắt chúng tôi một bộ xương rất dài, nằm ngửa, hốc mắt sâu hoắm của bộ xương như đang nhìn chăm chăm vào chúng tôi đầy thách thức. Tôi bỗng cảm thấy ngạt thở, không hiểu tại sao nhưng tôi bỗng cảm thấy sợ.

“Xem này,” Một người kêu lên “tên khốn này còn bị chặt tay cơ, và đây là tay của hắn.”

Và anh ta nhặt lên một bàn tay khô đét được đặt cạnh bộ xương lên cho chúng tôi xem.

“Này,” Một người khác vừa nói vừa cười “nó đang nhìn mày đấy và nó sắp nhảy lên bóp cổ mày để đòi lại cái tay của nó bây giờ.”

“Thôi nào các bạn,” Ông linh mục nói “hãy để cho người chết được yên, bây giờ hãy đóng quan tài lại cho người này và chúng ta sẽ tìm chỗ khác cho Pierre khốn khổ.”

Hôm sau việc chôn cất đã xong xuôi, tôi lên đường trở về Paris sau khi để lại năm mươi frăng nhờ ông linh mục già đọc kinh cầu siêu cho người đàn

ông mà chúng tôi đã vô tình phạm vào mộ phần của anh ta.

# SỰ XUẤT HIỆN

Trước đây chúng tôi thường có những buổi họp mặt thân mật, lúc ở nơi này, lúc ở nơi khác. Và trong các buổi họp mặt đó chúng tôi thường kể cho nhau nghe những câu chuyện ly kỳ nhưng phải có thật. Trong một buổi họp mặt thân mật tại khách sạn P ở phố Grenelle, nhân bàn tán về một vụ kiện đang khiến báo chí thời đó mất rất nhiều giấy mực, vụ án liên quan đến cô M, bị chính em trai mình nhốt giữ trong một bệnh viện tư nhằm chiếm đoạt tài sản của cô, ông hầu tước già vùng Samuel, khoảng tám hai tuổi, đứng dựa vào lò sưởi, nói bằng một giọng run run:

“Tôi có một chuyện rất lạ, cực kỳ lạ, nó đã ám ảnh suốt cuộc đời tôi, cho tới nay đã là năm mươi năm, không ngày nào tháng nào tôi có thể quên được nó. Kể từ hôm biến cố đó xảy đến với tôi, quanh tôi luôn có những dấu hiệu, những dấu vết khiến tôi sợ hãi, các ngài có hiểu điều tôi nói không? Vâng, tôi đã phải chịu đựng nỗi lo sợ khủng khiếp đó trong suốt mười phút, chỉ mười phút mà nỗi sợ đó đã trở thành nỗi ám ảnh suốt cuộc đời tôi, nó luôn thường trực trong tim trong óc tôi. Những tiếng động bất ngờ cũng khiến tôi giật thót mình, những đồ vật lơ lờ trong đêm khiến tôi luôn hoảng hốt muốn phát điên lên. Cuối cùng tôi trở nên sợ tối, sợ đêm.

Ồ! Tôi đã chẳng dám thú nhận điều đó nếu tôi còn chưa tới được độ tuổi như bây giờ. Giờ đây, điều gì tôi cũng có thể nói ra được. Khi người ta đã tám mươi hai tuổi, người ta không còn ngượng khi thấy mình không đủ can đảm trước những nguy hiểm ảo tưởng. Trước những hiểm nguy có thật, thưa các bà, các cô, tôi không bao giờ lùi bước.

Câu chuyện này đã khiến đầu óc tôi xáo trộn biết bao, nó khiến tôi vô cùng bối rối, lo sợ, bế tắc đến nỗi tôi chưa bao giờ dám kể nó cho bất cứ ai nghe. Tôi đã giữ kín nó trong lòng như thể giữ kín một bí mật đau buồn, đáng xấu hổ, không thể tỏ bày cho tới khi xuống mộ.



Tôi sẽ kể lại cho các bạn nghe về biến cố đó, không thêm, không bớt, không cố gắng giải thích gì thêm. Đương nhiên biến cố đó có thể giải thích được, ít nhất thì tôi cũng đã có những giờ khắc điên rồ. Nhưng không, tôi chưa bao giờ điên, tôi có thể chứng minh điều đó. Hãy tưởng tượng những gì bạn muốn, và đây là tất cả sự kiện, rất giản đơn.

Đó là vào tháng Bảy năm 1827, lúc đó tôi đang trong quân ngũ, và đóng quân ở Rouen.

Một hôm, khi tôi đang dạo chơi trên bến cảng, tôi gặp một người đàn ông, tôi cảm tưởng là tôi quen anh ta cho dù tôi chưa nhớ được ra quen ở đâu và anh ta là ai. Theo bản năng tôi dừng lại, người đàn ông lạ nhận thấy cử chỉ đó của tôi, anh ta nhìn tôi rồi nhào vào vòng tay tôi.

Hóa ra đó là một người bạn thuở thiếu thời mà xưa kia từng rất thân thiết đối với tôi. Chúng tôi đã không gặp nhau từ năm năm nay. Anh ta có vẻ già đi đến năm mươi tuổi. Tóc anh ta bạc trắng, và anh ta đi với cái lưng còng xuống như thể vô cùng mệt mỏi. Anh ta hiểu ngay cái nhìn ngạc nhiên của tôi và anh ta kể cho tôi nghe chuyện đời anh, kể về nỗi bất hạnh khủng khiếp đã giáng xuống cuộc đời anh ta.

Anh ta yêu cuồng ai một thiếu nữ, ngất ngây trong hạnh phúc khi lấy được nàng, sau một năm cuồng say trong hạnh phúc siêu thực, nàng chết vì trụ tim; hẳn nhiên là tình yêu cuồng si của anh ta đã giết chết nàng.

Ngay sau hôm mai táng, anh rời bỏ tòa lâu đài hạnh phúc của họ, đến sống ở khách sạn Rouen. Anh sống ở đó một mình, đơn độc, tuyệt vọng, gặm nhấm nỗi đau, không còn thiết gì hết và chỉ nghĩ cách tự tử.

“Nhân thế gặp được cậu, anh ta nói với tôi, tôi có thể nhờ cậu giúp tôi một chút được không? Tôi muốn nhờ cậu vào phòng ngủ của tôi, vào phòng ngủ của chúng tôi, lấy hộ tôi những giấy tờ quan trọng mà tôi đang rất cần ở trong tủ bàn giấy. Tôi không thể nhờ thuộc hạ của tôi làm điều đó bởi đó là một bí mật mà tôi không muốn họ biết, không muốn họ tiết lộ. Còn tôi, không có một thứ gì trên thế giới này khiến tôi quay trở về căn nhà đó nữa. Tôi sẽ đưa chìa khóa phòng cũng như chìa khóa tủ cho cậu. Hãy nói với ông gác cửa là tôi nhờ anh đến, ông ấy sẽ mở cửa cho cậu. Nhưng trước hết trưa mai hãy đến dùng cơm với tôi, chúng ta sẽ hàn huyên lâu hơn.”

Tôi hứa sẽ giúp anh ta việc nhỏ mọn đó, và lại với tôi đó cũng sẽ chỉ như một chuyến đi dạo vì lâu dài của anh ta cách Rouen khoảng năm dặm. Tôi sẽ chỉ mất khoảng một giờ cưỡi ngựa để đến đó.

Mười giờ sáng hôm sau, tôi đã ở nhà anh ta. Chúng tôi cùng ăn trưa; nhưng anh ta không nói quá ba câu với tôi. Anh xin lỗi tôi vì sự kiêu lời của anh vì anh đang nghĩ đến căn phòng hạnh phúc xưa, nơi tôi sắp đến, và điều đó khiến anh rối bời - anh giải thích như thế với tôi. Quả thật anh ta tỏ ra bồn chồn, lo lắng, như thể có một gì đó đang vò xé trí não, tâm hồn anh.

Cuối cùng anh ta chỉ dẫn chính xác những gì tôi sẽ phải làm.

“Rất đơn giản, tôi cần hai tập thư và một bó giấy để ở trong ngăn kéo trên cùng, bên phải trong tủ mà tôi đã đưa chìa khóa cho cậu.” Anh ta thêm vào “Hắn tôi không cần nhắc cậu đừng lục lọi gì cả.”

Câu nói đó khiến tôi méch lòng, tôi tỏ vẻ khó chịu. Anh ấp úng:

“Xin lỗi cậu, tôi đau khổ quá.” Và anh ta òa lên khóc. Một giờ sau tôi lên đường hoàn thành sứ mạng được giao.

Đó là một ngày đẹp trời, ngựa phi nước kiệu, tôi băng qua đồng cỏ, vừa đi vừa nghe chim hót líu lo, tiếng thanh kiếm gõ nhịp vào đôi ủng đi ngựa. Khi vào đến rừng, tôi thả lỏng cương, băng những bước thung dung, tôi vừa đi vừa ngắm cảnh. Những cành cây ve vượt khuôn mặt tôi, thỉnh thoảng có chiếc lá chạm vào răng tôi, tôi liền ngoạm lấy nó và nhai trong miệng một cách thích thú. Tôi cảm thấy vui thú, niềm vui sống tràn ngập trong tôi, cảnh đẹp ở đây khiến tôi ngây ngất như say.

Đến gần lâu đài, tôi lục tìm phong thư giới thiệu để đưa cho người làm vườn, và tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy nó đã được gắn xi. Tôi ngạc nhiên và bất bình đến nỗi tôi suýt quay về và không hoàn thành sứ mạng bạn tôi đã nhờ. Nhưng rồi tôi nghĩ có lẽ không hẳn như tôi tưởng. Anh bạn tôi hẳn đã làm chuyện đó theo thói quen mà không có ý gì.

Trang viên có vẻ như bị hoang phế từ hai mươi năm nay. Cổng hàng rào mở toang và mục nát, không hiểu sao nó vẫn còn đứng được mà chưa sụp xuống, cỏ phủ kín lối đi; người ta chẳng còn phân biệt được đâu là bồn hoa đâu là thảm cỏ nữa.

Nhìn thấy một cửa bên cũ kỹ, hoang phế, tôi lấy chân đạp vào cửa và tiếng kẹt cửa khiến một người đàn ông lộ đầu ra từ một cửa bên cạnh, ông ta sững sờ nhìn tôi. Tôi nhảy xuống và đi ra chỗ ông ta, đưa cho ông ta lá thư giới thiệu. Ông ta đọc thư, đọc lại một lần nữa, gấp nó lại, nhìn tôi kỹ càng từ đầu đến chân, để thư vào túi và bảo:

“Ờ! Ông cần gì nhi?”

Tôi trả lời một cách cẩu kính:

“Ông phải biết chứ, vì ông đã nhận được lệnh của chủ ông trong thư rồi mà; tôi muốn vào lâu đài.”

Ông ta có vẻ rùng rờ, ông hỏi lại:

“VẬY... vậy là ông vào... vào phòng ngủ của ông ấy?”

Tôi bắt đầu sốt ruột:

“Mẹ kiếp! Ông định cứ đứng mãi đây mà tra xét tôi sao?”

Ông ta ập úng:

“Ồ không... thưa ông... là vì.... là vì căn phòng đó không được mở ra kể từ khi... kể từ khi cô ấy... cô ấy chết. Nếu có thể, ông đợi tôi vài phút, tôi sẽ đến... đến xem xem liệu...”

Tôi ngắt lời ông ta một cách giận dữ:

“A, thế sao, ông trêu tôi đấy à? Ông không thể vào đó được vì ông làm gì có chìa khóa, nhìn đây này, chìa đây này.”

Ông ta đành nói:

“VẬY thì, thưa ông, để tôi chỉ đường cho ông.”

“Chỉ cho tôi cầu thang lên, và sau đó để tôi được yên, tôi sẽ tự tìm ra nó.”

“Nhưng... thưa ông... tuy nhiên...”

Lần này thì tôi không kiềm chế được nữa:

“Ông im đi cho tôi, được không? Hay ông thay tôi làm việc tôi phải làm.”

Tôi gạt ông ta ra một cách thô bạo và tôi đi vào trong nhà, tôi đi qua bếp, qua hai phòng ở của người gác vườn và vợ ông ta. Tôi băng qua tiền sảnh, lên gác và tìm ngay thấy cái cửa mà bạn tôi đã tả. Tôi mở nó không khó khăn gì và bước vào trong phòng.

Căn phòng tối đến nỗi khi mới vào tôi chẳng nhìn thấy gì hết. Tôi ngừng lại, ngửi thấy mùi ẩm mốc của một căn phòng không có người ở, bị đóng kín

cửa từ lâu, một căn phòng chết. Dần dần, mắt tôi quen dần với bóng tối, tôi nhận thấy đây là một phòng ngủ lớn, lộn xộn với một cái giường không có khăn trải giường, nhưng lại đầy gối ngủ, gối ôm. Một cái trong số chúng vẫn còn trũng xuống như thể ai đó vừa gối đầu lên.

Đồ đạc để lung tung, tôi để ý đến một cái cửa, hẳn đó là cửa tủ quần áo, nó vẫn đang hé mở.

Trước tiên, tôi đến bên cửa sổ với ý định mở nó ra để không khí, ánh nắng bên ngoài có thể ulla vào; nhưng cái móc sắt gỉ hoen đến nỗi tôi không thể nhấc nó ra để đẩy cửa sổ được. Tôi cố thử bậy nó, bẻ nó bằng thanh kiếm của tôi nhưng cũng chẳng làm được gì. Bực bội vì không mở được cánh cửa chết tiệt nhưng vì mắt tôi giờ đã hoàn toàn quen với bóng tối nên tôi bỏ ý định mở cửa sổ. Tôi đi tới tủ bàn giấy.

Tôi ngồi vào một cái ghế bành, tựa vào một chiếc bàn nhỏ, mở cái ngăn kéo bạn tôi đã chỉ dẫn. Nó đầy chật, tôi chỉ phải tìm ba bó giấy mà bạn tôi đã tả rất kỹ cho tôi. Tôi bắt tay vào việc tìm kiếm.

Tôi đang chăm chú nhìn các địa chỉ ghi trên phong bì thư thì cảm thấy có một cái gì đó sượt qua sau tôi. Tôi không để ý lắm vì nghĩ rằng có thể đó là một luồng gió làm lay động các màn treo. Nhưng một phút sau, lại có một cái gì đó rất khó nhận thấy lướt nhẹ qua da khiến tôi rùng mình. “Thật vớ vẩn và ngu ngốc”, tôi tự nhạo báng tính nhát gan của mình. Tôi đã tìm ra được bó giấy thứ hai cần tìm, và đúng lúc tôi tìm được bó thứ ba thì tôi nghe thấy có tiếng thở dài đầy buồn nản cất lên sát vai tôi. Giật thót mình, tôi vừa nhảy vọt ra khỏi ghế đang ngồi vừa nắm lấy chuôi kiếm. Tôi thầm cảm ơn thánh thần vì đã mang theo nó bởi nếu không có nó hẳn tôi đã bỏ chạy như một thằng hèn.

Một phụ nữ mặc toàn đồ trắng đang đứng ngay sau cái ghế bành mà tôi vừa ngồi một giây trước đang nhìn tôi. Một cơn rùng mình lan khắp người tôi, choáng váng, tôi suýt ngã ngửa! Ôi! Không ai có thể cảm nhận được điều đó trừ những người đã từng trải qua cảm giác đó, cảm giác của một nỗi sợ khủng khiếp. Trí óc tê liệt, tim ngừng đập, chân tay mềm nhũn như bún: máu như ngừng chảy. Tôi không tin có ma quỷ; thế nhưng lúc đó tôi đã sợ

gần chết, và tôi cảm tưởng chỉ vài giây đó thôi mà dài hơn cả phần đời còn lại của mình, vài giây tôi phải chịu một nỗi sợ lên tới cực điểm.

Lúc đó nếu cô ta không nói gì với tôi thì hẳn tôi đã chết vì sợ. Nhưng cô ta đã nói, bằng một giọng nhẹ nhàng đầy đau khổ, làm xúc động người nghe. Tôi không dám nói rằng tôi đã làm chủ lại được bản thân, và rằng tôi đã bình tĩnh trở lại. Không, tôi đã cuống lên, không còn biết phải làm gì. Nhưng lòng kiêu ngạo chảy trong huyết quản và cá tính không biết sợ bất cứ cái gì thuộc về nghề nghiệp đã giữ tôi lại, và tôi tự cảm thấy dù sao tôi cũng đã có một thái độ đáng tôn trọng. Tôi đã tôn trọng chính bản thân tôi, tôn trọng cô ta, đương nhiên là tôn trọng cả cô ta rồi. Cho dù cô ta có là gì đi chăng nữa, là một phụ nữ hay là một bóng ma. Tôi kể lại tất cả những điều đó cho các bạn là vì tôi đảm bảo với các bạn rằng vào cái lúc cô ta xuất hiện, tôi đã chẳng nghĩ đến bất cứ điều gì, đầu óc tôi hoàn toàn trống rỗng, chỉ có duy nhất một cảm giác - Sợ.

Cô ta nói:

“Thưa ông, tôi có thể nhờ ông một việc được chứ?!”

Tôi muốn trả lời, nhưng tôi không sao thốt lên được lời nào. Lời nói như khào khào trong họng mà không bật ra được.

Cô nhắc lại:

“Ông đồng ý chứ? Ông có thể cứu tôi, chữa trị cho tôi. Tôi đau đớn kinh khủng, tôi đau, ôi tôi đau quá!”

Và cô ngồi một cách nhẹ nhàng xuống cái ghế bành mà tôi đã ngồi. Cô nhìn tôi: “Ông đồng ý chứ?”

Tôi “Vâng” bằng một cái gật đầu vì cổ họng tôi vẫn như nghẹn lại.

Cô ta chìa cho tôi một cái lược bằng đồi mồi và thì thào:

“Chải tóc cho tôi, ôi, hãy chải tóc cho tôi; điều đó sẽ chữa lành bệnh cho tôi; người ta cần phải chải tóc cho tôi. Nhìn đầu tôi này, tôi đã phải chịu đau biết mấy; tóc tôi khiến tôi đau quá!”

Mái tóc của cô mượt, rất dài, rất đen phủ tràn lưng ghế, chạm đất.

Tại sao tôi lại làm điều đó? Tại sao tôi vừa nhận lược vừa rùng mình? Sao tôi lại chạm tay vào mái tóc của cô để khiến sự đụng chạm làm tôi có cảm giác buốt lạnh như thể tôi vừa chạm vào một con rắn? Tôi không hiểu.

Cảm giác đó vẫn còn lưu lại trên ngón tay tôi, khiến tôi run lên vì sợ. Tôi chải tóc cho cô, chạm vào cô, tôi không hiểu tại sao tóc cô lại lạnh đến thế. Tôi vặn, tôi xoắn rồi tôi lại gỡ tóc cô; tôi bện tóc cô lại như người ta bện bờm một con ngựa. Cô thở dài, nghiêng đầu, đầy vẻ hạnh phúc.

Đột nhiên, cô bảo: “Cảm ơn!” rồi giật lấy chiếc lược trong tay tôi và bỏ chạy qua một cánh cửa đang hé mở.

Còn lại một mình, trong vài giây tôi bàng hoàng như thể vừa tỉnh dậy sau một cơn ác mộng. Rồi hoàn hồn trở lại, tôi chạy tới cửa sổ và phá tung cái cửa bằng một cú đẩy dữ dội mãnh liệt. Một con bướm đêm bay vào, tôi lao đến cái cửa mà cô ta vừa đi qua cái cửa đó. Cái cửa đóng kín.

Một nỗi sợ xâm chiếm tôi, tôi không còn nghĩ đến điều gì khác ngoài bỏ chạy. Vợ vội ba bó thư để trên mặt tủ, để mặc cánh tủ mở tung, tôi bỏ chạy ra ngoài, nhảy bốn bậc cầu thang một, không hiểu bằng đường nào mà tôi đã ở ngoài ngôi nhà, tôi nhìn thấy ngựa của tôi cách tôi khoảng mười bước chân, nhảy phóc lên nó, tôi ra roi phi nước đại về Rouen.

Tôi chỉ ngưng ngựa cho tới tận khi về tới Rouen, tới trước nhà trọ của tôi. Vứt dây cương ngựa cho người hầu, tôi bỏ vào phòng mình và ở lì trong đó để suy nghĩ.

Trong suốt một giờ, tôi lo lắng tự hỏi phải chăng tôi đã bị ảo giác, phải chăng trí óc của tôi đã quá căng thẳng, phải chăng một dây thần kinh ảo giác nào đó đã làm tê liệt trí óc, đánh lừa trí óc khiến trí óc đã sản sinh ra chuyện kỳ bí, những chuyện siêu thực.

Và tôi đã tin rằng hẳn nhiên đó chỉ là ảo giác, và những gì tôi cảm thấy, nhìn thấy lúc trước hẳn chỉ là sản phẩm của óc tưởng tượng. Tôi ra cửa sổ, ngắm trời mây cho thanh thản. Ngẫu nhiên, tôi nhìn xuống ngực. Quân phục của tôi đầy tóc dài phụ nữ quấn cả vào khuy áo!

Tôi gỡ từng sợi và vứt ra ngoài bằng những ngón tay run rẩy. Tôi gọi người hầu. Tôi cảm thấy quá xúc động, quá bối rối để có thể đến nhà bạn tôi. Tôi muốn suy nghĩ thật kỹ những gì tôi sẽ phải nói với anh ta.

Tôi gửi trả cho anh ta thư của anh ta qua đường bưu điện. Anh ta tới doanh trại của tôi và hỏi thăm tôi. Người ta trả lời anh rằng tôi đang bị mệt, rằng tôi bị say nắng và những gì nữa tôi không biết. Anh ta có vẻ lo lắng.

Ngày hôm sau, tôi tới nhà anh ta từ rất sớm. quyết tâm nói sự thật cho anh ta biết. Thế nhưng anh ta ra ngoài từ hôm trước và tới nay vẫn chưa về nhà. Chiều hôm đó tôi quay lại nhà anh ta một lần nữa nhưng anh ta vẫn chưa về nhà. Tôi đợi anh ta một tuần, anh ta không hề xuất hiện. Tôi quyết định báo cảnh sát. Người ta tìm kiếm anh ta khắp nơi, không hề phát hiện thấy bóng dáng anh ta ở đâu.

Người ta kiểm tra một cách tỉ mỉ lâu đài bị bỏ hoang của anh ta. Không có bất cứ dấu hiệu khả nghi nào. Không một dấu hiệu nào chứng tỏ rằng có một phụ nữ bị giam giữ, che giấu ở đó. Cuộc điều tra đi vào bế tắc, các câu hỏi không có câu trả lời. Thế đấy, từ năm mười sáu năm nay, tôi vẫn sống trong hoài nghi, không biết thêm được điều gì, tôi chẳng biết thêm được gì hết.

# ĐÊM ÁC MỘNG

Tôi say mê đêm. Tôi yêu thích đêm như thể người ta yêu thích quê hương, xứ sở, hay yêu nhân tình, một tình yêu mang tính bản năng, một tình yêu sâu sắc, không cưỡng lại được. Tôi yêu nó với cả tâm hồn. Tôi yêu bóng tối, yêu sự tĩnh lặng của đêm. Tôi cảm nhận được bóng đêm mơn man trên da thịt mình. Những con chiền chiện hót vang mỗi sáng sớm, trong không khí xanh, trong không khí nóng, không gió nhẹ sớm mai. Chim cú lẩn trong đêm, một đêm đen lướt qua trong không gian tối đen như mực, nó bay qua một màn tối đen dày đặc và phát ra một tiếng kêu âm rung buồn thảm.

Ngày làm tôi mệt và buồn chán, nó tàn nhẫn và âm ỉ. Tôi thức dậy mỗi sáng đầy mệt mỏi, tôi mặc quần áo một cách chán nản, tôi đi ra ngoài một cách miễn cưỡng. Mỗi bước chân, mỗi cử động, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói, mỗi suy nghĩ đều làm tôi mệt mỏi như thể tôi phải nhấc một gánh nặng nghìn cân vậy.

Nhưng mỗi khi mặt trời lặn xuống, một niềm vui khó tả tràn ngập trong tôi. Tôi tỉnh táo, hoạt bát hẳn lên.

Trời càng tối, tôi càng cảm thấy khác hẳn, tôi trẻ ra, khỏe ra, năng động lên, hạnh phúc hơn. Tôi nhìn bóng tối dày lên, nhìn bóng đêm bao phủ bầu trời, nhìn bóng đêm dần phủ đen thành phố, nó xóa mờ mọi màu sắc, mọi hình dạng, nó bao phủ mọi ngôi nhà, mọi sinh vật, mọi vật bằng vòng tay vô hình của nó.

Lúc đó tôi rất muốn được hét lên sung sướng như những con cú, tôi muốn chạy trên các mái nhà như những con mèo, và một mong muốn mãnh liệt, không thể cưỡng lại được, mong muốn được yêu thiêu đốt con tim tôi.

Tôi đi, tôi dạo bộ, khi thì trong những vùng ngoại ô tối tăm, khi thì trong những khu rừng ở gần Paris ở nơi đó tôi trông thấy, nghe thấy các chị tôi, những loài thú săn mồi, và các anh tôi, những kẻ đi săn trộm đang rình mò.



Cái mà họ thích đó luôn là một kết cục ác độc, đó là giết chóc. Nhưng làm sao giải thích được điều đang xảy đến với tôi? Thậm chí làm thế nào để tôi có thể kể được nó ra? Tôi không biết, tôi không biết nữa, tôi chỉ biết đó là như thế.

Thế đấy.

Vậy hôm qua, phải hôm qua không? Phải, đúng hôm qua, ít nhất thì cũng không phải là hôm kia hay một hôm nào khác, hay một tháng nào khác, một năm nào khác. Tôi không biết. Tuy nhiên đó phải là hôm qua, bởi vì hôm qua ngày không tới, bởi mặt trời không hề xuất hiện. Nhưng đêm bắt đầu từ khi nào? Từ khi nào? Ai biết điều đó? Ai sẽ biết điều đó?

Hôm qua, sau khi dùng bữa tối, tôi đi chơi như mọi tối. Trời rất đẹp, rất nóng. Vừa đi xuống đại lộ, tôi vừa nhìn lên trên cao. Trời đầy sao lấp lánh, gió nhẹ hiu hiu, mọi vật đều sáng sủa dưới ánh trăng vắng vặc. Có biết bao đêm sáng lấp lánh trên trời cũng như trong thành phố, đến nỗi tất cả các ngõ tối cũng có vẻ sáng trưng. Những đêm sáng trăng sáng đèn trông lộng lẫy vui tươi hơn nhiều so với một ngày nắng chan hòa.

Trên đại lộ, những quán cà phê đèn đuốc sáng trưng; người người cười nói, đi lại, ăn uống. Mỗi lúc tôi lại vào một rạp hát, rạp hát nào? Tôi cũng không biết nữa. Trong rạp sáng đến nỗi khiến tôi cảm thấy buồn. Ánh sáng chói độc địa, hắt ra từ ban công nhũ vàng, từ những chiếc đèn bằng thủy tinh, từ những dây đèn treo suốt hàng rào rạp hát, từ biển quảng cáo phim... tất cả những ánh sáng đó khiến con tim tôi buồn nản. Tôi đi ra đại lộ Champs Élysées; nơi đó có những quán cà phê âm nhạc trông giống như những ngọn lửa trong tán lá. Những cây đèn được phết lên một ánh sáng vàng có vẻ như đang phát sáng. Và những quả cầu điện tử trông giống như những vầng trăng đang chiếu ra một thứ ánh sáng xanh xao, nhìn từ xa những chiếc đèn treo, những dây đèn kết trông như chuỗi cườm quý quái, những tia kỳ quặc, những khí xấu xa bẩn thỉu, những vòng hoa bằng thủy tinh màu.

Tôi dừng lại dưới Khải Hoàn Môn để ngắm đại lộ, ngắm nhìn toàn bộ chiều dài của nó và dáng hình ngôi sao đẹp tuyệt vời của nó, đi đến Paris bằng hai đường lửa, và những tinh tú! Những tinh tú trên cao, những vì tinh

tú xa lạ được ném một cách ngẫu nhiên lên cao xanh, và vẽ lên những hình thù kỳ dị khiến người ta phải mơ mộng, phải suy ngẫm.

Tôi vào trong rừng Boulogne và tôi ở lại trong đó rất lâu, rất lâu. Bỗng đâu tôi rùng mình, một cái rùng mình kỳ lạ, một cảm xúc mạnh và bất ngờ, một sự kích động khiến tôi như phát điên.

Tôi dạo bộ rất lâu, rất lâu. Rồi tôi quay lại. Lúc tôi lại đi qua Khải Hoàn Môn là mấy giờ rồi? Tôi không biết. Cả thành phố đang ngủ. Những đám mây, những đám mây đen lớn đang lững lờ trôi trên bầu trời.

Đó là lần đầu tiên tôi cảm thấy sắp xảy ra một điều gì đó rất lạ. Trời có vẻ lạnh, sương dày dần lên, màn đêm, màn đêm mà tôi yêu biết bao nhiêu giờ lại khiến tim tôi thấy nặng nề. Đại lộ giờ vắng tanh, chỉ còn hai cảnh sát đang dạo qua dạo lại trên đường xe ngựa đi, và trên con đường lúc này còn rục rờ đèn hoa giờ im lìm tối. Một đoàn xe ngựa chở rau củ đang đi về các chợ. Chúng đi rất từ từ, chắt chày cà rốt, củ cải, cải bắp. Người lái cứ ngủ, ngựa cứ bước đều đều, con sau sau con trước, không một tiếng động trên mặt đường lát gỗ. Mỗi khi đi qua một cái đèn trên vỉa hè, những củ cà rốt sáng lên ánh sáng đỏ, củ cải sáng lên ánh sáng trắng, cải bắp sáng lên ánh sáng xanh; và những chiếc xe ngựa lần lượt đi qua, những chiếc màu đỏ - những ngọn lửa đỏ, những chiếc màu trắng - ngọn lửa trắng bạc, những chiếc màu xanh - ngọn lửa xanh ngọc.

Tôi đi theo chúng, rồi tôi rẽ vào phố Royale và trở về đại lộ. Không còn ai. không còn những quán cà phê sáng rục rờ đèn hoa, chỉ còn vài người đang vội vã đi. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một Paris im lìm đến thế, hoang vắng đến thế. Tôi rút đồng hồ ra xem. Hai giờ sáng.

Có một sức mạnh thúc đẩy tôi, một nhu cầu cần dạo bộ. Thế nên tôi đi tới tận ngục Bastille. Ở đó, tôi nhận thấy rằng tôi chưa từng bao giờ có một đêm tối đến thế bởi tôi không nhận thấy được, ngay cả cái cột Juillet, và thiên thần bằng vàng ở trên cột đã bị bóng tối dày đặc che khuất. Một quầng mây lớn, dày che phủ bầu trời, phủ khuất hết các vì sao, và có vẻ như nó đang dày dần lên, buông dần xuống mặt đất, phủ kín, tiêu diệt trái đất.

Tôi quay về. Quanh tôi chẳng còn ai. Tuy nhiên trên quảng trường Château - d'Eau, một kẻ say rượu suýt nữa đâm vào tôi, rồi anh ta đi khuất.

Tôi đứng nghe tiếng bước chân bập bõm của anh ta đi xa dần, tôi lại đi. Trên cao kia, từ trên đồi Montmartre có một chiếc xe ngựa chở khách đang chạy về hướng sông Seine. Tôi gọi nó lại. Người đánh xe không trả lời. Một nàng bướm đêm đang lảng vảng gần phố Droust gọi: “Ông có muốn cùng em vui vẻ chút không”. Tôi vội bước để tránh đôi tay chìa ra của cô nàng. Rồi chẳng còn gì nữa hết. Trước cửa rạp Vaudeville<sup>[2]</sup>, một tên đồng nát đang bới tung một đồng rác, chiếc đèn pin nhỏ của hắn chiếu loáng loáng sát mặt đất. Tôi hỏi hắn: “Mấy giờ rồi, chú mày?”

Nó lầu bầu: “Tôi biết làm sao được. Tôi làm gì có đồng hồ”.

Đột nhiên tôi nhận thấy đèn đường phụt tắt. Tôi cũng biết rằng vào mùa này người ta tắt đèn đường từ rất sớm, từ trước khi mặt trời lên vì lý do tiết kiệm; nhưng còn lâu mới đến sáng kia mà!

“Đi đến khu họp chợ vậy, chí ít ta cũng tìm thấy sự sống ở đó”. Tôi nghĩ.

Tôi lại đi, nhưng tôi chẳng nhìn thấy gì, thậm chí cả đường tôi cũng không nhìn thấy để mà đi. Tôi đi một cách chậm chạp, như thể người ta đi trong rừng, nhận biết các con phố bằng cách đếm các dãy nhà, đếm các ngã tư.

Đến trước Quỹ Tín dụng Lyonnais<sup>[3]</sup>, có tiếng chó gừ gừ, tôi rẽ vào phố Grammont, tôi lạc đường; tôi đi lang thang, rồi tôi nhận ra Quỹ Tiết kiệm Buorse nhờ những tấm lưới sắt bao quanh nó. Paris vẫn đang say ngủ, một giấc ngủ sâu, đáng sợ.

Tuy nhiên, phía xa có một chiếc xe ngựa chở khách đang đi, một chiếc xe chở khách duy nhất, có thể đó chính là chiếc xe lúc này đã đi ngang qua tôi. Tôi tìm cách bắt xe ngựa bằng cách đi về hướng tiếng xe chạy, vượt qua các con phố tối đen như mực, tối như trong một nấm mồ.

Tôi lại lạc đường. Tôi đang ở đâu đây? Thật điên rồ làm sao khi tắt đèn đường sớm đến thế! Không một người qua đường, không một người đi chơi đêm, không một kẻ lang thang rình mò trộm cắp, không một tiếng mèo kêu, không một tiếng chó sủa. Chẳng có gì hết.

Đi đâu hết những ông cảnh sát nhỉ? Tôi tự nhủ: “Ta sẽ kêu ầm lên, họ sẽ đến”. Thế là tôi hét toáng lên, chẳng hề có tiếng ai trả lời.

Tôi lại gọi toáng lên một lần nữa, to hơn. Giọng của tôi vừa phát ra đã mất hút, không tiếng vang, yếu ớt, ngàn ngạt, như bị bóp nghẹt bởi màn đêm, bởi một bóng đêm quánh đặc, không sao thoát lên được. Tôi gào lên: “Cứu tôi với! Cứu tôi với! Cứu với!” vẫn chẳng hề có tiếng trả lời cho tiếng kêu vô vọng của tôi. Mấy giờ rồi nhỉ? Tôi rút đồng hồ ra, nhưng tôi không có bật lửa, cũng chẳng có diêm. Tôi nghe tiếng kêu tíc tắc tíc tắc của cỗ máy bé nhỏ đó với một niềm vui kỳ lạ. Nó đang chạy, nó đang sống. Tôi cảm thấy bớt cô đơn, bớt đơn độc. Huyền bí làm sao! Tôi lại bước đi như một kẻ mù lòa, vừa đi vừa lấy chiếc gậy thăm dò lên tường các ngôi nhà, thỉnh thoảng tôi lại ngược mắt nhìn lên trời, mong chờ trời sáng. Nhưng nền trời vẫn tối đen một màu đen như mực, tối đen như trong các dãy phố tối tăm lúc trước tôi đi qua. Bấy giờ có thể là mấy giờ nhỉ? Tôi lại đi, tôi cảm tưởng tôi đã đi bộ được một thời gian lâu lắm rồi vì chân tôi mỏi rờn rã, tôi thở phì phò, và tôi đói, một cái đói vò xé gan ruột.

Tôi quyết định nhấn chuông ngôi nhà gần nhất. Nghĩ là làm, tôi nhấn ngay vào núm chuông đồng đầu tiên tôi sờ thấy, tiếng chuông kêu kính coong vang khắp ngôi nhà, tiếng chuông kính coong rất lạ, như thể chẳng có gì ngoài tiếng chuông trong ngôi nhà này.

Tôi đợi một lát, chẳng có ai đáp lời, cũng chẳng có ai ra mở cửa cả. Tôi lại nhấn chuông, tôi lại đợi, vẫn chẳng có gì thay đổi!

Tôi sợ! Tôi chạy đến ngôi nhà kế bên, và hai mươi ngôi nhà kế tiếp, tôi nhấn chuông tất cả, tôi nhấn cả chuông nhà gác cửa mà trong đó phải có người trực ngủ, anh ta không thức dậy, tôi đi xa hơn, dùng hết sức bình sinh kéo tất cả các chuông cửa, đá bằng chân, gõ bằng gậy vào tất cả những chiếc cửa đóng im im một cách lỳ lợm.

Và rồi bỗng nhiên tôi nhận ra rằng tôi đã đến được khu họp chợ. Nhưng khu chợ vắng tanh, im phăng phắc, không một tiếng động, không một cử động nhỏ nào, không có một xe hàng nào, không có một người nào, không có một sọt rau nào, không một gánh hoa nào. Khu chợ hoàn toàn trống không, im lìm, hoang phế, khu chợ chết!

Một nỗi kinh hoàng chụp lấy tôi, khủng khiếp quá. Điều gì đang xảy ra thế này? Ôi Chúa ơi! Điều gì đang diễn ra thế?

Tôi lại đi. Nhưng mấy giờ rồi? Mấy giờ rồi? Ai sẽ nói cho tôi biết mấy giờ bây giờ? Có biết bao gác chuông trong thành phố mà sao không một cái nào gióng chuông. Tôi nghĩ: “Ta sẽ mở mặt kính đồng hồ của ta ra và ta sẽ sờ kim đồng hồ để biết giờ vậy”. Tôi rút đồng hồ trong túi ra... nó không gõ nữa... nó đã đứng lại... nó đã chết. Chẳng còn gì nữa hết, chẳng còn gì hết, không còn lấy một tiếng gió rì rào trong lá cây, không có một tia sáng nào, không có một tiếng động nhẹ nào thoảng trong không khí. Chẳng có gì hết. Chẳng còn gì nữa hết. Thậm chí cũng chẳng còn tiếng bánh xe ngựa lộc cộc lúc trước tôi đã nghe thấy nữa. Chẳng còn gì nữa.

Tôi đi đến bên bờ sông, một cơn gió mát lạnh thổi từ sông lên.

Liệu sông Seine có còn trôi?

Tôi muốn biết điều đó, tôi tìm cầu thang bến sông, tôi đi xuống... Tôi chẳng nghe thấy tiếng nước chảy róc rách qua các nhịp cầu... tôi đi xuống hai bậc nữa... rồi xuống đến cát... đập vào một cái lọ... chạm đến nước... tôi nhúng cánh tay tôi xuống dưới nước... nước đang trôi... nó đang trôi... lạnh... lạnh... lạnh quá... gần như sắp đóng băng... gần như sắp khô cạn đi... gần như sắp chết.

Tôi cảm thấy rất rõ rằng tôi sẽ chẳng đủ sức để trèo lên... rằng tôi sắp chết... chính tôi, vì đói, vì mệt, vì rét.

# MÁI TÓC

Những bức tường nhà thương điên hoàn toàn trần trụi, chỉ được sơn một lớp vôi. Một cái cửa sổ hẹp có song sắt, và được đặt tít trên cao để người điên không thể với tới được, chiếu vào trong căn phòng bé tí một ánh sáng buồn thảm; người điên ngồi trên một chiếc ghế rơm nhìn chúng tôi bằng một con mắt bất động, lơ đãng đầy ám ảnh. Anh ta rất gầy, hai má hõm sâu, tóc anh ta gần như bạc hết, với độ tuổi đó người ta có thể đoán tóc anh ta mới chỉ bạc trắng ra như thế trong vòng một vài tháng. Quần áo anh ta đang mặc trên người có vẻ quá rộng với chân tay lòng không toàn xương, với bộ ngực mỏng, với cái bụng lép kẹp của anh ta.

Người ta cảm thấy người đàn ông này, đang suy kiệt gầy mòn đi vì chính những suy tưởng, ngẫm ngợi, như thể một quả tươi đang bị hỏng thối vì sâu đục khoét bên trong. Sự điên cuồng của anh ta, những ý tưởng trong cái đầu khẳng khẳng ngoan cố của anh ta đang gặm mòn anh ta, đang đục ruỗng anh ta, đang vò xé anh ta, từng chút, từng chút một.

Nó là vô hình, không thể sờ thấy được, không thể nắm bắt được, không thể kiểm soát được, cái suy nghĩ phi vật chất, nó gặm mòn thịt xương, hút kiệt máu, hút kiệt nhựa sống, làm người ta chết mòn.

Huyền bí làm sao khi Sự suy nghĩ giết chết một con người! Người có suy nghĩ như thế mới khốn khổ làm sao, đáng thương làm sao, đáng sợ làm sao! Những giấc mơ kỳ lạ nào, đáng sợ nào, gây chết người nào, đang tồn tại trong vầng trán này, khiến cho vầng trán này hằn lên những nếp nhăn sâu, không ngừng thay đổi?

Bác sĩ nói với tôi: “Anh ta có những cơn thịnh nộ vô cùng tệ hại, đó là một trong những trường hợp kỳ lạ nhất mà tôi đã từng thấy. Anh ta mắc chứng điên tình rùng rợn. Một loại bệnh loạn tâm tử thi. Mặt khác những gì anh ta đã viết lại trong nhật ký, đã chỉ cho chúng ta thấy một cách rõ ràng

tâm bệnh của anh ta. Sự điên rồ của anh ta, trong trường hợp này cũng có thể nói rằng đó là kết quả hiển nhiên. Nếu ông quan tâm, ông có thể đọc tài liệu này”. Tôi theo ông bác sĩ vào phòng làm việc, và ông đưa cho tôi quyển nhật ký của người đàn ông khốn khổ. “Ông hãy đọc đi, - Bác sĩ nói - và hãy cho tôi biết ý kiến của ông”.

Đây là tất cả những gì được viết trong tập nhật ký đó:

“Cho tới năm ba mươi hai tuổi, tôi sống bình lặng không tình yêu. Cuộc sống với tôi thật vô cùng đơn giản, vô cùng tốt đẹp và dễ chịu. Tôi đủ tiền tiêu dùng, để không phải lo tới việc kiếm sống, tôi có sở thích riêng, tôi có thú vui riêng, cuộc sống của tôi thật êm đềm bình lặng! Mỗi sáng tôi thức giấc một cách vui vẻ để làm những công việc ưa thích của tôi, và mỗi tối, tôi lên giường đi ngủ đầy hài lòng, yên tâm về một ngày mai thanh bình, tốt đẹp không âu lo.

Tôi đã trải qua một vài mối tình, nhưng chẳng một cô nhân tình nào khiến tôi cảm thấy con tim mình điên lên vì nhung nhớ thương yêu. Tôi cứ sống như vậy cho tới một ngày tình yêu đã tìm đến tôi một cách khó tin. Và tôi đã yêu một cách si mê, một cách điên dại và tôi tin những người đã từng yêu một con người hãn cũng có cùng cảm giác như tôi.

Tôi có thú sưu tập đồ cổ, tôi thường nghĩ đến những bàn tay xa lạ từng sờ lên những đồ vật đó, những đôi mắt đã từng chiêm ngưỡng chúng, những tấm lòng đã từng yêu mến, quyến luyến chúng, bởi thường người ta hay yêu mến quyến luyến đồ đạc của mình. Tôi đã ngồi hàng giờ, hàng giờ để ngắm nghía một chiếc đồng hồ đeo tay xinh xắn thời trước. Nó rất nhỏ nhắn xinh xắn với những hình chạm tinh xảo. Người phụ nữ đã mua được nó hẳn ngày ngày đi dạo cùng nó với một niềm vui, một niềm tự hào đã được sở hữu một đồ vật tinh xảo đến thế. Nó chưa bao giờ ngừng đập, ngừng sống, nó luôn chạy tíc tắc, tíc tắc, một cách đều đặn suốt một thế kỷ nay. Ai là người đầu tiên đã đeo nó trên da tay mềm ẩm, ai là người đã đeo nó dưới lớp tay áo lụa mềm mại, mịn màng? Tim nó hẳn đã đập theo nhịp tim người phụ nữ đeo nó? Ngón tay ấm mềm nào đã ngày ngày vắn cót đồng hồ một cách âu yếm? Đôi mắt nào đã ngày ngày nhìn ngắm đợi chờ đến giờ hẹn, đến giờ đón người yêu?

Tôi ao ước được biết cô gái, được nhìn thấy cô gái đó biết bao nhiêu, người con gái đã chọn được một đồ vật tao nhã quý hiếm đến thế! Nàng ấy đã chết! Tôi tin thế và tôi bị ám ảnh bởi mong muốn có được người con gái thuở xưa ấy; Tôi yêu tất cả những cô gái thuở trước đã từng yêu! Những chuyện phấn son, tình ái, âu yếm xa xưa khiến tôi thấy mùi lòng. Ôi! Sắc đẹp, nụ cười, những vuốt ve âu yếm, thanh xuân, những hy vọng... tất cả những điều đó sao không thể trở nên bất tử!

Tôi đã khóc ròng bao đêm, than tiếc cho những cô gái thuở xưa, đẹp đến thế, ân cần âu yếm đến thế, ngoan hiền đến thế, những vòng tay của các nàng đó hẳn từng dang rộng để ôm người họ yêu, họ từng ban tặng cho những người họ yêu một nụ hôn và họ chết! Nụ hôn bất tử, nó đến từ đôi môi này đến đôi môi khác, từ thế kỷ này đến thế kỷ khác, từ thời đại này đến thời đại khác. Con người tiếp nhận chúng, trao chúng cho người khác và chết.

Quá khứ thu hút tôi, hiện tại khiến tôi lo sợ bởi tương lai là cái chết. Tôi tiếc cho tất cả những gì đã qua, tôi khóc cho tất cả những ai từng sống; tôi muốn ngừng thời gian lại, ngừng giờ khắc lại. Nhưng thời gian cứ trôi, cứ trôi, cứ qua đi. Mỗi phút, mỗi phút thời gian lại lấy đi chút gì đó của tôi hôm nay để làm tiêu tan nó vào ngày mai. Và tôi không bao giờ muốn sống lại nữa.

Vĩnh biệt những cô gái của quá khứ. Tôi yêu các cô.

Thế nhưng tôi không bao giờ trở nên đáng thương vì tôi đã tìm thấy cô ấy, chính cô ấy, người con gái mà tôi đã chờ đợi bấy lâu nay. Tôi đã được thưởng thức niềm hạnh phúc vô bờ khó tin đó nhờ có nàng.

Một sáng đầy nắng, tôi lang thang trên các đường phố Paris, tâm hồn tràn ngập niềm vui, chân nhịp bước đầy vui vẻ, vừa đi vừa nhìn các cửa kính, hòa trong đoàn người đang dạo chơi trên phố. Bỗng nhiên tôi nhìn thấy một chiếc tủ gỗ kiểu Ý thuộc thế kỷ thứ mười bảy trong một cửa hàng bán đồ cũ. Nó rất đẹp, rất hiếm. Tôi tin một nghệ sĩ người Áo, một người rất nổi tiếng là tác giả của đồ vật tinh xảo này.

Tôi đi qua.



Thế nhưng hình ảnh của chiếc tủ gỗ đó cứ đeo đẳng tôi đến nỗi mỗi bước chân tôi lại nghĩ đến nó, tưởng tượng đến nó. Tôi lại quay bước trở về trước cửa hàng đó để ngắm lại nó và tôi có cảm tưởng như nó đang cám dỗ tôi.

Sự cám dỗ của một đồ vật mới kỳ lạ làm sao! Ta ngắm nhìn một đồ vật, dần dần nó cám dỗ ta, nó làm ta bối rối, nó xâm chiếm tâm can ta như thể khuôn mặt một cô gái, vẻ đẹp của nó đi vào lòng ta, vẻ đẹp lạ thường có được từ hình dạng, từ màu sắc, từ chất liệu của đồ vật; thế là ta thích nó, ta ham muốn nó, ta muốn có nó. Một nhu cầu được sở hữu nó xâm chiếm ta, mới đầu chỉ là một cảm giác thích thích rồi nó cảm giác đó cứ lớn dần lên, trở thành một ham muốn, một đòi hỏi không thể cưỡng lại được.

Càng ngắm, càng nhìn tôi lại càng mong được có nó, được sở hữu nó.

Tôi đã mua chiếc tủ gỗ đó và tôi mang ngay nó về nhà. Tôi đặt nó trong buồng ngủ.

Ôi! Tôi ái ngại cho những ai không biết đến tuần trăng mật của những kẻ sưu tập với một đồ sưu tập đẹp, quý, hiếm mà người đó vừa mua được. Người đó nhìn nó, ngắm vuốt nó như thể nó được làm bằng xương bằng thịt vậy; chốc chốc người đó lại đi lại gần nó để ngắm nghía nó. Cho dù đi đâu, làm gì người sưu tập đó cũng nghĩ đến nó.

Hình ảnh đẹp của nó sẽ theo người đó ra phố, ra chợ, theo vào rạp hát, vào hội chợ, theo người đó đi khắp mọi nơi. Và ngay khi về đến nhà, thậm chí còn chưa kịp cất mũ cất khăn người đó đã vội lao ngay tới rồi lặng ngắm đầy trùi mẩn đồ vật thân yêu đó của mình.

Tôi cũng như người sưu tập đồ đó, trong suốt tám ngày, tôi say mê biết mấy cái tủ này. Mỗi lúc tôi lại mở cánh nó ra, mở các ngăn kéo của nó ra; tôi sử dụng nó với một cảm giác vui thích, nhấm nháp niềm vui sâu kín được sở hữu nó.

Một tối, khi sờ độ dày của tấm đế, tôi nhận thấy có một ngăn bí mật. Tim tôi đập rộn lên, tôi mất cả một đêm tìm ra điều bí mật mà không thể khám phá ra được.

Hôm sau tôi dùng một lưỡi dao mỏng lùa vào khe gỗ, một tấm ván bật ra, trải ra trên đáy hộc lót nhung đen là một mái tóc tuyệt đẹp của phụ nữ.

Vàng, một mái tóc, một mái tóc dài, dày, vàng óng hơi ngả sang đỏ. Ta có thể đoán mái tóc đó được cắt sát da đầu và được buộc lại bằng một sợi dây vàng.

Tôi đứng lên, sừng sốt, run rẩy, khó hiểu! Một mùi hương rất nhẹ, gần như không thể cảm nhận được bay ra từ ngăn bí mật và từ mái tóc được cất giấu.

Tôi cầm mái tóc lên rất nhẹ nhàng, gần như là thành kính, và tôi định luôn nó trở vào ngăn bí mật. Ngay khi nó vừa được cầm lên, cả một suối tóc đồ dài đến tận đất, suối tóc dày và nhẹ, mềm mại, rục rờ như đuôi lửa của một ngôi sao chổi.

Một cảm giác rất lạ xâm chiếm người tôi. Đó là gì nhỉ? Khi nào? Như thế nào? Tại sao mái tóc này lại được giấu trong cái tủ này? Cuộc phiêu lưu tình ái nào? Mỗi bi kịch nào che giấu sau kỷ vật này? Ai đã cắt mái tóc này? Một tình nhân, trong ngày vĩnh biệt? Một người chồng, vào ngày trả thù? Hay chính cô gái ấy đã tự cắt nó, trong một ngày tuyệt vọng?

Phải chăng vào đúng giờ cô gái nhập tu viện mà người ta đã đặt vào đó kỷ vật tình yêu như một bằng chứng để lại trên thế giới này? Phải chăng vào giờ đóng đình quan tài người tình trẻ xinh đẹp yếu mệnh mà người yêu của cô, người si mê cô, đã giữ lại món đồ trang sức quý giá đẹp để làm duyên cho mái đầu cô, vật duy nhất anh ta có thể giữ lại được từ cô, phần cơ thể sống duy nhất không bị phân hủy thối rữa, phần duy nhất, anh ta vẫn còn có thể yêu, vuốt ve trùi mẩn, hôn lên nó trong cơn đau xé lòng?

Chẳng lấy gì làm lạ rằng mái tóc này vẫn nguyên si như thế, trong khi cái cơ thể từng nuôi nó, chăm bón cho nó vừa dài vừa dày đến thế đã tan rữa, không còn lấy một mẩu nguyên vẹn.

Các sợi tóc trôi trên ngón tay tôi, mềm mại trên da tôi, kích thích tôi bằng một sự mơn trớn đặc biệt, sự mơn trớn chết chóc. Tôi cảm thấy mùi lòng đến mức suýt khóc.

Tôi giữ mái tóc trên tay rất lâu, rồi tôi cảm thấy nó động đậy trong tay tôi, như thể có một linh hồn nường nấu ở trong. Tôi để mái tóc lên tấm nhung đã bạc màu vì thời gian, tôi đóng ngăn lại, đóng tủ lại, và tôi ra phố đi dạo để mơ mộng.

Tôi đi dạo với một tâm trạng vừa buồn vừa bối rối, một cảm giác bối rối mà người ta hay có sau một cái hôn yêu đương. Tôi có cảm tưởng tôi đã từng sống ở kiếp trước và tôi đã từng quen cô gái có mái tóc vàng hung đó.

Khi về đến nhà, tôi không sao cưỡng được mong muốn vào xem lại vật kỳ lạ tôi đã tìm thấy đó; khi cầm nó lên, khi chạm vào nó tôi cảm thấy một cơn rùng mình xuyên suốt người tôi.

Tuy thế nhưng vài ngày sau đó tôi vẫn giữ được trạng thái bình thường như mọi khi tuy những suy nghĩ về mái tóc đó không hề rời tôi một lúc nào nữa.

Mỗi khi đi đâu về, việc đầu tiên tôi làm là chạy ngay vào buồng ngủ, bằng những ngón tay run rẩy tra chìa khóa vào tủ, như thể một người tình run rẩy vội vàng tra chìa khóa mở cửa phòng mà người yêu anh ta đang đợi bên trong. Trong tôi luôn có một hồi thúc kỳ lạ, khó hiểu, một ham muốn xác thịt được luồn tay vào suối tóc đẹp mềm mại thơm tho của người con gái đã chết đó.

Rồi khi tôi thôi không vuốt ve nó nữa, khi tôi đóng tủ lại, tôi lại cảm thấy nó như thể nó là một người sống, bị che giấu, bị cầm tù đang buồn bã cô đơn trong tủ; tôi lại cảm thấy một thôi thúc mong muốn được vuốt ve nó; tôi lại có nhu cầu cấp thiết được cầm lại nó, được sờ nắn nó. Rồi tôi cảm thấy phát bực, thấy khó chịu vì sự tiếp xúc lạnh lẽo, trơn tuột, phát bực, phát hoảng, nhưng cũng rất thú vị.

Tôi sống như thế trong hai hoặc ba tháng gì đó, tôi cũng không biết nữa, Cô gái ấy ám ảnh tôi. Tôi vừa hạnh phúc vừa khổ sở như thể một người đang yêu mà không dám tỏ bày, mong muốn siết chặt người yêu vào lòng mà không dám nói.

Tôi tự nhốt mình trong phòng cùng cô ấy để cảm thấy cô ấy trên da thịt mình, để áp chặt môi lên trên mái tóc, để ôm, để hôn, để cắn nó. Tôi cuốn nó quanh mặt mình, tôi ngậm nó vào mồm, tôi vùi mặt vào trong làn sóng tóc, nhìn mọi vật hung vàng qua làn sóng tóc vàng hung.

Tôi yêu nó! Vâng tôi yêu nó. Tôi không thể không cần tới nó nữa, tôi không thể ở đâu một giờ đồng hồ liền mà không nhìn thấy nó. Tôi đợi... tôi đã đợi... đợi gì nhỉ? Tôi không biết nữa?

“Nó.”

Một đêm tôi giật mình thức giấc, tôi có cảm tưởng không chỉ có mình ở trong phòng.

Tuy nhiên chỉ có mỗi mình tôi trong phòng. Nhưng tôi không sao ngủ lại được; và bởi tôi bồn chồn vì mất ngủ, tôi dậy để đến lấy mái tóc ra, để vuốt ve nó. Đêm đó nó còn có vẻ mềm mại dịu dàng hơn cả ngày thường, và nó cùng có vẻ sống động hơn. Phải chăng linh hồn người đã chết hiện về? Những nụ hôn của tôi đã làm ấm nó lên, không muốn đặt nó về chỗ cũ nữa, tôi mang nó về giường mình, tôi lên giường ngủ lại, vừa ngủ vừa áp nó vào môi như thể áp môi vào da thịt người con gái mà người ta sắp sửa có được, sắp sửa chiếm hữu được.

Người chết đã hiện về! Cô ấy đã đến. Vâng, tôi đã nhìn thấy nàng, tôi đã chạm được vào nàng, tôi đã có nàng, nàng cao, tóc vàng, tròn lẳn, ngực nhỏ rắn chắc, hông nở; tôi đã nhìn đầy âu yếm toàn bộ dáng hình quyến rũ tuyệt vời với những đường cong mê hồn đó.

Vâng tôi đã có nàng suốt đêm suốt ngày. Đêm nào nàng cũng đến, người phụ nữ đã chết, người con gái đã chết đẹp mê hồn, người đáng được chiêm ngưỡng, đáng được tôn thờ, con người bí ẩn, xa lạ.

Niềm hạnh phúc vô bờ bến của tôi to lớn đến mức tôi không thể che giấu mãi được. Tôi cảm thấy một niềm vui siêu nhiên, một hạnh phúc sâu sắc, không thể giải thích được vì tôi đã có được nàng, có được một vật thể không thể nắm bắt được, không thể nhìn thấy được, cái chết! Không một người đang yêu nào có thể thưởng thức những lạc thú điên cuồng, nồng nhiệt, khát khao, dữ dội nhưng cũng đầy đau khổ đó!

Tôi không thể giấu đi niềm hạnh phúc của mình. Tôi yêu nàng đến nỗi tôi không muốn rời nàng ra nữa. Tôi mang nàng đi khắp nơi cùng tôi. Tôi đưa nàng cùng đi dạo trên khắp phố phường như một người chồng khoác tay vợ đi dạo, tôi đưa nàng đến nhà hát, đưa nàng vào ngồi trong những lô<sup>[4]</sup> sang trọng nhất, như thể đưa người tình bé nhỏ đi chơi... Nhưng người ta đã nhìn thấy nàng... người ta đã đoán ra... người ta cười tôi, cười nàng... Rồi họ ném tôi vào tù như một kẻ thần kinh. Người ta lấy nàng đi... Ôi, bất hạnh làm sao!”

Tập nhật ký dừng ở đó. Đột nhiên, khi tôi ngẩng đầu lên nhìn ông bác sĩ, một tiếng kêu thống thiết, một tiếng gào điên dại, đầy bất lực, một tiếng hét thảm thiết vang vọng khắp nhà thương điên.

“Ông nghe anh ta đấy - Ông bác sĩ nói - chúng tôi phải trị liệu bằng liệu pháp vôi sen cho tên điên dại dâm dục này năm lần mỗi ngày. Vậy là không chỉ có viên đội Bertrand yêu những xác chết<sup>[5]</sup>”.

Tôi lúng búng, quá xúc động vì ngạc nhiên, vì kinh hoàng, vì thương cảm: “Nhưng... mái tóc... nó có tồn tại thật không?”

Bác sĩ đứng lên, mở cánh tủ đầy chật những lọ thủy tinh và những dụng cụ, và ông ném qua bàn làm việc một dải tóc, vàng dài bay về phía tôi như một con chim vàng.

Tôi chột rùng mình khi chạm tay vào sợi tóc mềm mượt đó. Trong tôi lẫn lộn hai cảm giác, vừa ghê ghê vừa thèm muốn, ghê ghê như thể tôi chạm vào một hung khí đã từng gây tội ác, thèm muốn như đứng trước sự căm dỗ của một vật đáng bị lên án và bí hiểm.

Ông bác sĩ vừa nhún vai vừa nhắc lại:

“Sự tưởng tượng của con người thật là vô cùng”.

# BIẾT ĐÂU ĐÃY

Nhưng liệu tôi có thể làm được điều đó không? Tôi có dám làm là viết ra điều đó không? Điều đã xảy đến với tôi quá kỳ quặc, quá khó giải thích, quá khó hiểu, và thật điên rồ! Giá tôi có thể chắc vào những gì mà tôi đã nhìn thấy, chắc chắn rằng đầu óc tôi vẫn hoàn toàn tỉnh táo, bình thường, tôi không bị ảo giác, không bị hoa mắt, hay nhìn nhầm. Sau tất cả những chuyện đã xảy ra, biết đâu đấy?

Giờ đây tôi đang điều trị nội trú trong một bệnh viện tư; nhưng tôi ở đó một cách hoàn toàn tự nguyện chỉ vì cần thận, và vì sợ! Chỉ duy nhất một người biết chuyện của tôi. Đó là một bác sĩ ở đây. Tôi sẽ viết câu chuyện đó ra, mong rằng làm thế sẽ rũ bỏ được nó, vì tôi luôn cảm nhận thấy nó, nó ám ảnh tôi như một cơn ác mộng mà tôi không thể chịu đựng nổi.

Nó thế này đây:

Một ẩn sĩ cô đơn, một kẻ mơ mộng, một triết gia cô độc nhưng nhân từ, tương đối hài lòng với cuộc sống, không chua chát, không hiềm thù, không độc địa với con người, không thù không oán trời đất. Tôi sống một mình, không thích sự có mặt của người khác trong nhà mình, trong phòng mình. Giải thích về điều đó thế nào bây giờ nhỉ? Tôi không thể giải thích được. Tôi vẫn tham gia vào các cuộc tụ tập bạn bè để vui chơi, ăn uống, tán phét cùng nhau. Nhưng khi nghĩ đến một mối liên hệ riêng tư hơn, một mối liên hệ thân mật hơn, mang tính gia đình hơn, là tôi lại cảm thấy chán ngán, mệt mỏi, cáu kỉnh.

Thế rồi bỗng một hôm tôi cảm thấy mong muốn có một người bạn đời, cái mong muốn nó cứ lớn dần lên trong tôi, quấy rầy tôi, nó khiến tôi không sao chịu đựng được khi nhìn thấy những đôi trai gái tay trong tay, điều đó làm tôi không chịu được và tôi bỏ đi cùng với nỗi cô đơn của mình.

Mong muốn này còn nhiều khát khao hơn cả một nhu cầu, như một đòi hỏi cấp thiết. Chỉ cần có mặt của người khác, không cần góp chuyện với họ, chỉ cần nghe thấy họ nói, hay họ đùa là tôi cũng cảm thấy yên tâm, tôi cảm thấy nếu có họ, sẽ không có điều gì xảy đến với tôi. Xảy ra điều gì nhỉ? Tôi cũng không chắc, có khi đó chỉ là một cơn choáng váng, hay ngất xỉu đơn thuần chẳng hạn. Tôi yêu thích cuộc sống cô đơn, tôi thậm chí không thể nào chịu nổi cảm giác có một người đang ngủ trong nhà của mình; tôi không thể sống được ở Paris bởi sự ồn ã, bởi những đám đông sống quanh tôi ở Paris sẽ làm tôi suy kiệt cả tinh thần lẫn thể xác, kể cả khi Paris đang ngủ. Ôi, tôi không sao chịu đựng được, không sao nghỉ ngơi được khi tôi biết, khi tôi cảm thấy, sau những bức tường là những thực thể đang sống, và nó chỉ tạm ngưng hoạt động theo chu kỳ sinh học mà thôi. Tại sao tôi lại như vậy? Ai biết? Nguyên nhân của nó thật vô cùng đơn giản: Tôi rất chóng mệt vì bị sự chi phối của người khác. Và trên trái đất này, kiểu người như tôi có rất nhiều. Con người chúng ta được chia thành hai loại: Một loại cần đến người khác, cần đến người khác để giải trí, để quan tâm, để chăm sóc. Đối với loại người này, sự cô đơn sẽ khiến họ héo mòn, đau khổ. Và một loại người thứ hai, ngược lại, họ mệt mỏi, buồn chán, khó chịu, đau khắp mình mẩy nếu sự yên tĩnh của họ bị phá vỡ.

Tóm lại, đó chỉ là hiện tượng tâm lý mà thôi. Một số người có thiên hướng sống cuộc sống xã hội, một số người khác lại có thiên hướng sống nội tâm.

Tôi, tôi thường chỉ chịu đựng được sự ồn ã náo nhiệt trong một khoảng thời gian ngắn mà thôi, nếu không, tôi sẽ cảm thấy rất mệt, rất khó chịu.

Kết quả là tôi cảm thấy vô cùng thân thiết gắn bó với các đồ đạc trong nhà, đối với tôi, chúng có một tầm quan trọng đáng kể trong lòng tôi. Và ngôi nhà của tôi trở thành một thế giới, trong đó tôi thư giãn, làm việc và sống một cuộc sống cô đơn, bầu bạn cùng tủ tượng, bàn ghế, đồ trang trí... với tôi chúng thân thuộc như người thân vậy. Tôi đã mua chúng, dùng chúng, lau rửa chúng, sửa chữa chúng. Sống giữa chúng tôi cảm thấy hài lòng, hạnh phúc như thể đang sống trong vòng tay âu yếm, ân cần của người thân.

Tôi có một ngôi nhà nằm gần ngoại ô Paris. Tôi đã cho xây ngôi nhà của mình giữa một khu vườn đẹp tuyệt xa cách với những con phố bên ngoài. Những người làm của tôi ở trong một dãy nhà sâu trong vườn rau, hoàn toàn tách biệt với căn nhà chính tôi ở. Căn nhà chính của tôi nằm núp dưới tán cây rậm rì, hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài. Trong đó tôi cảm thấy yên bình, hạnh phúc, và ở đó mỗi tối tôi lại do dự rất lâu trước khi quyết định lên giường đi ngủ, vì tôi còn muốn hưởng thụ sự bình yên này lâu một chút.

Hôm đó, ở Nhà hát lớn thành phố trình chiếu vở Sigurd. Đó là lần đầu tiên tôi được nghe một vở nhạc kịch hay đến thế. Tan buổi diễn, tôi tung tăng đi bộ về nhà, tai như vẫn còn văng vẳng những nốt nhạc, tâm tưởng vẫn còn đang nhớ lại những hình ảnh đẹp của vở ca kịch.

Trời tối, tối đen như mực, tối đến nỗi mấy lần tôi suýt dẫm xuống cống. Từ nhà hát về đến nhà tôi khoảng một cây số, có thể hơn một chút, mất khoảng hai mươi phút đi bộ nếu đi chậm. Lúc đó vào khoảng một giờ sáng, một giờ hay một rưỡi gì đó; nền trời được chiếu sáng mờ mờ bởi một vầng trăng lưỡi liềm vừa lên, một vầng trăng lưỡi liềm buồn bã, trăng lưỡi liềm cuối tháng. Vì trăng lưỡi liềm đầu tháng thường mọc lúc bốn năm giờ chiều, chiếu một thứ ánh sáng, sáng sữa, vui vẻ, bàng bạc, nhưng trăng lưỡi liềm mọc sau nửa đêm thường đo đỏ, ủ ê, lo lắng; đó chính là vầng trăng lưỡi liềm của Sabbat<sup>[6]</sup>. Tất cả những kẻ hay đi chơi đêm đều phải để ý đến dấu hiệu này. Vầng trăng lưỡi liềm đầu tháng thường nhỏ, mảnh như sợi chỉ, tung ra ánh sáng vui vẻ và đổ xuống mặt đất những bóng rõ ràng. Còn vầng trăng thứ hai tỏa ra một thứ ánh sáng chết chóc, lờ mờ đến nỗi mà gần như mọi vật đều như không có bóng khi đi dưới vầng trăng đó. Tôi nhận thấy từ xa, khoảng vườn tối rộng lớn của nhà tôi, tôi không biết vì sao, nhưng tôi cảm thấy bất an, tôi cảm thấy hơi lo lắng. Tôi chậm bước lại. Đêm yên tĩnh, những tán cây rậm rạp trông như một nhà mồ chôn vùi nhà tôi trong đó. Tôi mở cửa hàng rào và đi vào lối đi rợp bóng hai hàng sung xanh rì, vòm cây cong cong trông như một đường hầm cao đi trên những nắm cỏ, dưới những bóng tối xanh xanh mờ ảo, nhìn từ xa trông như những chấm hình ô van trên nền mây.



Khi lại gần ngôi nhà, một mối lo lắng mơ hồ kỳ lạ cứ luẩn quẩn trong tôi. Tôi đứng lại. không một tiếng động nhỏ. Không một ngọn gió, không một tiếng lá cây xào xạc. “Chuyện vớ vẩn gì thế?” tôi nghĩ. Từ mười năm nay tôi luôn về nhà và không bao giờ sợ bất cứ điều gì. Tôi không bao giờ sợ đêm tối, không sợ bất cứ ai, không sợ bất cứ cái gì. Nếu một tên trộm, một tên cướp xông đến tôi, tôi sẽ nhảy ngay lên không do dự. Và lại tôi cũng có vũ khí, tôi có một khẩu súng lục. Nhưng tôi chưa chạm vào nó vì tôi muốn thử nghiệm cảm giác sợ hãi.

Gì thế nhỉ? Một linh cảm ư? Cái linh cảm huyền bí thường choán hết mọi giác quan của con người khi anh ta nhìn thấy một điều gì đó khó giải thích? Có thể thế sao? Biết đâu đây?

Tôi càng tiến gần ngôi nhà, tôi càng cảm thấy run, khi tôi đến trước tường nhà, dưới mái che, trước cửa nhà đóng kín. Tôi run đến nỗi phải đứng trấn tĩnh một vài phút trước khi mở cửa vào nhà. Để trấn tĩnh lại, tôi ngồi xuống một cái ghế dài, dưới cửa sổ của phòng khách. Tôi ngồi ở đó, hơi run rẩy, đầu dựa vào tường, mắt chăm chăm nhìn vào quầng tối trong tán cây. Lúc đầu tôi chẳng nhận thấy gì lạ thường cả. Tai tôi u u; nhưng điều này vẫn thường xảy ra với tôi. Thỉnh thoảng tôi vẫn nghe thấy tiếng xìch xìch của tàu hỏa, tiếng u u của còi tàu, tiếng ồn ỹ của một đám đông.

Khi tiếng u u trong đầu tôi đã bớt đi. Và tiếng động đã trở nên rõ ràng hơn, dễ nhận biết hơn, thì tôi nhận thấy là tôi đã nhầm, vì đó không phải là tiếng động tôi cảm thấy do chứng ù tai thông thường của tôi, mà đó là một tiếng động rõ ràng, hơi lộn xộn, khó phân biệt phát ra phía trong ngôi nhà.

Tôi lần theo tường tìm xem tiếng động ở đâu phát ra, tiếng động vẫn tiếp tục phát ra, chấn động của nó khiến cho mọi đồ vật trong nhà tôi rung rinh.

Tôi đã nghi ngại rất lâu xem có phải tôi thật sự nghe thấy tiếng động đó không. Tôi cảm thấy rất rõ ràng có một điều gì đó khác thường, khó hiểu đang diễn ra trong nhà tôi. Tôi không sợ, nhưng tôi... biết giải thích thế nào nhỉ... tôi kinh hoàng. Tôi không cầm đến súng vì tôi đoán chắc rằng tôi sẽ chẳng cần dùng đến nó. Tôi đợi. Tôi đợi rất lâu, không thể tự quyết được gì hết. Đầu óc căng ra vì lo lắng, tôi đứng im, nghe ngóng, tiếng động vẫn đều đều phát ra, càng ngày càng to, có lúc nó to đến mức nghe âm âm như sấm.

Rồi đột nhiên, tự cảm thấy ngượng vì sự hèn nhát của mình, tôi vớ lấy chùm chìa khóa, chọn chiếc chìa cần thiết, ấn vào ổ, xoay hai vòng và lấy hết sức đẩy mạnh cánh cửa, ấn mạnh vào chuông cửa.

Một tiếng chuông vang lên như tiếng súng nổ. Và tiếng vọng của nó vang rền khắp nhà tôi. Điều này thật quá sức chịu đựng, thật quá tệ hại, quá đình tai đến nỗi tôi phải lùi lại mấy bước, tuy cảm thấy vô ích nhưng tôi vẫn rút khẩu súng lục của tôi ra.

Tôi lại đợi thêm một lát nữa. Tôi nghe thấy như có tiếng bước chân lạ đang đi xuống cầu thang, đi xuống sàn, đi lên thảm, tiếng bước chân rất lạ, không phải là tiếng bước chân người, nó như tiếng nạng nện xuống sàn, một loại nạng bằng gỗ và bằng sắt, tiếng nạng nện xuống kêu thành thịch, loảng xoảng... Đột nhiên tôi nhận ra trên thềm cửa nhà tôi có một chiếc ghế bành, chiếc ghế bành lớn để ngồi đọc sách của tôi, nó vừa đi ra vừa nhún nhảy. Nó chạy ra vườn. Theo sau nó còn có những chiếc ghế trong bộ ghế sa lông của tôi, rồi đến cái bàn thấp đi trên những chiếc chân ngắn ngùn trông như những con cá sấu, tiếp sau là tất cả các ghế dựa với những bước nhảy như ngựa, và rồi đến các ghế gác chân chạy lon ton như thỏ.

Oai! Xúc động làm sao! Tôi lẩn vào một chỗ, ngồi xồm xuống để ngắm cuộc diễu hành của đồ đạc của mình, bởi tất cả bọn chúng đang rùng rùng bỏ đi, cái này sau cái kia, nhanh hay chậm tùy thuộc vào kích cỡ và trọng lượng của chúng.

Cái đàn dương cầm của tôi đi như phi nước đại, vừa đi vừa rền rĩ những nốt nhạc trong sườn đàn. Những đồ vật bé tẹo chạy lảng xảng trên cát như những con kiến, những chiếc bàn chải đánh răng, những đồ pha lê, những chiếc cúp đang lấp lánh sáng dưới ánh trăng bàng bạc. Những tấm vải bò, trườn dập dờn trông như sóng biển. Tôi thấy bàn làm việc của tôi xuất hiện, bàn làm việc của tôi là một trong những kiệt tác mỹ nghệ quý hiếm của thế kỷ trước, và trong đó là tất cả thư từ riêng tư của tôi, tất cả những chuyện phiêu lưu tình cảm của tôi, những chuyện tình cảm vô cùng riêng tư, không thể cho ai biết, còn nữa, trong đó còn có những tấm ảnh nữa.

Đột nhiên tôi không còn thấy sợ nữa, tôi nhảy bổ lên chiếc bàn và ôm chặt lấy nó như thể người ta tóm chặt lấy tên kẻ trộm, như thể người ta ôm chặt

lấy một người phụ nữ đang muốn bỏ trốn; nhưng nó vẫn tiếp tục cuộc hành trình của nó không sao cản lại được. Dù tôi đã lấy hết sức bình sinh để trì cản nó lại nhưng tôi không sao cản nó đứng lại được. Vì tôi cản nó, đẩy nó, trì kéo nó với toàn bộ sức lực, với một nỗ lực tuyệt vọng nên nó không đẩy tôi ra được, nó bèn lăn qua tôi, kéo lê tôi trên cát, và thế là những đồ vật khác liền xéo lên tôi, dẫm lên đùi tôi, làm đau tôi; không chịu nổi, tôi đành buông tay khỏi cái bàn, thế là những đồ vật khác dẫm lên tôi, đập lên tôi như thế một đội kỵ binh đang đi đập lên một kỵ binh bị ngã ngựa mà không dừng lại được.

Điên lên vì sợ nhưng cuối cùng tôi cũng lăn được ra khỏi lối đi và trốn sau những cái cây để xem cuộc diễu hành của toàn bộ đồ đạc của mình, tôi thấy xuất hiện cả những đồ vật nhỏ nhất, bé nhất, khiêm nhường nhất, mà ngày thường tôi không để mắt đến, những đồ vật đã từng thuộc quyền sở hữu của tôi.

Rồi tôi nghe thấy phía xa xa, trong nhà tôi, có tiếng vang như trong những ngôi nhà trống không, có tiếng kẹt cửa. Những cánh cửa đóng sập lại từ trên xuống dưới thấp, cho tới tận cánh cửa phòng tiền sảnh mà chính tay lúc này đã mở ra và nhìn thấy cánh ra đi kỳ cục đó. Giờ đây, nó là cánh cửa cuối cùng, tự đóng sập lại.

Tôi cũng thế, tôi bỏ chạy về phía thành phố, và tôi chỉ lấy lại được bình tĩnh khi tôi vào được trong phố, nhìn thấy người đi lại. Tôi đến nhấn chuông một khách sạn mà tôi là khách quen. Trông tôi như vừa từ một cuộc hỗn chiến với đôi tay, quần áo lấm lem bùn đất, tôi kể lại là tôi đã đánh mất chùm chìa khóa. Tôi không vào khu nhà chính được, và tôi cũng chẳng gọi được bọn người làm vì bọn họ sống trong khu nhà phụ trong vườn rau. Mà vườn rau cũng đã được xây tường bao quanh nhằm tránh con mắt nhòm ngó của bọn trộm rau quả.

Họ dẫn tôi lên phòng, tôi trùm chăn kín người, nhưng tôi không ngủ được, tôi vừa nằm đợi trời sáng vừa nghe tiếng tim tôi đập thành thịch. Tôi đã dặn họ báo cho người nhà tôi ngay khi trời sáng.

Thế nên lúc bảy giờ sáng, có tiếng gõ cửa phòng tôi, tên hầu phòng của tôi lộ mặt vào, trông hẩn đầy vẻ bối rối:

“Thưa ông, con có tin xấu báo ông.” Anh ta nói.

“Gì thế?”

“Kẻ trộm đã trộm hết mọi đồ đạc trong nhà rồi thưa ông, chúng lấy hết, lấy hết, kể cả những đồ vật nhỏ nhất.”

Tin này làm tôi hài lòng. Tại sao? Ai biết? Tôi vẫn tự chủ được, tôi chắc chắn sẽ giữ kín những gì tôi đã nhìn thấy, tôi sẽ chẳng kể cho ai nghe những gì tôi đã chứng kiến, tôi sẽ giữ, sẽ giấu nó cho tới khi xuống mồ như giữ như giấu một bí mật khủng khiếp. Tôi trả lời:

“VẬY CHẮC ĐÓ CŨNG CHÍNH LÀ NHỮNG KẺ ĐÃ ĂN TRỘM CHÌA KHÓA CỦA TA. HÃY BÁO NGAY CHO CẢNH SÁT. TA DẬY ĐÂY VÀ LÁT NỮA TA SẼ GẶP LẠI CẬU Ở NHÀ.”

Cuộc điều tra kéo dài năm tháng, cảnh sát chẳng phát hiện ra điều gì cả, cảnh sát không tìm thấy gì hết, họ chẳng hề tìm thấy một đồ vật nhỏ nào của tôi cả, họ cũng chẳng tìm ra một dấu vết nào của bọn trộm nhà tôi.

Đương nhiên rồi! Nếu tôi nói ra những điều tôi đã biết... nếu tôi nói với họ về điều đó... họ sẽ nhốt tôi lại ngay, tôi đã không nhìn thấy kẻ trộm, tôi không thể nhìn thấy những điều như thế.

Ôi! Tôi im đi thì hơn. Nhưng tôi cũng không mua lại đồ đạc trong nhà. Vì vô ích thôi. Điều đó rồi sẽ lại xảy ra. Tôi không muốn về đó nữa. Tôi không về đó nữa. Tôi không muốn nhìn lại ngôi nhà đó một chút nào.

Tôi quay về khách sạn, và tôi đi khám bác sĩ tâm lý vì sau cái đêm tồi tệ đó tôi cảm thấy lo cho tình trạng thần kinh của mình.

Các bác sĩ khuyên tôi đi du lịch cho thư giãn đầu óc. Tôi nghe theo lời khuyên của họ.

Tôi quyết định đi du lịch ở Ý. Thời tiết ở đó rất tốt khiến tôi cảm thấy khỏe lên. Trong suốt sáu tháng, tôi lang thang từ Gênes tới Venice, từ Venice tới Florence, từ Florence tới Rome, từ Rome tới Nappies. Rồi tôi đi ra đảo Sicile, vùng đất thiên đường với thời tiết ôn hòa dễ chịu, với các thắng cảnh nổi tiếng, những thánh tích còn sót lại của người Hy Lạp và người Normands. Tôi đi qua châu Mỹ, tôi băng qua sa mạc rộng lớn một cách yên bình. Sa mạc, nơi toàn cát vàng mênh mông, yên tĩnh, nơi những con lạc đà, những con linh dương, những kẻ du mục người Ả Rập đi lang thang, nơi

không khí nhẹ và trong suốt, không nổi trôi một chút ám ảnh nào, không có cơn ác mộng nào ám ảnh tôi.

Tôi về Pháp, nơi tôi đặt chân về đầu tiên là Marseille, cho dù tôi đang rất vui, cho dù khung cảnh vùng Provence rất vui nhộn, tôi vẫn thấy buồn. Tôi cảm thấy một cảm tưởng rất lạ khi quay trở về nơi này, tôi cảm thấy như trong tôi có một căn bệnh gì đó mà tôi tưởng đã khỏi nhưng mầm bệnh vẫn âm ỉ sống và đang trỗi dậy.

Tôi trở về Paris. Lúc đó đang vào thu, ngay từ lúc mới về tôi đã cảm thấy buồn chán, và tôi lại muốn làm một chuyến đi, trước khi đông sang, tới vùng Normandie tuy rằng tôi chưa hề biết vùng này.

Từ Rouen, tôi bắt đầu cuộc hành trình, và trong suốt tám ngày, tôi lang thang không mục đích, vui vẻ, phấn chấn trong thành phố của thời Trung đại này, tôi lang thang trong các bảo tàng đẹp tuyệt với kiểu kiến trúc gô-tích.

Rồi một tối, khoảng bốn giờ, khi tôi đang thả bộ trong một con phố kỳ quặc vì nó nằm trên một dòng sông đen ngòm như mực có tên “Nước của Robec” chảy dọc theo con phố, khi đó tôi đang chú mục vào những kiểu cấu trúc nhà rất lạ theo kiểu cổ thì tôi để ý thấy một loạt các cửa hàng bán đồ cổ liền san sát, nhà nọ nối tiếp nhà kia thành một dãy.

A! Họ chọn được một nơi đắc địa làm sao, những kẻ buôn gian bán lận bán thiu, bán các loại đồ cũ trong một đường phố kỳ dị, trên một dòng chảy buồn thảm, dưới những mái ngói nhọn và lại còn có tiếng kêu kèn kẹt của các cái chong chóng từ thời xưa!

Sâu trong các gian hàng, người ta nhìn thấy chất hàng đồng những hòm xiềng bằng gỗ khắc, hàng đồng những đồ sành sứ của vùng Rouen, Nevers, Moustiers, những bức tượng vẽ được làm bằng gỗ sồi hình Chúa, hình Thánh, hình Đức Mẹ đồng trinh, hình hoa văn của các nhà thờ, hàng đồng các áo choàng lễ, áo lễ, thậm chí còn có cả bình nước thánh và một tủ bánh thánh cổ bằng gỗ thiếp vàng.

Ôi! Thật như kho hàng của cướp biển, đầy đồ đạc đủ các chủng loại, đủ các màu sắc, đủ các thời kỳ, đủ các mẫu mã đang được bày bán cho người mua tò mò.

Sự ham thích những đồ mỹ nghệ cổ lại trỗi dậy trong tôi, tôi đi từ cửa hàng này tới cửa hàng khác.

Trời ơi! Tôi thực sự choáng váng khi nhìn thấy một trong những cái tủ đẹp nhất của tôi nằm ngay ngoài một gian nhà đầy ứ đồ đạc. Một đồng đồ đạc quen thuộc nhưng sao trông có vẻ như đồ đạc được lấy ra từ một hầm mộ vậy. Tôi run run tiến lại gần những đồ đạc của tôi, run đến nỗi tôi không dám chạm vào cái tủ thân thuộc của mình. Tôi đưa tay ra một cách do dự.

Chính nó rồi: Cái tủ đứng chỉ có ở thời vua Louis VIII, bất cứ ai đã một lần nhìn thấy nó sẽ nhận ra nó ngay, đưa mắt nhìn sâu vào bên trong, tôi nhận ra ba cái ghế bành bọc thảm chầm của mình, sâu hơn một chút vào bên trong là hai cái bàn của thời vua Henri II của tôi. Hai cái bàn này là loại rất hiếm, người ta chỉ có thể nhìn thấy chúng ở Paris mà thôi.

Bạn thử tưởng tượng xem, tưởng tượng xem lúc đó tôi cảm thấy thế nào!

Tôi tiến vào, ngạt thở vì xúc động, nhưng tôi vẫn tiến vào bởi tôi là một người dũng cảm, tôi tiến vào như một hiệp sĩ thời xưa dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu chống lại ma quỷ.

Mỗi bước chân tôi lại phát hiện thêm những đồ vật vốn thuộc sở hữu của tôi: những bộ đèn chùm, sách vở, tranh, đồ vải, vũ khí... tất cả, chỉ trừ có chiếc bàn làm việc đầy thư từ của tôi là tôi không nhìn thấy.

Tôi mò mẫm đi xuống phòng bày bán tối tăm rồi tôi lại trèo lên những tầng trên cao. Tôi gọi, nhưng không ai trả lời tôi. Tôi chỉ có mỗi một mình trong căn nhà rộng lớn và ngoắt ngoéo như một mê cung.

Đêm xuống, tôi đành ngồi trong cảnh tăm tối, trên một trong những chiếc ghế dựa của mình vì tôi không muốn bỏ đi.

Thình thoảng tôi lại hét lên: “Có ai ở đây không? Có ai không?” Tôi ngồi một mình ở đó khoảng hơn một tiếng đồng hồ rồi tôi nghe có tiếng chân bước rất nhẹ, rất khẽ, rất chậm. Tôi không biết tiếng chân đó từ đâu phát ra. Tôi suýt bỏ chạy, nhưng rồi tôi cố lấy lại can đảm, tôi gọi lại một lần nữa và tôi nhìn thấy có ánh sáng ở phòng kế bên.

Một giọng hỏi lại:

“Ai ở bên ấy thế?”

Tôi trả lời:

“Một người mua hàng.”

Giọng đó đáp lại:

“Muộn rồi, cửa hàng không tiếp khách nữa.”

“Tôi đã đợi ông từ hơn một giờ rồi.” Tôi đáp.

“Ông có thể quay lại vào ngày mai.”

“Ngày mai tôi phải rời Rouen rồi.”

Tôi không dám tiến thêm lên một bước nào nữa, người bên kia cũng không sang. Tôi vẫn nhìn thấy ánh sáng ở phòng bên hắt sáng chiếu lên bức thảm treo tường hình hai thiên thần bay lượn trên cánh đồng người chết. Tấm thảm đó cũng là tấm thảm của tôi trước kia. Tôi hỏi:

“Ông sang đây chứ?”

Ông ta trả lời:

“Tôi đang đợi ông đây.”

Tôi đứng lên và đi sang phòng bên.

Giữa căn phòng lớn là một người đàn ông nhỏ thó, một người rất nhỏ bé trong một căn phòng rất rộng lớn, khung cảnh đó khiến người ta có cảm giác rất khó tả. Ông ta có một chòm râu mảnh, hung vàng và không hề có một sợi tóc nào trên đầu! Không một sợi tóc nào?

Vì ông ta đang giơ cao cây nến để soi tôi nên cái sọ đầu của ông ta trông như một vầng trăng nhỏ trong căn phòng rộng lớn chất đầy đồ cũ này. Mặt ông ta béo phì, đầy nếp nhăn, đôi mắt bé tí rất khó nhìn thấy.

Tôi mua lại ba chiếc ghế cũ của chính mình và tôi đã phải trả một khoản tiền lớn ngay lúc đó. Sau đó tôi đưa địa chỉ khách sạn của mình cho ông ta, chúng sẽ được giao đến cho tôi trước chín giờ sáng mai. Rồi tôi ra về. Ông ta tiễn tôi ra tới tận cửa đây về lịch sự.

Tiếp đó tôi đến nhà ông cảnh sát trưởng để khai báo về vụ mất trộm toàn bộ đồ đạc trong nhà tôi và những gì mà tôi vừa nhìn thấy.

Ngay tức khắc ông ta đánh điện hỏi Viện Kiểm sát tất cả những thông tin về vụ trộm ở nhà tôi và đề nghị tôi cùng ngồi đợi câu trả lời. Một giờ sau, ông ta thông tin lại cho tôi:

“Tôi sắp bắt người đàn ông đó và tôi sẽ tham vấn ông ta ngay, bởi ông ta bị nghi là có dính líu tới vụ trộm tại nhà ông. Ông có muốn đi ăn tối không?”

Hãy quay lại đây sau hai tiếng nữa, tôi sẽ bắt giữ ông ta và tôi sẽ hỏi cung trước mặt ông.”

“Vâng, rất cảm ơn ông, thưa ông.”

Tôi về khách sạn dùng bữa tối, không như tôi tưởng, tôi đã ăn rất ngon miệng. Dù sao tôi cũng khá hài lòng, người ta đã bắt giữ được ông ta.

Hai giờ sau, tôi quay lại nhà ông cảnh sát. Ông đang chờ tôi.

“A tốt! Ông đây rồi. Người ta không tìm thấy người ông tả. Người của tôi đã tra xét khắp nơi nhưng không hề thấy ông ta.”

A! Tôi cảm thấy sắp xỉu.

“Nhưng... các ông có lục soát kỹ ngôi nhà đó không?” Tôi hỏi.

“Lục soát rất kỹ, nó đã được rà soát đi rà soát lại. Nhưng riêng về người đàn ông, ông ta đã biến mất.”

“Biến mất?”

“Biến mất. Tối tối ông ta thường lui tới chơi nhà hàng xóm, cũng là một nhà buôn đồ cũ, một bà phù thủy khá kỳ lạ, bà ta là vợ góa của ông Bidom. Tối nay, bà ta không gặp ông ta và bà ta không biết ông ta ở đâu. Phải đợi đến mai thôi.”

Tôi bỏ về. A! Những con phố ở Rouen mới buồn thảm, tăm tối, rồi ren làm sao.

Tôi ngủ rất tệ và mơ thấy ác mộng.

Không muốn tỏ ra quá nôn nóng, ngày hôm sau tôi đợi đến tận mười giờ mới đến sở cảnh sát.

Người bán hàng vẫn chưa xuất hiện, cửa hiệu của anh ta vẫn đóng cửa.

Ông cảnh sát trưởng bảo tôi:

“Điều gì cần làm tôi cũng đã làm hết rồi. Viện Kiểm sát đã biết hết mọi chuyện; chúng ta hãy cùng tới cửa hàng đó và mở nó ra, ông hãy chỉ hết những đồ vật thuộc quyền sở hữu của ông cho tôi.”

Và chúng tôi, gồm cảnh sát, một ông thợ khóa và tôi, cùng đến đó trên một chiếc xe ngựa kéo. Đến đó, ông thợ khóa mở khóa cửa trong vòng vài phút. Khi cửa được mở ra, tôi đi vào trong và chẳng còn nhìn thấy tủ của tôi, ghế của tôi, bàn của tôi ở đâu nữa, chẳng còn bất cứ đồ đạc nào của tôi,



trong cửa hiệu đó trong khi tối qua mỗi bước chân đi tôi lại nhìn thấy một đồ vật nào đó của mình.

Ông cảnh sát trưởng ngạc nhiên, nhìn tôi với ánh mắt nghi ngờ.

“Ôi Chúa ơi!” Tôi nói với ông ta “Sự biến mất của những đồ vật đó trùng hợp một cách đáng ngạc nhiên với sự biến mất của ông chủ cửa hàng.”

Ông cảnh sát trưởng mỉm cười:

“Vâng, đúng thế đấy! Ông đã sai lầm vì hôm qua đã mua và đã trả tiền những đồ vốn của ông. Hẳn điều đó khiến hẳn cảnh giác.”

“Điều khiến tôi khó hiểu, đó là tất cả những chỗ mà hôm qua còn chất đầy đồ đạc của tôi giờ đây đã được thay thế bằng đồ vật khác.”

“Ồ!” Ông cảnh sát trưởng trả lời “Hẳn ta có cả một đêm cơ mà, và đương nhiên còn có cả những kẻ tòng phạm nữa, ngôi nhà này có liên hệ với các nhà hàng xóm. Đừng lo sợ gì hết, thưa ông, tôi sẽ để ý giám sát vụ án này. Kẻ bất lương không thoát được lâu đâu vì chúng ta sẽ giám sát kỹ hang ổ của hắn.”

A! Con tim tôi, con tim tôi, con tim khốn khổ của tôi, nó đập mới mạnh làm sao!

Tôi ở lại mười lăm ngày nữa ở Rouen. Người đàn ông đó vẫn không hề xuất hiện. Chúa ơi! Chúa ơi!

Thế nhưng, vào sáng ngày thứ mười sáu, tôi nhận được thư của người làm vườn nhà tôi ở ngôi nhà hoàn toàn không có đồ đạc của tôi, bức thư kỳ lạ đó như sau:

“Thưa ông,

Tôi vô cùng vui mừng được thông báo với ông rằng đêm qua, một sự việc vô cùng lạ lùng đã xảy ra, không một ai, kể cả cảnh sát lẫn tất cả bọn người làm chúng tôi có thể hiểu và giải thích được. Đó là tất cả mọi đồ đạc của ông đã được để vào đúng vị trí cũ, tất cả, không sót một đồ vật nào dù nhỏ nhất. Ngôi nhà giờ đây lại đúng như trước hôm xảy ra vụ trộm.

Chuyện đó diễn ra đêm thứ sáu rạng ngày thứ bảy. Lối đi bị sụt hổng như thể người ta đã lôi kéo vật gì rất nặng suốt từ hàng rào đến tận cửa. Dấu vết đó giống hệt như dấu vết hôm sau ngày mà tất cả đồ vật biến mất.

Chúng tôi đang ngóng đợi ông về. Xin kính cẩn chào ông.

Raudin Philippe”.

Không! Không! Tôi sẽ không về đó đâu!

Tôi mang bức thư đó đến chỗ ông cảnh sát trưởng ở Rouen.

“Một sự hoàn trả khôn khéo” Ông ta nói “Chúng ta hãy án binh bất động. Một ngày nào đó chúng ta sẽ tóm được hắn.”

Nhưng người ta đã không tóm được hắn. Không. Họ đã không tóm được hắn, giờ đây, tôi sợ hắn, như thể đó là một con thú hung ác bị sống đang đuổi theo tôi.

Không thể tìm thấy! Hắn là không thể tìm thấy, tên quái vật có cái sọ hình mặt trăng! Người ta không bao giờ bắt được hắn. Hắn sẽ không quay về hang ổ của hắn nữa. Duy chỉ có tôi có thể gặp hắn; tôi không muốn.

Tôi không muốn! Tôi không muốn! Tôi không muốn!

Nếu hắn quay lại, nếu hắn quay về gian hàng của hắn, ai sẽ có thể chứng minh rằng những đồ đạc của tôi đã từng ở đó? Chẳng có chứng cứ nào chống lại hắn cả; và hắn mãi mãi chỉ là kẻ bị tình nghi mà thôi.

Nhưng không! Con người đó là không thể có thật. Tôi không thể giữ được bí mật về điều mà tôi đã nhìn thấy. Tôi không thể sống với nỗi sợ điều đó sẽ lại xảy ra một lần nữa.

Tôi đến tìm bác sĩ trưởng của bệnh viện tư này và kể cho ông nghe mọi chuyện.

Sau khi đã hỏi han tôi rất lâu, ông nói với tôi:

“Ông có bằng lòng ở lại đây một thời gian không thưa ông?”

“Tôi bằng lòng.”

“Ông có tiền chứ?”

“Có.”

“Ông có muốn ở riêng không?”

“Có.”

“Ông có muốn gặp gỡ bạn bè không?”

“Không, tôi không muốn gặp bất cứ ai hết. Vì người đàn ông ở Rouen có thể sẽ đến tận đây để trả thù tôi.”

Và tôi ở lại đó một mình, hoàn toàn có một mình từ ba tháng nay. Tôi dần lấy lại được thăng bằng. Tôi chỉ sợ có một điều... Nếu kẻ bán đồ cổ đó phát

điên... nếu người ta đưa hắn đến đây, đến nhà thương điên này... Thì chính nhà tù mà tôi đã chọn để nương náu này cũng không còn an toàn, chắc chắn nữa.

# TRÊN NƯỚC

Năm ngoái, tôi đã thuê một căn nhà nhỏ ở nông thôn ven bờ sông Seine, cách Paris vài dặm. Tối nào tôi cũng về ngủ ở đó. Ngay từ những ngày đầu mới chuyển đến tôi đã làm quen được với một trong những người hàng xóm của tôi, đó là một người khoảng từ ba mươi đến bốn mươi tuổi, một mẫu người đáng tò mò nhất mà tôi từng gặp. Một người chèo xuồng già, nhưng là một người chèo xuồng kỳ cựu, luôn sống gần nước, trên nước, trong nước. Hẳn ông ta đã được sinh ra trên một chiếc xuồng, và chắc hẳn ông ta cũng sẽ chết trên một chiếc xuồng.

Một tối chúng tôi cùng dạo chơi bên bờ sông Seine, tôi đề nghị ông kể cho tôi nghe vài giai thoại về cuộc đời sống nước của ông. Thế là ông hàng xóm của tôi bỗng sinh động hẳn lên, khuôn mặt ông bỗng thay đổi hẳn, đầy mơ mộng, đầy cảm xúc, như thể khuôn mặt của một nhà thơ đang xuất thần. Ông yêu, một tình yêu say đắm, khát khao, không cưỡng lại được đối với dòng sông.

Ôi! Tôi có biết bao nhiêu kỷ niệm với dòng sông này, vâng với chính dòng sông mà chúng ta đang dạo chơi cạnh nó đây! Các ông thì khác, đối với các ông sông chẳng có nghĩa gì. Nhưng hãy nghe một thuyền chài nói về nó. Đối với anh ta, đó là một cái gì đó bí hiểm, sâu thẳm, xa lạ, một nơi đầy ảo tưởng và đầy những cảnh huyền hoặc, nơi trong đêm người ta thấy những gì chưa từng thấy, nghe những gì chưa từng nghe, nơi đó người ta run sợ mà chẳng biết tại sao, cảm giác như thể ngang qua một nhà mồ, có thể còn khủng khiếp hơn một nhà mồ - nơi chẳng có gì ngoài những nấm mộ.

Đất liền là bến bờ đối với dân thuyền chài, và trong những đêm không trăng, không sao, dòng sông như thể là vô tận. Một thủy thủ có thể cảm nhận được điều tương tự đối với biển. Biển thường hung tợn, hiểm ác, biển thường gầm lên, rú lên nhưng nó bao giờ cũng báo trước hiểm họa bằng

sóng gầm, gió giật. Trong khi sông lúc nào cũng im lìm đầy phản trắc. Nó không gầm lên, nó luôn chảy nhẹ nhàng không tiếng động, thế nhưng tôi sợ cái dòng chảy im lìm bất tận đấy hơn những con sóng lừng của đại dương.

Những người mơ mộng thì khẳng định rằng trong lòng đại dương là một thế giới xanh bao la, nơi đó những người chết đuối lặn giữa những con cá lớn, giữa những khu rừng kỳ lạ và trong các hang động thủy tinh. Sông chỉ có đáy sâu tối tăm, và người chết sẽ thối rữa ra trong một cái lọ vớ vẩn nào đó. Thế nhưng sông thật đẹp, nó lấp lánh sáng khi bình minh, gợn sóng lăn tăn dưới chân các cây sậy reo vui trong gió.

Thế đấy, tôi tin rằng những câu chuyện được thắm thì khê khàng, lọt qua các thân sậy mỏng manh còn buồn ghê gớm hơn những câu chuyện bi thảm được dệt nên bởi sóng gầm đại dương.

Nhưng bởi anh muốn tôi kể cho anh nghe một vài kỷ niệm của chính bản thân tôi, tôi sẽ kể cho anh nghe một chuyện kỳ cục đã từng xảy đến với tôi ở chính nơi đây cách đây khoảng chục năm rồi.

Từ trước tới nay tôi vẫn sống trong nhà của mẹ Lafon, với một trong những người bạn học của tôi, Luis Bernet, anh ta hiện giờ đã bỏ nghề chèo xuồng, bỏ những thú vui hảo huyền và bỏ những thói bê tha để ứng cử vào Hội đồng nhà nước. Hội đồng đó đã được đặt ở làng C. cách đây hai dặm. Chúng tôi thường ăn tối cùng nhau, lúc ở nhà tôi, lúc ở nhà anh ta.

Một tối, tôi quay về, một mình, một mồi, kéo cái thuyền của tôi, một chiếc thuyền đánh cá to dài 4 fit<sup>[Z]</sup> một cách nặng nhọc. Tôi luôn đánh rửa nó vào ban đêm, tôi ngừng lại giây lát để thở, và tôi thấy dưới kia, ngay sát những cây sậy, trước cây cầu sắt khoảng hai trăm mét là một cảnh tượng đẹp tuyệt vời: trăng vắng vặc, dòng sông êm đềm sáng lấp lánh, không khí đầy vẻ tĩnh lặng và yên bình. Không khí tĩnh lặng đó khiến tôi muốn nghỉ tay để ngắm và tôi tự nhủ đây là một thời gian thật tuyệt để tự thưởng cho mình một điều thuốc.

Nghĩ sao làm vậy, tôi thả neo liền.

Chiếc thuyền, trôi nhẹ theo dòng nước rồi dừng hẳn lại khi neo chạm đáy sông. Tôi ngồi một cách thoải mái ở sau thuyền, ngắm sông, ngắm nước. Thật yên ả thanh bình, không có một tiếng động nào khác ngoài tiếng sóng

vỗ nhẹ vào mạn thuyền, vào thân sậy, và tôi nhận thấy các bụi sậy cao có một vẻ gì đó rất khác thường và có vẻ như chúng đang cựa quậy.

Dòng sông vẫn hoàn toàn yên tĩnh, nhưng tôi bỗng cảm thấy hồi hộp bởi sự tĩnh lặng một cách kỳ lạ đang bao quanh tôi. Kể cả ếch, cóc - những tên gây ồn ban đêm cũng im bật. Đột nhiên, ở bên phải tôi, có tiếng ộp ộp của một chú ếch, tôi rùng mình, chú ta im bật; tôi chẳng nghe thấy bất cứ gì nữa hết, tôi hít một hơi thuốc dài để tự trấn an. Đột nhiên, cho dù tiếng tấu của tôi ròn vang, tôi vẫn không sao trấn tĩnh được; ngay luồng hơi thuốc thứ hai, tim tôi đã đập rộn lên. Tôi cố lẩm nhẩm hát; tiếng hát của tôi như không bật được ra khỏi cổ họng.

Đã thế, tôi vào trong thuyền, nằm dài ra và nhìn lên bầu trời. Trong khoảng một lúc, tôi nằm yên, nhưng những chuyển động nhẹ nhàng của con thuyền làm tôi lo lắng. Nó có vẻ như có những bước lái chệch khổng lồ, chạm lần lượt vào cả hai bờ sông; rồi tôi tin rằng có một vật gì đó hoặc một sức mạnh không nhìn thấy được nào đó đang hút con thuyền một cách nhẹ nhàng xuống đáy sông, nâng nó lên và để nó rơi xuống. Tôi như đang ở trung tâm bão; tôi nghe thấy những tiếng động xung quanh tôi, tôi đứng vọt dậy: nước lấp lánh sáng, cảnh vật yên bình.

Tôi hiểu rằng tôi đã quá căng thẳng và tôi quyết định quay về. Tôi kéo neo lên. Thuyền của tôi chòng chành nhè nhẹ, có cái gì đó vương vương, tôi giật mạnh sợi dây neo, không được, neo của tôi đã mắc vào cái gì đó ở dưới đáy sông và tôi không thể nhắc nó lên được; tôi thử cố kéo một lần nữa nhưng vô ích. Dùng mái chèo, tôi cố dịch chuyển vị trí con thuyền hòng kéo được neo lên, mọi cố gắng đều vô ích, neo không kéo được lên, thuyền không đi đâu được. Cáu tiết, tôi giật sợi dây neo một cách điên cuồng. Chẳng có gì nhúc nhích. Thất vọng, tôi ngồi phịch xuống, suy nghĩ xem phải làm gì bây giờ. Tôi không thể nghĩ đến việc cắt đứt dây neo, cũng như không thể nghĩ đến việc bỏ thuyền lại đó. Hôm đó trời đẹp, thế nên tôi cho rằng chưa muộn lắm và có lẽ bạn chài nào đó sẽ đi ngang qua đây và giúp tôi một tay. Tôi ngồi xuống, rút tẩu ra, mời lửa, cuối cùng ít ra tôi cũng có thể yên tĩnh hút tẩu thuốc của mình. Tôi có một chai rum, tôi uống vài hụm, tình cảnh rui ro này bỗng khiến tôi phì cười. Cùng lắm thì tôi sẽ ngủ ở trên

thuyền đêm nay, dưới bầu trời đầy sao, trời nóng nực như thế này thì đó cũng không phải là điều gì quá khó chịu.

Đột nhiên có cái gì đó động nhẹ vào mạn thuyền; giật thót mình, bỗng đầu mờ hôi lạnh đổ đầy từ đầu đến chân tôi. Tiếng động này chắc chắn là do một vật gì đó trôi theo dòng nước chạm vào thuyền tôi mà thôi, nhưng nó cũng đủ làm tôi lo lắng bồn chồn. Bằng một động tác nóng nảy, tôi lại cố gắng giật dây neo lên, cái neo không lay chuyển, thất vọng, tôi mệt là người vì những cố gắng vô ích.

Sương xuống, mặt sông bị bao phủ bởi một làn sương trắng dày đặc, sương lan sát mặt sông đến nỗi khi đứng lên, tôi chẳng còn nhìn thấy mặt nước nữa, tôi cũng chẳng còn nhìn thấy ngay cả đến chân mình, thuyền của mình... nhưng tôi vẫn nhìn thấy ngọn sậy và ở phía xa xa là bình nguyên xanh xao dưới ánh trăng bàng bạc với những chấm đen lớn đang tiến dần lên trời, những chấm đen được tạo bởi những nhóm cây dương, tôi như bị vùi tới tận thắt lưng trong một màn trắng kỳ ảo, và bỗng nhiên tôi có những tưởng tượng rất quái dị lạ thường. Tôi tưởng như ai đó đang cố đưa thuyền tôi lên và tôi không thể nhận ra rõ ràng thuyền tôi đang ở trên mặt nước hay lơ lửng trên không, và dòng sông bị bao phủ trong sương dày đặc đầy những sinh vật kỳ lạ đang bơi xung quanh tôi. Tôi cảm thấy khó chịu khủng khiếp, đầu tôi đau nhức, tim tôi đập thành thịch; tôi nảy ra ý định bơi trốn đi, ý nghĩ này khiến tôi rùng mình kinh sợ. Tôi thấy mình bị lạc lối trong sương mù dày đặc, vật lộn trong bụi sậy không sao thoát ra được, thở hổn hển vì sợ, không nhìn thấy bờ đâu, không sao tìm lại được thuyền của mình, có vẻ như chân bị lồi xuống đáy sâu đen kịt.

Thật vậy, bởi tôi cần phải ngược lên ngọn nguồn sông ít nhất là năm trăm mét trước khi tìm thấy một ngọn cỏ, một thân cây để tôi có thể đặt chân, tôi có tới chín phần mười xác suất bị mất phương hướng trong đám sương mù này và chết đuối, chết đuối một kẻ bơi giỏi đến như tôi.

Tôi cố tự giải thích. Tôi cố tự trấn an, cố đẩy lùi cảm giác sợ. Nhưng trong tôi, có một cái gì đó cường lại ý chí của tôi, và cái đó khiến tôi sợ. Tôi tự hỏi cái gì khiến tôi rất sợ; cái tôi gan dạ chế giễu cái tôi nhát gan, và chẳng bao giờ tôi lại cảm thấy rõ ràng đến thế hai mặt đối lập trong con

người tôi, một mặt muốn thế này, mặt kia lại muốn thế khác, và hai mặt cứ lần lượt thay nhau chiếm lĩnh tinh thần tôi, trí óc tôi.

Sự kinh hãi ngu ngốc và không thể giải thích này cứ lớn dần trong tôi và trở thành một nỗi kinh hoàng. Tôi đứng im bất động, hai mắt mở to, hai tai căng ra, chờ đợi. Cái gì thế? Tôi chẳng biết đó là cái gì, nhưng hẳn nó kinh khủng lắm. Tôi tin rằng nếu một con cá bị báo trước rằng nó sắp bị câu lên khỏi mặt nước, điều này vẫn thường xảy ra, hẳn nó còn cảm thấy dễ chịu hơn tôi lúc này, căng cứng vì sợ, không hiểu điều gì sắp xảy đến.

Tuy nhiên, bằng một nỗ lực phi thường, tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh, tôi tóm lấy chai rượu và làm một ngụm lớn.

Một sáng kiến nảy ra. Bằng hết sức bình sinh, tôi vừa hét thật to vừa quay tứ phía. Cho tới khi khàn giọng, tôi ngừng lại, nghe ngóng. Có tiếng chó tru từ rất xa.

Tôi lại làm hụm rượu nữa rồi nằm dài ra trong lòng thuyền. Tôi cứ nằm như thế có thể một tiếng, hai tiếng đồng hồ, không ngủ, hai mắt mở to, với sự ám ảnh đang bao bọc lấy tôi. Tôi thậm chí không dám ngời dậy dù rất muốn; tôi đếm từng phút, từng phút. Tôi tự nhủ “Nào, dậy nào!”. Và rồi tôi sợ cả việc phải nhúc nhích. Cuối cùng tôi đứng dậy một cách cẩn trọng như thể mạng sống của tôi phụ thuộc vào việc tôi có gây ra tiếng động hay không. Tôi nhìn lên trên mạn thuyền.

Tôi bỗng lóa mắt bởi một cảnh tượng đáng ngạc nhiên đẹp tuyệt vời mà tôi không bao giờ có thể tưởng tượng nổi. Đó là một trong những ảo ảnh trong vương quốc của những nàng tiên, nó cũng giống như những gì mà các nhà thám hiểm đã tả, (và chúng ta thường chẳng hề tin), sau khi quay về từ các cuộc thám hiểm những vùng đất xa xôi.

Sương mù trước đây hai tiếng bò dầy đặc mặt sông, giờ đây đang dần mờ đi rồi tan biến để lại một dòng sông yên bình, tĩnh lặng với hai bên bờ cao nổi rõ trong đêm trăng vắng vạc. Cảnh vật tuyệt đẹp, dòng sông sáng lấp lánh nằm giữa hai bờ cao như hai dãy núi dài trắng; và ở trên cao, trên đầu tôi, trăng tròn vành vạnh trôi trên nền trời xanh trắng như sữa.

Các sinh vật dưới nước bồng tỉnh giấc; ếch kêu ộp ộp, cóc nhảy lóc chóc, và tôi nghe thấy, lúc bên trái, lúc bên phải tiếng côn trùng rả rích. Và một



điều kỳ lạ, tôi không còn thấy sợ nữa; Tôi đang ở trong một thế giới kỳ lạ đến nỗi mọi điều kỳ dị nhất có diễn ra cũng sẽ không thể làm tôi ngạc nhiên.

Điều đó xảy ra trong bao lâu tôi cũng không biết nữa, bởi cuối cùng tôi thi u thi u ngủ. Khi tôi mở mắt, trăng đã lặn, trời đầy mây. Nước vỗ bập bênh, gió hú, trời lạnh, bóng tối lan tràn.

Tôi uống nốt chỗ rượu còn lại trong chai, run lập cập vì lạnh, tôi nghe tiếng sậy reo vi vu trong gió một cách buồn thảm. Tôi cố nhìn, nhưng tôi chẳng còn phân biệt được đâu là thuyền của tôi, kể cả đôi bàn tay tôi đưa sát tận mắt mà tôi cũng chẳng nhìn thấy.

Dần dần, bóng đêm cũng tan dần. Đột nhiên tôi cảm thấy có bóng gì đó đi lướt qua, rất gần thuyền tôi. Tôi thốt kêu lên, có tiếng đáp lại; đó là một bạn chài. Tôi gọi anh ta, anh ta lại gần và tôi kể cho anh ta sự rủi ro của tôi, nhờ anh ta giúp đỡ. Anh ta liền áp mạn thuyền anh ta vào mạn thuyền tôi rồi cả hai chúng tôi cùng ra sức kéo dây neo. Cái neo không nhúc nhích. Sáng rồi, một buổi sáng đầy mây, tối, bầu trời xám xịt, lạnh buốt. Một trong những buổi sáng báo hiệu một ngày buồn thảm. Một ngày sẽ mang đến bất hạnh cho bạn. Tôi nhận thấy có một chiếc thuyền nữa đi ngang qua, cả hai chúng tôi cùng gọi vẳng lên. Anh ta đến giúp chúng tôi một tay; từng chút từng chút một, cái neo nhúc nhích, nó được kéo lên một cách chậm chạp bởi có vẻ như có cái gì đó nặng một cách lạ thường đang bám vào nó. Cuối cùng chúng tôi cũng lôi lên được một khối nặng đen sì, và chúng tôi lôi nó lên thuyền tôi: Đó là xác của một bà già đeo một hòn đá to ở cổ.

# CÁI CHẾT

Ta đã yêu nàng điên cuồng! Tại sao người ta lại yêu? Thật quá ư kỳ quặc khi ta không còn nhìn thấy bóng hình nàng yêu quý trên trái đất này nữa, lúc đó tâm hồn chỉ còn một ý nghĩ, trong tim chỉ còn một ước muốn duy nhất, trên môi chỉ còn một cái tên: một cái tên được gọi lên không ngừng, được gọi lên liên miên như một lời cầu nguyện khẩn thiết, cái tên như nước trong nguồn, thấm sâu trong trái tim, trào dâng lên môi khiến phải thốt lên thành tiếng gọi, gọi đi gọi lại, gọi mãi gọi mãi, gọi mọi lúc mọi nơi và liên tục được lặp lại như một lời kinh cầu.

Tôi sẽ không kể một lời nào về tình yêu của chúng tôi. Một tình yêu duy nhất, mãi mãi. Tôi đã gặp và đã yêu nàng. Chỉ thế thôi. Và tôi đã có một năm hạnh phúc trong vòng tay âu yếm, trong sự dịu ngọt, trong tình yêu của nàng. Tôi đã được bao bọc, được ràng buộc, được cầm tù trong tình yêu của nàng, trong ánh mắt nàng nhìn, trong lời nàng nói, trong hơi nàng thở. Khi ấy, tôi như bay bổng trong hạnh phúc, không cần biết đang là ngày hay đang là đêm, tôi đang sống ở đâu, trên trái đất hay trên mặt trăng, tôi đang sống hay là tôi đã chết...

Cuộc sống của tôi lúc đó tràn đầy hạnh phúc, tôi bơi ngụp trong niềm hạnh phúc hoan lạc vô biên. Thế mà nàng chết. Như thế nào? Tôi không biết, tôi không biết nữa.

Một đêm mưa gió, nàng về nhà, ướt sũng, ngày hôm sau, nàng húng hắng ho, rồi nàng cứ ho mãi trong suốt một tuần và cuối cùng nàng ốm, nằm liệt giường.

Điều gì đã xảy ra? Tôi không biết nữa.

Các bác sĩ đến, viết đơn thuốc rồi đi. Người ta mang đến đủ các loại phương thuốc, một hộ lý cho nàng uống tất cả các loại thuốc các bác sĩ kê. Tay nàng nóng, trán nóng và lấm tấm mồ hôi, ánh mắt nàng rực sáng đầy vẻ

u buồn. Tôi nói chuyện với nàng, nàng đáp chuyện với tôi. Chúng tôi đã nói những gì tôi cũng không biết nữa. Tôi đã quên cả rồi, tôi đã quên hết, quên hết. Nàng chết, tôi nhớ rất rõ tiếng thở dài cuối cùng của nàng, một tiếng thở dài rất khẽ, rất nhẹ, tiếng thở dài cuối cùng.

Người trông nàng thốt lên: “A”. Tôi hiểu, tôi hiểu ngay. Tôi đã chẳng biết gì nữa. Không một chút nào nữa hết. Tôi nhìn thấy một linh mục thốt lên: “Cầu chúa phù hộ cho con”. Với tôi có vẻ như ông ta đã xúc phạm nàng. Tôi đuổi ông ta đi. Một người khác đến, ông này có vẻ rất tốt, rất hiền từ. Tôi khóc khi ông nói với tôi về nàng. Người ta hỏi tôi hàng nghìn điều về thủ tục mai táng. Tôi không biết nữa. Thế nhưng tôi nhớ rất rõ cái áo quan, nhớ rất rõ tiếng búa đóng chốt chặt nàng trong đó. Ôi! Chúa ơi!

Nàng đã bị chôn chặt! Bị chôn chặt! Nàng! Trong cái huyết này! Một vài người bạn đến đưa tiễn nàng. Tôi chạy. Tôi trốn. Tôi lang thang vô định ngoài phố. Rồi tôi trở về khách sạn. Ngày hôm sau tôi sẽ lên đường về nhà.

Hôm qua tôi về Paris.

Khi tôi nhìn lại phòng mình, phòng của chúng tôi, đồ đạc của chúng tôi, mọi thứ của nàng vẫn còn nguyên ở vị trí cũ, như khi nàng còn sống, đau buồn biết mấy, vật vẫn còn đây mà người đâu mất rồi. Tan nát cõi lòng, tôi đóng cửa sổ lại và định đi. Làm sao có thể ngồi lại giữa những đồ vật thân yêu đầy kỷ niệm này được, làm sao có thể ngồi giữa những bức tường, những bức tường đã bao bọc nàng, che chở nàng. Tôi như vẫn nhìn thấy bóng dáng nàng qua những thứ nàng còn để lại, chịu không nổi, tôi vớ lấy cái mũ để đi. Đột nhiên, khi tôi đi đến cánh cửa ra vào, tôi đi ngang qua chiếc gương lớn mà nàng đã đặt ở đó để ngắm lại từ đầu đến chân mỗi khi đi ra ngoài, trang phục, đầu tóc đã hoàn toàn ưng ý hay chưa. Tôi đứng hẳn lại trước cái gương. Cái gương đã thường xuyên phản chiếu hình ảnh nàng, hẳn nhiên nó vẫn còn giữ lại bóng hình nàng.

Tôi đứng đó, run rẩy, mắt dán chặt vào gương, một mặt gương phẳng, sâu, trống rỗng nhưng nó đã từng bao chứa toàn bộ bóng hình nàng, cũng như tôi, cũng như đôi mắt si mê của tôi từng ngắm nhìn nàng. Điều đó khiến tôi phát sinh cảm giác yêu mến cái gương, tôi chạm vào nó, nó lạnh ngắt! Ôi!

Kỷ niệm! Kỷ niệm! Cái gương đau khổ, cái gương sáng láng, cái gương muôn năm, cái gương khủng khiếp làm tôi đau lòng như đang bị tra tấn.

Hạnh phúc thay những con người có trái tim như một cái gương, như một tấm gương mà mọi hình ảnh chỉ lướt qua và được xóa sạch đi, quên đi tất cả những gì nó từng bao chứa, tất cả những gì từng đi qua, tất cả những gì, những gì từng soi, từng ngắm trước nó với đầy tình âu yếm, thương yêu! Ôi tôi mới đau khổ làm sao!

Tôi bỏ ra đường và dù không muốn, nhưng không hiểu sao tôi lại đi về phía nghĩa trang. Tôi tìm ngay thấy mộ nàng không khó khăn gì, một cây thánh giá bằng cẩm thạch với vài chữ: “Nàng đã yêu, được yêu, và đã chết”.

Nàng đang ở dưới đó, dưới tí sâu lòng đất, đang thối rữa! Khủng khiếp quá! Tôi bật khóc nức nở, trán tì xuống đất.

Tôi ở lại đó rất lâu. Rồi tôi nhận thấy rằng trời đang dần tối. Bỗng nhiên tôi muốn, một mong muốn kỳ quặc điên rồ, được ở lại cùng nàng đêm nay, đêm cuối cùng này để khóc trên mộ nàng. Nhưng người ta sẽ trông thấy tôi, người ta sẽ đuổi tôi đi. Làm thế nào bây giờ? Tôi phải mưu mẹo một chút mới được. Tôi đứng lên và đi lang thang trong thành phố của người chết. Tôi đi, đi mãi. Nó mới bé nhỏ làm sao, thành phố của người chết, so với thành phố kế cận, thành phố của những người đang sống. Tuy rằng số lượng người đã chết nhiều hơn nhiều so với người đang sống, chúng ta, những người sống cần đến rất nhiều những nhà cao tầng, những con phố, vô cùng nhiều những quảng trường để cho bốn thế hệ có thể cùng nhìn thấy ánh mặt trời, cùng uống nước, cùng uống rượu vang và cùng ăn bánh mì. Thế nhưng tất cả những thế hệ của những người chết, vô cùng nhiều, từ thời cụ tổ đến tận thời chúng ta thì gần như lại chẳng có gì cả, chỉ một khu nhỏ, gần như không có gì hết. Đất bao chứa họ, chôn vùi họ, xóa đi thân thể hình ảnh của họ. Vĩnh biệt!

Ngay khi vào khu nghĩa địa, tôi thấy có một nhà mồ bỏ không, đấy là nơi mà có những người đã được chôn và đã rửa vào trong đất, với tấm bia mộ đã mục nát, và chính tại cái mộ này, sẽ có một người mới chết khác sẽ được chôn và sẽ rửa ra tại đây. Hoa hồng dại và những cây bách mọc xanh mướt ngôi nhà mồ do được bón bằng xương thịt người chết.

Tôi ở đó có một mình, mỗi một mình. Tôi thu mình nấp sau một cây to. Tôi trốn ở đó, hoàn toàn được che khuất bởi những cành lá rậm rạp.

Và tôi đợi, bám chặt vào thân cây như một kẻ chết đuối bám vào cọc. Khi trời đã tối, tối đen như mực, tôi rời chỗ nấp và dò dẫm từng bước nặng nề trên mảnh đất toàn người chết. Tôi lang thang rất lâu, rất lâu nhưng tôi không tìm thấy mộ nàng. Tay giơ ra phía trước, mắt mở to, tay tôi, chân tôi, đầu gối tôi, ngực tôi, và cả đầu tôi nữa đụng bộp bộp phải các mộ khác. Tôi dò dẫm đi mãi mà không tìm thấy được mộ nàng. Tôi dò dẫm, sờ soạng đi trong đêm tối như một người mù tìm đường, tôi sờ vào đất đá, vào bia mộ, vào các vòng hoa tươi, vào các vòng hoa héo. Tôi đọc tên bằng cách lấy ngón tay sờ lần theo chữ khắc. Bóng tối mới tệ hại làm sao! Bóng tối mới tệ hại làm sao! Tôi không tìm được mộ nàng!

Không có ánh trăng! Màn đêm khủng khiếp! Tôi sợ, một nỗi sợ khủng khiếp bao trùm. Trên một con đường nhỏ lờ mờ hiện ra giữa hai hàng mộ, những ngôi mộ lù lù. Luôn luôn là những ngôi mộ. Bên trái, bên phải, đằng trước, đằng sau, xung quanh tôi toàn mộ là mộ! Thậm chí tôi cũng đang ngồi lên một ngôi mộ bởi đôi chân quá mệt mỏi và quá sợ hãi đã không còn đứng được nữa. Tôi nghe tiếng tim tôi đập dồn dập, và tôi nghe thấy xung quanh những tiếng động khác lạ đang vọng đến! Tiếng gì thế nhỉ? Những tiếng động lộn xộn khó phân biệt, hay đó là do đầu óc quá mệt mỏi và sợ hãi của tôi tưởng tượng ra trong đêm đen tối thui này, hay tiếng động đó phát ra từ dưới lòng đất, nơi chôn đầy xác người chết này? Tôi nhìn quanh...

Tôi đã ở đây được bao lâu rồi nhỉ? Tôi không biết nữa. Tôi đờ ra vì khiếp sợ, tôi sợ cuống cả lên đến nỗi chỉ cần một tiếng động nhẹ cũng khiến tôi chết khiếp. Hình như tôi cảm thấy tấm đá hoa cương trên mộ tôi đang ngồi chuyển động. Đúng, rõ ràng là nó đang chuyển động, nó đang dâng cao lên. Tôi nhảy phắt sang mộ bên cạnh, tôi thấy tận mắt phiến đá mà tôi vừa ngồi dịch chuyển, đùn lên; và một bóng ma xuất hiện, xuất hiện từ dưới ngôi mộ, một bộ xương khô với cái lưng không không. Tôi nhìn rất rõ cho dù lúc đó trời tối đen như mực. Trên tấm bia vừa đùn lên tôi lờ mờ đọc được dòng chữ: “Nơi yên nghỉ của Jacques Oliviant, mất ở tuổi năm mốt, ông yêu mến

bà con thân thuộc, ông luôn tốt bụng và tử tế, ông chết, trong sự yên bình của Chúa”.

Trong lúc tôi đang đọc dòng chữ được khắc cẩn thận trên tấm bia thì bóng ma vừa hiện ra lúc này dường như cũng đọc những gì đã được ghi trên mộ ông ta. Bóng ma nhặt một viên sỏi trên đường, một viên sỏi có cạnh sắc, rồi ngồi tỉ mỉ, cẩn thận cạo sạch những chữ người ta đã ghi trên bia, sau khi tấm bia đã được cạo sạch, bóng ma viết lại lên bia những dòng chữ chói sáng: “Nơi đây yên nghỉ Jacques Olivand, chết ở tuổi năm mươi mốt, vì muốn sớm có được gia tài ông đã cư xử tàn tệ khiến bố ông chết sớm, ông bạc đãi vợ, đánh đập con cái, lừa lọc họ hàng, ăn cắp khi có thể và chết một cách khốn khổ”.

Sau khi hoàn tất việc viết lại mộ bia, bóng ma đứng bất động một lúc chiêm ngưỡng tác phẩm của mình. Quay người lại tôi thấy các mộ khác cũng đã mở hết, những bóng ma từ các ngôi mộ khác đã chui hết ra khỏi mộ, tất cả bọn họ đều đang xóa những lời dối trá mà cha mẹ, anh em, người thân đã ghi trên mộ bia của họ thay vào đó là những dòng chữ về sự thật của họ. Và tôi thấy tất cả bọn họ đều là những kẻ đáng ghét, xấu xa, đạo đức giả, nói dối, nghiện rượu, vu khống, ghen ăn tức ở với người khác. Giờ đây, những con người mà trên bia mộ ghi những lời ca ngợi họ là những ông bố đáng kính, người chồng, người vợ chung thủy, người con hiếu thảo, thương nhân trung thực, những người đàn ông và đàn bà không có gì đáng chê trách... họ đang loay hoay sửa lại những tấm bia trước khi đi vào cõi vĩnh hằng để ghi lại trên đó những sự thật khắc nghiệt, ác độc, khủng khiếp mà những người còn sống đã không biết, hoặc là đi coi như không biết. Và tôi đột nhiên nghĩ rằng chắc giờ này vợ yêu của tôi cũng đang làm vậy trên bia mộ của nàng. Tôi không còn thấy sợ nữa, tôi chạy giữa các ngôi mộ, chạy xuyên qua các bóng ma, chạy giữa những bộ xương người chết để đi tìm nàng, đi tìm mộ nàng. Một lát sau, tôi trông thấy từ xa bóng hình yêu dấu của nàng, tôi nhận ra nàng ngay dù không nhìn được mặt nàng vì nó đã bị khăn liệm che phủ. Và trên mộ bia nàng lúc trước tôi đã đọc: “Nàng đã yêu, được yêu và chết”. Giờ đây đã được ghi lại với dòng chữ: “Một hôm dối chồng đi ngoại tình, mắc mưa, cảm lạnh, chết”.

Hình như là sáng hôm sau, người ta tìm thấy tôi, bất tỉnh cạnh một ngôi mộ.

# ANH TA? (VIẾT CHO PIERRE DECOURCELLE)

Bạn thân mến, bạn không hiểu tí gì ư? Còn tôi thì hiểu đấy. Bạn tin rằng tôi điên rồi sao? Có thể tôi hơi điên, nhưng không phải điên theo cách bạn nghĩ đâu. Vâng, tôi đã kết hôn. Thế đấy.

Thế nhưng tôi không hề thay đổi các quan niệm tôi đã có trước đây. Tôi coi những mối quan hệ mang tính hợp pháp, chỉ là những trò ngớ ngẩn. Tôi chắc rằng cứ mười đôi vợ chồng thì phải có đến tám đôi ăn ở với nhau mà không cưới xin. Những đôi cưới nhau là những kẻ dốt nát, từ bỏ quyền có được tình yêu tự do, điều vui vẻ và tốt đẹp duy nhất trên đời này, họ đã từ bỏ niềm hạnh phúc được sống tự do theo ý mình bằng cách tự gắn đời mình vào một người đàn bà hay một người đàn ông cụ thể nào đó... Không bao giờ tôi cảm thấy tội lỗi khi yêu một phụ nữ, bởi tôi luôn yêu quá nhiều người. Tôi mong có được hàng nghìn đôi tay, hàng nghìn đôi môi để có thể ôm xiết cùng một lúc thật nhiều cô nàng, yêu kiều và đom đóm. Ấy thế nhưng tôi lại kết hôn.

Tôi nói thêm rằng tôi biết về người vợ sắp cưới của tôi rất ít. Tôi mới chỉ gặp cô ấy khoảng bốn năm lần. Tôi biết cô ấy không muốn làm tôi phật ý; đối với tôi thế là đủ để có thể cưới cô ấy. Cô ấy nhỏ bé, tóc vàng, người tròn trịa. Rồi một ngày kia, tôi sẽ khát khao mong muốn một cô cao lớn, tóc nâu, người mảnh khảnh.

Cô ấy không giàu, cô là con gái một gia đình trung lưu. Đó là một cô gái như bao cô gái khác, không có gì đặc biệt, sẽ là một người vợ đảm, một người mẹ hiền. Không có gì đáng ngợi khen nhưng cũng chẳng có gì đáng



chê trách, trong một xã hội thị dân tầm thường. Người ta nhận xét: “Cô Lajolle là một cô gái tốt”. Ngày mai họ sẽ nói: “Bà Raymon là một phụ nữ rất tốt”. Cô ấy thuộc về một lớp thiếu nữ ngoan ngoãn tử tế, mà người ta rất yên tâm và vui lòng lấy về làm vợ. Để rồi một ngày nào đó, người ta lại khám phá ra rằng người ta thích bất cứ một người phụ nào khác ngoài người phụ nữ mà người ta đã chọn. Chắc là cậu sẽ hỏi vì sao tôi kết hôn? Tôi xin thú thật với cậu, lý do lạ lùng và thật vô lý đã đẩy tôi đến quyết định điên rồ đó: Tôi kết hôn để không phải ở một mình!

Tôi không biết phải giải thích thế nào, phải nói thế nào cho bạn hiểu. Bạn hẳn sẽ lấy làm thương hại tôi, khinh thường tôi, khinh bỉ tôi cho rằng tôi thật ti tiện và thật đáng khinh biết mấy.

Đêm xuống tôi không còn muốn ở một mình nữa. Tôi muốn cảm thấy có một ai đó ở gần tôi, dựa vào tôi, một người có thể nói, có thể kể chuyện, chuyện gì cũng được, điều gì cũng được.

Tôi muốn đánh thức người đó dậy chỉ để hỏi một câu, hỏi bất kỳ điều nào đó, một cách đột ngột, một câu hỏi hoàn toàn ngu ngốc, chỉ để nghe được một giọng nói, để cảm thấy có người đang sống trong ngôi nhà của mình, để cảm thấy có người đang thức, có bộ óc đang hoạt động, và để đang đêm giật mình thức giấc, tôi nhìn thấy mặt một con người đang nằm cạnh tôi... bởi vì... bởi vì... (Tôi không dám thú nhận điều đáng xấu hổ này)... bởi vì tôi sợ, sợ phải ở một mình. Ôi, bạn vẫn chưa hiểu tôi.

Tôi không sợ hiểm nguy. Nếu có kẻ nào lén vào nhà tôi, tôi sẽ giết nó không nháy mắt. Không sợ ma, không sợ quỷ, tôi không sợ người chết. Tôi tin rằng người chết là hết.

Vậy mà!... Vâng. Vậy mà!... Thế đấy! Tôi sợ chính bản thân mình! Tôi sợ cảm giác sợ; sợ cảm giác co thắt tim vì sợ, sợ cảm giác khủng khiếp của nỗi sợ không thể hiểu được.

Hãy cười đi nếu bạn muốn. Đó là một điều đáng sợ không sao nguôi quên! Tôi sợ những bức tường, những đồ vật trong nhà, những vật dụng thân quen, đối với tôi, đó là một dạng sinh vật sống. Tôi sợ nhất là sự mất tỉnh táo trong suy nghĩ, trong đầu óc tôi, thỉnh thoảng đầu óc tôi lại bấn loạn lên bởi một cơn điên giận rồ dại vô lý.

Thường thì đầu tiên tôi cảm thấy một sự lo lắng vô cớ xâm chiếm tim óc tôi, rồi sự lo lắng đó khiến tôi nổi da gà. Tôi nhìn quanh, chẳng có gì! Tôi muốn một điều gì đó! Điều gì nhỉ? Một điều gì đó có thể hiểu được. Bởi tôi chỉ sợ, bởi vì tôi không hiểu nỗi sợ của tôi.

Tôi nói! Tôi sợ giọng nói của tôi. Tôi dạo bộ! Tôi sợ có người lạ sau cửa, sau màn che, trong tủ, dưới giường. Tuy tôi luôn biết rõ chẳng có gì cả. Tôi quay phắt lại bởi tôi sợ có cái gì đó sau tôi, cho dù tôi biết rõ chẳng có gì sau tôi cả.

Tôi bồn chồn, tôi cảm thấy sự hốt hoảng đang lớn dần lên trong tôi; và tôi tự nhốt mình trong phòng; tôi nằm im trong giường, trốn trong ga giường và thu tròn người lại như một hòn bi, tôi nhắm chặt mắt lại một cách tuyệt vọng và tôi cứ nằm im thín thít như thế rất lâu trong khi nghĩ đến cây nến đang cháy trên bàn ngủ và rằng cần phải đứng lên để tắt nó đi nhưng tôi không dám. Đó chẳng lẽ không phải là sự kinh hoàng sao?

Trước kia, tôi chẳng sợ gì cả. Chẳng có gì có thể tác động được đến tinh thần tôi, chẳng có gì có thể xáo trộn được tâm hồn cân bằng yên tĩnh của tôi. Giá có ai nói trước với tôi rằng một ngày kia tôi sẽ bị một căn bệnh sợ vô lý, ngu ngốc, khủng khiếp ám ảnh, hẳn tôi sẽ cười nhạo anh ta. Tôi mở những cánh cửa tối tăm với sự tự tin: tôi lên giường một cách từ tốn, không đẩy những chốt cửa, và tôi không bao giờ nhòm dậy giữa đêm để đảm bảo rằng mọi lối vào nhà đều đã được đóng kín.

Thế mà những điều đó bắt đầu xảy ra từ năm ngoái, theo một cách rất đặc biệt, kỳ cục. Lúc đó vào một tối thu ẩm ướt, khi người hầu gái thu dọn bàn, sau khi tôi dùng cơm tối, tôi tự hỏi tôi sẽ làm gì tiếp. Tôi đi đi lại lại trong phòng mình một lát. Tôi tự nhiên cảm thấy chán ngấy mọi thứ, không sao làm việc được, thậm chí cũng không sao tập trung được để đọc. Kính cửa mờ đục vì ngoài trời đang mưa nhẹ; tôi buồn chán, một nỗi buồn không nguyên do, len lỏi vào trong tôi. Khi bạn ngồi buồn trong nhà, trong một khí trời như thế, bạn cũng cảm nhận được một nỗi buồn, khiến bạn có thể phát khóc lên được, khiến bạn muốn nói chuyện với ai cũng được để xua đi cái cảm giác nặng nề đè trĩu lên tim bạn. Tôi cảm thấy cô đơn. Nhà của tôi, giờ đây với tôi có vẻ thật hoang vắng như thế nó không bao giờ là một nhà dân

ở. Một cảm giác cô độc chụp xuống tâm hồn tôi. Làm gì bây giờ? Tôi ngồi xuống. Vừa ngồi xuống tôi đã có một cảm giác rất sốt ruột, khiến tôi đứng phắt lên và lại bắt đầu đi lại trong phòng. Có lẽ tôi cũng hơi sốt, bởi tay tôi đã được tôi chấp lại sau lưng như người ta vẫn làm khi người ta đi dạo một cách từ tốn, đang nóng rục lên, và tôi để ý đến điều này. Rồi bỗng nhiên một cơn rùng mình chạy suốt sống lưng tôi. Tôi cho rằng không khí ẩm ướt đã làm tôi nhiễm lạnh và tôi nảy ra ý muốn đốt lửa. Tôi nhóm lửa lên; đó là lần đầu tiên trong năm. Và tôi lại ngồi xuống nhìn ngọn lửa. Nhưng ngay khi tôi vừa ngồi xuống thì tôi lại có một cảm giác bồn chồn rất lạ, cảm giác này thúc tôi đứng bật dậy, và tôi cảm thấy cần phải bỏ đi, cần phải hoạt động, cần phải tìm đến một người bạn.

Tôi ra ngoài. Tôi đến nhà ba người bạn cùng lớp mà chẳng gặp được ai, rồi tôi quyết định đi ra đại lộ, quyết định tìm ai đó để làm quen.

Trời âm u. Những vĩa hè loáng nước. Trời ẩm, một không khí ẩm cúng nhưng vẫn có thể làm cho bạn rùng mình vì lạnh, không khí đầy hơi nước bao phủ khắp các đường phố, và có vẻ sẽ làm tắt ngấm mọi ngọn lửa ga.

Tôi vừa bước đi những bước uể oải, vừa lẩm bẩm: “Tôi chẳng tìm được ai để chuyện trò cả”. Tôi đã xục xạo rất nhiều lần trong các quán cà phê, từ phố Madelein đến tận ngoại ô Poissonier. Tôi chỉ thấy toàn những người tẻ nhạt ngồi trầm tư trước một cái bàn, thậm chí chẳng buồn uống cho hết đồ uống mình đã gọi.

Tôi cũng đã lang thang vơ vẩn rất lâu trên đường phố, và vào khoảng mười hai giờ đêm tôi bắt đầu quay bước trở về nhà. Tôi rất bình tĩnh nhưng vô cùng buồn chán. Ông gác cổng, người luôn đi ngủ trước mười một giờ đêm, mở ngay cửa cho tôi, không phải là thói quen của ông ta, và tôi nghĩ: “Á à, chắc chắn là có người thuê nhà mới vừa mới lên phòng đây”.

Khi tôi ra khỏi nhà, bao giờ tôi cũng khóa hai lần khóa. Thế mà bây giờ tôi thấy nó đang hé mở, tôi hơi lạ, tôi cho là người ta mang thư đến cho tôi.

Tôi vào nhà, nến vẫn còn đang cháy, căn phòng sáng mờ mờ, tôi lấy nến để ra nhóm lò. Khi đi gần đến lò sưởi, tôi nhận thấy có ai đó đang ngồi trong ghế bành của tôi, quay lưng lại tôi và đang hơ chân sưởi ấm. Tôi hơi sợ, nhưng rồi tôi nghĩ chắc đó là một người bạn tôi đi ngang qua rẽ vào chơi với

tôi. Người gác cửa đã cho anh ta mượn chìa khóa vào phòng đợi tôi. Trong một giây, tôi nghĩ đến mọi tình huống, chốt kéo cửa được kéo ngay và cửa nhà tôi được đẩy ra.

Bạn tôi?, tôi chưa nhận ra đó là ai vì tôi chỉ nhìn thấy mỗi mái tóc anh ta, hẳn anh ta đã thiếp đi trong khi đợi tôi về, thế nên tôi đi đến để đánh thức anh ta dậy. Tôi ngắm nhìn anh ta, một tay thông xuống, hai chân khoanh tròn, đầu anh ta hơi nghiêng về tay ghế bên trái, anh ta đang say sưa ngủ. Tôi tự hỏi: Ai thế nhỉ? Hay ai đó vào nhầm phòng. Tôi đưa tay ra định lay vai anh ta... Tôi chạm tay vào thành ghế! Chẳng có ai ở đó nữa. Cái ghế rỗng không.

Giật mình làm sao, trời ơi!

Tôi lùi ngay lại như thể gặp một mối nguy hiểm khủng khiếp đã xuất hiện trước mắt tôi. Tôi quay phắt lại vì cảm thấy có ai đó đứng sau lưng mình; rồi ngay sau đó tôi lại cảm thấy một nhu cầu bức thiết quay lại nhìn cái ghế, tôi lại quay phắt lại một lần nữa. Tôi đứng, ngạt thở vì sợ, cuống lên, không còn nghĩ được gì nữa.

Nhưng tôi là một người đàn ông bình tĩnh, tôi lấy ngay lại được tinh thần. Tôi nghĩ: “Mình vừa bị ảo giác, có thể thôi”. Ngay lập tức tôi suy nghĩ về hiện tượng này. Tư duy của tôi làm việc hết tốc lực. Tôi đã có một ảo giác, đó là một điều không thể chối cãi được, trong khi tôi vẫn đang rất minh mẫn và tỉnh táo, đầu óc tôi vẫn hoàn toàn bình thường. Tôi cũng không hề làm việc quá sức, hiện giờ tôi cũng không hề phải bận tâm lo lắng bất cứ vấn đề gì. Duy chỉ có mắt tôi đã lăm lăm, thị giác đã đánh lừa trí óc. Mắt tôi đã có một ảo ảnh, một trong những ảo ảnh khiến cho những người ngây thơ tin rằng những điều huyền bí đang hiện hữu. Đó chỉ là một trong những tai biến của dây thần kinh thị giác, thể thôi, chẳng có gì khác, cũng có thể do hơi xung huyết một chút.

Tôi đốt đèn lên, khi nghiêng người về phía ngọn lửa tôi nhận thấy tôi đang run, và tôi giật mình đứng thẳng lên như thể có ai đó chạm vào tôi từ phía sau. Tôi không còn hồn vía nào. Tôi đi lại vài bước trong phòng, tôi nói to lên, tôi hát khe khẽ một vài giai điệu.

Rồi tôi đóng cửa phòng lại, khóa hai lần khóa, tôi cảm thấy hơi yên tâm một chút. Ít nhất thì cũng chẳng có ai có thể vào được phòng tôi.

Tôi lại ngồi xuống và suy nghĩ rất lâu, về sự việc vừa xảy ra với tôi; thế rồi tôi lên giường đi ngủ, tôi thối tắt đèn. Trong vài phút, mọi việc đều bình thường, tôi nằm ngửa, thấy mọi việc đều bình thường như mọi ngày. Thế rồi bỗng tôi thấy cần dậy, ngó lại một vòng trong phòng; tôi lật người lại, đèn của tôi chỉ còn hai ba đốm lửa nhỏ chỉ soi sáng được đến chân ghế bành; và tôi tin lại nhìn thấy một người đang ngồi trong đó.

Rất nhanh tôi khêu cao đèn lên. Nhầm sao, tôi lại chẳng nhìn thấy gì nữa hết. Tuy nhiên, tôi đứng lên và đem giấu cái ghế bành ra đằng sau giường. Rồi tôi lại vặn nhỏ đèn đi và cố gắng ngủ đi. Tôi không sao ngủ được, tôi nhớ lại mồn một tất cả những điều đã xảy ra trong tối nay. Thế là tôi cuống lên, ngồi phắt dậy, khêu cao đèn lên cho ánh sáng soi rọi khắp phòng, rồi tôi ngồi im trên giường, thậm chí không dám nghĩ đến việc ngủ lại nữa.

Tuy nhiên đã hai lần tôi ngủ thiếp đi, và cả hai lần tôi lại thấy cảnh cũ. Tôi tự cho rằng mình điên mất rồi.

Khi trời sáng, tôi mệt phờ và tôi ngủ luôn tới tận trưa. Thế là rõ rồi. Tôi đã bị sốt, tôi đã có một cơn ác mộng, tôi biết gì nào? Tôi đã bị ốm, thế thôi. Tuy nhiên tôi thấy mình thật quá ngu ngốc.

Tôi đã qua một ngày rất tuyệt, tôi ăn tối ở một quán cà phê âm nhạc, tôi đi xem kịch, rồi tôi quay về nhà. Nhưng ngay khi tôi đi về gần tới nhà tôi lại cảm thấy một mối lo lắng lạ lùng xâm chiếm lấy tôi. Tôi sợ lại phải nhìn thấy anh ta, thấy ma. Không phải vì sợ ma, sợ anh ta, không phải vì sợ sự có mặt của anh ta, tôi không tin là có ma hiện hữu, nhưng tôi sợ rằng tôi sẽ lại có ảo giác, tôi sợ, cảm giác sợ khi tôi gặp ảo giác.

Trong suốt hơn một giờ đồng hồ, tôi lang thang trên các phố, cuối cùng tôi thấy làm thế quả thật quá ngu ngốc nên tôi đi về nhà. Tôi run đến nỗi không sao đi lên cầu thang được, tôi còn đứng ở trước thềm cửa phòng mình đến mười phút, rồi lấy hết can đảm tôi tra chìa vào ổ; tôi cầm sẵn đèn ở tay và đập mạnh vào cửa để mở nó ra, ngay khi cửa vừa mở tôi nhìn ngay về phía lò sưởi, chẳng có gì ở đó. “A!...”

Nhẹ nhõm làm sao! Vui sướng làm sao! Hạnh phúc làm sao! Tôi bước vào phòng với một hơi thở nhẹ nhõm. Nhưng tôi vẫn chưa cảm thấy hoàn toàn yên tâm, tôi giật nảy mình quay lại, bóng tối trong góc phòng làm tôi hơi lo lắng.

Tôi ngủ không được ngon, thức giấc thon thót bởi những tiếng động tưởng tượng. Nhưng tôi không hề nhìn thấy anh ta nữa. Không hề. Hết rồi! Kể từ hôm đó, tôi sợ phải ở một mình vào ban đêm. Tôi cảm thấy cái nhìn của ai đó cứ ở quanh tôi, sát cạnh tôi. Anh ta không xuất hiện nữa, không! Thế nhưng quan trọng là tôi vẫn luôn cảm thấy anh ta ở đó, trong khi lý trí sáng suốt của tôi vẫn cười nhạo tôi và luôn khẳng định rằng chẳng có gì đâu! Vậy nhưng tôi vẫn luôn nghĩ đến anh ta và luôn tưởng tượng đến anh ta, luôn nhớ đến anh ta.

Một tay thông xuống, đầu nghiêng về phía bên trái như thể một người đang say ngủ... Ôi, thôi nào, quá đủ rồi đấy, Chúa ơi! Tôi không muốn nghĩ đến anh ta nữa!

Thế nhưng điều ám ảnh đó là gì vậy? Tại sao lại dai dẳng đến vậy? Chân của anh ta để sát gần lửa! Anh ta ám ảnh tôi, điên rồ thật, nhưng, Anh ta, Anh ta là ai? Tôi biết rõ rằng anh ta không tồn tại, rằng chẳng có gì hết! Anh ta chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng, trong sự khiếp sợ, trong sự lo lắng của tôi mà thôi! Ôi, thế là quá đủ rồi.

Tôi cố tự thuyết phục mình, cố làm mình yên tâm, cố làm mình tin chẳng có gì nhưng vẫn vô ích. Tôi không thể ở lại nhà một mình vì anh ta đang ở đó, tôi không nhìn thấy anh ta nữa vì anh ta không cho tôi nhìn thấy anh ta nữa. Nhưng dù thế nào đi chẳng nữa thì anh ta vẫn còn đang ở đó, trong óc tôi. Anh ta đã trở nên vô hình, thế nhưng anh ta vẫn ở đó. Anh ta ở sau cửa, trong tủ, dưới gầm giường, trong các góc tối. Nếu tôi ngó ra đằng sau cửa, nếu tôi mở tủ ra kiểm tra, nếu tôi soi đèn vào gầm giường, nếu tôi soi sáng các góc tối, thì chẳng có gì nữa hết; thế nhưng tôi luôn cảm thấy anh ta ở đằng sau tôi. Nếu tôi quay phắt lại tôi sẽ chẳng nhìn thấy gì. Tôi chẳng nhìn thấy anh ta nữa. Thế nhưng anh ta ở đó, ngay sát gần tôi, tôi tin thế.

Thật ngu ngốc nhưng điều đó thật tồi tệ. Bạn muốn gì? Tôi không thể làm thế nào cho bạn hiểu được.

Nhưng nếu tôi có hai người trong nhà, tôi sẽ cảm thấy, vâng, tôi sẽ cảm thấy yên tâm rằng anh ta sẽ không còn ở đó nữa. Bởi vì anh ta chỉ ở đó khi tôi có một mình, duy nhất mình!

# VÔ HÌNH

## (BẢN VIẾT ĐẦU)

Bác sĩ Marrande, bác sĩ nổi tiếng nhất, lỗi lạc nhất trong các bác sĩ tâm thần, đã mời ba người bạn đồng nghiệp cùng bốn nhà bác học chuyên nghiên cứu về khoa học tự nhiên đến phòng mạch tư của ông để cùng xem xét, kiểm tra và chẩn trị cho một người bệnh của ông. Khi họ đã tề tựu đông đủ, ông nói: “Tôi sắp đưa ra đây một trường hợp kỳ lạ nhất, đáng lo lắng nhất mà tôi đã từng gặp. Thế nên, tôi sẽ không nói trước một điều gì về người bệnh của tôi với các bạn, anh ta sẽ tự nói cho các bạn nghe”.

Rồi ông bác sĩ nhấn chuông, một nhân viên phục vụ đưa vào một người đàn ông. Ông này rất gầy, gầy như một bộ xương khô, gầy như những người phát điên vì những suy tưởng, và bị những suy tưởng bệnh hoạn gặm nhấm đến tận xương tận tủy, nó làm con người ta hao mòn, còn hơn cả là sốt cao hay bị lao phổi.

Người đó chào mọi người rồi vừa ngồi xuống vừa nói:

Thưa các ông, tôi biết vì sao các ông tụ tập đến đây và tôi sẵn lòng kể cho các ông nghe chuyện của tôi, vì bạn của tôi, bác sĩ Marrande đã đề nghị tôi như thế. Trước đây người ta cho rằng tôi điên. Giờ đây họ không chắc lắm. Một thời gian nữa các ông sẽ thấy rõ rằng tôi hoàn toàn bình thường, hơn thế nữa tôi còn sáng suốt, minh mẫn hơn bất cứ ai trong các ông, bất hạnh thay cho tôi, cho các ông và cho cả nhân loại.

Tôi sẽ kể lại chuyện của mình một cách thật chi tiết để các ông dễ hình dung:

Tôi năm nay bốn mươi hai tuổi, tôi chưa kết hôn. số tiền tôi được thừa kế, đủ để tôi sống suốt đời một cách tương đối vương giả mà không phải làm gì hết. Trước đây tôi sống ở một ngôi nhà trên bờ sông Seine ở Biessard, một



nơi gần Rouen. Săn bắn và câu cá là trò tiêu khiển ưa thích của tôi. Nhà tôi dựa vào một dãy núi lớn, trên núi là một trong những khu rừng đẹp nhất nước Pháp, khu rừng Roumare, và trước nhà tôi là một trong những dòng sông đẹp nhất thế giới.

Nhà tôi rộng, xinh xắn, cổ kính với tường nhà phía ngoài sơn trắng, bao quanh nhà là một cái sân lớn, rợp bóng mát của những cây cổ thụ tuyệt đẹp, những cây này bò được lên tới tận rừng bằng cách leo lên những sườn núi mà tôi sẽ nói đến sau.

Người làm của tôi, hay nói đúng hơn những người làm trước kia của tôi gồm có một người đánh xe, một bác làm vườn, một gã hầu phòng, một bà đầu bếp và một bà quản gia. Tất cả bọn họ đều đã làm cho nhà tôi từ rất lâu rồi, người ít nhất cũng đã mười năm còn người lâu nhất là mười sáu năm, nghĩa là họ biết rõ tôi, biết rõ mọi góc ngách trong nhà tôi, quen thuộc mọi con đường nơi chúng tôi sống, quen mặt tất cả những người thân thích của tôi. Họ là những người phục vụ tốt và biết giữ mồm miệng. Điều đó rất quan trọng đối với những gì tôi sắp nói ra đây. Tôi phải nói thêm rằng sông Seine, con sông nằm dọc theo vườn nhà tôi thì khá rộng và tàu bè có thể qua lại theo đường đó để đi đến Rouen, và hàng ngày tôi vẫn ngắm các con thuyền lớn, cái chạy bằng buồm, cái chạy bằng hơi nước đến từ khắp nơi trên thế giới đi ngang qua khúc sông đó.

Cách đây một năm, vào một ngày cuối thu, tôi bỗng thấy vô cùng khó chịu, bất ổn, một sự khó chịu bất ổn kỳ lạ và không thể giải thích được. Ban đầu tôi cảm thấy lo lắng bồn chồn, khiến tôi thường giật mình thức giấc lúc nửa đêm, và khi đó tôi rất dễ bị kích động đến nỗi chỉ một tiếng động nhỏ cũng khiến tôi phát run. Tôi lúc nào cũng trong tình trạng bồn chồn, dễ nổi cáu một cách khó hiểu. Tôi đã đi khám bác sĩ và ông này đã kê cho tôi một liều thuốc an thần và liệu pháp tắm hương sen.

Tôi tắm vòi sen hai lần sáng tối mỗi ngày, tôi uống thuốc an thần. Kết quả là tôi bắt đầu buồn ngủ, nhưng cơn buồn ngủ còn đáng sợ hơn cả sự mất ngủ. Vừa nằm xuống nhắm mắt lại tôi đã như rơi tòm vào hư không, tôi cảm thấy như bị kéo bị lôi, tôi cảm thấy sợ vô cùng. Tôi như cảm thấy có cái gì

đè nặng lên ngực tôi, cảm thấy như có đôi môi của thần chết đang lướt trên môi tôi. Khoảnh khắc đó đáng sợ không thể tả được.

Các ông hãy thử tưởng tượng một người đàn ông đang ngủ bị ám sát, và khi tỉnh dậy thấy một con dao cắm vào họng mình, người mình bê bết máu, và mình không thể thở được nữa, mình sắp chết mà không biết tại sao lại thế, cảm giác tương tự như thế đấy!

Tôi gầy đi một cách đáng lo ngại, và tôi vẫn tiếp tục gầy đi; và đột nhiên tôi cũng nhận thấy, người đánh xe, một người to béo cũng đang gầy đi như tôi. Cuối cùng một hôm tôi hỏi anh ta: “Cậu có sao không, Jean? Cậu ốm à?” Anh ta trả lời tôi: “Tôi cho là tôi cũng bị bệnh như ông, tôi gặp ác mộng mỗi đêm”.

Vậy nên tôi cho là nhà ở cạnh sông có ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người, nên dù lúc đó đang vào đúng mùa săn, tôi cũng quyết định đi đâu đó, khoảng hai ba tháng để thay đổi không khí thì một sự kiện nhỏ, rất lạ, được tình cờ nhìn thấy, đã khiến tôi ở lại.

Một tối, khát nước quá, tôi uống một hơi hết nửa cốc nước và tôi nhận thấy rằng bình nước của tôi vốn được đặt ở trên tủ bày đồ, đối diện với giường tôi đầy tới tận miệng. Đêm đó tôi gặp lại cơn ác mộng mà tôi vừa kể cho các ông nghe. Khi thức giấc, tôi đốt nến lên, cảm thấy bồn chồn khó chịu, tôi muốn uống chút gì đó để lấy lại bình tĩnh, ngạc nhiên khi thấy bình nước của tôi rỗng không. Tôi không tin vào mắt mình nữa. Hoặc ai đó đã vào phòng tôi hoặc tôi bị mộng du. Đêm hôm sau, tôi muốn thử lại. Tôi khóa phòng lại, để tin chắc rằng không ai có thể vào được phòng tôi. Tôi thiếp ngủ và tôi lại tỉnh dậy, hết như đêm hôm trước. Ai đó đã uống hết nước trong bình mà tôi vừa nhìn thấy hai giờ trước đó. Ai đã uống nước của tôi? Hẳn nhiên là tôi rồi, thế nhưng tôi không chắc về điều đó lắm, hoàn toàn không chắc rằng liệu tôi có thể ngồi dậy uống hết nước, trong cơn mê ngủ sâu và nặng nề như thế.

Thế nên tôi nảy ra một mẹo nhỏ để thử xem có phải tôi đã làm những việc đó trong tình trạng vô thức không. Một tối, tôi đặt cạnh bình nước một chai rượu vang boócđô lâu năm, một tách sữa mà tôi rất ghét, và vài cái bánh sô-cô-la loại tôi rất ưa chuộng. Rượu và bánh còn nguyên vẹn, sữa và cà phê

hết sạch. Thế là mỗi tôi tôi thay đổi đồ uống và thức ăn. Luôn luôn như thế: đồ ăn không bao giờ được đựng tối, đồ uống thì chỉ sữa tươi và nhất là nước luôn hết sạch.

Những sự nghi ngờ cứ bám riết lấy tôi. Lẽ nào chính tôi đã thức dậy mà không nhận thức được và uống cả những thứ mà tôi vốn rất ghét, bởi có lẽ trạng thái đờ đẫn trong cơn mộng du đã khiến vị giác tôi thay đổi, khiến tôi ưa thích những thứ mà bình thường tôi không bao giờ đụng đến và từ chối những thứ ngày thường tôi hay ăn. Thế là tôi lại dùng một mẹo khác để đánh lừa chính mình. Tôi buộc tất cả mọi thứ bằng một băng vải bằng muxolin và gói chúng vào một chiếc khăn ăn bằng lanh. Rồi trước khi lên giường đi ngủ, tôi lấy nhọ bôi lem luốc tay mình, miệng mình, râu mình.

Khi tỉnh dậy, mọi thứ vẫn nguyên vẹn, như khi lúc tôi đi ngủ, thế nhưng có vẻ như có ai đó đã chạm vào chúng, bởi cái khăn ăn không còn như lúc tôi để nữa, và hơn thế nữa, sữa và nước đã bị uống sạch. Cửa phòng tôi vẫn khóa và những người hầu đã được tôi dặn canh cửa cẩn thận, không thể bất cẩn để ai đó lọt vào. Một câu hỏi lớn được đặt ra: Ai đã ở bên cạnh tôi hàng đêm? Tôi cảm thấy, thưa các ông, tôi kể quá nhanh chãng. Các ông tùm tùm cười, hiển nhiên các ông nghĩ rằng: “Đồ điên”. Lẽ ra tôi đã phải tả kỹ hơn để cho các ông cảm thấy được cảm giác của một người bị nhốt kín trong nhà của mình, trong chính phòng ngủ của mình, tinh thần hoàn toàn minh mẫn, nhìn thấy bình nước của mình vơi hẳn đi so với trước khi mình đi ngủ. Lẽ ra tôi phải làm gì đó, để cho các ông có thể hiểu nỗi nỗi giày vò đã khiến tôi đau khổ mỗi tối, mỗi sáng. Cảm giác buồn ngủ không cưỡng lại được và cảm giác sợ hãi khủng khiếp khi tỉnh dậy. Thế nhưng tôi vẫn cứ phải sống như thế trong suốt một thời gian dài.

Bỗng nhiên, một ngày, điều kỳ lạ đó không diễn ra nữa. Chẳng có gì suy suyển trong phòng tôi nữa, nước và sữa vẫn còn nguyên đó. Thế là hết những tháng ngày lo sợ. Tôi khỏe dần lên. Niềm vui sống lại trở về với tôi. Rồi tôi biết thêm rằng một trong những người hàng xóm của tôi, ông Legite, cũng gặp phải hiện tượng lạ lùng giống hệt tôi. Tôi càng tin chắc rằng ở gần sông đã gây nên tình trạng bệnh ảo giác như vậy. Người đánh xe của tôi đã xin thôi việc và rời khỏi, nhà tôi từ một tháng nay, khi xin nghỉ việc anh ta

có vẻ bị bệnh rất nặng. Mùa đông đã qua, trời vào xuân. Một sáng, khi đang đi dạo trong vườn, gần một bồn hoa hồng, tôi nhìn thấy, một cách rõ ràng, ngay sát cạnh tôi, một bông hồng rất đẹp bỗng bị bẻ ngang thân, như thể có một bàn tay vô hình hái nó, rồi nó đi theo một đường cong như thể ai đó cầm nó đưa lên mũi người, rồi nó cứ treo lơ lửng trong không khí như thể ngay trước mặt tôi, cách tôi chừng ba bước chân. Lạ lùng, tôi giơ tay chụp lấy bông hoa. Nó biến mất, tôi chẳng còn thấy gì nữa hết. Tức điên người, vô lý là giữa ban ngày, ban mặt mà lại có ảo giác như thế!

Nhưng đó có phải là ảo giác không? Tôi tìm cành cây. Tôi thấy nó ngay lập tức, vết bẻ vẫn còn tươi, bông hoa bị bẻ nằm giữa hai bông khác vẫn còn đang trên cành, tôi không nhầm được vì trước lúc nó bị bẻ tôi đã nhìn ngắm nó rất kỹ. Tôi quay về nhà, đầu óc rối bời. Thưa các ông, xin hãy nghe tôi, tôi hoàn toàn bình tĩnh; tôi không hề tin vào các lực lượng siêu nhiên, kể cả bây giờ tôi cũng vẫn không tin; nhưng kể từ lúc đó, tôi hoàn toàn tin chắc, như là tin có ngày và đêm rằng tồn tại ngay gần tôi một vật thể sống vô hình, đến chơi nhà tôi, rồi bỏ đi, và rồi lại quay lại. Sau đó một lúc tôi lại có bằng chứng về điều đó. Giữa hai người làm của tôi đang nổ ra một cuộc khẩu chiến vì một cái cốc rất đẹp của Ý, nằm ở trên tủ bày đồ ở phòng ăn tự nhiên vỡ ra. Người hầu phòng bảo tại bà bếp, bà bếp bảo tại chị lau dọn, chị lau dọn bảo không biết ai làm vỡ nhưng không phải chị ta. Và trong cơn tức tối họ mới tố cáo ra để tôi biết hàng đêm đã có người xuống gian bếp phụ uống trộm sữa. Các cửa được đóng kỹ vào buổi tối và được mở ra vào buổi sáng. Thế mà hàng đêm có người đã đến gian bếp phụ uống trộm sữa. Ai? Người hay ma? Sự tò mò cộng với tức giận đã giày vò tôi suốt đêm ngày, khiến tôi lúc nào cũng bồn chồn, lo lắng. Nhưng rồi mọi việc xáo động đó một lần nữa lại chấm dứt khiến tôi lại tin rằng đó chỉ là ảo giác, chỉ là mơ thôi. Nhưng lại xảy ra một sự kiện thế này:

Ngày 20 tháng Bảy, lúc chín giờ tối. Trời rất nóng, tôi mở toang cửa sổ, đèn bàn tôi vẫn sáng, tôi nằm dài ra trong ghế bành và thiu thiu ngủ. Tôi ngủ khoảng bốn mươi phút, tôi thức giấc bởi một cảm giác rất khó tả, tôi mở mắt ra, vẫn nằm im. Đầu tiên tôi chẳng nhìn thấy cái gì hết, rồi bỗng nhiên tôi thấy một trang sách tự giở. Thật lạ vì không hề có một ngọn gió nào, ngạc

nhiên tôi đợi. Khoảng bốn phút sau, tôi nhìn thấy, vâng thưa các ông chính mắt tôi nhìn thấy một trang sách nữa lại giở sang và nằm ép xuống trang sách trước, như thể có một ngón tay vừa giở sang trang.

Ghế bành của tôi rỗng không nhưng tôi tin nó đang ở đó. Nó, người vô hình! Tôi nhảy phắt ra rất nhanh hòng bắt được nó, hòng chạm được vào nó. Nhưng trước khi tôi kịp tới nơi thì cái ghế ngồi ở bàn làm việc của tôi đổ nhào, như thể nó đã xô ghế đứng phắt dậy và bỏ chạy; đèn của tôi cũng đổ và tắt ngấm, cái cốc vỡ tan tành, cánh cửa sổ bị đẩy mạnh như thể người bị đuổi đẩy mạnh nó ra để thoát thân. Tôi nhảy bổ đến cái chuông và rung liên hồi gọi người hầu đến. Khi người hầu phòng xuất hiện, tôi nói:

“Ta đánh đổ và làm vỡ hết cả. Đưa cho ta cái đèn.”

Đêm đó tôi không ngủ, lẽ nào tôi lại trở thành trò chơi của ảo giác. Lẽ nào không phải tôi là người đã làm đổ ghế, là người đã làm tắt đèn, những suy nghĩ đó khiến tôi phát điên.

Không, không phải tôi! Tôi tin chắc như thế tuy rằng tôi rất muốn tin vào điều ngược lại. Đợi chút. Sinh vật đó, tôi biết gọi tên nó thế nào đây? Người vô hình. Không, như thế chưa được. Tôi đặt tên cho nó là Le Horla. Tại sao tôi lại đặt tên như thế tôi cũng không biết nữa. Thế rồi Le Horla không mấy khi rời tôi nữa. Tôi luôn cảm thấy sự có mặt của nó bên cạnh tôi suốt ngày suốt đêm. Hàng giờ hàng phút tôi đều cảm thấy sự có mặt của nó bên cạnh tôi như thể nó đang sống cuộc sống của tôi.

Không thể nhìn thấy nó khiến tôi bức bối vô cùng, tôi đốt hết số đèn mà tôi có trong nhà hòng một lúc nào đó có thể nhìn thấy được nó. Cuối cùng tôi đã nhìn thấy nó.

Có thể các ông không tin, nhưng sự thật là tôi đã nhìn thấy nó. Chuyện là thế này, hôm đó tôi lấy bừa một quyển sách xuống, chẳng đọc chữ nào nhưng ngồi im rình; rình cái người mà tôi cảm thấy đang ở rất gần tôi. Đương nhiên là nó đang ở trong phòng rồi, nhưng nó đang ở đâu? Nó đang làm gì? Làm thế nào để bắt được nó? Tôi căng tai căng mắt ra rình. Đối diện với tôi là giường ngủ làm bằng gỗ sồi. Bên phải tôi là lò sưởi. Bên trái tôi là cửa ra vào mà tôi đã đóng lại rất cẩn thận. Đằng sau tôi là chiếc tủ gương lớn mà hàng ngày tôi vẫn đứng trước nó để cạo râu, mặc quần áo, và tôi

thường có thói quen liếc nhìn mình từ đầu đến chân mỗi khi đi qua nó. Thế là tôi làm ra vẻ như đang đọc sách để lừa nó; đột nhiên tôi cảm thấy, một cảm giác rất rõ ràng nó đang đọc qua vai tôi, rõ ràng nó đang đứng đó, sượt cả vào tai tôi. Tôi đứng phắt dậy và quay ngoắt lại phía sau nhanh đến nỗi suýt ngã. Và thế là... tôi đứng đối diện với cái gương nhưng tôi không nhìn thấy mình trong gương! Chiếc gương hoàn toàn trong suốt, sáng loáng những không hề có hình tôi trong đó mặc dù tôi đang đứng đối diện... Tôi nhìn chiếc gương lớn, trong suốt từ đầu đến chân. Tôi trừng trừng nhìn, hoảng hốt đến mức không dám nghĩ đến chuyện tiến gần lại, cảm thấy rõ ràng giữa tôi và chiếc gương là nó và rằng nó vẫn trốn thoát khỏi sự tìm kiếm của tôi, nhưng cơ thể không thể nhìn thấy được của nó lại che được hình ảnh phản chiếu của tôi. Tôi sợ biết bao! Thế rồi tôi nhìn thấy hình ảnh của tôi dần dần hiện lên trên gương, hình bóng của tôi dần hiện như đi đến từ trong sương mù, như đến từ làn nước. Và cũng giống như sóng nước, hình bóng của tôi hiện dần lên trong gương từ trái sang phải, dần dần, từ từ, từng giây từng giây rõ nét dần lên. Cuối cùng hình tôi đã in rõ trong gương như mọi ngày tôi vẫn soi.

Tôi đã nhìn thấy nó, cảm giác sợ đó giờ đây khi nhớ lại vẫn khiến tôi rùng mình.

Ngay ngày hôm sau, tôi đã đến đây, tôi đã đề nghị được giám sát chặt chẽ và không để cho tôi bỏ đi được. Giờ đây, thưa các ông tôi đã rút ra được kết luận.

Bác sĩ Marrande, sau một thời gian nghi ngờ, đã quyết định đến quê hương tôi. Ba người hàng xóm của tôi hiện nay cũng đang trong tình trạng giống hệt như tôi trước đây. Phải không bác sĩ?

Ông bác sĩ trả lời: “Đúng thế đấy!”

Có phải ông đã khuyên họ để sữa và nước mỗi đêm trong phòng họ để xem xem phải chăng khi thức giấc nước và sữa đã biến mất. Họ đã làm theo và họ đã thấy rõ nước và sữa đã biến mất giống như ở nhà tôi?

Bác sĩ trả lời một cách trầm tĩnh: “Chúng đã biến mất”.

Vậy đây thưa các ông, một sinh vật, một sinh vật mới, sinh vật này hiển nhiên cũng được sinh sản thêm, nhiều thêm như con người chúng ta vừa

xuất hiện trên trái đất. A! Các ông lại cười mỉm! Tại sao? Bởi sinh vật này vô hình. Nhưng mắt chúng ta, thưa các ông, chỉ là mắt thịt, chúng ta chỉ nhìn thấy những gì thiết yếu, cần thiết cho sự tồn tại của chúng ta. Những gì quá bé, những gì quá lớn, những gì quá xa chúng ta đều không nhìn thấy được. Mắt chúng ta không thể nhìn thấy hàng triệu triệu sinh vật đang sống trong một giọt nước, mắt chúng ta cũng không thể nhìn thấy được những sinh vật đang tồn tại, đang sống trên các hành tinh lân cận. Mắt chúng ta cũng không thể nhìn thấy được những vật trong suốt. Nếu đặt trước mặt chúng ta một tấm kính lớn trong suốt, không một gợn vết, chắc chắn chúng ta sẽ va đầu vào đó như những con chim vẫn thỉnh thoảng va đầu vào kính cửa sổ nhà chúng ta. Vậy nên, mắt chúng ta cũng không thể nhìn thấy một cơ thể trong suốt đang tồn tại; chúng ta không nhìn thấy không khí cho dù nếu không có không khí con người chúng ta sẽ chết, chúng ta không nhìn thấy gió mặc dù gió là một trong những hiện tượng mạnh trong tự nhiên, nó có thể hất ngã con người, đẩy đổ một tòa nhà, trốc rễ cây cổ thụ, dâng nước ở biển lên, quạt nát cả vách đá hoa cương. Những cái đó thì chả ai ngạc nhiên vì nó đã xuất hiện từ lâu, các ông có nhìn thấy điện không? Ấy thế mà nó vẫn tồn tại đấy thôi. Sinh vật mà tôi gọi tên nó là Le Horla nó cũng tồn tại. Nó là ai? Nó là cái gì? Thưa các ông, có thể nó là loài sinh vật tiếp sau con người tồn tại trên trái đất. Nó có thể sẽ khuất phục chúng ta, nô lệ hóa chúng ta, và cũng có thể chúng sẽ ăn thịt chúng ta như chúng ta cũng đã thuần hóa, nuôi dưỡng rồi ăn thịt bò, lợn...

Từ nhiều thế kỷ nay, người ta đã biết đến, đã nghi ngờ và đã nói đến sự có mặt của một cái gì đó vô hình. Nỗi sợ những gì vô hình luôn ám ảnh, đe dọa và làm cha ông ta khiếp sợ. Nó đã đến. Tất cả những truyền thuyết về các nàng tiên, về ma quỷ, về người lùn dị dạng, về những lực lượng siêu nhiên mà con người không nắm bắt được... chính là nói về nó, nói về kẻ vô hình mà ông cha ta đã lo sợ, đã dự cảm thấy được.

Và ngay cả những gì mà chính các ông đang làm, thưa các ông, từ nhiều năm nay, cái mà các ông gọi là thuật thôi miên, thuật ám thị. Chính nó đã được các ông thông báo, các ông đã tiên đoán.

Tôi nói với các ông rằng nó đã có mặt trên trái đất, cụ thể là ở quê hương tôi. Chính nó cũng đang thử dùng sức mạnh một cách đầy âu lo như loài người thuở trước. Nó còn chưa biết hết về khả năng và sức mạnh của nó nhưng rồi nó sẽ sớm nhận thức được thôi, rất sớm nhận thức được thôi. Vậy mà trong khi đó, thưa các ông, tôi đã đọc được trong một mẫu báo mà một người từ Rio de Janeiro mang đến cho tôi như sau: “Mới đây một dạng bệnh mất trí mới đã xuất hiện ở vùng San Paulo. Người dân ở những vùng này đang tự cứu lấy mình bằng cách rời bỏ quê quán, rời bỏ nhà mình vì họ khẳng định rằng có một loại ma cà rồng vô hình đang hoành hành trên xứ sở của họ, hút máu của họ khi họ đang ngủ để sống, ngoài ra chúng chỉ uống nước và sữa!”

Tôi phải nói thêm rằng một vài ngày trước khi tôi có những đêm khủng khiếp giày vò đến suýt chết như thế, tôi đã nhìn thấy đi ngang qua nhà tôi một chiếc thuyền ba cột buồm của Brazil cùng cờ hiệu giang rộng ra của nó... Tôi đã nói với các ông rằng nhà của tôi nằm ngay bờ sông, và nó lại trắng toát... Sinh vật vô hình đó hẳn là đã trốn trên con tàu đó...

Tôi chẳng còn gì để nói thêm nữa, thưa các ông.

Bác sĩ Marrande đứng lên và than vãn: “Tôi cũng thế, tôi không biết phải chẳng người đàn ông này điên hay chúng ta điên.... hay... hay phải chẳng những người kế vị chúng ta thật sự đã đến”.



# ĐÊM NOEL

“Noël! Noël! A! nhưng không, tôi sẽ không dự tiệc đêm Noël đâu”.

Ông Henri Templier nói điều đó bằng một giọng bức bối như thể người ta đã đề nghị ông một điều gì đó rất bí ối.

Những người khác bật cười và kêu lên: “Sao anh lại cáu lên thế?”

Ông ta trả lời:

“Bởi vì vào ngày Noël tôi hay bị chơi xỏ, và vì tôi đã có một kỷ niệm tệ hại không thể quên được vào cái đêm vui rồ dại đó.”

“Là gì thế?”

“Là gì á? Các anh muốn biết ư? Vậy thì nghe đây:”

Các anh còn nhớ cách đây hai năm, cũng vào thời gian này, trời lạnh đến thế nào đấy. Một cái lạnh chết người, sông Seine đóng băng, những vỉa hè cũng đông cứng lại. Có vẻ như mọi việc đều bị đình trệ lại.

Tôi có một lô việc phải làm gấp vì thế nên tôi từ chối mọi lời mời dự buổi tiệc đêm Noël. Tôi thích nhất là được yên tĩnh một mình ăn tiệc Noël tại nhà mình. Tôi ăn tối một mình, rồi tôi bắt đầu viết. Nhưng rồi đến khoảng mười giờ, cái ý nghĩ rằng niềm vui đang tràn ngập Paris, rằng bên ngoài kia, người ta đang vui cười nhảy múa, và rồi cho dù không muốn nhưng những tiếng ồn bên ngoài vẫn vọng được đến phòng tôi, tiếng chuẩn bị bát đĩa cho bữa đêm lạnh canh, tiếng chuông cửa kính koong, tiếng cười nói, chào hỏi khiến tôi cảm thấy trong lòng rộn ràng khó tả. Tôi cũng không biết mình đã làm gì nữa, tôi không sao tập trung được, tôi viết ra những điều ngớ ngẩn, và tôi hiểu rằng tôi cần phải từ bỏ cái ý định ngồi viết được cái gì đó hay ho ở buổi tối hôm nay.

Tôi đi lại trong phòng một lát, tôi ngồi xuống, rồi lại đứng lên. Hiển nhiên là tôi bồn chồn, tôi bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn vui vẻ ngoài kia, và rồi tôi làm dấu thánh.

Tôi nhấn chuông gọi cô người hầu và nói “Angèle, cô đi kiếm cái gì để ăn đêm cho hai người: Hàu, gà gô, tôm, giăm bông, bánh ngọt, mang lên đây cho tôi hai chai sâm panh, bày bàn cho tôi rồi hãy đi ngủ đi”.

Cô ta vâng lời ngay tuy hơi có chút ngạc nhiên. Khi mọi thứ đã sẵn sàng, tôi khoác áo choàng lên vai và đi ra phố.

Một câu hỏi cần được trả lời: Tôi sẽ tổ chức tiệc Noël với ai đây? Những người bạn gái của tôi đều đã có hẹn hết rồi. Để có được một cô bạn gái dự tiệc Noël cùng, lẽ ra tôi phải mời cô ta từ trước. Thế nên tôi nảy ra một ý khác. Tôi tự nhủ: “Paris đầy những cô gái nghèo khổ khó, đầy những cô gái nghèo xinh đẹp, những người không có gì để chuẩn bị cho bữa tiệc đêm Noël, và hẳn họ đang đi lang thang mong tìm được một chàng trai hào hiệp”. Tôi muốn mình sẽ trở thành một ông Noël tốt bụng trong đêm Noël này đối với một cô gái nghèo khổ khó xinh đẹp nào đó.

Tôi đi lang thang mò mẫn giữa các khu vui chơi, tra hỏi, kiếm tìm, săn đuổi, chọn lựa theo ý tôi.

Tôi đi lang thang khắp cả thành phố.

Đương nhiên tôi gặp rất nhiều các cô gái nghèo khổ đang cầu may. Nhưng họ xấu xí, gày còm, cảm tưởng như chỉ một cơn gió mạnh thổi qua cũng có thể khiến họ bay lơ lửng lên mất... Các anh biết đấy, tôi có nhược điểm là chỉ thích các cô gái mũm mĩm có da có thịt. Các cô ấy càng mũm mĩm, tôi càng thích. Một cô vóc dáng lực lưỡng sẽ khiến tôi mất hết cả lý trí.

Đột nhiên, đối diện nhà hát Variétés, tôi nhìn thấy một mẫu người đúng như sở thích của tôi. Điều làm tôi để ý trước tiên là bộ ngực, một bộ ngực nở nang, đẹp tuyệt trần. Và dưới nữa là một cái eo tròn trịa. Quả là một tạo vật tuyệt vời của Thượng đế. Tôi run hết cả mình và thốt lên tiếng trầm trồ xuýt xoa: “Mẹ kiếp, cô ta mới đẹp làm sao!” Chỉ còn một điểm tôi cần phải khám phá nữa: đó là khuôn mặt.

Khuôn mặt, là bữa khai vị, những bộ phận còn lại là... là món thịt quay. Tôi rảo bước đến gần rồi đi qua cô gái đang đi lang thang vợ vắn đó. Đến đúng cột đèn đường, tôi quay phắt lại. Trước mắt tôi là một cô gái rất trẻ, xinh đẹp với mái tóc nâu và đôi mắt to đen.

Tôi đưa ra lời đề nghị của mình và cô đồng ý ngay không chút ngần ngại.

Mười lăm phút sau, chúng tôi ngồi vào bàn ăn trong căn hộ của tôi.

Ngay khi vừa vào cô đã thốt lên: “A! Được ở đây thật tuyệt”.

Và cô ngắm quanh với một vẻ vui thích khi nhìn thấy cái bàn bày đồ ăn đang bốc khói trong cái đêm lạnh giá này.

Cô ấy thì rất tuyệt, cô xinh đến nỗi khiến tôi phải ngỡ ngàng, và vẻ đẹp của cô càng ngắm tôi càng thấy thích.

Cô cởi bỏ áo choàng, mũ, ngồi xuống và ăn luôn. Nhưng cô không có vẻ hồ hởi lắm; thỉnh thoảng mặt cô lại tái đi như thể cô đang phải chịu một nỗi buồn phiền nào đó.

Tôi hỏi cô:

“Em có chuyện gì bức mình ư?”

Cô trả lời:

“Kệ! Quên đi.”

Cô bắt đầu uống. Cô làm một hơi hết ly sâm-panh, rót đầy rồi lại làm một hơi hết, cứ thế không ngừng.

Một lát sau, má cô bắt đầu hồng lên, và cô bắt đầu cười nói.

Tôi đã thấy yêu quá cô gái xinh đẹp này mất rồi, tôi hôn em say đắm, thấy em không hề ngu ngốc, vụng về, tầm thường giống như các cô gái đứng đường. Tôi hỏi em về cuộc sống của em. Em trả lời tôi: “Anh yêu, anh chưa từng thấy một cuộc sống như thế bao giờ đâu!”

Thế rồi một giờ sau...

Cuối cùng cũng đã đến giờ đi ngủ, trong khi tôi loay hoay dọn bàn, cô đã vội vã cởi bỏ quần áo và luồn vào chăn.

Hàng xóm nhà tôi làm ồn ào kinh khủng, họ cười đùa, hát hò như những kẻ điên. Tôi tự nhủ: “Ta thật vô cùng có lý khi đã quyết định đi tìm cô gái xinh xắn nhường kia để cùng ăn mừng Noël, với những tiếng ồn ào khủng khiếp đến thế kia thì chẳng nào ta cùng chẳng thể làm việc được”.

Một tiếng rên rỉ âm trầm khiến tôi quay người lại. Tôi hỏi:

“Có chuyện gì thế em, con mèo nhỏ của anh?”

Cô không trả lời nhưng vẫn tiếp tục thốt ra những tiếng rên rỉ đầy vẻ đau đớn, như thể cô đang phải chịu một cơn đau kinh khủng.

Tôi lại hỏi:

“Em khó ở à?”

Đột nhiên cô bật lên một tiếng kêu, một tiếng kêu xé ruột. Tôi vội lấy một cây nến chạy đến.

Khuôn mặt cô biến dạng bởi cơn đau, hai tay cô xoắn vào nhau, cô thở hỗn hển, từ sâu trong họng phát ra những tiếng rên rỉ nặng nhọc làm thất ruột thất gan người nghe.

Cuống lên, tôi hỏi:

“Nhưng, làm sao thế em? Nói đi em, em sao thế? Em đau ở đâu?”

Cô không trả lời và bắt đầu hét lên.

Ngay lập tức hàng xóm nhà tôi im bật, lắng tai nghe xem điều gì đang diễn ra bên nhà tôi.

Tôi hỏi đi hỏi lại:

“Em đau ở đâu? Em đau ở đâu? Nói cho anh biết đi!”

Cô lắp bắp:

“Ôi! Cái bụng tôi!... Cái bụng tôi!”

Tôi giật tung chân, và tôi nhận thấy... cô ta có chữa, các bạn thân mến ạ.

Hốt hoảng, tôi nhảy bổ ra cửa, kêu ầm lên:

“Cứu với! Cứu với!”

Mọi người chạy ùa sang nhà tôi, những người đàn ông ăn mặc tề chỉnh, những người phụ nữ mặc váy hở vai, những người diễn trò, những người Thổ, những người lính ngự lâm quân... cả một đồng người ào vào nhà tôi khiến tôi phát hoảng đến nỗi tôi chẳng biết giải thích thế nào nữa.

Họ cho rằng hẳn đã có một tai nạn hoặc một tội ác nào đó đã diễn ra, thế nên khi vào họ cũng chẳng hiểu gì nữa.

Cuối cùng tôi nói:

“Là... là... cô gái này... cô ấy... có ấy chữa.”

Thế là mọi người xông vào khám xét cô, hỏi thăm cô. Nhất là một tu sĩ khăng định rằng ông am hiểu vấn đề này và muốn giúp đỡ cô.

Họ bu lại quanh cô như ruồi, mỗi người nói một câu, tôi tin rằng họ sẽ giết cô mất. Thế nên tôi cuống lên, đầu trần, chạy ra cầu thang, bổ ra phố đi tìm ông bác sĩ già sống ở phố bên cạnh.

Khi tôi quay về cùng với ông bác sĩ, nhà tôi sáng trưng và đầy chật người, người ta đã bật cả đèn cầu thang, đèn hành lang, gần như tất cả mọi người sống trong khu nhà đều đang có mặt ở tầng nhà tôi, bốn người nào đó đang ngồi ở bàn ăn của tôi uống nốt hai chai sâm-panh của tôi và ăn nốt chỗ tôm hấp mà chúng tôi chưa ăn hết lúc nãy.

Ngay khi tôi về, một tiếng thét lại vang lên, một bà đưa sữa mang đến cho tôi xem trong bọc chần một đứa trẻ nhăn nheo, dúm dỏ, đỏ hồng đang oe oe khóc tiếng nghe như mèo kêu. Bà ta bảo: “Một cô con gái này thừa ông”.

Ông bác sĩ khám cho sản phụ, rồi thông báo một cách đầy hoài nghi về tình trạng sức khỏe của cô, ông bảo tai nạn có thể xảy đến ngay sau bữa ăn đêm và rồi ông ra về với lời hứa sẽ gửi ngay đến cho tôi một y tá và một vú em.

Khoảng một giờ sau, hai người phụ nữ đến nhà tôi mang theo một bọc thuốc.

Tôi qua đêm đó trên một chiếc đi-văng, quá bối rối để có thể suy nghĩ mọi vấn đề một cách mạch lạc.

Ngay sáng hôm sau, ông bác sĩ lại tới, ông thấy rằng người bệnh có vẻ còn mệt nặng hơn trước.

Ông bảo tôi:

“Thưa ông, vợ ông....”

Tôi ngắt lời ông:

“Đó không phải là vợ tôi.”

Ông ta nói lại:

“Thưa ông không có gì nghiêm trọng đối với cô nhân tình của ông đâu.”

Rồi ông bác sĩ kê đơn thuốc cho cô cùng với một bản liệt kê tỉ mỉ chi tiết những gì cần phải làm cho cô, cần phải tránh cho cô.

Tôi biết quyết định thế nào bây giờ? Gửi cô gái khốn khổ này đến bệnh viện chẳng? Lẽ nào tôi có thể xử sự như một tên tồi tệ vô lương tâm như thế được.

Tôi đành để cô ở lại nhà tôi. Cô đã ở lì trên giường tôi suốt sáu tuần. Còn đứa trẻ? Tôi đã gửi nó đến nhà những người tá điền ở vùng Poasy. Và việc đó ngốn của tôi năm mươi frăng mỗi tháng. Vì tôi đã bỏ tiền ra nuôi dưỡng

nó ngay từ những ngày đầu đời của nó, nên tôi đã và sẽ phải nuôi nó cho tới tận khi tới chết.

Sau này, nó định ninh tôi là bố đẻ của nó.

Nhưng điều tệ hại nhất là, khi cô gái trẻ đó bình phục, cô ta yêu tôi... cô ta yêu tôi điên cuồng, si dại.

Rồi sao?

Rồi thì nàng ấy gầy mòn đi như một ả mèo hoang, và vì tôi cố tránh né tình cảm mãnh liệt cuồng si của nàng ta, cố tránh những vuốt ve âu yếm của nàng ta, thì nàng ta rình rập tôi trên phố, nấp trong một xó nào đó để nhìn tôi đi qua, chặn đường mỗi tối tôi đi chơi để hôn lên tay tôi... khiến tôi phát bực và cuối cùng khiến tôi phát điên.

Và đó chính là lý do khiến tôi sẽ không bao giờ tổ chức tiệc đêm Noël một mình nữa.

# ĐỒ TRANG SỨC

Là một cô gái có vẻ đẹp kiều sa, duyên dáng, thế nhưng trở trêu thay, cô lại sinh ra trong một gia đình viên chức xoàng xĩnh, cô không có của hồi môn, không được thừa hưởng một gia tài nào, cũng chẳng có phương cách gì để trở nên nổi tiếng, để được biết đến, được mến mộ, được yêu, được cưới một người đàn ông giàu có và tao nhã; và cô đã hạ mình cưới một viên chức quèn làm việc trong bộ Công.

Cô thường ăn mặc giản dị và không trang điểm: nhưng cô luôn cảm thấy cô thật bất hạnh như bị hạ thấp. Vì người phụ nữ không chỉ được phân loại theo dòng dõi mà sắc đẹp của họ, vẻ duyên dáng yêu kiều của họ, sự tinh tế bẩm sinh, sự trang nhã thiên phú và sự mềm mại của tâm hồn, tất cả những điều đó tạo nên thứ bậc giữa những người phụ nữ, đã khiến cho những con gái nhà bình dân có thể sánh ngang hàng với các quý bà sang cả.

Cô luôn phải sống trong sự chịu đựng: cô cho rằng cô được sinh ra để có được những gì tinh tế nhất, sang trọng nhất. Cô khó chịu với sự nghèo nàn của ngôi nhà mình ở, cô bức bối vì những tấm giấy dán tường cũ bẩn, vì những chiếc ghế sờn rách, vì những tấm khăn ăn xấu xí. Lẽ ra một người như cô, một người thuộc tầng lớp cô không phải chịu đựng như vậy mới đúng, và điều đó đã ám ảnh hành hạ cô đêm ngày, làm cô phẫn nộ. Ánh mắt của cô bé nông dân khi nhìn vào căn hộ xoàng xĩnh hèn mọn của cô đã khơi dậy trong cô những tiếc nuối đã xa, khơi dậy trong cô những mơ ước thuở trước. Cô nghĩ đến những căn phòng với hệ thống chống tiếng ồn, những tấm nệm trần, với những tấm giấy dán tường theo kiểu phương Tây, được chiếu sáng bằng những chiếc đèn bằng đồng lớn, và cô nghĩ tới hai người phục vụ mặc đồng phục soóc ngắn trong các nhà hàng lớn, thiu thiu ngủ dưới làn hơi ấm của chiếc máy tỏa nhiệt. Cô nhìn những chiếc ghế bành cũ kỹ với tấm vải phủ bằng soa cũ mềm, nghĩ tới những đồ gỗ tinh xảo chứa

toàn những đồ trang trí vô giá, và cô nghĩ tới những phòng khách nhỏ duyên dáng, thơm nức được trang hoàng cho phù hợp với những buổi chuyện trò thân mật vào lúc năm giờ với bạn bè thân, với những người đàn ông nổi tiếng, với những người phụ nữ đến đó để mong được chú ý.

Khi ngồi vào bàn ăn tối, chiếc bàn được phủ một tấm vải đã trải từ ba hôm nay, đối diện với người chồng đang múc súp ra đĩa một cách vẻ vui vẻ:

“A! Món thịt bò hầm rau! Tôi chẳng còn biết đến một món ngon nào khác ngoài món này...”

Còn cô thì lại nghĩ đến những bữa tối ngon lành, tới bộ đồ ăn bằng bạc sáng lấp lánh, tới những món ăn thơm lừng được trình bày đẹp mắt, tới những lời tán tỉnh thầm thì, tới những cô gái vừa nghe những lời tán tỉnh vừa nở những nụ cười bí ẩn. Những con người đó ăn món thịt gà lôi, thịt chim ưng và các món đặc sản ngon lành khác.

Cô chẳng có quần áo đẹp, không đồ nữ trang, cô chẳng có gì cả. Mà cô lại yêu thích những thứ đó biết bao nhiêu; cô cảm thấy cô sinh ra là để được có tất cả những thứ đó. Cô thèm muốn biết bao nhiêu, được vui chơi, được chiêm ngưỡng, được tán tỉnh, được quyến rũ, được nhiều người yêu chuộng.

Cô có một cô bạn giàu có, một người bạn từ thời đi học, mà giờ đây cô không muốn gặp lại nữa, cô phải cảm thấy khổ sở biết bao nhiêu khi nhìn cuộc sống đủ đầy vui vẻ của cô bạn này. Cô đã khóc ròng nhiều ngày nhiều tháng, vì buồn rầu, thất vọng, tiếc nuối, và căng thẳng.

Một tối, chồng cô về nhà với mặt đầy vẻ hoan hỉ. tay giơ cao một chiếc phong bì lớn.

“Xem anh có gì cho em này, em yêu.”

Cô xé phong bì một cách nôn nóng và rút ra một tấm thiệp mời trên đó viết:

“Bộ trưởng bộ Công cùng bà Georges Ramponneau trân trọng kính mời ông bà Loisel tới dự dạ hội tại nhà khách của Bộ vào thứ hai ngày mười tám tháng Một”.

Thay vì nhảy lên sung sướng như chồng cô đã tưởng, cô ném toẹt tờ thiệp mời lên bàn và rên lên đau khổ:

“Anh muốn em làm gì với nó cơ chứ?”



“Nhưng, em yêu, anh đã tưởng rằng em sẽ thích, em sẽ hài lòng. Em chưa bao giờ tham dự các dạ tiệc, và đây là một cơ hội cho em, một cơ hội tốt. Anh đã phải tốn bao công sức để có được nó. Mọi người ai cũng mong có được tấm vé mời ấy, buổi dạ tiệc đó rất lớn, được tổ chức rất long trọng, thế nên người ta không mời nhiều nhân viên lắm đâu. Rồi em sẽ gặp tất cả các quan chức cấp cao ở đó.”

Cô nhìn chồng bằng ánh mắt bực bội rồi thốt lên:

“Anh muốn em khoác lên người cái gì để đi đến đó?”

Chồng cô còn chưa nghĩ đến chuyện đó, anh ấp úng:

“Nhưng chiếc váy mà em đã mặc đi xem hát. Nó rất hợp với em, theo anh...”

Anh im bật, hoảng hồn, mất bình tĩnh khi thấy vợ bật khóc. Hai hàng nước mắt lăn dài trên má, đến tận góc miệng, lăn chã tuôn rơi. Anh ấp úng:

“Em sao thế? Sao thế?”

Nhưng bằng một cố gắng phi thường, cô đã thôi khóc và vừa trả lời chồng bằng một giọng bình tĩnh vừa chùi nước mắt.

“Không có gì. Chỉ là vì em chẳng có bộ cánh nào ra hồn, vì thế em chẳng thể đi tới dự dạ hội đó được, hãy mang tấm thiệp của anh cho anh bạn đồng nghiệp nào đó của anh mà vợ anh ta có quần áo thơm tất hơn em.”

Buồn bực, chồng cô hỏi:

“Để xem nào, Mathilde. Một dịp như thế này cho em là rất hiếm hoi, chỉ vì một điều vợ vẫn như thế mà để lỡ mất nó thì thật tiếc. Một bộ phù hợp cho dịp như thế này mất khoảng bao nhiêu tiền?”

Suy nghĩ vài giây, tính toán bao nhiêu tiền là đủ, và cô cũng còn phải tính xem khoảng bao nhiêu thì chồng cô có thể chấp nhận được. Sau một hồi suy nghĩ, cô trả lời một cách do dự:

“Em không biết chính xác, nhưng theo em thì khoảng bốn trăm frăng là em có thể xoay sở được.”

Chồng cô hơi tái mặt, anh đã dành dụm được đúng một khoản như thế để mua một khẩu súng săn và anh đã dự định sẽ dùng nó để đi săn vào mùa hè tới với mấy người bạn cùng làm ở vùng cao nguyên Nantes. Chủ nhật trước họ đã tới đó và đã săn được một vài con chim ngói.

Thế nhưng anh nói:

“Thôi được rồi. Anh sẽ đưa cho em bốn trăm frăng. Hãy dùng nó mua một bộ váy áo đẹp vào em nhé.”

Ngày dạ hội đã đến gần, nhưng cô vẫn có vẻ buồn, bồn chồn, lo lắng. Tuy rằng bộ váy áo dạ hội của cô đã rất hoàn hảo, sẵn sàng đợi cô xỏ tay vào. Một tối chồng cô hỏi:

“Em sao thế? Từ ba ngày nay em có vẻ lạ lắm.”

Cô trả lời:

“Điều làm em lo lắng là em chẳng có lấy một đồ trang sức nào cả. Em chẳng có lấy một sợi dây chuyền để đeo. Trông em sẽ có vẻ rất nghèo khổ đáng thương cho mà xem. Em thấy tốt hơn hết là em không đi thì hơn.”

Chồng cô mách nước:

“Sao em không dùng hoa tươi, giờ đang là một dùng hoa tươi để trang điểm đấy. Chỉ cần mười frăng là em có thể có ba bốn bông hoa đẹp tuyệt rồi.”

“Không,” Cô phản kháng lại một cách dữ dội “chẳng có gì nhục nhã hơn là có vẻ hèn kém giữa các quý bà sang trọng.”

Bỗng chồng cô kêu lên:

“Sao em ngốc thế! Hãy đến tìm bà bạn thân Forestier của em ấy. Hãy mượn cô ấy một đồ trang sức nào đó, các em thân nhau đến thế thì có gì đâu mà cô ấy không cho em mượn.”

Cô bật kêu lên vì mừng rỡ:

“Ừ nhỉ, sao em lại không nghĩ ra nhỉ.”

Ngày ngày hôm sau cô đến nhà bạn và kể cho bạn nghe về nỗi ưu phiền của mình.

Cô bạn Forestier đến ngay tủ gương và lôi ra một chiếc hộp lớn, cô mở nó ra và gọi bạn:

“Chọn đi, bạn thân mến của tôi.”

Trước tiên cô nhìn những chiếc vòng đeo tay, rồi đến một chuỗi vòng cổ bằng ngọc trai, rồi những dây đeo có mặt bằng vàng và bằng đá quý, tất cả những thứ đó đều rất đẹp, tinh xảo. Cô đứng trước gương, ướm hết cái này đến cái kia lên người, không biết nên chọn cái nào. Cô luôn miệng hỏi:

“Cậu còn cái nào khác nữa không?”

“Còn chứ, để mình lấy, mình không biết cậu sẽ thích cái nào.”

Thế rồi bỗng bạn cô mở một chiếc hộp nhung đen, lấy ra một chuỗi vòng nam kim cương tuyệt đẹp sáng lấp lánh: tim cô đập cuồn lên, tay cô run run khi chạm vào nó, cô ướm nó lên trên cái cổ cao, trắng ngần của mình, cô đứng lặng ngăm nhìn mình trong gương.

Do dự và hơi lo lắng, cô hỏi bạn:

“Cậu có thể cho mình mượn chiếc vòng này được không? Chỉ một chiếc vòng cổ này thôi.”

“Tất nhiên là được rồi.”

Cô nhảy lên ôm cô bạn một cách phấn khích, rồi từ biệt bạn và về ngay với chuỗi vòng vô giá.

Ngày lễ đã đến. Mathilde đã có một đêm dạ hội thành công. Cô là tâm điểm của dạ hội đêm đó, cô là người phụ nữ xinh đẹp yêu kiều nhất, duyên dáng nhất, lịch lãm nhất, sang trọng nhất với nụ cười tươi tắn luôn nở trên môi, cô như ngây ngất, như say trong không khí vui tươi nơi đây. Mọi người đàn ông đều nhìn cô, hỏi tên cô, tìm cách làm quen với cô. Ai cũng muốn mời cô nhảy và thậm chí cả đến ngài bộ trưởng cũng để ý đến cô.

Cô nhảy trong trạng thái sung sướng mê say, cô chẳng còn nghĩ đến điều gì khác, cô xoay tròn trong hết vũ điệu này đến vũ điệu khác, vô cùng phấn khích, ngất ngây vì được ngăm nhìn, được thấy mình xinh đẹp, được tán dương, được chiều chuộng. Cô như bay lên chín tầng mây hạnh phúc và thành công.

Cô lên đường về nhà lúc khoảng bốn giờ sáng. Chồng cô, đã vào một phòng trống nằm nghỉ từ lúc mười hai giờ với ba bốn người bạn trong khi những người vợ đang miệt mài chơi đùa, tán gẫu, nhảy múa.

Chồng cô khoác lên vai cô chiếc áo choàng mà họ đã bỏ ra trước khi vào dạ tiệc, một chiếc áo choàng tầm thường xấu xí mà ngày thường cô vẫn mặc. Vẻ nghèo khổ của nó thật lạc lõng với bộ váy áo dạ tiệc. Cô cảm thấy điều đó và cô muốn bỏ đi thật nhanh để không bị những người phụ nữ khác đang khoác lên người những chiếc áo choàng sang trọng để ý.

Chồng cô giữ cô lại:

“Đợi chút em, bên ngoài lạnh lắm và em sẽ bị cảm lạnh mất. Anh đi gọi một chiếc xe.”

Nhưng cô không nghe, cô bỏ chạy xuống gác thật nhanh, khi họ ra đến ngoài phố, họ chẳng gặp được một chiếc xe nào; họ đành cuốc bộ, vừa đi vừa ngó ngang ngó dọc tìm kiếm, gọi vánh lên mỗi khi nhìn thấy một chiếc xe từ đằng xa.

Họ đi về phía sông Seine, không hy vọng gì gọi được một chiếc xe nữa, run cầm cập vì rét. Cuối cùng, đến bên sông họ lên một chiếc xe cũ kỹ mà người ta chỉ có thể nhìn thấy vào ban đêm ở Paris như thể chúng cảm thấy ngượng vì vẻ nghèo hèn của chúng.

Người đánh xe ngựa đưa họ đến tận cửa nhà họ trên phố Marty, và họ leo lên nhà một cách buồn rầu. Với cô, thế là hết. Còn với chồng cô, anh nghĩ đến việc phải có mặt ở nơi làm việc lúc mười giờ.

Lặng lẽ đứng trước gương, cô hất chiếc áo choàng xấu xí tầm thường trên vai xuống để ngắm lại lần cuối cùng vẻ đẹp rạng ngời của mình. Bỗng cô thốt kêu lên, chuỗi vòng không còn trên cổ cô nữa!

Chồng cô lúc đó đã cởi bỏ trang phục, hỏi:

“Có chuyện gì thế em?”

Cô quay về phía chồng đầy hoảng hốt:

“Em... em mất... mất.... chuỗi vòng của Forestier rồi.”

Chồng cô đứng phắt lên, hoảng hồn:

“Cái gì?... Sao!... Không thể thế được!”

Họ vội vàng tìm trong những nẹp váy, trong áo khoác ngoài, trong các túi, khắp mọi nơi. Nhưng họ chẳng tìm thấy gì cả.

Chồng cô hỏi:

“Em có chắc là em vẫn còn nó khi rời khỏi phòng nhảy không?”

“Em chắc mà, em còn chạm phải nó khi ở ngoài phòng tiền sảnh mà.”

“Nếu chúng ta đánh rơi nó khi đang đi trên phố, chúng ta phải nghe thấy tiếng nó rơi. Nó hẳn đã rơi trong xe rồi.”

“Vâng, có thể như thế lắm. Anh có nhớ số xe không?”

“Không. Thế em có nhìn thấy biển số không?”

“Không.”

Họ rưng rời nhìn nhau. Cuối cùng chồng cô mặc lại quần áo và nói:

“Anh sẽ quay lại tất cả những đường mà chúng ta đã đi bộ qua, may ra anh có thể tìm lại được nó.”

Rồi anh đi, cô vẫn đứng như trời trồng, trong bộ váy dạ hội, không còn đủ sức cởi nó ra nữa, rồi ngồi bịch xuống một chiếc ghế, cô cứ ngồi như thế trong lạnh giá, không buồn đốt lò sưởi lên, không suy nghĩ gì hết.

Khoảng bảy giờ chồng cô về, anh không tìm thấy sợi dây chuyền. Anh đến khai báo ở đồn cảnh sát, tới các tòa soạn báo để thông báo rơi mất và hứa thưởng một khoản tiền hậu hĩnh cho công ty hoặc cá nhân nào biết về chiếc xe hôm qua đã đỗ ở bờ sông Seine và đã chở khách về phố Marty với hy vọng mong manh có thể tìm lại được sợi dây chuyền.

Cô ở nhà đợi tin suốt cả ngày trong tâm trạng hoảng hốt trước thảm họa khủng khiếp này.

Đến tối, chồng cô về nhà, khuôn mặt hốc hác xanh xao, anh chẳng tìm thấy một manh mối nhỏ nào về chiếc xe hôm trước đã chở họ về. Anh bảo vợ:

“Em phải viết thư cho bạn bảo cô ấy rằng em làm gãy chốt cài của sợi dây chuyền và rằng em sẽ đem sửa trả cô ấy. Như thế chúng ta có thêm thời gian để định liệu.”

Rồi anh đọc cho cô chép một bức thư gửi cho bạn.

Sau một tuần tìm kiếm, họ đã mất hết hy vọng, chồng cô trông già đi đến một chục tuổi, bảo vợ:

“Chúng ta phải mua một sợi dây khác trả cho bạn em thôi.”

Hôm sau, theo tên và địa chỉ ghi trên hộp đựng chuỗi vòng, họ đến cửa hiệu kim hoàn đã làm ra nó để hỏi thăm, người thợ kim hoàn tra cứu một lúc lâu trong tập sách những sản phẩm đã ra lò của anh ta rồi bảo:

“Thưa bà, cửa hàng chúng tôi chưa chế tác một sợi dây chuyền như thế, nếu bà muốn chúng tôi có thể chế tác cho bà một sợi khác.”

Họ đi từ cửa hàng đồ trang sức này đến cửa hàng trang sức khác, tìm một sợi dây tương tự như sợi dây đó, hỏi thăm các chủ tiệm xem họ có từng bán một sợi dây tương tự như thế không. Và cả hai đều một nhồi vì buồn rầu và cău kính.

Cuối cùng họ tìm thấy trên đường Pale Royal một cửa hàng có bày một chuỗi vòng kim cương hoàn toàn giống với chuỗi mà họ đang tìm kiếm. Giá của chuỗi vòng là bốn mươi nghìn frăng. Chủ tiệm đồng ý bán cho họ với giá ba mươi sáu ngàn frăng.

Họ nài nỉ chủ tiệm đừng bán chuỗi vòng đó trong vòng ba ngày để họ về thu xếp tiền và nếu từ giờ đến cuối tháng Hai họ tìm lại được chuỗi vòng đã mất cửa tiệm sẽ mua lại chuỗi vòng này với giá ba mươi tư ngàn frăng.

Loisel có mười tám nghìn frăng được thừa hưởng từ bố anh, số còn lại họ phải đi vay mượn.

Họ đi hỏi vay, hỏi mượn mỗi người một ít, người này thì một nghìn frăng, người kia năm trăm frăng. Họ cầm cố nhà cửa, đi vay ở những nhà cho vay nặng lãi, họ tìm đủ mọi phương cách để có được số tiền đó dù chưa biết đến bao giờ trả cho hết được nợ nần. Họ vừa ký giấy nợ vừa run sợ khi nghĩ đến viễn cảnh đen tối sau này. Nghĩ đến việc họ sẽ phải cố công cố sức làm đêm làm ngày để kiếm tiền trả nợ, nghĩ đến việc họ sẽ luôn bị các chủ nợ hối thúc sau lưng, tất cả những điều đó khiến họ cảm thấy tinh thần bị tra tấn khủng khiếp bởi một tương lai mịt mù đen tối. Cuối cùng họ cũng có đủ ba mươi sáu ngàn frăng để mua được sợi dây chuyền.

Khi cô mang trả chuỗi vòng cho bạn, bạn cô nói với cô bằng một giọng bực bội:

“Lẽ ra cậu phải mang trả nó cho mình sớm hơn chứ, nhỡ mình cần dùng đến nó thì sao.”

Cô không dám mở hộp đựng vòng ra vì sợ bạn cô có thể nghi ngờ, phát hiện thấy đó không phải là chiếc vòng cũ. Lúc đó liệu cô ấy sẽ nói gì, sẽ nói gì, và cô ấy có thể cho rằng cô là một con ăn cắp thì sao.

Kể từ hôm đó, cô biết đến một cuộc sống cơ cực nghèo khó. Và lại bỗng đâu đùng một cái cô đã quyết định một cách anh dũng, dấn thân vào cuộc sống khổ cực khốn khó đó. Họ cần phải trả món nợ khổng lồ đó. Cô sẽ trả. Họ cho người giúp việc nghỉ việc, họ thay đổi chỗ ở: họ thuê một căn phòng áp mái để sống.

Cô nếm trải những công việc nội trợ nặng nhọc, những công việc bếp núc ghê tởm. Cô rửa chén bát, làm hồng những ngón tay búp măng trắng hồng

xinh xắn bằng việc chà rửa chén bát và cọ nồi xoong. Cô giặt giũ ga giường, rèm, thảm, quần áo và những khăn lau bẩn thỉu rồi phơi chúng trên dây phơi. Cô mang rác từ trên tầng cao nơi mình ở xuống, rồi mang nước từ dưới đó lên, hết mỗi tầng lại dừng lại ở thềm nghỉ thở hổn hển. Và ăn mặc như những người đàn bà nghèo khó, cô đến hàng rau, hàng thịt, hàng mắm, hàng cá... tay xách làn, chửi thề, cò kè mặc cả từng xu như tất cả các bà nội trợ thường dân thô kệch.

Mỗi tháng đều phải trả tiền các hóa đơn, trả tiền những khoản vay nợ đã đến hạn, rồi lại vay những khoản nợ mới để đập vào những khoản thiếu hụt.

Chồng cô nhận thêm việc chép lại cho sạch sẽ những sổ sách kế toán của một số thương nhân và anh làm việc đó cả tối, có khi cả đêm để kiếm thêm được năm xu cho mỗi trang chép lại.

Cuộc sống như thế kéo dài đã được mười năm.

Đầu năm thứ mười, họ đã trả được hết nợ nần, kể cả những khoản lãi suất chồng chất.

Giờ đây, cô Loisel đã già. Cô đã trở thành một phụ nữ mạnh mẽ, khỏe khoắn và thô lỗ vì những công việc nội trợ khó nhọc hàng ngày. Đầu bù tóc rối, váy áo xộc xệch, bàn tay thô ráp, cô đã quen thói ăn to nói lớn, cô đã có thể xách một xô nước đầy ắp lên đến phòng mình không cần phải nghỉ lại ở mỗi tầng như trước nữa.

Nhưng thỉnh thoảng, khi chồng cô đang đi làm, cô ngồi bên cửa sổ, mơ màng nhớ đến cái tối xa xưa đó, nhớ đến cái tối mà cô đã trở thành tâm điểm của sự chú ý bởi sự lộng lẫy, bởi sự duyên dáng xinh đẹp, bởi nét tươi vui ngời trong mắt biếc.

Điều gì sẽ đến nếu đêm đó cô không làm mất chuỗi vòng đó? Ai mà biết được? Ai mà biết được? Cuộc sống mới nhiều bất ngờ làm sao! Chỉ trong tích tắc mà người ta có thể lên đến tột đỉnh của vui sướng rồi tụt xuống tận cùng của sự khốn cùng!

Thế rồi một chủ nhật nọ, trong khi cô đang đi dạo ở quảng trường Champs - Élysées sau một tuần làm việc vất vả, cô bỗng nhìn thấy một phụ nữ đang dắt tay một đứa trẻ đi dạo đầy vẻ thong dong. Đó chính là cô Forestier, cô vẫn trẻ, vẫn đẹp, vẫn quyến rũ như xưa.

Cô bỗng thấy xúc động vô cùng. Có nên nói cho cô ta biết không? Có chứ. Giờ đây cô đã trả được hết nợ nần, cô sẽ nói tất cả cho cô ta biết. Tại sao lại không nhỉ?

Cô tiến lại gần cô bạn cũ và nói: “Chào Jeanne”.

Cô bạn cô không hề nhận ra cô, ngạc nhiên vì được một người phụ nữ thô lậu chào một cách đầy thân mật như thế. Cô ta ấp úng:

“Nhưng... thưa bà...Tôi không biết... Hẳn bà đã nhầm tôi với ai đó chẳng.”

“Không, mình là Mathilde Loisel.”

Cô bạn cô bật kêu lên:

“Ôi!... Mathilde khốn khổ, cậu mới thay đổi làm sao!...”

“Ừ, mình đã có những ngày rất nặng nề và vô cùng khốn khó kể từ ngày gặp cậu lần cuối cùng... và chính là vì cậu mà mình đã phải chịu đựng tất cả những điều đó!...”

“Vì mình ư? Nhưng sao lại thế?”

“Cậu có còn nhớ chuỗi kim cương mà cậu đã cho mình mượn đi dạ hội nhà ông bộ trưởng không.”

“Có nhớ, nhưng sao?”

“Mình đã làm mất nó.”

“Gì kia, nhưng cậu đã trả nó lại cho mình kia mà?”

“Mình đã trả lại cậu một chuỗi vòng y hệt. Và vợ chồng mình đã phải mất mười năm để trả giá cho nó đấy. Cậu biết rõ điều đó chẳng dễ dàng gì với bọn mình, những kẻ chẳng có gì... Cuối cùng thì cũng đã xong, mình thật sự hài lòng.”

“Cậu nói rằng cậu đã mua một chuỗi vòng kim cương khác để đền cho mình ư?”

“Phải, và cậu đã không nhận ra sự khác biệt đúng không? Chúng thật vô cùng giống nhau đúng không nào.”

Và cô nở nụ cười với đầy vẻ kiêu hãnh.

Cô Forestier, vô cùng xúc động, nắm lấy hai tay cô:

“Ôi! Mathilde khốn khổ của tôi! Chuỗi vòng của tôi là đồ dỏm mà. Nó chỉ có giá trị nhiều lắm năm trăm frăng là cùng!...”



# CÁI GHIM

“A! Bạn yêu quý của tôi, bọn đàn bà mới hiểm độc làm sao!”

“Sao bạn lại nói thế?”

“Vì họ đã chơi tôi một võ rất tệ.”

“Chơi cậu?”

“Phải, chơi tôi.”

““Họ” hay chỉ một người thôi?”

“Hai cùng một lúc.”

“Hai người cùng một lúc?”

“Phải.”

“Võ nào thế?”

Hai thanh niên trẻ đang trò chuyện trong một quán cà phê lớn nhìn ra đại lộ, họ vừa chuyện trò vừa nhâm nhi cốc-tai nhỏ, món rượu khai vị này khi đã được pha chế trông có màu xanh như màu nước.

Họ trông trẻ như nhau, khoảng từ hai lăm đến ba mươi tuổi. Một người tóc vàng còn người kia tóc nâu. Họ có một vẻ gì đó vừa sang trọng vừa phong trần, họ có dáng vẻ của những người môi giới chứng khoán, những người vừa có mặt ở những phòng khách sang trọng, vừa có mặt trong những sàn giao dịch chứng khoán. Họ có mặt ở khắp mọi nơi, sống ở khắp nơi, dấn trải tình yêu ở khắp nơi. Cậu thanh niên có mái tóc nâu lại tiếp:

“Tôi đã nói cho cậu nghe về cuộc tình duyên của tôi với cô nàng tư sản gặp trên quảng trường Dieppe rồi đúng không?”

“Đúng rồi.”

“Bạn thân mến, cậu biết thế là thế nào rồi đấy, tôi đã có một cô nhân tình ở Paris, một cô nhân tình mà tôi yêu với cả tấm tình si, một người bạn cũ, một người bạn thân, một người bạn tốt, và tôi rất yêu thương gắn bó.”

“Một người tình cũ?”

“Vâng một người tình cũ. Cô cũng đã cưới một chàng trai trung hậu, tử tế mà tôi cũng rất mến. Một chàng trai tốt, rất dễ mến, một người bạn thật sự. Căn nhà đó đã từng là nơi tôi ở trọ một thời gian khá dài.”

“Rồi sao?”

“Sao ư, họ không thể rời khỏi Paris, còn tôi, tôi đến Dieppe một mình.”

“Sao cậu lại đến Dieppe làm gì?”

“Để thay đổi không khí. Người ta không thể ở mãi một chỗ được.”

“Rồi sao?”

“Rồi ở Dieppe tôi đã gặp cô nàng mà tôi vừa nói với cậu đấy.”

“Vợ của ông trưởng phòng?”

“Phải đấy, cô ta đang rất buồn phiền, vả lại chồng cô ta chỉ về vào ngày chủ nhật, và ông ta thì rất xấu trai lại cả xấu tính nữa. Tôi lại khéo chiều cô ta, thế nên chúng tôi đã cùng nhau vui đùa khiêu vũ.”

“Thế sau đó?”

“Vâng, sau đó chúng tôi đã hò hẹn với nhau, chúng tôi cảm thấy rất vui khi ở bên nhau, tôi đã nói với cô ta cảm xúc của mình: cô ta nhắc lại để hiểu rõ hơn, và thế là giữa cô ta và tôi chẳng còn rào cản gì nữa.”

“Cậu yêu cô ta?”

“Ừ, một chút, cô ta rất dễ mến.”

“Thế còn cô kia?”

“Cô kia thì ở Paris! Quả là trong suốt sáu tuần, mọi việc diễn ra rất suôn sẻ, và chúng tôi đã ở đây rất vui vẻ. Cậu có biết làm thế nào để cắt đứt một mối quan hệ với một người phụ nữ trong khi cô ta không hề có lỗi gì với cậu không?”

“Đương nhiên là có chứ.”

“Cậu làm thế nào?”

“Tôi bỏ rơi cô ta.”

“Nhưng làm thế nào để bỏ rơi được cô ta?”

“Tôi không đến chơi nhà cô ta nữa.”

“Thế nếu cô ấy đến tìm cậu?”

“Tôi... tôi giả vờ không có nhà.”

“Nếu cô lại đến nữa?”

“Tôi nói với cô ta là tôi bị mệt.”

“Nếu cô ta ở lại để chăm sóc cậu?”

“Tôi... tôi sẽ chơi sỏ cô ta, chọc giận cô ta.”

“Nếu cô ta chịu cho cậu chơi sỏ, chịu cho cậu chọc giận?”

“Tôi sẽ viết một bức thư nặc danh gửi đến chồng cô ta để anh ta theo dõi cô ta vào những ngày cô ta có thể đến nhà tôi.”

“Thế thì hơi quá! Tôi, tôi không có khả năng ấy. Tôi không biết cách cắt đứt quan hệ. Tôi sưu tập họ. Với cô này tôi chỉ gặp cô ta một năm một lần thôi, với cô khác là sáu tháng một lần, với các cô khác nữa thì tôi chỉ gặp họ những ngày họ muốn ăn tối ở các quán cà phê ca nhạc. Những cô mà tôi gặp gỡ một cách ngắt quãng như thế không bao giờ làm phiền tôi, và tôi chỉ thường gặp phải phiền toái một chút, buồn rầu một chút khi phải xa đời những cô mới.”

“Rồi...”

“Rồi, bạn thân mê, cô bạn vợ sếp đã trở nên đầy hăng hái, đầy nhiệt tình, và không hề có một chút lầm lỗi gì với tôi như tôi đã nói với cậu! Bởi chồng cô ở lì lại văn phòng, cô thường đến tìm tôi không báo trước. Đã hai lần cô suýt chạm trán với các cô nhân tình cũ của tôi.”

“Kinh khủng!”

“Vâng, kinh khủng vậy nên tôi đã ấn định ngày cho từng cô để tránh lộn xộn. Thứ hai và thứ bảy cho cô cũ, thứ ba, thứ năm và chủ nhật cho cô mới.”

“Sao lại có sự ưu đãi với cô mới thế?”

“À thì vì cô ấy trẻ hơn.”

“Thế tức là cậu chỉ có hai ngày mỗi tuần để nghỉ ngơi.”

“Với tôi thế là đủ.”

“Xin có lời khen cậu đấy.”

“Thế mà cậu biết không, đã có một chuyện nực cười nhất, xuẩn ngốc nhất trần đời này xảy đến với tôi đấy. Từ bốn tháng nay, mọi chuyện vẫn diễn ra thuận chèo mát mái, tôi vẫn ngủ ngon trong giường của mình và tôi thật sự thấy hạnh phúc thì bỗng nhiên, thứ hai tuần trước mọi chuyện vỡ lở.”

Tôi đang đợi cô nhân tình cũ vào giờ đã định, một giờ mười lăm, vừa đợi vừa hút xì gà. Tôi mơ mộng, rất hài lòng về chính bản thân mình, rồi tôi thấy

đã trễ giờ hẹn mà cô ta vẫn chưa đến, tôi hơi ngạc nhiên vì cô thường đến rất đúng hẹn. Nhưng tôi cho rằng có lẽ hôm nay cô đến hơi muộn vì một sự cố nhỏ nào đó. Tuy nhiên, nửa tiếng sau, rồi một tiếng, một tiếng rưỡi sau giờ hẹn cũng đã trôi qua mà không thấy bóng dáng cô đâu. Tôi cho là cô đã bị vướng vì một lý do nào đó mà không đến được, một cơn đau đầu chẳng hạn hoặc một việc quan trọng gì đó. Thật là chán ngắt vì đã đợi hoài công... thật khó chịu, bực cả mình. Cuối cùng tôi quyết định đến tìm cô xem có chuyện gì. Tôi thấy cô đang ngồi đọc truyện. Tôi hỏi cô:

“Thế là sao?”

Cô trả lời tôi một cách bình thản:

“Anh yêu, em đã không thể đi được, em bị ngăn lại.”

“Vì sao bị ngăn lại?”

“Vì.... bận việc.”

“Việc gì vậy?”

“Phải tiếp một vị khách rất chán.”

Tôi cho rằng cô không muốn nói cho tôi biết lý do thật, và bởi cô rất bình tĩnh nên tôi không lo lắng gì nữa. Tôi định gỡ lại thời gian đã mất với cô kia vào ngày mai.

Thế nên ngày hôm sau, ngày thứ ba, tôi rất hồi hộp và hạnh phúc đón chờ cô nhân tình trẻ mới của tôi, và tôi cũng rất ngạc nhiên không thấy cô đến sớm như lệ thường. Chốc chốc tôi lại nhìn đồng hồ đầy nóng ruột.

Tôi nhìn đồng hồ thấy kim giờ kim phút cứ trôi qua giờ hẹn, mười lăm phút, ba mươi phút, một tiếng rồi hai tiếng... Tôi không thể ngồi yên được nữa, tôi đi những bước dài dọc ngang trong phòng, tì trán vào cửa sổ ngóng đợi, áp tai vào cửa nghe xem có phải cô đang lên cầu thang hay không. Rồi hai tiếng rưỡi trôi qua, rồi ba tiếng! Tôi vồ lấy mũ và chạy đến nhà cô. Cô ấy đang ngồi, cậu ạ, đọc truyện. “Sao thế em?” Tôi hỏi cô một cách lo lắng.

Cô trả lời tôi một cách bình thản như cô nhân tình cũ của tôi:

“Anh yêu, em đã không thể đi được, em bị ngăn lại.”

“Vì sao bị ngăn lại?”

“Vì.... bận việc.”

“Việc gì vậy?”

“Phải tiếp một vị khách rất chán.”

Thế là rõ rồi, ngay lập tức tôi cho là cô ta đã biết hết mọi chuyện. Thế nhưng cô có vẻ bình thản đến nỗi tôi nghĩ rằng đó chỉ là ngẫu nhiên, và cô không thể giả vờ khéo đến như thế. Sau một tiếng chuyện gẫu đầy thân thiết với cô, tôi đành sượng sùng ra về vì con gái cô cứ chạy ra chạy vào đến hai mươi lần.

Và cậu biết chuyện gì xảy đến tiếp vào ngày hôm sau không?

“Vẫn thế à?”

“Ừ, và cả hôm sau nữa cũng vẫn thế. Cứ thế kéo dài trong suốt ba tuần, không một lời giải thích, không một yếu tố nhỏ nào tiết lộ sao lại xảy đến chuyện buồn cười đến thế, tôi chỉ nghi ngờ có thể điều bí mật của tôi đã bị vỡ lở.”

“Các cô ấy biết hết cả rồi à?”

“Tất nhiên. Nhưng làm thế nào các cô ấy biết cơ chứ? Tôi đã đau đớn khổ sở biết mấy trước khi biết được làm thế nào các cô ấy biết.”

“Cuối cùng cậu phát hiện ra là như thế nào?”

“Vì các bức thư.”

Vì các bức thư. Các cô ấy thường viết thư gửi đến cho tôi, những bức thư cùng thể loại, cùng gửi đến những ngày nghỉ phép định kỳ của tôi.

“Và?”

“Và thế là... cậu biết đấy, bạn thân mến, phụ nữ họ luôn có trong người họ hàng đồng ghim cài đầu, tôi biết rất rõ chúng, tôi cũng rất cảnh giác với chúng, tôi luôn để mắt đến chúng. Nhưng có những chiếc ghim cài đầu nhỏ vô cùng phản trắc, những chiếc ghim cài đầu nhỏ chết tiệt, chúng cùng nhỏ tẹo và cùng một màu đen như nhau. Với chúng ta thì chúng có vẻ như giống hệt nhau, nhưng với họ, họ phân biệt được chúng ngay lập tức như kiểu chúng ta phân biệt được ngay một cách rõ ràng một con ngựa với một con chó vậy.”

Thế nên một hôm, hình như cô nhân tình mới của tôi đã cài một chiếc ghim cài đầu của cô ta vào trong màn cửa của tôi, gần gương soi.

Cô nhân tình cũ của tôi, chỉ bằng một cái liếc mắt đã nhận thấy ngay trên màn treo một chấm nhỏ chỉ to bằng một con rận, và không hề nói gì về cái

mà cô đã tìm thấy, lạng lẽ lấy chiếc ghim đó ra và thế vào đó một trong những chiếc ghim cài của cô, cũng màu đen nhưng có hình khác.

Ngày hôm sau nữa, cô nhân tình mới muốn lấy lại chiếc ghim cài của cô, và nhận ra ngay vật bị đánh tráo; thế là một sự nghi ngờ dấy lên trong cô. Cô liền gắn luôn lên đó hai chiếc ghim theo hình chữ thập, cô nhân tình cũ liền đáp lại bằng ba chiếc ghim ghim liền một hàng, cái này sau cái kia.

Lần nọ tiếp nối lần kia, các cô ấy cứ dùng ghim cài nói chuyện với nhau, và đến một hôm một cô cài thêm một mảnh giấy nhỏ viết: “Cửa phụ, đại lộ Malesherbes, C.D”

Thế là các cô ấy viết thư cho nhau, tôi không hề biết gì, tôi đã thua họ. Họ đã đến đó vô cùng cẩn thận, với hàng nghìn mưu mẹo, với một sự cẩn thận cần có trong những trường hợp tương tự. Nhưng cô nhân tình cũ của tôi đã làm một cú táo bạo, cô ấy hẹn hò với người khác.

Các cô ấy đã nói gì với nhau, tôi cũng không biết nữa, tôi chỉ biết rằng tôi đã phải trả giá khá nhiều cho những cuộc gặp gỡ của họ, thế đấy!

“Thế thôi à?”

“Ừ.”

“Cậu không gặp lại họ nữa?”

“Ồ, tôi vẫn gặp họ như gặp những người bạn gái, chúng tôi không hoàn toàn cắt đứt quan hệ.”

“Thế còn các cô ấy, các cô ấy có còn gặp lại nhau không?”

“Các cô ấy vẫn gặp nhau, và hơn thế nữa, các cô ấy còn trở thành bạn thân của nhau.”

“A! A! Thế điều đó không cho cậu một ý tưởng gì à?”

“Không, sao?”

“Chàng ngốc đặc ạ, ý tưởng khiến cho họ lao vào đâm xé nhau với hai cây ghim hai tay chứ còn gì nữa?”

# NỖI SỢ

## (VIẾT CHO J. K HUYSMANS)

Sau bữa tối chúng tôi lên cầu tàu hóng mát. Phía trước chúng tôi, biển Địa Trung Hải không có lấy một gợn sóng, trăng sáng vắng vặc. Con thuyền lớn như đang bay trên bầu trời đầy sao, khói phun lên đen kịt như một con rắn lớn đang uốn lượn; và phía sau chúng tôi, nước tung bọt trắng xóa, bắn tóe ra hai bên khi con thuyền lớn vùn vụt đi qua.

Chúng tôi có tám người ngồi trên boong tàu, chúng tôi cùng im lặng, cùng dõi mắt về hướng châu Phi xa xôi nơi chúng tôi đang cùng nhau đi tới đó. Bỗng nhiên ông thuyền trưởng vừa hút thuốc vừa gọi chuyện:

“Ôi, một lần, tôi đã hoảng hồn lên khi thuyền tôi bị kẹt trong một hốc đá suốt sáu tiếng đồng hồ, đến gần tối may có một chiếc thuyền chở than của người Anh đi ngang qua nhìn thấy chúng tôi và giúp chúng tôi đưa thuyền ra.”

Một người đàn ông với nước da rám nắng, đầy vẻ phong trần, từng trải cắt lời:

“Thuyền trưởng, ông nói rằng ông hoảng hồn, ông sợ; tôi chẳng thể tin được. Ông hẳn đã nhầm khái niệm sợ, cảm giác sợ với cảm giác mà ông đã trải qua. Một người đàn ông rắn rỏi không bao giờ sợ khi đối mặt với khó khăn, hiểm nguy. Anh ta rung động, lo lắng; nhưng sợ, đó lại là chuyện khác.”

“Ai chà chà! Tôi sợ, tôi xin nói rõ lại với ông như thế.” Ông thuyền trưởng vừa cười vừa nói.

Thế là người đàn ông rám nắng đó liền nói với giọng chậm rãi:

“Cho phép tôi được giải thích! Nỗi sợ (và những người đàn ông gan dạ nhất, táo bạo nhất cũng có thể có một nỗi sợ), đó là một cái gì đó rất khủng

khiếp, một cảm giác tồi tệ như thể tim bị bóp nghẹt, cơ căng cứng, óc trống rỗng. Một cảm giác mà chỉ nghĩ đến nó thôi cũng đủ rùng mình kinh sợ. Nhưng điều đó sẽ không xảy ra khi người ta gan dạ, không thối chí trước một trận tấn công, trước một cái chết không thể tránh khỏi, trước mọi nỗi hiểm nguy mà người ta phải đối đầu: điều đó chỉ xảy ra trong một vài trường hợp đặc biệt, dưới ảnh hưởng của những điều thần bí, đối mặt với những nguy cơ mập mờ, hư ảo. Nỗi sợ thật sự, đó là một cái gì đó như là khi sự nhớ tới một nỗi khiếp sợ khủng khiếp trước đây. Một người tin rằng có hồn ma, và tưởng tượng thấy xuất hiện những bóng ma trong đêm là người sẽ cảm nhận thấy sự kinh sợ tột cùng. Tôi, tôi đã từng đối mặt với nỗi sợ khủng khiếp suốt một ngày dài cách đây khoảng mười năm. Và tôi lại cảm thấy nỗi sợ đó vào một đêm đông năm ngoái. Và tuy tôi đã từng qua biết bao hiểm nguy chết người, từng vật lộn với cái chết biết bao lần. Tôi, kẻ đã từng bị bọn kẻ cướp tìm giết, kẻ từng bị tuyên án tử hình vì tội nổi dậy ở châu Mỹ, kẻ đã từng bị vớt xuống biển từ trên một tòa nhà ở Trung Quốc. Mỗi lần như thế, tôi đương nhiên hồi hộp xúc động và lo lắng nhưng tôi không hề mủi lòng và thậm chí cũng không hối tiếc.”

Nhưng sự hồi hộp xúc động đó không phải là sự sợ hãi. Không, không hề phải.

Tôi đã từng cảm thấy nỗi sợ ở châu Phi. Hãy chú ý tới điều này, thưa các ông. Ở phương Tây, cuộc sống chẳng có nghĩa lý gì; người ta thường cam chịu trước mọi việc; đêm sáng và chẳng có gì bí ẩn, tâm hồn con người ở đây cũng thế, chúng trống rỗng, chúng chẳng hề có những lo lắng u tối, những lo lắng ám ảnh trí não của con người xứ lạnh. Ở phương Đông, người ta có thể biết đến nỗi kinh hoàng, người ta không biết đến sự sợ hãi. Vậy đấy, và đây, tôi sẽ kể cho các bạn nghe điều đã xảy đến với tôi trên vùng đất châu Phi:

Tôi đi qua các cồn cát lớn ở vùng phía Nam vùng Ouargla. Đó là một trong những đất nước kỳ lạ nhất thế giới. Các ông chỉ biết đến loại cát mịn màng, trơn nhẵn êm ái trên bờ biển vô tận của đại dương. Vậy các ông có biết rằng chính đại dương cũng tạo ra cát trong những trận bão táp. Hãy tưởng tượng đến một trận bão, một trận bão được gây ra bởi những hạt bụi



vàng, yên lặng tiến đến, không gió giạt, mưa gào báo hiệu. Cơn bão cát cao lừng lừng, tiến tới như một khối núi lớn, từng đợt không đều, khác hẳn nhau, được nâng lên như thể những làn sóng không đến tiếp liền nhau, nhưng càng ngày càng lớn, và có vân như cát nhiều. Ở phía Đông mặt trời như một ngọn lửa lớn thiêu đốt mặt đất. Cần phải trèo lên trên các trảng cát vàng như tro tàn bị thiêu rụi bởi mặt trời. Phải leo lên, tụt xuống, lại leo lên, rồi lại tụt xuống không ngừng, không nghỉ, không có lấy một bóng mát để nghỉ chân. Bọn ngựa đang hí ầm lên, chúng bị lún trong cát tới tận đầu gối, chúng leo lên khó nhọc rồi lại trượt xuống những đồi cát.

Chúng tôi gồm hai người theo sau tám kỵ binh và bốn con lạc đà cùng với những người chặn chúng. Chúng tôi không nói chuyện gì nữa, mệt lả vì nóng, vì mệt, khát khô như đang đi trong một sa mạc nóng bỏng nhất. Đột nhiên một người bỗng kêu lên một tiếng; tất cả mọi người dừng lại, chết trân, cực kỳ ngạc nhiên bởi một hiện tượng phổ biến, không giải thích được mà những lữ khách ở các vùng hẻo lánh xa xôi rất hay gặp. Ở một nơi nào đó gần chúng tôi, theo một hướng nhất định có tiếng trống đang vang lên, tiếng trống huyền bí trên cồn cát; tiếng trống nghe rất rõ, lúc ầm vang, lúc khê khàng, có lúc ngừng bật rồi lại dồn lên theo một điệu nhạc kỳ dị. Những người Ả Rập, kinh hoàng nhìn nhau; một người nói bằng tiếng Ả Rập: “Thần chết đi theo chúng ta”. Thế là đột nhiên bạn tôi, người bạn thân thiết như anh em với tôi ngã ngựa, đầu đập xuống đất, ngất lịm vì say nắng.

Trong suốt hai giờ đồng hồ tôi gắng sức cứu chữa cho anh ta, tiếng trống vẫn cứ lúc xa lúc gần, lúc to lúc nhỏ, tiếng trống đơn điệu, nhát gừng, khó hiểu khiến tôi phát sợ, một nỗi sợ thật sự, một nỗi sợ khủng khiếp như khi ta ôm thi hài của người yêu nằm gọn trong huyết mộ đang cháy rực bởi mặt trời nóng bỏng, nằm gọn giữa bốn con quỷ cát, trong khi đó âm thanh lạ thường đang vọng đến cách chúng tôi khoảng tám trăm mét, tiếng vang đó phát ra từ một ngôi làng kiểu Pháp, tiếng trống dồn dập hồi thúc.

Hôm đó, tôi đã hiểu sợ ghê là thế nào; và tôi đã hiểu rõ hơn thế nữa vào một lần khác...

Thuyền trưởng ngắt lời ông ta:

“Nhưng tiếng trống? Đó là cái gì thế?”

Người kể chuyện trả lời.

“Tôi không biết, chẳng ai biết. Các sĩ quan thường ngạc nhiên bởi tiếng động kỳ lạ này thường quy cho đó là tiếng vang được nhân lên, to lên nhiều lần bởi thổi qua các cồn cát, đụn cát. Tiếng động gây ra khi gió xoáy cuốn cát bay đập vào các bụi cây khô. Người ta cho như vậy bởi hiện tượng này thường diễn ra ở gần những nơi có bụi cây quá khô tự bốc cháy dưới ánh mặt trời. Tiếng trống thực ra chỉ là một loại ảo giác âm thanh. Thế thôi, thế nhưng mãi sau này khi tôi trải qua cảm giác thứ hai của mình tôi mới hiểu ra.”

Mùa đông năm ngoái, trong một khu rừng phía Đông bắc nước Pháp. Trời tối sớm hơn các nơi khác khoảng hai tiếng, hôm đó trời vừa sẫm tối, tôi đang ở trên một con đường nhỏ với người dẫn đường là dân địa phương đi bên cạnh, hai bên trồng thông, gió reo vi vu trên đầu. Bỗng chốc tôi nhìn thấy mây đổi chiều và những đám mây lớn đang bay vùn vụt, đang bị đẩy bởi một cơn cuồng phong, cả cánh rừng như vặn mình kêu rảng rặc. Tôi cảm thấy lạnh dù tôi cô đi rất nhanh và dù tôi mặc áo khoác dày. Chúng tôi sẽ đến nghỉ đêm lại nhà một người gác rừng và dùng bữa đêm tại đó. Ngôi nhà của người gác rừng này không xa nhà tôi là mấy nhưng tôi đến đó để đi săn. Người dẫn đường của tôi thỉnh thoảng lại ngước mắt lên nhìn trời và lẩm bẩm: “Thời tiết xấu quá!” rồi anh ta nói với tôi về những người ở nơi mà chúng tôi đang đi đến. Người cha hai năm trước đã giết chết một tên săn trộm và kể từ khi đó, ông ta trở nên u sầu như thể bị ám ảnh bởi điều đó. Hai đứa con trai của ông đều đã cưới vợ và hiện đang ở cùng ông.

Trời tối om như mực. Tôi chẳng còn nhìn thấy gì nữa cả, thậm chí ngay cả cái tay tôi xò ra trước mặt tôi cũng nhìn không thấy. Tôi chỉ còn nghe thấy tiếng những cành cây đập vào nhau không ngừng phía trên đầu. Cuối cùng, tôi nhận thấy có ánh đèn sáng, ngay sau đó người dẫn đường đập cửa. Có tiếng phụ nữ trả lời, rồi đến một giọng đàn ông ồm ồm hỏi: “Ai đến thế?” Người dẫn đường xưng danh, cửa kẹt mở, chúng tôi bước vào. Đó là một cảnh tượng không thể quên được. Một ông già râu tóc bạc phơ, mắt đầy vẻ điên dại, tay cầm súng săn đang đợi chúng tôi ở giữa nhà, hai bên cửa là hai

gã to lớn tay lăm lăm rìu. Tôi để ý thấy trong góc nhà có hai phụ nữ đang quỳ, mặt úp vào tường.

Chúng tôi tự giới thiệu và nói rõ lý do đến, ông già buông súng xuống, để nó dựa vào tường và ra lệnh dọn phòng cho tôi; và bởi hai người phụ nữ vẫn chưa hề nhúc nhích, ông ta nói với tôi:

“Ông thấy đấy, tôi đã giết một người, đêm nay là tròn hai năm ngày chết của người đó. Năm ngoái, anh ta đã quay lại tìm tôi, gọi tôi. Thế nên đêm nay tôi còn đang đợi anh ta.” Rồi ông ta nói thêm bằng một giọng khiến tôi phì cười “Hôm nay chúng ta sẽ chẳng yên nổi đâu.”

Tôi đảm bảo rằng tôi đã lấy làm vui mừng vì đến đúng đêm đó để chứng kiến một màn kịch về một nỗi khiếp sợ dị đoan. Tôi nói thế để các bạn khỏi sợ. Gần bếp lửa, một chú chó già gần như mù lòa và lông lá bù xù đang nằm ngủ, mũi gác lên trên chân. Phía ngoài ngôi nhà, cơn bão đang gào thét. Qua lỗ nhìn gần cửa, bỗng chốc nhờ tia sáng một ánh chớp tôi thấy một cành cây bị gió giập vùi.

Tôi cảm thấy có một nỗi sợ hãi đang ngự trị trong những người đang ngồi đây cùng tôi, mỗi khi tôi ngưng nói, mọi người đều dõi tai để ý nghe có tiếng động lạ nào đó không. Chán ngắt vì phải ngồi với những nỗi sợ vợ vẫn như vậy, tôi định đứng lên đi ngủ, đúng lúc đó ông già bỗng nhảy phắt tới cây súng săn, ông vừa tóm lấy nó vừa lắp bắp lạc cả giọng: “Anh ta đấy! Anh ta đấy! Tôi nghe thấy anh ta!” Hai người phụ nữ lại quỳ thụp xuống góc nhà, giấu mặt vào tường; hai người con trai cầm lấy rìu. Tôi vừa định nói mấy câu an ủi giúp họ nguôi sợ thì con chó đang ngủ bỗng vùng dậy, đầu ngẩng cao, cổ vươn về phía lò sưởi, con mắt gần như lòa của nó dán chặt vào lò sưởi, nó tru lên một hồi sâu thẳm, tiếng chó tru đó sâu thẳm đến mức đủ khiến mọi lữ khách phải rùng mình. Mọi con mắt đổ dồn về phía con chó, đến lúc đó con chó vẫn đứng im, bất động, bốn chân choãi ra như thể nó đang gặm gừ với một cái gì đó vô hình, kỳ lạ, và hẳn là đáng sợ bởi lông nó dựng hết cả lên. Người gác rừng, tái mét kêu lên: “Nó cảm thấy được đấy! Nó cảm thấy anh ta đấy! Anh ta đã đứng ở đó khi tôi giết anh ta”. Hai người phụ nữ tái mét mặt cùng hét lên một lúc với con chó.

Cho dù tôi không hề biết sợ, thế nhưng một cơn rùng mình khiến tôi rung động từ đầu đến chân. Cái nhìn của con chó vào giờ này, ở nơi này giữa những con người đang cuống cuống sợ hãi, tất cả những điều đó cũng khiến tôi lây cái sợ mà họ đang cảm thấy.

Thế là trong suốt một tiếng đồng hồ, con chó cứ tru lên không ngừng, và nó cũng không hề động đậy, nó cứ giữ nguyên tư thế như thế trong suốt một tiếng đồng hồ liền, nó cứ tru lên như thể nó đang mơ một giấc mơ kinh hoàng: và sự sợ hãi, một sự sợ hãi khủng khiếp bao trùm lên tôi; sợ gì nhỉ? Tôi biết tôi sợ gì không? Không, đó là một nỗi sợ, thế thôi.

Chúng tôi cùng ngồi im bất động, xanh xám, chờ đợi một sự kiện gì đó hết sức khủng khiếp, tai căng ra, trống ngực đập thành thịch, cuống cuống lo sợ trước bất cứ tiếng động nhỏ nào. Rồi con chó đi vòng quanh phòng, vừa đi vừa ngửi hít bốn bức tường vừa rên rĩ không ngừng. Con vật khiến chúng tôi phát rồ! Thế nên người dẫn đường của tôi, không thể chịu đựng được hơn nữa đã mở cửa ra sân sau và ném con vật ra ngoài. Ngay lúc đó nó im bặt; chúng tôi lại chìm vào một sự im lặng còn đáng sợ hơn cả trước. Đột nhiên, cùng một lúc, chúng tôi cùng giật thót mình: bên ngoài, ở phía tường đối diện rừng, có cái gì đó bò dọc tường, đi ngang qua cửa, nó có vẻ như đang sờ lần bằng tay một cách ngấp ngừng; rồi người ta không nghe thấy tiếng gì nữa trong khoảng hai phút, hai phút đó khiến người ta sợ phát điên. Rồi nó lại quay lại, lại lướt qua tường; nó cào nhẹ nhẹ như thể một đứa trẻ lấy ngón tay cào nhẹ vào tường; rồi bỗng nhiên một cái đầu xuất hiện ở lỗ nhìn cạnh cửa, một cái đầu trắng toát với đôi mắt hoang dại lấp lánh như mắt của bọn thú ăn thịt, có tiếng nói phát ra từ miệng của nó, một giọng nói không rõ ràng, một giọng râm rì than thở. Có tiếng súng nổ, người gác rừng già đã bắn. Và ngay khi đó hai người con trai chạy bổ tới, bít chặt cái lỗ nhìn bằng cách dựng cái bàn lớn lên trên cái tủ buýp phê.

Và tôi xin thề với các ông rằng vì đột ngột nghe tiếng súng không đợi trước đó mà tôi bỗng cảm thấy sợ, một nỗi sợ bóp nghẹt tim, làm thân thể bủn rủn, đầu óc trống rỗng, tôi cảm thấy mình mệt lả đi, gần như chết vì sợ.

Chúng tôi cứ ngồi yên như thế cho tới tận bình minh không thể cử động, không thể nói năng, co quắp trong một nỗi sợ khó tả. Chúng tôi không dám

dỡ bỏ rào chắn khỏi cửa cho tới tận khi nhận thấy có ánh mặt trời lọt qua khe trên mái nhà dội xuống. Dưới chân tường, dựa vào cửa, con chó già nằm bất động, mõm vỡ toác bởi một phát đạn. Nó đã bò ra khỏi sân sau bằng cách đào một lỗ nhỏ dưới hàng rào.

Người kể chuyện có khuôn mặt rằm nắng ngưng lại một lúc, rồi anh ta nói thêm: “Đêm đó, tôi đã không phải trốn chạy khỏi bất cứ một nguy hiểm nào; nhưng nếu thời gian quay lại thì tôi thà đương đầu với mọi hiểm nguy chết người còn hơn phải chịu đựng giây phút nghe tiếng súng vang lên và nhìn thấy cái đầu lông lá qua lỗ nhìn đó...”

# COCO

Trong khắp các vùng lân cận, người ta gọi trang trại của gia đình nhà Lucas là “Trại lĩnh canh”. Người ta không biết tại sao lại gọi như vậy. Những người nông dân, đương nhiên, đã đánh đồng nghĩa của từ “Trại lĩnh canh” với sự giàu có và to lớn, bởi trang trại này hiển nhiên là trang trại rộng lớn nhất, trù phú nhất, ngăn nắp nhất trong vùng.

Khoảng sân rộng lớn được bao quanh bởi năm hàng cây tuyệt đẹp rợp bóng mát che cho trang trại khỏi cái nóng khắc nghiệt của bình nguyên. Những cây táo lùn rợp bóng, phủ mát cho dãy nhà mái ngói để giữ rơm, hạt khỏi bị khô héo, phủ mát cho chuồng trại xây bằng đá ong, cho chuồng ngựa ba mươi con, và cho nhà ở xây bằng gạch đỏ. Ngôi nhà trông giống như một tòa lâu đài nhỏ.

Chuồng trại được giữ gìn sạch sẽ; những con chó gác cửa nằm trong chuồng của chúng, lũ gia cầm đi dạo trong cỏ cao.

Mỗi trưa, mười lăm người: chủ, tớ và người phục vụ, ngồi quanh bàn bếp dài nơi món súp ngon lành đựng trong bát sành hoa xanh, tỏa mùi thơm ngào ngạt đang đợi họ.

Lũ súc vật, ngựa, bò, lợn và cừu, béo mẫm, sạch sẽ vì được chăm sóc tốt. Ông chủ Lucas là một người đàn ông to lớn và cẩn thận, tỉ mỉ: ông đi coi sóc mọi việc trong trang trại ba lần mỗi ngày, ông biết đến mọi việc, chu toàn mọi việc.

Ông Lucas giữ lại, tít sâu trong chuồng ngựa, một con ngựa trắng già, và ông muốn nuôi nó cho tới khi nó chết già vì đó là con ngựa ông đã tự tay chăn dắt thuở thiếu thời. Con ngựa đó là kỷ niệm đáng nhớ đối với ông, nó nhắc ông nhớ lại những kỷ niệm đã qua.

Một thằng nhóc mười lăm tuổi, tên là Isidore Duyal, và thường được gọi tắt là Zidore lãnh trách nhiệm coi sóc con ngựa. Mùa đông, cho ngựa ăn yến

mạch và lấy cỏ khô lót chuồng cho ngựa. Mùa hè, dắt ngựa ra đồng cỏ, buộc ngựa vào cọc buộc trên đồng cỏ và bốn lần mỗi ngày đến thay đổi chỗ buộc ngựa để ngựa có thể ăn được những ngọn cỏ non tơ.

Con vật, gần như là bại liệt, đứng một cách khó nhọc trên đôi chân nặng nề, với hai khớp gối to sù, sưng phồng. Bộ lông mà từ lâu người ta chẳng còn chải, có vẻ như là màu trắng và bộ mi rất dài phủ xuống mắt nó một cái nhìn u buồn.

Khi Zidore dẫn ngựa ra đồng cỏ, nó phải dùng hết sức bình sinh để kéo dây buộc. Con vật chậm chạp bước, cho dù bị thúc giục. Thăng nhóc chặn ngựa cong lưng, thở hỗn hển, chửi thề, mắng con vật, cúi kính vì phải chăm sóc một con nghẻo già nua.

Những người trong trang trại nhìn cảnh cáo giận của thăng nhóc, rất buồn cười. Thế là họ trêu Zidore bằng cách nói nhiều chuyện về Coco với Zidore để chọc tức nó. Và thậm chí họ gọi tên kếp Coco-Zidore.

Thăng nhỏ phát khùng, và dần dần trong nó lớn dần một mong muốn trả thù con ngựa. Zidore là một thăng nhóc gầy nhồng, bẩn thỉu, tóc hoe đỏ, cứng đầu và khó bảo nó có vẻ ngu ngốc, ăn nói cục cằn, khó ưa.

Từ rất lâu, nó luôn ngạc nhiên sao người ta lại giữ lại Coco, nó phẫn nộ vì cho rằng thật phí phạm khi phải tiêu tốn cỏ và lúa mạch cho một con nghẻo già như Coco. Từ khi Coco không làm việc nữa, nó cảm thấy thật vô lý khi nuôi con vật vô ích này. Nó cảm thấy uất ức khi phí phạm lúa mạch cho con nghẻo già yếu, bại liệt, mà lúa mạch lại đắt đỏ. Vậy là, cho dù ông chủ Lucas đã ra lệnh phải chăm sóc tốt cho con ngựa, phải lấy đủ yến mạch và cỏ khô cho nó vào mùa đông, phải luôn đảm bảo nó được ấm và no đủ, thăng nhóc vẫn cố tình tiết kiệm thức ăn cho ngựa, thậm chí nó chỉ lấy cho ngựa một nửa số thức ăn cần thiết, dè xẻn cả rơm và cỏ khô lót chuồng ngựa! Và nỗi căm ghét cứ lớn dần lên trong tim óc thăng nhóc chặn ngựa: nỗi căm ghét của một tên nông dân tham ;am, xảo trá, tàn ác, hung dữ và hèn hạ.

Khi mùa hè đến, nó phải đưa con vật ra đồng cỏ. Nhưng đồng cỏ thì xa. Thăng ranh, càng ngày càng cáo giận khi sáng sáng nó phải đưa con vật lê

bước chân nặng nề qua cánh đồng lúa mì. Những người nông dân làm việc trên cánh đồng nhìn thấy cảnh đó, lại trêu chọc nó, họ gọi:

“Này Zidore, cho tôi gửi lời hỏi thăm tới Coco nhé!”

Thằng nhóc chẳng trả lời câu nào, nhưng khi đi ngang qua hàng rào, nó âm thầm bẻ lấy một thanh gỗ và khi đến cọc buộc ngựa trên đồng cỏ, nó buộc dây vào cọc, và thật độc ác, nó quất mạnh vào khoeo chân con vật già nua khốn khổ, con vật đau đớn cố bỏ trốn một cách vô vọng bằng cách đá hậu và cố tránh những cú đánh ác độc, kéo căng dây buộc hông thoát thân, và thằng khốn nạn bám riết lấy con vật, hai hàm răng nghiến chặt, nó đánh con ngựa một cách tàn độc, điên dại.

Thường thì một lúc sau, nó bỏ đi không buồn quay đầu nhìn lại trong khi con ngựa nhìn theo bằng đôi mắt rầu rĩ của mình, xương sườn nhô ra, mết lử sau trận trốn chạy đòn roi. Và Coco chỉ dám cúi cái đầu trơ xương với chòm lông trắng xuống gặm cỏ sau khi đã khuất bóng áo budông xanh của thằng chặn ngựa.

Bởi đêm rất nóng nên người ta để Coco ngủ ngoài đồng cỏ, bên cạnh khe nước chảy, sau cánh rừng và chỉ Zidore có trách nhiệm đến để coi sóc nó.

Thằng nhóc thậm chí còn giải trí bằng việc ném đá vào con ngựa. Nó thường ngồi cách con ngựa mười bước chân, trên một sườn dốc, và thỉnh thoảng lấy một hòn sỏi có cạnh sắc ném vào con vật. Con vật bị buộc, không có khả năng trốn chạy, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ và chỉ dám gặm cỏ chùng nào thằng chặn ngựa bỏ đi.

Thế nhưng ý nghĩ “Vì sao lại phải nuôi một con nghèo già nua vô ích chẳng để làm gì?” luôn quẩn quanh trong đầu thằng nhóc. Với nó có vẻ như là con ngựa khốn khổ này đã ăn cắp thức ăn của các con ngựa khác, ăn cắp yến mạch của con người, ăn cắp của cải của ông chủ và ăn cắp cả thời gian của nó, của Zidore, vì nó phải làm việc.

Vậy là, mỗi ngày, thằng khốn thu hẹp dần dây buộc, thu hẹp dần diện tích cỏ ngựa có thể gặm.

Con vật ngày càng xanh xao, gầy yếu, héo hắt. Quá yếu để dứt đứt dây buộc, nó vươn cổ về phía những nhánh cỏ non mềm, rất gần, tỏa hương thơm ngọt dịu mà không sao với tới được.



Một sáng, Zidore chợt nảy ra một ý: đó là không dắt Coco ra đồng cỏ nữa. Nó chả việc gì phải đi xa như thế vì một con nghê già da bọc xương.

Tuy nhiên, nó vẫn đến để tận hưởng sự báo thù. Con vật, lo lắng nhìn nó.

Hôm đó nó không đánh đập con ngựa, nó đi vòng quanh con ngựa, hai tay để trong túi quần. Thậm chí nó còn làm ra vẻ sắp dắt con vật ra đồng cỏ, nhưng rồi nó lại ấn sâu cọc buộc vào lỗ cũ, rồi nó bỏ đi, huýt sáo vang vui vẻ vì sáng kiến của mình.

Con ngựa, nhìn theo, hí lên gọi nó; nhưng thằng nhóc vẫn bỏ đi, để con ngựa lại một mình, đơn độc, bị buộc chặt, và chẳng có lấy một ngọn cỏ để nhai.

Đói lả, Coco cố với tới ngọn cỏ xanh mỡ màng mà nó gần như chạm được mũi đến. Nó quỳ trên hai chân trước, vươn dài cổ, kéo dài đôi môi dày chảy dãi. Mọi cố gắng đều vô ích. Suốt ngày hôm đó, hết lần này đến lần khác, con vật cố gắng ghê gớm để vươn được đến ngọn cỏ, nhưng mọi cố gắng của nó đều uổng công. Kiệt sức, cái đói giày vò, và cái đói lại càng khủng khiếp hơn khi quanh nó, cỏ non mơn mớn trải dài tới tận đường chân trời.

Ngày hôm đó thằng khốn không quay lại. Nó lang thang trong rừng để bắt chim.

Ngày hôm sau, nó quay lại chỗ Coco bị buộc. Coco, mệt lử, nằm dài trên đất, vội nhồm dậy khi thoáng thấy bóng Zidore, chờ đợi được di chuyển chỗ buộc.

Nhưng thằng nhóc chặn ngựa, thậm chí không sờ vào dây buộc, nó lại gần con ngựa, nhìn con vật, ném vào mũi Coco một cục đất và nó lại vừa bỏ đi vừa huýt sáo.

Con ngựa đứng yên nhìn cho tới khi khuất bóng thằng nhóc; và rồi thấy rõ là mọi cố gắng để chạm được tới những ngọn cỏ chỉ là vô ích, nó lại nghiêng mình nằm duỗi ra và nhắm mắt lại.

Ngày hôm sau Zidore không đến.

Ngày hôm sau nữa, khi nó tiến lại gần con vật đang nằm duỗi ra, nó nhận thấy rằng con vật đã chết.

Thế là, nó đứng lên, nhìn con vật, hài lòng vì tác phẩm của mình, ngạc nhiên vì cuối cùng thế cũng đã xong. Nó chạm vào chân con ngựa, nhắc một

căng ngựa lên rồi thả nó rơi xuống. Ngồi lên trên con ngựa, mắt nhìn chăm chăm vào thảm cỏ xanh, đầu óc trống rỗng.

Nó quay trở lại trang trại, nhưng không nói gì về sự việc vừa qua, vì nó còn muốn lang thang trong thời gian mà thông thường nó phải đổi chỗ buộc cho ngựa.

Ngày hôm sau nữa nó quay lại xem con ngựa. Lũ quạ bay tán loạn khi nó đến gần. Ruồi bu đen đặc trên con ngựa và bay vù vù xung quanh nó.

Quay về trang trại, Zidore thông báo sự kiện ngựa chết. Con ngựa già đến nỗi chẳng ai ngạc nhiên khi hay tin nó chết. Ông chủ bảo hai người làm:

“Lấy xẻng đi và hãy chôn nó ở chính nơi nó sống.”

Và người ta đã chôn nó, ở chính nơi nó đã chết vì đói.

Rồi cỏ mọc lên tươi xanh, đầy nhựa sống vì được bón bởi da thịt chú ngựa khốn khổ.

# LUYẾN TIẾC (VIẾT CHO LÉON DIERX)

Ông Saval, mà ở Mantes người ta vẫn gọi là “Cha Saval”, vừa trở dậy. Trời đang mưa. Đó là một ngày thu buồn thảm, mưa thu làm rụng lá, những chiếc lá chầm chậm rơi trong mưa. Ông Saval không vui, ông cứ đi đi lại lại, từ lò sưởi đến cửa sổ rồi lại đi từ cửa sổ về lò sưởi. Cuộc đời có những ngày thật buồn. Và giờ đây với ông cuộc sống sẽ chẳng còn gì nữa ngoài những ngày buồn thảm bởi ông đã sáu mươi hai tuổi, lại sống có một mình, không gia đình, không người thân, không có ai ở bên cạnh. Buồn làm sao khi phải già từ thế giới này trong cô đơn, trong đơn độc, không có lấy một ai xót thương!

Ông nghĩ tới sự tồn tại trần trụi, vô nghĩa của mình. Ông nhớ lại thuở xưa, thuở thiếu thời, khi ông còn sống trong nhà của bố mẹ, rồi ông nhớ tới thuở còn đi học, nhớ tới những lần đi chơi, nhớ tới những ngày ông học luật ở Paris, ngày bố ông ốm rồi ông cụt mắt.

Ông trở về sống cùng mẹ. Mẹ con họ, một thanh niên trẻ và một bà già, họ đã có những ngày thật êm đềm, hạnh phúc bên nhau, và họ đều không có một ước vọng nào khác là được sống mãi cùng nhau như thế. Nhưng rồi mẹ ông ốm, và cuối cùng bà cũng rời xa ông mãi mãi.

Cuộc đời mới buồn làm sao!

Giờ đây ông còn lại có một mình, và tới lượt ông, rồi ông cũng sẽ phải lìa xa thế giới này. Ông sẽ biến khỏi cõi đời này, và thế là hết. Sẽ chẳng còn ông Paul Saval trên trái đất nữa. Điều đó mới khủng khiếp làm sao! Những người khác sống, vui đùa, cười cợt. Vâng, thế đấy, họ vẫn cười vẫn đùa và ông, ông sẽ không còn tồn tại nữa! Có lạ lùng không, khi người ta có thể cười đùa, vui vẻ được trong khi rồi chắc chắn người ta sẽ chết. Giá như cái

chết chỉ là một điều gì đó có thể xảy đến với ai đó chứ không phải tất cả mọi người thì người ta còn có hy vọng. Nhưng cái chết là điều không thể tránh khỏi, nó hiển nhiên như sau ngày sẽ là đêm.

Giá như ông còn nhiều thời gian, giá như ông đã làm được một việc gì đó, giá như ông đã từng chu du thế giới, giá như ông đã từng làm những cuộc thám hiểm, giá như ông đã từng có những ước mơ lớn lao, từng có những thành công, từng được hài lòng kiểu như vậy. Nhưng không, ông chẳng từng làm gì cả, chẳng có được gì cả ngoài việc sáng sáng ông trở dậy, rồi ăn, rồi ngủ cùng đúng những giờ như nhau, không ngày nào khác ngày nào. Và cuộc đời ông cứ thế trôi đi, cho đến tận bây giờ, khi ông đã sáu mươi hai tuổi. Thậm chí ông còn không cả kết hôn với ai đó, như mọi người đàn ông khác. Tại sao? Ừ nhỉ, tại sao ông lại không kết hôn? Ông đã thừa sức làm được điều đó vì ông có cả một gia tài. Phải chăng ông đã bỏ lỡ mất cơ hội? Có thể! Nhưng người ta có thể tạo ra cơ hội! Ông đã quá uế oải, đúng vậy. Sự uế oải đã làm nên những nỗi đau khổ lớn cho ông, tạo nên những lỗi lầm của ông, những sai sót của ông, những thói hư tật xấu của ông. Có biết bao người đang làm hỏng cuộc đời họ bởi sự lười nhác uế oải.

Việc dậy sớm mỗi sáng, hoạt động, suy nghĩ, làm việc, nói chuyện, học hỏi, vươn lên là một điều quá khó khăn với một số người.

Ông thậm chí còn chưa từng một lần được yêu. Không một người phụ nữ nào muốn ngủ trên ngực ông, trên khuôn ngực hoàn toàn thiếu vắng tình yêu. Ông không hề biết đến nỗi bực tức ngọt ngào của việc chờ đợi người yêu, không hề được nếm trải cảm giác bị cầm tù trong vòng tay người yêu, cảm giác mê ly ngây ngất trong tình yêu.

Biết bao hạnh phúc ngập tràn con tim, khi lần đầu hai đôi môi gắn lại làm một, khi bốn cánh tay siết chặt hai thân thể thành một, khi hai con người hết lòng yêu nhau.

Ông Saval đang ngồi hơ chân trên lò sưởi, trên mình khoác bộ quần áo mặc ở nhà.

Đương nhiên là cuộc đời ông đã bị bỏ phí hoài, hoàn toàn bỏ phí. Tuy vậy nhưng ông cũng đã từng yêu, chính ông. Ông đã từng yêu một cách lặng thầm, kín đáo, đầy đau khổ nhưng cũng đầy uế oải như mọi việc ông từng

làm. Vâng, ông đã từng yêu một người bạn cũ của ông, cô Sandres, vợ của một người bạn học cũ, ông Sandres. A! Giá như ông quen với cô từ khi cô còn con gái! Nhưng ông quen với cô khi đã quá muộn, cô lúc đó đã là gái có chồng. Giá như lúc đó cô còn chưa có ai, chẵn chẵn ông đã hỏi cô làm vợ! Tuy nhiên, ông đã yêu cô biết bao, yêu mãi, yêu ngay từ cái nhìn đầu tiên.

Và cứ mỗi khi gặp cô ông lại thấy bồi hồi, bối rối, mỗi khi phải chào tạm biệt cô lòng ông lại buồn bã không nguôi, rồi đêm đó, và một vài hôm sau đó thế nào ông cũng mất ngủ vì nhớ cô. Nhưng đến sáng hôm sau, khi tỉnh dậy thì tình yêu trong ông lại nhạt đi một chút so với đêm hôm trước. Sao thế nhỉ?

Cô ấy mới duyên dáng làm sao, từ xưa đến nay vẫn thế, cô ấy thật đẹp với mái tóc xoăn óng vàng, với khuôn mặt luôn tươi cười rạng rỡ. Sandres không hề xứng với cô. Giờ đây, cô đã năm mươi tám tuổi. Cô luôn có vẻ hạnh phúc. Ôi! Xưa kia, giá cô để mắt đến ông! Giá cô yêu ông! Tại sao cô lại không yêu ông, chính ông Saval đây, vì ông yêu cô đến thế kia mà, cô Sandres.

Giá như cô đã đoán được tình cảm của ông...

Sao cô chẳng bao giờ chịu đoán, sao cô chẳng bao giờ nhìn thấy tình cảm của ông, sao cô chẳng bao giờ chịu hiểu gì thế nhỉ? Nếu cô đoán được, hiểu được, liệu cô sẽ nghĩ gì? Nếu ông thổ lộ tình cảm với cô, liệu cô sẽ trả lời ra sao?

Cứ thế, ông Saval tự đặt cho mình hàng nghìn câu hỏi. Ông hồi tưởng, ông như sống lại cuộc đời mình, tìm cách chộp lại một loạt những chi tiết.

Ông nhớ lại tất cả những tối chơi bài ở nhà ông Sandres, khi đó cô vẫn còn là một phụ nữ trẻ và vô cùng xinh đẹp. Ông nhớ lại những gì ông và cô đã nói với nhau, nhớ lại giọng nói trong trẻo dễ nghe của cô thuở trước, nhớ tới những nụ cười tím tím đầy ý nghĩa của cô.

Ông nhớ lại những tối cùng đi dạo dọc sông Seine của cả ba người, vợ chồng cô và ông. Nhớ tới những bữa ăn ngoài trời vào những ngày chủ nhật bởi ông Sandres làm việc ở quận. Và bỗng nhiên kỷ niệm này, làm ông nhớ lại một buổi chiều, ông cùng cô đi dạo ở trong rừng dọc một con sông.

Hôm đó, họ rời nhà từ sáng sớm, với đầy tay nải đồ ăn, hôm đó là một ngày mùa xuân đẹp trời, mùi hoa thơm, mùi cỏ cây, mùi đất ẩm... lại có tiếng vỗ cánh của chim, tiếng chim hót líu lo nữa chứ, mọi vật đều trở nên tuyệt vời trong một ngày như thế. Họ đã dùng bữa trên cỏ, dưới bóng một cây sồi. Không khí ấm áp, thoang thoảng đâu đây mùi nhựa cây, họ cùng uống rượu một cách đầy vui thú. Hôm đó, trời mới đẹp làm sao!

Sau bữa trưa, Sandres nằm ngửa, thiu thiu ngủ, tỉnh lại nói: “Giấc ngủ ngon nhất cuộc đời tôi”.

Cô Sandres khoác tay Saval, và họ cùng nhau đi dạo dọc theo bờ sông. Cô Sandres dựa vào ông, cô vừa cười vừa nói: “Em say rồi, em say hẳn rồi”. Ông nhìn cô, rung động đến tận đáy lòng, cảm thấy mặt mình tái nhợt đi, nghi ngại rằng ánh mắt của mình quá sỗ sàng, rằng sự run rẩy của tay mình sẽ tố cáo bí mật của mình mất.

Cô bện một chiếc vòng bằng cỏ và hoa huệ tây, đội lên đầu rồi quay lại hỏi ông: “Ngài yêu em, phải thế không?”

Và vì ông không trả lời gì cả, vì ông chẳng biết trả lời thế nào, ông suyt nữa ngã khụy xuống, cô bắt đầu phá lên cười, tiếng cười không được vui vẻ, bằng lòng lắm, rồi cô phẩy tay: “Ngốc ạ, nào, ít ra thì cũng nói gì đi nào!”

Ông suyt bật khóc mà vẫn không sao tìm được một từ nào để nói. Mọi chuyện hôm đó hôm nay lại tái hiện trước mắt ông, rõ mồn một như thuở nào. Sao cô lại bảo ông: “Ngốc ạ, nào, ít ra thì cũng nói gì đi nào!”

Ông nhớ lại cô đã dựa vào ông, âu yếm đến thế nào. Khi đi ngang qua một cái cây đổ nghiêng, ông đã cảm thấy mái đầu cô nghiêng nhẹ chạm vào má ông và ông đã vội lùi ra xa vì sợ cô vô tình nhận ra được sự đụng chạm đó.

Khi ông bảo: “Chúng ta về chứ?” cô đã liếc nhìn ông với một ánh mắt thật lạ. Chắc chắn là cô đã nhìn ông một cách tò mò, và ánh nhìn đó đã khiến ông nhớ mãi đến tận bây giờ.

“Tùy ngài thôi, bạn thân mến. Nếu bạn mệt rồi thì chúng ta quay về thôi.”

Và ông đã trả lời:

“Không phải tôi mệt, nhưng có thể Sandres đã thức dậy rồi.”

Thế là cô nhún vai và nói:

“Nếu ông sợ chồng tôi đã thức giấc, thì đó lại là chuyện khác. Chúng ta quay lại thôi!”

Lúc quay về, cô giữ im lặng và cô cũng không khoác tay ông nữa. Sao lại thế nhỉ?

Và câu hỏi “tại sao” đó, đến tận giờ ông vẫn còn chưa giải được.

Đến giờ, hình như ông đã nhận ra một điều gì đó mà ông đã chẳng bao giờ hiểu được.

Phải chăng...?

Ông Saval cảm thấy mặt mình đỏ lên và ông đứng lên một cách bối rối như thể như từ ba mươi năm trước, ông đã nghe thấy cô Sandres nói với ông: “Em yêu anh”

Liệu có thể như thế không? Nỗi nghi ngờ đó cứ ám ảnh tâm hồn ông và làm ông khổ sở! Liệu có thể ông đã chẳng nhìn thấy gì, chẳng đoán được gì chẳng?

Ôi! Nếu điều đó là thật, giá ông có thể quay ngược thời gian để trở về đúng được ngày hôm đó, ông tự nhủ: “Ta muốn biết. Ta không thể giữ mãi mối nghi ngờ này. Ta muốn biết!”

Và ông vội vàng mặc quần áo. Ông nghĩ: “Ta đã sáu mươi hai tuổi, cô ấy giờ đây đã năm mươi tám, giờ ta đương nhiên có thể hỏi cô điều đó”.

Và ông ra khỏi nhà.

Nhà ông Sandres nằm ở khu phố bên cạnh, gần như là đối diện với khu phố ông đang ở. Ông đi đến đó. Ông nhấn chuông và ngay lập tức có cô giúp việc chạy ra mở cửa. Cô này có vẻ rất ngạc nhiên khi thấy ông đến sớm đến thế:

“Ngài đây ạ, thưa ngài Saval, có chuyện gì ạ?”

“Không đâu, cô gái, nhưng hãy vào thưa với bà chủ cô rằng tôi muốn nói chuyện với bà ngay lập tức.”

“Thưa ông, bà đang ngâm cất làm mứt lê cho mùa đông. Bà đang ở trong bếp lò, và ăn vận không được chỉnh tề, ông biết đấy.”

“Tôi hiểu rồi, nhưng hãy vào thưa với bà rằng, ta có một chuyện vô cùng quan trọng muốn nói với bà.”

Cô giúp việc đi vào, ông Saval đi đi lại lại trong phòng khách với những bước dài bồn chồn. Tuy thế nhưng ông không cảm thấy lúng túng.Ồ! Ông cần phải hỏi bà điều đó, đơn giản như thế ông hỏi bà một công thức nấu ăn vậy. Đó là vì ông đã sáu mươi hai tuổi rồi!

Cánh cửa kẹt mở, bà xuất hiện. Giờ bà đã trở thành một phụ nữ sỗ sễ với khuôn mặt tròn căng, với tiếng cười rộn ràng. Bà bước đi, hai tay vung vẩy, không khoác khăn choàng, trên hai cánh tay trần vẫn còn đang dính đường.

Bà hỏi một cách lo lắng:

“Có chuyện gì thế, ông bạn thân mến. Ông không ốm đau gì đấy chứ?”

Ông trả lời:

“Không, bà bạn thân mến, nhưng tôi muốn hỏi bà một điều rất quan trọng với tôi, hỏi bà một điều đã khiến tôi dẫn vật khổ sở bấy lâu. Hãy cho phép tôi được hỏi bà một cách thẳng thắn nhé?”

Bà cười.

“Tôi lúc nào cũng luôn thẳng thắn mà. Ông nói đi.”

“Là thế này. Tôi đã yêu bà ngay từ cái hôm đầu tiên tôi nhìn thấy bà. Bà chưa bao giờ lơ mờ đoán được điều ấy hay sao?”

Bà vừa bật cười vừa trả lời, cũng với cùng một kiểu nói xưa kia:

“Ngốc ạ, tôi đã đoán được điều đó ngay từ ngày đầu tiên rồi!”

Saval run bắn lên, ông lắp bắp:

“Bà đã biết... thế sao...”

Và ông im tịt.

Bà hỏi lại:

“Thế sao... ông nghĩ gì nào... rằng... rằng... Ông lẽ ra đã phải nói gì rồi nào?”

Rồi bà bật cười, cười rất to. Những giọt nước đường bắt đầu chảy thành giọt trên cánh tay bà, rồi rơi xuống sàn nhà.

“Tôi ư?... Nhưng lẽ ra bà đã phải hỏi tôi. Lẽ ra bà đã phải tạo cho tôi cơ hội để tôi có thể bày tỏ tình cảm với bà!”

Rồi tiến thêm một bước về phía bà, ông lại hỏi:

“Hãy nói cho tôi biết... nói cho tôi biết... Bà có nhớ cái hôm mà Sandres ngủ trên cỏ sau bữa trưa... cái ngày mà chúng ta đã cùng nhau... đi dạo mãi



cho tới chỗ rẽ, ở đó?...”

Ông ngừng lời. Chờ đợi. Bà ngưng cười và nhìn sâu vào mắt ông:

“Đương nhiên là tôi nhớ hôm đó rồi.”

Thốt nhiên rùng mình, ông hỏi lại:

“Ôi... thế... hôm đó... nếu tôi... tôi... tìm cách quyến rũ bà... bà sẽ làm gì?”

Bà lại cười và trả lời một cách thẳng thắn bằng một giọng rõ ràng nhưng hơi có chút mai mỉa:

“Tôi sẽ nhượng bộ, bạn thân mến ạ.”

Nói xong, bà quay gót đi vào trong, quay vào với món mứt của bà.

Saval lại đi ra phố, rưng rờ như sau một thảm họa. Ông lê những bước dài dưới mưa, đi thẳng qua nhà ông, đi xuống dưới bờ sông, lang thang không biết mình đang đi đâu.

Khi đi đến sát mép sông, ông rẽ phải và tiếp tục đi dọc theo bờ sông. Ông đi bộ rất lâu, như thể bị đẩy đi bởi bản năng. Quần áo ông ướt đẫm nước mưa, mũ của ông cũng đẫm nước, méo mó, biến dạng trông như một miếng giẻ rách, rỏ giọt tong tỏng như một mái hiên. Và ông cứ đi, cứ đi mãi. Rồi ông chợt nhận thấy, ông đã đến được đúng cái nơi mà họ đã ăn trưa ở đó, đến được đúng cái nơi mà kỷ niệm ở đó đã mãi dẫn dắt con tim ông.

Thần thờ đứng nhìn rừng cây trần trụi, ngồi sụp xuống dưới một gốc cây trơ lá và ông bật khóc.

# MỘT CHUYỆN CÓ THẬT

Một cơn gió lớn lại nổi lên, một cơn gió thu gầm rú, thét gào, cuốn bay ào ào, vật trụi nốt những chiếc lá cuối cùng còn sót trên cây và cuốn nó bay tít lên tới tận mây xanh.

Những người đi săn đã ăn xong bữa tối, chân vẫn còn đi ủng, mặt bóng nhẫy, đỏ phừng phừng, chuyện trò rất sôi nổi. Đó là những con người nửa lãnh chúa, nửa cường hào, nửa nông dân, giàu có và mạnh khỏe, đủ khả năng bẻ gãy sừng bò nếu có con bò ngớ ngẩn nào đó dám cản bước đường đi của họ.

Họ đã săn bắn suốt cả ngày trên vùng đất của ông Blondel, lãnh chúa vùng Éperville, giờ đây, họ ngồi xung quanh một chiếc bàn lớn, vừa có dáng thô kệch nông thôn, vừa có vẻ cầu kỳ phố thị của ông chủ nhà, họ ăn uống, bông lơn, chuyện phiếm.

Họ nói to như hét, cười như tiếng ác thú gầm gào, uống như những hũ chìm, những đôi chân dài, những cùi tay chống lên khăn trải bàn, những đôi mắt lấp lánh sáng dưới ánh đèn, nóng người lên vì ánh lửa hắt ra từ chiếc lò sưởi lớn ở góc phòng đang phát ra những tiếng nổ tí tách và hắt lên trần nhà một ánh sáng đỏ quạnh. Họ chuyện trò bàn tán về chuyến săn và về bọn chó săn.

Một lát sau, vẫn chuyện săn bắn, họ bắt đầu liếc mắt dõi theo cô gái mạnh khỏe với đôi má bầu bĩnh đang phục vụ bàn ăn, cô đang bê trên bàn tay to khỏe đỏ hồng chiếc đĩa lớn chất đầy thức ăn.

Ông Séjour, bác sĩ thú y, người chăm sóc cho tất cả súc vật trong vùng bỗng thốt lên:

“Chúa ơi, ông Blondel, ông có một cô hầu thật duyên dáng, đáng yêu. Cô ta thật xinh xắn đến con ruồi bay qua cũng phải ngoái lại nhìn.”

Và mọi người bật cười âm ỉ lên. Một quý ông quý tộc, không còn được nể trọng vì nát rượu, ông Varnetot, cất tiếng.

“Trước kia tôi đã có một chuyện tình với một cô gái như thế! Tôi phải kể hầu các ông mới được. Mỗi khi tôi nhớ đến chuyện đó, nó lại làm tôi nhớ đến con chó cái Mirza của tôi. Tôi đã bán nó cho bá tước Haussonel, nhưng ngày nào cũng như ngày nào, cứ khi nào người ta thả nó ra, nó lại chạy ngay về tìm tôi. Nó quyến luyến tôi đến độ nó không muốn rời tôi nữa. Cuối cùng, phát bực lên tôi đã phải đề nghị ông bá tước cho xích nó lại để nó không thể bỏ về được nữa. Các ông có biết con vật khốn khổ đó đã thế nào không? Nó đã chết vì buồn rầu.”

Nhưng thôi, quay lại về chuyện người hầu của chúng ta nào. Chuyện là thế này:

Khi đó tôi mới hai mươi lăm tuổi, tôi sống độc thân trong lâu đài của mình ở Villebon. Các ông biết đấy, khi người ta còn trẻ mà lại không phải lo nghĩ đến chuyện kiếm tiền vì đã có khoản lợi tức hàng năm đủ để chi dùng một cách tương đối thoải mái, hơn nữa lại quá nhàn rỗi và cuồng chân cuồng cẳng thì mỗi khi ăn tối xong, người ta thường để mắt đến tất cả các cô gái trông tạm tạm.

Tôi đã sớm để ý đến một cô người làm nhà ông Déboultot ở Cauville. Hẳn các ông biết rõ ông Déboultot, nhất là ông, thưa ông Blondel! Nói một cách ngắn gọn, cô gái hư đó đã mê hoặc tôi, quyến rũ tôi đến nỗi một hôm tôi đã phải đến gặp chủ nhân của cô ta và đề nghị với ông ta một cuộc trao đổi. Ông ta đồng ý nhường lại cho tôi cô hầu gái đó và đổi lại tôi phải bán cho ông ta con ngựa cái có bộ lông đen tuyền mà ông ta đã muốn có từ hơn hai năm nay của tôi. Ông ta giơ tay cho tôi và bảo:

“Đập tay đồng ý nào ông Varnetot.”

Thế là mọi chuyện đã được giải quyết xong. Cô gái thu dọn quần áo đến lâu đài của tôi, còn tôi dắt con ngựa đen tuyền của mình đến Cauville, và bán nó với ba đồng tiền vàng.

Trong thời gian đầu, mọi chuyện diễn ra vô cùng suôn sẻ. Không ai có ý nghi ngờ gì, chỉ có điều Rose đã có vẻ yêu tôi quá mức cần thiết. Cô gái đó, các ông thấy đấy, cô ta chẳng là cái gì cả, nhưng hẳn trong nhận thức của cô

ta phải có cái gì đó khác người thường, có thể cô ta mới dám làm cái việc táo tợn là quyến rũ chủ của mình.

Tóm lại, cô ta si mê tôi. Cô mơn trớn tôi, vuốt ve chiều chuộng tôi, gọi tôi bằng hàng đống những cái tên thân mật, luôn tỏ ra yêu chiều tôi đến mức tôi phải suy nghĩ.

Tôi tự nhủ: “Phải kết thúc việc này đi thôi, ta cần phải rũ bỏ cô ta đi thôi!” Nhưng chẳng dễ gì mà rũ bỏ một chuyện như vậy một cách đơn giản, tôi không phải là kẻ mà người ta có thể quyến rũ được chỉ bằng hai nụ hôn. Cuối cùng, tôi đã phải để ý đến cô ta khi cô thông báo với tôi rằng cô đã có mang.

Đùng! Đoàng! Nghe như thế người ta vừa giáng sủng vào ngực tôi mà nổ liền hai phát. Cô ôm lấy tôi, hôn tôi, cười to lên sung sướng, cô nhảy múa, cô ta điên rồi, đúng thế!

Ngày đầu tiên, tôi không nói năng một lời nào, nhưng đến đêm, tôi không sao ngủ được, tôi trăn trở suy nghĩ, tính toán. Tôi tự nhủ: “Chuyện đã rồi, nhưng ta cần phải chuẩn bị sẵn sàng cho việc này, ta cần phải nhanh chóng dứt ra khỏi việc này, cần phải làm ngay không mọi việc vỡ lở thì trễ mất”.

Các ông biết đấy, tôi có bố mẹ ở Barneville, chị gái tôi đã thành hôn với hầu tước Yspare ở Rollebec, cách Villebon hai dặm. Không thể đùa được với một chuyện như vậy.

Nhưng làm thế nào để tôi có thể thoát ra khỏi chuyện này? Nếu bỗng dưng cô rời khỏi lâu đài liệu người ta có bàn ra tán vào, bép xép thêu dệt lung tung không? Nếu tôi giữ cô ở lại trong lâu đài thì chẳng chóng thì chầy người ta cũng sẽ phát hiện thấy cái bụng chửa của cô. Và rồi tôi sẽ không thể để cô như vậy được.

Tôi mang chuyện này ra nói với người chú họ của tôi, một người cũng đã từng ong bướm nhiều nơi, tôi muốn xin chú một ý kiến. Chú chậm rãi trả lời tôi:

“Phải cưới cho cô ta một tấm chồng.”

Tôi nhảy nhồm lên:

“Cưới chồng cho cô ta? Nhưng cưới ai mới được cơ chứ?”

Chú tôi nhún vai:

“Cưới cho cô ta người nào cháu muốn. Đó là việc của cháu, không phải việc của chú. Khi người ta không quá ngốc, thế nào cũng sẽ tìm ra được ai đó thế vào chỗ khó xử của mình.”

Tôi suy nghĩ suốt tám ngày những điều chú tôi đã bảo, cuối cùng tôi tự nhủ: “Chú của ta có lý”.

Thế là tôi bắt đầu đào bới trí nhớ, tìm kiếm xem có thể tìm đâu đó được một kẻ chịu nhận lấy hậu quả do tôi tạo ra hay không. Một tối, tôi ăn tối với một người bạn, anh này làm việc ở tòa án, anh ta nói chuyện:

“Con trai của mẹ Paumelle lại vừa làm một cú đột vòm, nhưng lần này hẳn đã bị tóm. Quả là mẹ nào con nấy.”

Mẹ Paumelle là một mẹ già xảo trá, cả thời tuổi trẻ của mẹ, trôi qua trong các toan tính mưu mô, lừa lọc. Chỉ vì một đồng tiền vàng, mẹ có thể sẵn sàng bán linh hồn mẹ cộng thêm cả linh hồn thẳng con trai vô lại của mẹ cho quỷ dữ.

Thế là tôi liền đi tìm mẹ, và rất từ tốn tôi nói cho mẹ biết tôi muốn gì.

Trong khi tôi còn đang loay hoay giải thích, mẹ đột nhiên hỏi đột:

“Ông sẽ cho cô gái cái gì?”

Mẹ già thật ranh ma, nhưng tôi cũng chẳng ngu gì, tôi đã chuẩn bị sẵn sàng câu trả lời.

Tôi sở hữu ba lô đất xa xôi gần với Sasseville, ba lô đất đó thuộc ba trang trại ở vùng Villebon. Những chủ trang trại vẫn thường phàn nàn rằng ba khu đất đó xa quá. Nói ngắn gọn lại là ở đó tôi có ba cánh đồng rộng khoảng ba héc ta. Và vì những người nông dân của tôi kêu ca nhiều quá nên tôi đã cho phép họ được tự canh tác trồng trọt ở đó không khoán tô tức, và đến cuối năm họ muốn nộp hoa mầu thế nào tùy họ. Và việc đó cũng đã diễn ra từ vài ba năm nay rồi. Tôi cũng đã mua thêm một mảnh đất nhỏ ở gần đó, trên đó tôi đã cho xây một ngôi nhà tranh vách đất, tất cả những điều đó chỉ tốn của tôi mười lăm frăng. Thế là không tốn hao gì lắm nhưng tôi cũng đã dựng lên được một tài sản nho nhỏ và tôi sẽ đem nó làm của hồi môn cho cô gái.

Mẹ già kêu lên: “Thế chưa đủ”; nhưng tôi kiên quyết chỉ cho thế thôi, và chúng tôi tạm biệt nhau mà chưa đi đến quyết định gì.

Ngay sáng sớm ngày hôm sau, gã trai đã đến tìm tôi. Đến giờ tôi không còn nhớ nổi mặt hẳn trông thế nào nữa. Khi nhìn thấy hẳn, tôi đã yên tâm: trông hẳn có vẻ là một nông dân không tồi, nhưng hẳn cũng có một vẻ ranh ma vô lại giống mẹ hẳn.

Hẳn nói chuyện một cách vòng vo như thế hẳn đến để mua một con bò sữa. Khi chúng tôi đi đến thỏa thuận, hẳn muốn xem sổ của cải cô gái sẽ được hưởng, tôi dẫn hẳn ra xem cánh đồng. Tên khốn đã khiến tôi mất đến ba tiếng đồng hồ ở đó, hẳn đo đạc, hẳn định lượng chiều dài chiều rộng của khu đất, hẳn nhặt một cục đất lên và bóp nát trong tay như thể hẳn là một kẻ đi mua hàng và đang sợ bị con buôn lừa. Căn nhà lá vẫn còn dang dở, hẳn đòi phải lợp mái ngói thay vì mái rơm với lý do khỏi phải mất công mất của lợp, đổi mái sau mỗi mùa.

Hẳn hỏi tôi:

“Còn đồ đạc trong nhà ông sẽ trang bị hết chứ?”

Tôi cam đoan:

“Tôi sẽ trang bị đầy đủ cho vợ chồng chú, chú lời quá còn gì, vừa cưới được vợ vừa được cả một trang trại nhé.”

Hẳn cười khẩy:

“À vâng, một trang trại và một đứa trẻ.”

Dù không muốn nhưng tôi vẫn đỏ mặt. Hẳn ta lại nói:

“Vậy là ông sẽ mang đến giường, bàn, tủ quần áo, ba chiếc ghế ngồi, và bát đĩa. Thế đúng không?”

Tôi gật đầu xác nhận.

Và chúng tôi lên đường quay về. Hẳn ta không hỏi một câu nào về cô gái. Nhưng bỗng nhiên hẳn hỏi với một vẻ xảo trá và khó chịu:

“Nhưng, nếu cô ta chết, ai sẽ được thừa hưởng tất cả số của cải đó?”

Tôi trả lời:

“Hiển nhiên là anh rồi.”

Đó là điều hẳn cần biết nhất trong tất cả các thông tin mà hẳn đã có trong suốt cả buổi sáng nay.

Thế nên khi ra về, hẳn bắt tay tôi với một vẻ vừa lòng. Chúng tôi đã đi đến thỏa thuận.

Ôi! Quả thật tôi đã đau lòng khi phải giải quyết việc của Rose như thế. Khi nghe tôi bảo lại, cô sụp xuống chân tôi, khóc lóc, nhắc đi nhắc lại:

“Chính ngài đã rủ rê em làm chuyện đó, rồi giờ đây lại chính ngài sắp đặt chuyện này! Chính ngài! Chính ngài!”

Trong hơn một tuần lễ, cô đã kháng cự lại quyết định của tôi dù tôi năn nỉ khuyên dỗ thế nào đi chăng nữa. Bọn đàn bà, họ thật ngốc, một khi mà họ đã yêu thì trong đầu họ chẳng còn suy nghĩ gì khác ngoài tình yêu cả. Họ chẳng còn hiểu thế nào là đúng là tốt nữa, họ chẳng còn một chút khôn ngoan nào nữa cả. Với họ lúc đó tình yêu là tất cả và tất cả chỉ vì tình yêu.

Cuối cùng tôi phát cáu lên và dọa sẽ đuổi cô ra khỏi nhà tôi. Đến thế cô mới chịu nhượng bộ với điều kiện cho phép cô thỉnh thoảng về thăm tôi.

Đích thân tôi dẫn cô đến bên bàn thờ làm lễ cưới, đích thân tôi đứng ra lo liệu và chịu mọi phí tổn của đám cưới, cùng mọi phí tổn trong suốt tuần trăng mật. Tôi đã tỏ ra vô cùng hào hiệp. Cuối cùng, sau mọi nghi lễ, tôi đã có thể nói: “Chúc mọi việc tốt lành, các em của ta!” và tôi lên đường đến chơi nhà anh tôi ở Touraine trong suốt sáu tháng.

Khi về, tôi được biết là tuần nào cô cũng đến lâu đài tìm tôi. Và chỉ khoảng một tiếng sau khi tôi về đến nhà, tôi đã thấy cô đến tìm tôi với một chiếc cu bé tí bé trên tay. Các ông có tin tôi không thì tùy nhưng có một cái gì đó thôi thúc tôi khiến tôi muốn ngắm nghía chiếc nhẫn nhỏ đó và thậm chí tôi đã ôm hôn nó.

Khi tôi quay ra nhìn đến mẹ nó, một phụ nữ tàn tạ, một bộ xương, một cái bóng. Rất gầy, rất già. Mẹ kiếp, có vẻ như việc cưới xin không tốt gì cho cô ta! Tôi hỏi cô một cách máy móc:

“Em có hạnh phúc không?”

Thế là cô bật khóc như mưa gió, vừa nấc vừa thốn thức, cô vừa gào lên:

“Em không thể, em không thể sống như thế này được nữa, em thà chết đi còn hơn, em không thể sống tiếp như thế này được nữa!”

Và cô lăn lộn khóc lóc âm ỉ lên. Bằng hết nỗ lực của mình, tôi an ủi cô, đưa tiễn cô tới tận hàng rào của lâu đài.

Cuối cùng tôi được biết rằng chồng cô đánh cô, và rằng bà mẹ chồng bắt cô làm việc quần quật, không cho nghỉ ngơi, mụ già thổ tả ác độc.

Hai ngày sau cô lại đến, cô ôm chặt lấy tôi, sụp xuống chân tôi:

“Ông hãy giết em đi nhưng em không muốn quay trở về đó nữa.”

Tình cảnh đó, đôi mắt cầu khẩn van nài đó giống hệt như của con chó cái Mirza của tôi, và nếu biết nói, hẳn nó cũng nói những lời như thế.

Điều đó bắt đầu làm tôi bực mình, và để thoát ra khỏi chuyện này, tôi lại lên đường đi chơi sáu tháng nữa. Khi quay về... khi tôi quay về, tôi hay tin cô đã chết ba tuần trước, trước khi chết, chủ nhật nào cô cũng đến lâu đài tìm tôi.... giống hệt như Mirza. Tám ngày sau đứa trẻ cũng chết nốt.

Còn chồng cô, gã trai ma mãnh, hẳn thừa kế gia tài của cô. Và hẳn có vẻ rất giỏi trong việc quay vòng vốn, có vẻ như thế. Giờ đây hẳn đã có chân trong hội đồng thành phố.

Rồi ông Varnetot vừa cười vừa nói thêm:

“Thế cũng công bằng thôi, chính tôi là người đã tạo cho hẳn ta có được gia sản ngày nay.”

Và ông Séjour, bác sĩ thú y, vừa nâng một cốc rượu lên môi vừa kết luận một cách chậm rãi:

“Vì những gì các ông muốn, nhưng phụ nữ là thế đấy, không nên bận tâm đến họ!”



# PIERROT

## (VIẾT CHO HENRY ROUJON)

Bà Lefèvre là một quý bà nông dân, một bà góa, một kiểu quý bà nửa quê nửa tỉnh, đầu óc thô kệch nhưng lại chuyên nói chuyện thơ phú kịch cợt; trong lớp áo ngoài thêu kim tuyến buồn cười là một tâm hồn thô lậu, như kiểu bà đeo một đôi găng tay bằng dăng ten mong manh tinh tế vào đôi bàn tay hộ pháp to đùng của bà.

Bà có một cô hầu gái đặc sệt nông dân có cái tên dân dã giản dị là Rose.

Hai người phụ nữ cùng sống trong một ngôi nhà nhỏ có những cánh cửa nhỏ màu xanh nằm dọc dài trên đường đi tới Normandie, ở giữa vùng Caux.

Phía trước nhà bà có một khu vườn hẹp, ở đó, bà trồng một vài cây rau.

Thế rồi một đêm, kẻ trộm đã trộm mất của bà mười hai củ hành. Ngay khi phát hiện thấy điều này, Rose đã chạy ngay đến mách với bà chủ. Thật là một chuyện động trời, có người đã ăn cắp, có người đã ăn cắp của bà Lefèvre! Thế tức là đã có kẻ cắp ở vùng này, và hắn sẽ còn quay lại.

Và thế là hai người phụ nữ hoảng hốt lạng tìm những vết chân, những dấu vết còn sót lại, họ thì thầm nói chuyện, đoán già đoán non: “Xem này, chúng đã đi theo đường này. Chúng vẫn còn để lại dấu chân trên tường đây này. Chúng đã nhảy qua bờ tường rào thấp”.

Rồi họ hoảng sợ khi nghĩ tới những ngày tới. Làm sao có thể ngủ được bây giờ cơ chứ!

Tiếng đồn về vụ trộm lan xa. Những người hàng xóm tới hỏi thăm, và giờ đến lượt họ lại bắt đầu tranh luận, đoán già đoán non, hai người phụ nữ giải thích cho mỗi người mới đến, những gì họ đã quan sát thấy và đồng thời đưa ra nhận định của họ.

Một chủ trang trại cạnh nhà họ khuyên: “Các bà nên nuôi một con chó”.

À phải, họ cần có một con chó, một con chó để nó canh nhà khi họ ngủ. Nó không cần phải là một con chó to lắm, lạ Chúa! Họ biết làm gì với một con chó to cơ chứ! Nó sẽ ngốn hết biết bao là thức ăn. Nhưng một con chó nhỏ, một con chó bé chạy lăng xăng, biết sủa ăng ăng là được rồi.

Ngay sau khi mọi người về hết, bà Lefèvre thảo luận bàn cãi rất lâu về ý tưởng nuôi một con chó. Sau hàng nghìn lý lẽ, bà cảm thấy khiếp sợ trước hình ảnh một cái chân chó đầy patê bởi dù sao thì bà cũng mang trong mình cái cá tính dè dặt của những người phụ nữ nông thôn, những người luôn dè dặt từng hào từng đồng để làm từ thiện cho những kẻ đói nghèo ngoài đường và góp vào quỹ từ thiện ở nhà thờ mỗi chủ nhật.

Rose, kẻ rất yêu động vật, đưa ra rất nhiều lý lẽ và tìm mọi cách bảo vệ những lý lẽ của mình. Thế nên, cuối cùng họ đi tới quyết định sẽ nuôi một con chó, nhưng một con chó nhỏ tẹo thôi.

Họ bắt đầu đi kiếm một con như thế, nhưng họ chỉ toàn thấy những con chó to lớn, loại có thể nuốt chửng một đĩa súp trong chớp mắt. Ông bán đồ khô nhà Rolleville cũng có một con, một con chó rất nhỏ bé xinh xắn, nhưng ông này đòi họ phải trả cho ông hai frăng. Bà Lefèvre đã quyết định rằng bà sẽ nuôi một con chó nhỏ nhưng bà sẽ chỉ xin thôi chứ không đời nào bỏ tiền ra mua.

Thế nên, ông hàng bánh mì, sau khi biết hết mọi chuyện, một sáng đã mang đến cho bà một con vật nhỏ kỳ lạ vàng tuyền từ đầu đến đuôi, gần như không có chân, với hình dáng rất kỳ lạ: mình như mình cá sấu, đầu như đầu cáo, và cái đuôi trông giống hình một cái kèn trôm-pet vì đuôi nó lại có một chùm lông vừa dài vừa xù, chỉ riêng cái đuôi đó cũng đã bằng toàn bộ thân mình nó. Một khách hàng đang muốn tống khứ con vật này đi. Bà Lefèvre thấy con chó lai bán thiu này thật đẹp, nhất là vì bà chẳng tốn một xu nào để mua nó. Rose ôm lấy nó rồi hỏi xem nó được gọi tên là gì. Ông bán bánh mì trả lời: “Pierrot”.

Nó được đặt trong một cái thùng trước kia đựng xà phòng và trước tiên họ mang đến một chút nước cho nó uống. Nó uống liền. Họ mang đến tiếp cho nó một mẩu bánh mì, nó ăn luôn. Bà Lefèvre lo xa đưa ra ý kiến: “Khi nào

nó đã quen nhà thì chúng ta sẽ thả nó ra, nó sẽ phải tìm lấy cái ăn trong vùng”.

Họ thả nó ra, thế nhưng cho dù có thả nó ra nó không phải lúc nào cũng tự kiếm được cái gì đó để ăn, vì thế nó thường sủa ăng ăng để đòi ăn, và khi nó sủa để đòi ăn, nó cứ sủa một cách dai dẳng không ngừng.

Ai cũng có thể vào được trong vườn. Pierrot mừng rỡ bất cứ ai, kể cả những người nó mới gặp lần đầu, tức là nó gần như không bao giờ sủa người lạ.

Thế nhưng bà Lefèvre đã quen với sự có mặt của con vật. Thậm chí bà còn gần như yêu nó, thỉnh thoảng bà còn lấy những mẩu bánh mì nhúng đắm nước sốt của bà để trong lòng bàn tay cho nó ăn.

Nhưng bà lại không nghĩ đến việc phải trả tiền thuê nuôi động vật, và khi người ta nói với bà: “Bà phải nộp tám frăng, thưa bà!” - Tám frăng để được nuôi một con chó lai nhỏ xíu chỉ biết sủa ăng ăng khi đòi ăn, bà suýt ngất xỉu vì kinh ngạc và xúc động.

Ngay lập tức họ quyết định tống khứ Pierrot cho bất cứ ai muốn nuôi nó. Nhưng trong vòng bán kính mười dặm, chẳng có ai đồng ý nuôi Pierrot cả. Thế nên, họ quyết định giải quyết vấn đề theo hướng khác. Họ quyết định “thả nó vào tự do”. “Thả vào tự do” nghĩa là cho nó tự đấu tranh sinh tồn. Người ta “thả vào tự do” tất cả những con chó mà người ta không muốn nuôi nữa, mà người ta muốn tống khứ đi.

Ở giữa bình nguyên rộng lớn, người ta thấy một thứ trông như cái lều, hay một cái nhà tranh nhỏ với mái rơm, được dựng lên trên đất. Đó là lối vào một cái mỏ. Trong đó có một giếng thẳng đứng sâu chừng hai mươi mét, từ đó dẫn đến một loạt đường hầm dẫn ra mỏ.

Mỗi năm người ta xuống đây một lần để làm việc bón magiê cho đất, thời gian còn lại, nơi đó phục vụ vào việc chôn sống những con chó đã bị kết án phải rũ bỏ, và mỗi khi có ai đi qua gần chỗ đó, người ta thường nghe thấy tiếng chó hú lên rên xiết, tiếng chó sủa điên cuồng hoặc đầy tuyệt vọng, những tiếng kêu gọi thảm thương ai oán vọng lên.

Ở đó có cả những con chó săn và những con béc giê bỏ trốn rơi xuống, và nếu có ai tò mò nghiêng đầu xuống xem, sẽ thấy bốc lên một mùi thối rữa

khủng khiếp.

Nhưng phải đến đêm, mới là lúc diễn ra những bi kịch khủng khiếp.

Khi một con vật hấp hối từ mười đến mười hai ngày trong đáy giếng, tự nuôi sống mình bằng xác thối của những con vật chết trước nó, thì một con mới đến, to hơn và đương nhiên là khỏe hơn đột nhiên bị quăng xuống đó. Thế là, chúng cùng nhau ở đó, đơn độc, đói khát, mắt sáng rực. Chúng rình nhau, chúng vờn nhau, chúng đuổi theo nhau, lo lắng, do dự. Nhưng cái đói thúc giục chúng: chúng tấn công nhau, chúng đánh nhau. Và con khỏe hơn sẽ ăn thịt con yếu hơn.

Khi đã quyết là họ sẽ thả vào tự do Pierrot, họ định tìm một ai đó để giúp họ giải quyết cho xong việc Pierrot. Nhưng người chuyên làm việc đó đòi mười xu, thật quá thể, đó là một khoản tiền vô lý đối với bà Lefèvre. Một tên hàng xóm đều cáng của họ đòi năm xu, vẫn quá nhiều với bà Lefèvre. Rose, sau khi đã quan sát, đã dò hỏi cách thức làm thế nào quyết định rằng tốt hơn hết là họ tự làm lấy bởi dầu sao thì việc làm đó cũng không hẳn là quá ác độc và tàn nhẫn gì quá đến nỗi họ chẳng thể tự làm được, dù sao thì cũng như là hóa kiếp cho nó thôi mà. Thế nên, họ quyết định cả hai bọn họ sẽ cùng đi để giải quyết việc đó khi đêm xuống.

Tối đó, họ chiêu đãi Pierrot một bữa súp ngon tuyệt với hẳn một miếng bơ to bằng ngón tay. Nó nuốt sạch, liếm sạch cả bát. Và vì nó vẫy đuôi mừng họ đầy vẻ hài lòng, Rose bê nó lên, đặt nó ngồi vào lòng cô.

Tối đến, họ cúi lom khom và rảo bước chân đi trông như thể những kẻ ăn trộm, vượt qua bình nguyên. Ngay khi nhìn thấy ngôi nhà lá đó và đến được đến nơi. Bà Lefèvre nghiêng người nhìn xuống cái giếng nghe ngóng xem xem liệu có con vật nào đang rên rỉ dưới đó không. Không. Chẳng có gì hết, Pierrot sẽ chỉ có một mình ở trong đó. Thế là, Rose, nước mắt nước mũi đầm đìa, ôm lấy con chó, quăng nó xuống giếng, cả hai người phụ nữ cùng nghiêng đầu xuống đó, căng tai ra nghe ngóng.

Đầu tiên, họ nghe thấy một tiếng rơi bịch xuống, rồi sau đó là một tiếng kêu chói tai, đầy đau đớn của một con vật bị thương, rồi tiếng rên rỉ đau đớn không ngừng của con vật nhỏ, sau đó là tiếng sủa gọi đầy tuyệt vọng, tiếng

chó sủa đầy vẻ khấn nài, cái đầu bé nhỏ ngẩng cao nhìn lên hướng miệng giếng.

Nó sủa ăng ăng, ôi! Nó sủa ăng ăng!

Bỗng nhiên cả hai người phụ nữ cùng rùng mình hồi hận, kinh hoàng, một nỗi sợ hãi bỗng chụp lấy họ, một nỗi sợ không sao giải thích được, và họ cùng lùi lại rồi bỏ chạy. Và vì Rose chạy nhanh hơn nên bà Lefèvre vừa chạy vừa gọi: “Đợi ta với, Rose, đợi ta với!”

Đêm đó họ có những cơn ác mộng kinh hoàng. Bà Lefèvre mơ thấy bà ra bàn ăn để ăn súp, nhưng khi bà mở nồi súp thì nhìn thấy Pierrot đang ngồi lù lù trong đó. Nó nháy xỏ ra và cắn vào mũi bà.

Bà choàng dậy và cảm tưởng như vẫn còn nghe tiếng sủa ăng ăng đâu đó. Bà lẳng tai nghe, bà đã nhầm.

Bà lại chìm vào giấc ngủ và thấy mình đang ở trên một đường cao tốc lớn, một đường cao tốc dài bất tận, và bà cứ đi. Đột nhiên, ở giữa đường, bà thấy có một chiếc giỏ, một chiếc giỏ lớn để đựng rau quả đem bán bị quăng lăn lóc giữa đường, và chiếc giỏ này làm bà sợ.

Tuy nhiên bà vẫn dừng lại và mở chiếc giỏ đó ra, và Pierrot, đang thu mình trong đó, cắn vào tay bà, và không nhả ra nữa. Và bà cuống cuống bỏ chạy, với con chó vẫn treo lủng lẳng ở trên tay, miệng nó vẫn cắn chặt lấy tay bà.

Tỉnh mơ hôm sau, vừa tỉnh dậy, bà đã chạy bổ ngay đến chỗ nhà lá có cái giếng đó.

Nó vẫn đang sủa ăng ăng, nó đã sủa ăng ăng suốt cả đêm.

Bà bật khóc và gọi nó đầy trù mẫn, nó trả lời lại bằng cách chuyển giọng sủa, một tiếng sủa đầy trù mẫn và mừng vui.

Thế là bà muốn gặp lại nó, bà tự hứa với lòng mình sẽ đem đến cho nó mọi vui sướng hạnh phúc cho tới khi nào nó chết.

Bà chạy bổ đến chỗ người trông cái giếng và trình bày trường hợp của bà. Ông này nghe bà nói mà không hề hỏi lại một câu nào. Khi bà đã nói xong, ông ta tuyên bố: “Bà muốn lấy lại con chó nhỏ của bà? Vậy bà sẽ mất bốn frăng”.

Bà nhảy dựng lên, mọi thương cảm xót xa biến mất tức thì. “Bốn frăng! Ông cứ việc để cho nó chết! Bốn frăng!”

Ông ta trả lời: “Thế bà cho rằng tôi tổn công tổn của tự dưỡng mang dây thừng, mang tay quay ra đó, tự dưỡng tôi và con trai tôi phải trèo xuống đó để bê con chó của bà lên, mà không cẩn thận lại còn bị nó cắn cho là công không à? Tùy bà thôi. Lẽ ra bà không nên vứt nó xuống đấy mới phải”.

Bà bỏ đi, đầy phẫn nộ. - Bốn frăng!

Ngay khi vừa về đến nhà, bà gọi ngay Rose đến và nói với cô ta những đòi hỏi quá đáng của người trông giếng. Rose nhắc lại: “Bốn frăng! Đó là cả một món tiền, thưa bà!” Rồi cô ta lại nói: “Hay là ta ném thức ăn xuống đó cho nó, cho nó khỏi chết đói?”

Bà Lefèvre đồng ý ngay, đầy vui mừng. Thế là họ liền lên đường ngay, mang theo một lát bánh mì to tướng phết đầy bơ. Họ cắt nhỏ nó ra và ném từng miếng xuống dưới giếng, vừa ném vừa gọi tên Pierrot. Và ngay khi con chó bắt được một miếng, nó lại ăng ăng sủa lên để thông báo và họ lại ném miếng tiếp theo xuống.

Họ quay lại đó vào tối hôm đó, rồi ngày hôm sau, và cả những ngày sau đó nữa. Nhưng họ không làm thế mãi được vì đã có một biến cố mới.

Một sáng, khi họ ném xuống đó miếng bánh đầu tiên, ngay lập tức họ nghe thấy có tiếng chó lạ sủa trong giếng. Trong giếng giờ đây đã có hai con chó! Ai đó đã quang một con khác xuống giếng, một con chó to!

Rose gọi to: “Pierrot!” Pierrot sủa ăng ăng trả lời. Thế là họ liền ném xuống một miếng bánh, nhưng mỗi lần ném một miếng bánh xuống họ lại nghe thấy rất rõ tiếng xô đẩy khủng khiếp bên dưới, rồi tiếng kêu ăng ăng đầy đau đớn của Pierrot, bị con chó to kia cắn. Và con chó to kia nó đã ăn tất cả những miếng bánh họ ném xuống, vì nó khỏe hơn, và nó nhảy cao hơn.

Trên miệng giếng, hai bà phụ nữ hoài công gọi bảo: “Pierrot, miếng này dành cho con này!” Nhưng hiển nhiên là Pierrot chẳng nhận được gì.

Hai người phụ nữ, nín lặng nhìn nhau. Rồi bà Lefèvre tuyên bố bằng một giọng gay gắt: “Ta không thể nuôi hết tất cả những con chó mà họ sẽ quăng xuống đây. Cần phải ngưng việc này ở đây thôi”.

Và hoảng lên vì ý tưởng là tất cả các con chó rồi sẽ sống nhờ vào thức ăn của bà, bà bỏ đi, thậm chí trong tay vẫn còn đang cầm một miếng bánh nhỏ, và bà vừa đi vừa đưa lên miệng ăn nốt.

Rose vừa lóc cóc chạy theo bà chủ vừa lúi một góc tạp dề lên lau nước mắt.

# TÌNH YÊU

## (BA TRANG TRONG “NHẬT KÝ CỦA NGƯỜI ĐI SĂN”)

Tôi vừa đọc trong phần rao vặt của một tờ báo về một vụ giết người vì tình. Hắn đã giết bạn gái, rồi tự tử, chỉ vì hắn đã quá yêu cô. Cái gì là quan trọng đối với hắn và cô gái đó? Chỉ có tình yêu của họ là quan trọng; Vụ án đó đã làm tôi lưu tâm không phải vì nó làm tôi ngạc nhiên, không phải vì tính khốc liệt của vụ án, cả thủ phạm lẫn nạn nhân đều đã chết. Bởi vụ án này đã làm tôi nhớ tới một kỷ niệm thời tôi còn trẻ, một kỷ niệm lạ lùng về một chuyến đi săn, chính trong chuyến săn đó tôi đã biết đến thế nào là tình yêu, đó là lần đầu tiên tình yêu đã xuất hiện trong tôi như thể cây thập giá trên nền trời xanh lần đầu tiên xuất hiện trước mắt những tín đồ Thiên Chúa giáo.

Ngay từ khi mới sinh, tôi đã có khả năng xét đoán và giác quan thính nhạy của những người nguyên thủy, nhưng lại có cảm xúc của những người văn minh. Tôi ham mê săn bắn, và khi nhìn thấy những con vật máu me đầm đìa, những con chim máu nhuộm đỏ lông, bàn tay tôi vấy máu tôi thấy tim mình rộn ràng một niềm vui hoang dại.

Năm đó, vào khoảng cuối thu, đã bắt đầu có những cơn gió lạnh buốt, một trong những cậu em họ của tôi là Karl de Rauville, gọi tôi đến cùng đi săn vịt trong đầm vào lúc bình minh.

Cậu em họ tôi ở độ tuổi trung niên, khoảng bốn mươi tuổi, tóc đỏ, trông rất to khỏe với bộ râu rậm rì, một kiểu mẫu nông dân vô cùng chất phác, vui tính, tốt bụng và dễ mến. Một tinh thần Gaulois đặc trưng - lúc nào cũng thoải mái vui vẻ dù ở bất cứ hoàn cảnh nào. Cậu ta sống trong một ngôi nhà



nửa như trang trại, nửa như lâu đài trong một thung lũng rộng lớn có một dòng sông chảy qua. Hai bên trang trại là những quả đồi phủ đầy cây xanh. Những khu rừng ở đây thuộc quyền sở hữu của các lãnh chúa nơi vẫn còn có những cây to đẹp tuyệt, và ở nơi đây người ta tìm được những giống chim quý hiếm để săn bắt. Đôi khi người ta có thể bắn được những con đại bàng, những con chim bay ngang qua, những con chim mà gần như không bao giờ tới những xứ sở quá đông dân, chúng thường dừng tại đây và nghỉ trong các tán cây rậm rạp lâu niên, chúng dường như đã rất quen với khu rừng này, và chúng nương náu và ẩn mình trong các vòm lá để nghỉ ngơi qua một đêm.

Thung lũng là một đồng cỏ lớn được tưới tắm bởi những mương thoát nước, bị phân chia bởi các hàng rào; ở xa hơn một chút, là dòng sông, nước dồn về đây, lan ra tạo thành một khu đầm lầy rộng lớn. Khu đầm lầy này là khu vực được các tay súng săn ưa chuộng nhất, nó là tất cả mối bận tâm, lo lắng của cậu em họ tôi, cậu ta đã giữ gìn chăm lo bảo dưỡng nó như chăm lo bảo dưỡng cho một công viên. Qua một đám lau sậy rậm rạp, rì rào, xào động, người ta đã vạch ra những lối đi hẹp, nơi mà những con thuyền độc mộc đáy bằng, được lái đi bằng mái chèo, lướt trên mặt nước đọng, sượt qua các thân sậy, làm lay động mặt nước khiến bọn cá cuống cuống bỏ trốn; đi qua các bụi cỏ cao, làm bọn gà nước chúi xuống mặt đầm, những cái đầu đen xì nhọn hoắt của chúng lặn biến trong chớp mắt.

Tôi thích nước với một tình yêu khó diễn tả, khó sắp xếp. Biển, cho dù lớn hơn nhiều, nhưng bất ổn hơn nhiều, và khó có thể sở hữu nó. Những dòng sông đẹp đến thế nhưng nó cứ trôi đi, chảy đi, bỏ đi. Và nhất là những đầm lầy nơi có những sinh vật xa lạ, những sinh vật thủy sinh đang phập phồng thở. Đầm lầy, đó là cả một thế giới tồn tại trên trái đất, một thế giới khác, nơi tồn tại sự sống, nơi có cư dân lâu niên, có khách du hành, có âm thanh, có tiếng động và nhất là có sự bí hiểm. Đôi khi chẳng có gì khiến người ta lo lắng hơn, hoảng sợ hơn một khu đầm lầy. Tại sao nỗi hoảng sợ này lại trù lên những bình nguyên thấp ngập nước? Phải chăng đó là những con sóng rì rào đập vào thân sậy, những ngọn lửa ma trời kỳ lạ, sự yên lặng sâu thẳm, ẩn chứa trong màn đêm đen tĩnh lặng, hay trong những lớp sương mù dày đặc lạ kỳ, sự tĩnh mịch phủ lên những thân cây một màn

sương mờ ảo như một lớp áo liệm, hay như tiếng vỗ bập bênh rất nhẹ, rất êm gần như không thể nhận thấy, tiếng sóng vỗ đó đôi khi còn đáng sợ hơn cả tiếng súng nổ ầm vang hay tiếng sấm gầm, tiếng sóng vỗ đó khiến người ta liên tưởng đến những cái ao chết trong những xứ sở lạ kỳ, trong những xứ sở ẩn chứa những bí ẩn còn chưa được biết đến, những bí ẩn nguy hiểm, đáng sợ.

Không, một cái gì đó chưa được làm sáng tỏ, một điều kỳ bí, thăm sâu hơn, trầm trọng hơn, bập bênh trong những đám sương mù dày đặc. Sự bí ẩn của tạo hóa, có thể! Bởi phải chăng không phải trong làn nước tù đọng bùn lầy, trong sự ẩm ướt nặng nề của bùn nhão dưới cái nóng của mặt trời, mà nó bị xáo trộn lên, nó rung lên vào cái ngày đầu tiên của mầm sống?

Tối đó, tôi đến nhà người em họ, trời lạnh đến nỗi mọi thứ đều đóng băng cả.

Chúng tôi dùng bữa tối trong một phòng ăn lớn, treo đầy các con chim nhồi bông. Trong tủ, trên tường, trên trần nhà treo các con chim nhồi bông mà em tôi đã từng săn được. Từ những con đại bàng đang giương cánh, đậu trên những chạc cây được dính chặt vào tường, những con chim cắt, những con diệc, con cú mèo, cú muỗi, điều hâu, chim mồi, chim kèn kèn, chim ưng... cậu em họ tôi cũng có dáng vẻ của một loài động vật xứ lạnh, lạ lùng với chiếc áo khoác bằng da rái cá, cậu ta vừa ăn, vừa nói cho tôi biết đã chuẩn bị những gì cho chuyến săn đêm nay.

Chúng tôi sẽ lên đường từ ba rưỡi sáng, đến được nơi săn khoảng bốn rưỡi sáng để chọn được một chỗ rình tốt. Ở đó người ta đã cho dựng một căn lều nhỏ để chúng tôi có thể nướng náu, tránh những cơn gió buốt lạnh khi rình mồi. Những cơn gió đêm ở đây đã nổi tiếng khắc nghiệt, nó tê buốt như thể xé rách da, rách thịt bởi những lưỡi cưa. Nó làm người ta tê buốt như bị kim châm, làm người ta rét xé ruột xé gan như bị gươm chém, nó khiến tim phổi ta quặn lại như bị kim kẹp.

Em họ tôi xoa tay nói: “Em chưa bao giờ thấy một mùa đông giá lạnh đến thế, vào lúc sáu giờ tối nhiệt độ xuống đến âm mười hai độ”.

Tôi ném mình lên giường, ngay sau khi dùng bữa tối, và thiu thiu ngủ trong ánh sáng tỏa ra từ lò sưởi lớn trong phòng.

Đúng ba giờ sáng, có người đến đánh thức tôi dậy. Đến lượt mình, tôi khoác lên một tấm da cừu và tôi thấy em họ Karl của tôi đang khoác một bộ áo lông gấu. Sau khi mỗi chúng tôi cùng uống hai cốc lớn rượu mạnh rồi lại nuốt vội hai cốc cà phê đặc, chúng tôi cùng đi, mỗi người dắt chó của mình: con Plongeon và con Pierrott.

Ngay khi bước chân ra khỏi cửa, tôi đã cảm thấy lạnh buốt tới tận xương. Đó là một trong những đêm lạnh đến mức có cảm giác cả thế giới im lìm như đã chết dưới cái lạnh. Không khí lạnh như đông cứng lại, như có thể sờ thấy được, thời tiết mới tệ hại làm sao; không một làn gió nào có thể khuấy động cái không khí băng giá đó được; không khí như đông đặc, bất động; không khí buốt như kim châm, luồn vào trong áo, làm khô cứng, giết chết những mầm cây, làm chết cọng cây cối, côn trùng... Những con chim nhỏ cóng chân ngã bộp từ trên cành cao xuống dưới đất cứng, và thân thể những chú chim cũng trở nên cứng ngắt dưới cái rét ghê người.

Trăng hạ tuần chiếu ánh sáng yếu ớt, nhạt nhòa xuống mọi vật, khiến cho mọi vật có một vẻ nhợt nhạt chết chóc.

Chúng tôi đi sát cạnh nhau, Karl và tôi, lưng cúi khom khom, tay thọc sâu trong túi, súng trên vai. Giày của chúng tôi được bọc len để có thể đi mà không bị trượt trên dòng sông bị đóng băng và không gây ra một tiếng động nhỏ nào; tôi nhìn những lỗ mũi phập phồng của hai chú chó đang bốc ra những làn khói trắng.

Ngay khi tới bờ đầm lầy chúng tôi lấy thuốc ra hút, và chúng tôi đi vào một trong những lối đi giữa hai hàng sậy khô trôi qua khu rừng thấp.

Khuỷu tay chúng tôi lướt qua những lá sậy, lá lau dài, và tạo nên một tiếng động nhẹ sau mỗi bước chân đi. Cảm giác thật khác thường, trong tôi trỗi lên một xúc cảm lạ lùng, rất mạnh, rất lạ. Tôi cảm thấy như tôi sắp bị chụp bắt, cảm thấy như cái đầm lầy đang chết đi vì giá lạnh. Vì chúng tôi đang đi trên nó, đi giữa đám thân cây chết khô của nó.

Đột nhiên, ở chỗ vòng của con đường, tôi nhận thấy cái lều bằng đá mà người ta đã xây dựng cho chúng tôi làm chỗ nghỉ. Tôi đi vào đó và vì chúng tôi vẫn còn phải chờ thêm khoảng một tiếng nữa để bọn chim mới bắt đầu

bình minh và đi lang thang, tôi cuộn mình vào trong chăn hồng làm ấm người lên chút đỉnh.

Thế là, cuộn mình trong túi ngủ, tôi nằm giữa ngấm trắng. Nhưng cái lạnh cắt da cắt thịt của vùng đầm lầy xuyên qua lớp tường dày, xuyên qua các lớp chăn, lớp áo của tôi, nó luồn vào tôi, khiến tôi rùng mình và khiến tôi không kiềm được ho húng hắng.

Cậu em họ Karl của tôi lo lắng: “Thầy kệ việc chúng ta chẳng sẵn được gì hôm nay, tôi không muốn anh bị cảm lạnh, chúng ta sẽ đốt lửa”.

Rồi cậu ta liền ra bẻ củi khô.

Chúng tôi nhóm một đống lửa trong nhà, che chắn cẩn thận để khói không lọt ra ngoài. Đến khi ngọn lửa đỏ bốc lên cao, chiếu sáng khắp cả căn nhà, nó bắt đầu làm tan giá, rất từ từ, như thể cái nóng đang làm những bức tường đá, làm nóc lều đá đang toát mồ hôi... Karl vẫn đang đứng bên ngoài lều bỗng gọi tôi:

“Anh ơi, ra đây mà xem này.”

Tôi đi ra ngoài và tôi đứng lại ngây mặt ra nhìn vì ngạc nhiên. Căn lều của chúng tôi có hình nón, có dáng vẻ của một khối kim cương quái gở, tâm lửa đột ngột nổi lên trên làn nước đóng băng của đầm lầy. Bên trong ta có thể nhìn thấy hai hình dạng kỳ dị, hình dạng của những chú chó săn của chúng tôi, chúng đang ngồi sững.

Một tiếng kêu lạ lùng, một tiếng kêu đơn độc, một tiếng kêu lạc lõng bỗng bay ngang qua đầu chúng tôi. Ánh sáng hắt ra từ lều của chúng tôi đã đánh thức bọn chim lang thang dậy.

Chẳng có gì làm tôi xúc động như lần đầu tiên tôi nghe tiếng kêu đó, một tiếng kêu của sự sống vang lên, trong khi ta còn đang chưa nhìn thấy gì, và tiếng kêu đó bay nhanh trong không gian tối mịt mù, tiếng kêu bay đi rất nhanh, rất xa. Như thể nó đã bay đến được tận chân trời trước khi ánh dương đầu tiên rạng lên. Tôi có cảm tưởng là vào giờ băng giá trước bình minh này, tiếng kêu đó như thể tiếng kêu của một linh hồn đang ẩn náu trong hình hài của một con chim.

Karl nói: “Tắt lửa đi. Bình minh rồi”.

Quả thật ánh ngày đã bắt đầu rạng lên, còn rất mờ nhạt nhưng trời đã hừng sáng. Xa xa, một đàn vịt trời đang bay ngang qua bầu trời, trông như những chấm đen trên nền trời đang xanh dần lên.

Có tiếng nổ vang lên trong đêm, Karl vừa bắn, hai chú chó lao bổ đến. Thế là hai chúng tôi, lúc người này, lúc người kia, ngắm bắn những bóng đen của một đoàn chim xuất hiện trên ngọn cỏ lau lách, cả Pierrot và Plongeon đều mệ lử và phấn khích mang về cho chúng tôi những con chim đầy máu me, đôi khi có con vẫn còn sống mở mắt nhìn chúng tôi.

Trời sáng dần lên, nền trời cao xanh, sáng sủa. Mặt trời đã xuất hiện ở chân thung lũng, và chúng tôi nghĩ đến việc quay về khi hai con chim, cổ vươn thẳng, cánh dang rộng bay ngang qua đầu chúng tôi. Tôi nhắm bắn, pằng! Một con gần như rơi ngay sát chân tôi. Đó là một con chim mỏng kết với cái bụng màu trắng bạc.

Trên không trung phía trên đầu chúng tôi, có tiếng chim kêu, tiếng kêu như xé lòng đau khổ, từng tiếng ngắt, lặp đi lặp lại, thảm thương, và chú chim, một chú chim nhỏ không quản sợ, bay lượn vòng trên đầu chúng tôi, vừa bay vòng quanh vừa nhìn xuống con chim nhỏ đã chết mà tôi đang cầm trong tay đầy đau khổ.

Karl, quỳ gối, súng trên vai, rình ngắm nó, đợi nó bay lại gần hơn nữa.

“Anh đã giết con mái,” Karl nói “con trống sẽ không bỏ đi đâu.”

Quả vậy, con trống không hề bỏ đi, nó cứ bay vòng quanh, vòng quanh, và kêu khóc phía trên đầu chúng tôi. Không bao giờ tôi có thể quên được tiếng kêu rên đầy đau khổ của con chim hôm đó, tiếng kêu rên rì, đau đớn, xé lòng, ai oán, thâm thâm của một con chim bị mất đi bạn đường thân yêu.

Đôi khi, trước họng súng đang rình chĩa theo đường bay của nó, nó tạm né đi, có vẻ như nó đã sẵn sàng tiếp tục bay tiếp, bay đi một mình, nhưng cũng có vẻ như nó không thể rời xa con mái được, nó lại bay trở lại để tìm.

“Hãy để con mái xuống đất,” Karl nói với tôi “nó sẽ tiến lại gần ngay.”

Tôi để con mái xuống, và con trống lập tức bay xuống đổ sát ngay cạnh con mái, không hề lo lắng gì đến nguy hiểm đang cận kề, nó đã phát điên vì đau khổ, vì tình yêu của nó dành cho con chim mái mà chính tôi đã giết chết.

Karl giơ súng ngắm bắn, tiếng súng vang lên như cắt đi sợi dây mong manh treo con chim trên bầu trời. Tôi nhìn thấy một vật rơi xuống và nghe có tiếng rơi. Pierrott chạy bổ đi rồi mang con trống về cho tôi.

Tôi cho cả hai con, đều đã lạnh ngắt, vào trong cùng một túi săn... Và ngay ngày hôm đó tôi lên đường trở về Paris.

# TRÔNG LINH CỬU

Bà lặng lẽ ra đi không trời trăng, đầy yên bình như thể một phụ nữ đã sống một cuộc sống không có gì để chê trách. Giờ đây, bà nằm duỗi dài trên giường, hai mắt khép lại, nét mặt bình thản, mái tóc dài bạc trắng, được chải mượt như thể bà vừa chải mượt chúng một cách cẩn thận trước khi chết chừng vài phút, toàn bộ dáng hình xanh xao của người đã khuất đầy một vẻ tĩnh tâm, tự tại và hiền dịu đến độ người ta cảm thấy trong cơ thể này, xưa kia từng trú ngụ một linh hồn hiền dịu, biết mấy, một con người đã sống một cuộc đời không một biến loạn, một người thanh thản về với tổ tiên không một chút vướng bận gì, không còn một nỗi ăn năn lo lắng gì với cõi đời này.

Quyê gối, khóc thống thiết bên giường là con trai bà, một viên chức cao cấp, và con gái bà, cô Marguerite, đã đi tu với tên thánh là xơ Eulalie. Bà đã trang bị cho họ ngay từ thuở thiếu thời một tinh thần cố chấp, dạy họ một đức tin không yếu đuối và những bổn phận không có sự thỏa hiệp. Anh ta, con trai bà, đã trở thành một quan tòa, người sử dụng luật pháp để trừng phạt không thương xót những sự yếu hèn, những lỗi lầm. Còn cô, con gái bà, đã được gửi vào trường dòng từ nhỏ, sống cuộc sống khắc khổ, đã quyết dâng hiến cả cuộc đời cho Chúa vì đã quá chán ghét con người.

Họ chẳng biết nhiều về cha của họ, họ chỉ biết rằng ông đã khiến mẹ họ đau khổ mà không hề biết thêm một chút chi tiết nào khác.

Nữ tu sĩ hôn mãi một cách cuồng dại một cánh tay thông xuống của người đã quá cố, một bàn tay trắng ngà giống như hình một cây thánh giá để nghiêng trên giường. Phía bên kia của cơ thể đang nằm đó, bàn tay còn lại có vẻ như còn đang nắm nhàu cả tấm ga trải giường trong một cái dướn mình cuối cùng trước lúc chết. Tấm ga có những nếp nhàu như những gợn sóng nhỏ, nó gợi lại những cử động cuối cùng, trước khi đi vào cõi vĩnh hằng mãi mãi.

Có tiếng gõ cửa khe khẽ, khiến hai khuôn mặt đang chan hòa nước mắt ngẩng lên, và ông cha cố, vừa ăn tối xong bước vào. Cha cố mặt đỏ bừng, có vẻ mệt lử vì ăn quá no, ông ta đã làm một cốc cà phê tương pha với rượu cô nhắc để chống lại cái mệt dòn từ mấy đêm thức trước và để chịu được nốt đêm cuối cùng tụng kinh bên linh cữu này.

Ông ta có vẻ buồn, ông làm dấu thánh giá rồi tiến gần đến bên giường người chết một cách thành thực:

“Nào, các con đáng thương, ta đến để giúp các con, để thay các con trông linh cữu mẹ qua những giờ buồn thảm này.”

Nhưng đột nhiên xơ Eulalie ngẩng đầu lên và nói:

“Cảm ơn Cha, nhưng con và anh con, đêm nay chúng con muốn ở lại một với mẹ chúng con, như thuở còn nhỏ, chỉ có chúng con và mẹ. Như... hồi còn bé.... chỉ có.... mẹ...”

Cô không sao nói cho rành mạch được, vì nước mắt đã lại lăn chã rơi, cô phải chịu nỗi tang thương mới lớn lao, đau khổ làm sao.

Cha cố nghiêng đầu, trong một cử chỉ an ủi:

“Tùy ý các con.”

Ông quỳ gối xuống bên giường, làm dấu thánh, cầu nguyện rồi đứng dậy, thốt lên khe khẽ:

“Bà ấy là một thánh nữ.”

Họ còn lại, người quá cố và hai con của bà. Có tiếng đồng hồ của ai đó đang kêu tích tắc, tích tắc một cách đều đều. Qua cửa sổ mở, có mùi cỏ khô, mùi gỗ mục ẩm ướt. Ánh trăng mờ mờ chiếu rọi qua cửa sổ bỏ ngỏ. Không còn một âm thanh nào khác nữa ngoài những âm thanh quen thuộc hay gặp ở các vùng nông thôn, thỉnh thoảng có tiếng ếch kêu, thỉnh thoảng lại có tiếng côn trùng trỗi lên. Một sự yên bình, tĩnh lặng vô tận, một nỗi u sầu thần thánh, một sự thanh thản lặng lẽ, bao quanh người quá cố, nó như đang nâng bà lên, khiến bà bay ra bên ngoài, làm cho cả không gian tĩnh lặng lại.

Con trai bà, vẫn quỳ gối, vùi đầu vào trong chăn đang đắp phủ lên bà, một giọng trầm đục, xé lòng vọng ra đầy đau khổ: “Mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ ơi!”. Và em gái anh, cũng đang quỳ trên sàn, hòa vào giọng anh ngân lên đầy đau thương tang tóc: “Lạy Chúa, mẹ ơi, lạy Chúa, lạy Chúa!”



Cả hai quần quai trong cơn thốn thức, trong cái đau đớn mắt mẹ khôn nguôi.

Dịu cơn đau lòng, họ bình tĩnh lại dần, họ chỉ còn thỉnh thoảng nấc lên, nước mắt chảy dài. Rất lâu sau, họ đứng lên, ngắm nhìn di thể người mẹ thân yêu. Những kỷ niệm lại ùa về, những kỷ niệm xa xưa thuở trước mới êm đềm làm sao, nó khiến cho hiện tại tàn khốc hôm nay càng thêm đau xót. Chìm đắm trong kỷ niệm, tâm tưởng họ tràn đầy những hình ảnh, những chi tiết mà họ đã lãng quên từ lâu, những hình ảnh, những chi tiết vô cùng thân quen của mẹ họ, họ nhớ giọng nói tiếng cười của người mẹ, mà giờ đây tiếng nói giọng cười đó họ sẽ không còn bao giờ nghe thấy nữa. Họ cứ đứng mãi thế, im lặng ngắm mẹ, nhớ lại những lời bà thường hay nói, mỗi khi có chuyện gì quan trọng.

Và trong họ dâng tràn một tình yêu với bà như thể họ chưa từng yêu bà như thế.

Họ nhận thấy, trong nỗi thất vọng tột cùng rằng giờ đây họ đã bơ vơ. Người luôn nâng niu, bảo bọc, che chở cho họ suốt thời thơ ấu cũng như thời tuổi trẻ. Người luôn mang đến niềm vui cho họ chỉ cần nhờ vào sự xuất hiện đã ra đi mãi mãi. Sợi dây liên hệ của họ với cuộc sống: mẹ họ, người sinh thành ra họ, người dẫn dắt họ... đã ra đi mãi mãi. Giờ đây họ trở thành những kẻ cô đơn. Họ không còn ai đứng đằng sau để khích lệ cho họ, để trông chừng cho họ nữa rồi.

Người em nói với anh: “Anh biết không, mẹ chúng ta vẫn luôn đọc lại những bức thư cũ của mẹ đấy, và chúng còn ở tất trong kia, trong ngăn kéo tủ của mẹ. Nếu đêm nay, tới lượt chúng ta đọc nó, có thể nó sẽ khiến chúng ta cảm thấy mẹ ở gần hơn. Có thể chúng ta sẽ hiểu rõ về mẹ hơn, có thể chúng ta sẽ biết thêm chút gì đó về ông bà của chúng ta vì có cả thư của ông bà ở trong đó, mẹ vẫn thường bảo như thế, anh còn nhớ không?”

Và họ lôi từ trong ngăn kéo ra khoảng một chục xấp thư cũ kỹ đến nỗi giấy đã ngả vàng và được buộc lại cẩn thận và được xếp ngăn nắp.

Họ đặt tất cả những di vật đó lên trên giường và chọn một tập được viết ở ngoài chữ “Bố”. Họ mở ra và đọc.

Đó là những bức thư cũ đến nỗi người ta chỉ có thể tìm thấy được trong những ngăn tủ đựng đồ kỷ niệm của gia đình, những bức thư có đề ngày của những thập kỷ trước. Các bức thư được bắt đầu bằng những cách gọi vô cùng âu yếm: cái đầu là “Con gái yêu quý”, cái khác là “Con yêu”, cái khác nữa “Con gái bé bỏng xinh đẹp của ta”... Bỗng nhiên cô con gái bắt đầu cao giọng đọc một bức thư, như thể cô đọc cho mẹ cô nghe, với một giọng đọc đầy âu yếm. Và người anh, tay chống lên giường, mắt chăm chăm nhìn mẹ, lắng tai nghe. Thi thể bất động của người mẹ trông có vẻ như rất hạnh phúc.

Đột nhiên, xơ Eulalie ngừng đọc và nói: “Chúng ta sẽ để mẹ mang theo những bức thư này, chúng ta sẽ đặt chúng dưới lớp vải liệm và chôn cùng mẹ nhé”.

Rồi xơ lại lấy một tập thư khác ra, tờ giấy bao bọc tập thư này, không có một chữ chú thích nào, cô lại đọc to lên: “Tình yêu của anh, anh yêu em điên cuồng. Anh nhớ em, nỗi nhớ cháy bỏng, thiêu anh, đốt anh. Anh thèm cảm giác được thấy môi em áp trên môi anh, khát khao được cảm thấy da thịt em ấm nồng, áp trên da thịt anh, ước ao được thấy mắt em nhìn anh. Anh yêu em, yêu em. Em làm anh điên đảo. Vòng tay anh mở rộng, miệng anh khô đắng, khát thèm cảm giác được có em trong vòng tay. Thân thể anh gọi em, muốn có em. Anh vẫn còn giữ nguyên trên môi vị ngọt môi em hôn...” Người anh nhồm lên, người em ngừng lời, anh trai giật lấy bức thư, tìm chữ ký. Sau dòng cuối cùng: “Yêu em” chỉ có cái tên Henry. Họ luôn biết tên cha mình là René.

Không phải thư của cha. Anh con trai, bằng một động tác rất nhanh, bới tung tập thư lên, lấy lên một bức khác và đọc: “Anh không thể chịu đựng nổi nữa khi xa rời những âu yếm, vuốt ve, chiều chuộng đầy ngọt ngào của em...” Đứng thẳng dậy, nét mặt đầy vẻ nghiêm khắc như thể anh ta đang đứng trong tòa án, anh ta nhìn mẹ một cách lạnh lùng. Đứa con gái, bà xơ, đứng im như một pho tượng, lệ dâng trào lóng lánh trong đáy mắt, nhìn người anh, chờ đợi. Anh này đi đi lại lại trong phòng một cách chậm rãi, rồi anh đứng lại trước cửa sổ, phóng tầm mắt nhìn ra màn đêm, suy nghĩ.

Khi anh quay lại, xơ Eulalie, em gái anh mắt đã ráo hoảnh, đang đứng cúi đầu cạnh giường.

Anh tiến lại gần, nhanh nhẹn nhặt hết những bức thư mà lúc trước anh đã bới tung lên, rồi anh kéo tấm rèm che giường lại.

Khi ánh ngày đã rạng, anh con trai, rất từ tốn, rời khỏi chiếc ghế bành của anh ta, không hề nhìn lại một lần người mẹ mà hai anh em hôm qua đã kéo rèm che đi, đã lìa xa, đã kết tội. Anh nói một cách từ tốn: “Mình về thôi, chị!”

# DẤU HIỆU

Nữ hầu tước bé nhỏ vẫn còn đang ngủ trong căn phòng đóng kín, thơm nức, trong chiếc giường lớn êm ái, trong tấm ga trải giường bằng vải lụa trơn mềm, ấm áp, nhẹ bồng như đang ten, êm mềm như một nụ hôn; cô ngủ một mình, yên tĩnh trong một giấc ngủ sâu, hạnh phúc của một phụ nữ tự do.

Những tiếng ồn ào ngoài phòng khách nhỏ, màu xanh da trời, khiến cô thức giấc, cô nhận ra giọng của cô bạn thân, nữ nam tước Grangerie, cô này đang to tiếng với con hầu phòng của cô, cô bạn đang cố giải thích để được vào phòng cô, còn con hầu thì giữ cửa ngăn lại, không cho vào quấy rối giấc ngủ của cô chủ.

Cô hầu tước bé nhỏ vùng dậy, rút then cửa, mở khóa, đẩy cửa và chỉ thò mỗi cái đầu tóc tai bù xù vàng óng ra ngoài hỏi:

“Cậu có chuyện gì mà đến sớm thế? Còn chưa đến chín giờ mà.”

Cô nam tước xanh xao, lo lắng, bồn chồn trả lời:

“Mình cần phải gặp cậu, phải chia sẻ với cậu. Một chuyện rất khủng khiếp đã xảy đến với mình.”

“Vào đây, bạn thân mến.”

Nữ nam tước vào phòng, họ ôm hôn nhau đầy thân thiết, rồi nữ hầu tước lại nằm dài ra trong khi con hầu phòng mở các cửa sổ cho ánh nắng dội vào nhà. Rồi khi người hầu phòng đã ra khỏi, Rennedor mới nói: “Nào, cậu kể đi”.

Grangerie bật khóc, những giọt nước mắt trong suốt tuôn rơi trên má cô càng khiến cô thêm bội phần xinh đẹp, cô cứ để cho nước mắt lăn chã mà không chùi đi để khỏi làm đỏ mắt, và rồi vừa thút thít cô vừa nói: “Ôi, bạn yêu quý, mình đã gặp phải một việc tồi tệ, vô cùng tồi tệ. Đêm qua mình đã không ngủ, không ngủ dù chỉ một phút, cậu nghe rõ chứ, mình đã không hề

chợp mắt dù chỉ một phút thôi. Xem này, cậu thử để tay vào ngực mình xem, nó đập mới khiếp làm sao”.

Cô cầm tay bạn áp vào ngực mình, áp lên phần ngực tròn, ấm mềm của cô, quả thật nó đang đập rất mạnh. Rồi cô nói tiếp:

“Điều đó xảy đến với mình từ ngày hôm qua... vào khoảng bốn giờ... bốn rưỡi gì đó. Mình không biết chính xác. Cậu biết rõ nhà mình đấy, cậu biết rõ phòng khách nhỏ trông ra phố Saint Lazare của mình, nơi mình thường ngồi chơi bên cửa sổ nhìn người qua lại. Phố ga đó rất nhộn nhịp, ngồi chơi ngắm mọi người qua lại trên phố là một trò tiêu khiển thú vị của mình... và mình yêu khu phố bé nhỏ đó vô cùng.

Hôm qua, mình ngồi ở cái ghế thấp kê cạnh khung cửa sổ, qua cánh cửa sổ mở, mình mơ màng hít thở luồng không khí trong lành, cậu nhớ không, hôm qua trời mới đẹp làm sao.

Bỗng mình để ý thấy ở bên kia phố, cũng có một phụ nữ đang ngồi cạnh cửa sổ, một phụ nữ mặc một bộ đồ màu đỏ; còn mình, mình đang mặc một bộ đồ màu hoa cà, cậu biết bộ cánh màu cà của mình rồi đấy. Mình không quen người phụ nữ ấy, có thể đó là một người thuê nhà, mới chuyển đến, khoảng một tháng nay; bởi trời đã mưa suốt một tháng nay nên mình chưa hề gặp cô ấy.

Chỉ thoáng nhìn mình đã biết đó là một phụ nữ hư hỏng. Đầu tiên mình rất lấy làm khó chịu và bị sốc, vì cô ta cũng đứng chơi ở cửa sổ như mình; thế rồi mình bắt đầu thấy vui thích trong việc ngắm nhìn xem cô ta làm gì. Cô ta chống khuỷu tay lên thành cửa sổ và rình những người đàn ông đi qua, những người đàn ông nhìn cô ta, tất cả bọn họ hay gần như là tất cả. Hình như những người đàn ông cảm thấy một điều gì đó khi lại gần ngôi nhà, hình như họ đánh hơi thấy cô ta như thể lũ chó đánh hơi thấy con thú săn, bởi họ thường đột nhiên ngẩng đầu nhìn lên và liếc nhìn ngay thấy cô ta, một cái nhìn đầy hàm ý. Cái nhìn của cô ta như muốn hỏi: ‘Ông có muốn không?’, cái nhìn của họ như trả lời: ‘Không phải lúc này’, hay ‘Đến lần khác’, hoặc ‘Tớ không có tiền’, hay: ‘Cút đi, đồ đáng khinh!’ Đôi mắt của những kẻ làm cha đã nói những lời cuối cùng đó. Cậu không tưởng được kỳ thú thế nào, khi ngồi xem cô ta giở hết các ngón nghề của cô ta ra thế nào đâu.

Thỉnh thoảng cô ta đột ngột đóng cửa sổ lại và mình nhìn thấy một ông đi vào phía trong cửa nhà cô ta. Cô ta đã tóm được ông ấy như thể một người đi câu tóm được một chú cá. Thế là mình bắt đầu xem đồng hồ, họ thường ở lại trong đó từ mười hai đến hai mươi phút, không bao giờ hơn.

Thế là mình bị hút vào cái trò chơi đó, mình bị cô ta, con nhện cái đó, cuốn hút. Thật ra thì cô gái đó cũng không hề xấu xí.

Mình tự hỏi: ‘Cô ta làm thế nào để những người đàn ông hiểu rõ vấn đề một cách chóng vánh đến thế nhỉ? Liệu ngoài cái nhìn, cô ta có ra dấu bằng tay hay bằng một vài cử động của cái đầu không nhỉ?’

Thế là mình liền lấy chiếc ống nhòm nhỏ của mình ra để xem cho rõ mọi cử động hành tung của cô ta. Ô! Thật rất đơn giản: trước tiên là một cú liếc mắt, rồi mỉm cười, rồi một cử chỉ nhỏ của cái đầu với ý hỏi: ‘Ông lên chứ?’ nhưng cử chỉ đó rất nhẹ, rất mập mờ, rất bí mật, cần phải rất khéo mới có thể thành công như cô ta được. Và mình lại tự hỏi: Liệu mình có thể làm điều đó khéo đến như cô ta được không, một cái hất hàm vừa táo tợn vừa kiêu kỳ nhưng lại vô cùng đáng yêu? Quả vậy, cử chỉ của cô ta rất duyên dáng đáng yêu.

Mình đến trước gương thử tập, bạn yêu quý, mình làm điều đó trông còn dễ thương hơn cả cô ta, hơn cô ta nhiều! Mình rất lấy làm khoái trá, và mình quay trở lại ngồi bên cửa sổ.

Bây giờ cô ta sẽ không dụ dỗ thêm được một người nào nữa, cô gái khốn khổ, không một ai nữa. Cô ta thật sự không còn cơ hội nữa. Điều đó thì thật khủng khiếp với một người kiếm miếng cơm manh áo bằng cái nghề đó, khủng khiếp nhưng đôi khi cũng thú vị. Bởi trong số những người đang đi trên phố có những người không tệ lắm.

Giờ đây họ sẽ đi hết sang bên vỉa hè bên nhà mình, không còn một ai đi bên vỉa hè nhà cô ấy nữa. Thời thế đã đổi thay, họ đến, người này sau người kia, những người trẻ tuổi, những ông già, những người tóc đen, những người tóc nâu, những người tóc hoa râm, những người tóc bạc trắng.

Mình thấy họ là những người tử tế, rất tử tế, tử tế hơn nhiều so với người chồng cũ của mình, và hơn cả người chồng cũ của cậu nữa bởi cậu đã phải ly dị anh ta. Giờ đây cậu lại có quyền lựa chọn.

Mình tự hỏi: ‘Nếu ta ra dấu cho họ, liệu họ có hiểu ta không? Ta, một phụ nữ đứng đắn nhường này?’ Và thế là trong mình trỗi lên một khát khao cháy bỏng, một mong muốn rồ dại, một thèm muốn không thể cưỡng lại như ghen ở đàn bà có mang.... một mong muốn kinh khủng, đáng ghê sợ, cậu biết đấy, những ham muốn không thể cưỡng lại được. Thịnh thoảng mình cũng bị một ham muốn nào đó xâm chiếm, điều đó thật hết sức ngu ngốc! Mình sợ rằng chúng ta có linh hồn của khi, chúng ta cũng như bao người phụ nữ khác. Một bác sĩ đã khẳng định với mình rằng óc của một con khi hoàn toàn giống với óc của chúng ta. Chúng ta luôn phải noi gương ai đó, bắt chước ai đó. Chúng ta bắt chước chồng mình khi chúng ta còn đang yêu họ, khi chúng ta còn đang ở trong tuần trăng mật, và sau đó chúng ta có những cử chỉ điệu bộ của tình nhân, của bạn bè thân, của những người chúng ta kính trọng, yêu mến. Chúng ta bắt chước cách họ nghĩ, bắt chước cách họ đi đứng nói năng, nói chung chúng ta bắt chước để cố gắng được hết như họ. Thật ngớ ngẩn.

Cuối cùng thì mình đã muốn làm một điều gì thì mình phải làm cho bằng được.

Thế là mình tự nhủ: ‘Nhìn này, ta sẽ thử ra hiệu cho một người, chỉ một người thôi để xem thế nào. Cái gì có thể đến với ta nào? Chẳng có gì đâu! Ta sẽ trao anh ta một nụ cười, thế thôi, và chúng ta sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau, mà nếu có gặp lại, anh ta cũng sẽ chẳng nhận ra ta, mà nếu anh ta có nhận ra ta, ta cũng sẽ chối, tất nhiên thế rồi’. Mình bắt đầu chọn người. Mình muốn chọn được một người thật bảnh. Rồi bỗng mình nhìn thấy một thanh niên cao lớn tóc vàng đang đi tới, một thanh niên rất bảnh trai. Mình luôn thích những người tóc vàng, cậu biết rồi đấy. Mình nhìn anh ta, anh ta nhìn mình. Mình mỉm cười, anh ta mỉm cười, mình ra dấu; Ôi! chỉ một dấu hiệu rất lờ mờ thôi; thế mà, thế mà anh ta liền gật đầu và mình thấy anh ta đi vào, bạn thân yêu, anh ta đi vào từ cửa lớn nhà mình.

Cậu không thể tưởng tượng được điều vô xé trong mình lúc bấy giờ đâu! Ôi, mình tin là mình điên mất rồi. Ôi! Sợ làm sao! Cậu thử tưởng tượng mà xem, anh ta sẽ nói gì với người hầu của mình! Nói với Joseph, người hết

mức trung thành với chồng mình! Joseph chắc chắn sẽ tưởng rằng chúng mình quen biết nhau từ lâu rồi.

Làm gì bây giờ? Nói xem, phải làm gì bây giờ? Một tẹo nữa là anh ta sẽ nhấn chuông, chỉ một phút nữa thôi. Làm gì bây giờ, nói xem? Mình nghĩ tốt hơn hết là mình chạy ra gặp anh ta và nói với anh ta là anh ta đã nhầm, và rồi năn nỉ xin anh ta đi ngay đi cho. Anh ta hẳn sẽ thương hại cho một người phụ nữ, một người phụ nữ khốn khổ! Mình chạy vội ra cửa và mở nó ra đúng vào lúc anh ta đặt tay lên chuông cửa.

Mình ấp úng, hoàn toàn mất hết tự chủ:

“Xin ông đi đi cho, xin ông đi ngay đi cho, ông đã nhầm, tôi là một phụ nữ đức hạnh, một phụ nữ đã có chồng. Đó là một sự nhầm lẫn, một nhầm lẫn tai hại, tôi đã nhầm ông với một người bạn của tôi vì trông ông thật rất giống người bạn đó. Xin thứ lỗi cho tôi, thưa ông.”

Anh ta bật cười, bạn ạ, và anh ta trả lời:

“Chào em yêu, em biết rõ là anh hiểu mà. Em đã lấy chồng, vì thế sẽ là hai đồng vàng thay vì một. Em sẽ có hai đồng vàng. Nào hãy chỉ cho anh kho báu của em nào.”

Thế rồi anh đẩy mình vào và đóng cửa lại, và vì mình vẫn đứng như trời trồng trước mặt anh ta, anh ta ôm lấy mình, nhắc bổng mình lên, bế mình vào trong phòng khách vẫn còn đang để ngỏ.

Vừa vào, anh ta đã liếc nhanh một vòng như một chuyên viên chuyên thẩm định giá cả rồi thốt lên:

“Mẹ kiếp, căn hộ của em đẹp thật, sang trọng thật. Em hẳn phải túng quẫn lắm mới phải chịu trở thành gái gọi như thế!”

Thế là mình bắt đầu van nài anh ta:

“Ôi! thưa ông, xin ông đi đi cho! Xin ông đi ngay cho! Chồng tôi sắp về, lát nữa là anh ấy sẽ về đến, tôi xin thề với ông là ông đã nhầm!”

Anh ta điềm nhiên trả lời mình:

“Thôi nào, em yêu, đừng làm bộ làm tịch như thế. Nếu chồng em về, anh sẽ đưa hẳn một trăm xu để hẳn sang mà chơi ở căn hộ đối diện.”

Vì nhìn thấy ảnh của Raoul treo ở bên trên lò sưởi, anh ta hỏi:

“Chồng em đây à?”



“Vâng, anh ấy đấy.”

“Anh ta có cái mồm hay thật. Thế còn kia, ai thế? Một người bạn của em à?”

Đó chính là ảnh của cậu, bạn thân yêu ạ, bức ảnh cậu mặc váy dạ hội ấy, mình chẳng biết nên nói gì nữa, mình ấp úng:

“Vâng, đó là một trong những người bạn của tôi.”

“Cô ta xinh nhỉ. Hãy giới thiệu anh với cô ấy nhé.”

Chuông đồng hồ điểm năm giờ; Raoul thường về lúc năm giờ ba mươi phút! Nếu hôm nay anh ấy về sớm hơn mọi ngày thì sao, cậu thử nghĩ xem! Ôi... ôi... mình điên cái đầu lên mất... mình điên lên mất... mình nghĩ... mình nghĩ... mình nghĩ rằng tốt hơn hết là tống khứ ngay cái tên đàn ông đi, càng nhanh càng tốt... càng sớm lúc nào càng tốt lúc ấy... cậu hiểu không... và thế là... thế là... cần phải... bạn thân yêu... anh ta không chịu đi nếu chưa đạt được điều anh ta muốn... thế là... thế là mình đẩy chốt cái then cửa phòng khách... thế đấy”.

Cô hầu tước Rennedor bật cười, cười như nắc nẻ, cười lăn cười lộn. Ngóat được cơn cười, hỏi:

“Thế... thế... anh ta có đẹp trai không?”

“Đẹp.”

“Và cậu đã vui vẻ cùng anh ta?”

“Nhưng... nhưng... cậu thấy đấy, bạn yêu quý, là... là anh ta đã nói rằng mai anh ta sẽ quay lại... cũng vào giờ đấy... và mình. Mình sợ ghê gớm... cậu không biết anh ta dai dẳng đến thế nào đâu... cương quyết thế nào đâu... làm gì bây giờ... nói xem... làm gì bây giờ bạn ơi?”

Nữ hầu tước ngồi lên, ngẫm nghĩ một lát rồi đột nhiên cô tuyên bố:

“Phải ngăn anh ta lại.”

Nữ nam tước tròn mắt ngạc nhiên. Cô ấp úng:

“Làm thế nào? Cậu nói xem? Cậu nghĩ gì thế? Ngăn anh ta lại? Với có nào bây giờ?”

“Ô! Rất đơn giản. Cậu hãy đến nhà ông cảnh sát trưởng và báo với ông ấy rằng có một người đã theo đuổi cậu từ ba tháng nay; hôm qua anh ta đã dám ngạo mạn leo lên đến tận nhà cậu, và anh ta đã đe dọa sẽ lại đến nhà cậu vào

ngày mai, cậu xin có được một sự bảo vệ từ phía pháp luật. Người ta sẽ cử đến nhà cậu hai viên cảnh sát, họ sẽ ngăn anh ta lại.”

“Nhưng nếu anh ta kể...?”

“Người ta sẽ không tin anh ta đâu ngốc ạ, nhưng cậu phải trình bày với ông cảnh sát trưởng sao cho khéo. Người ta sẽ tin cậu, tin một phụ nữ đoan trang, thuộc tầng lớp trên và chưa hề có một tai tiếng gì.”

“Ôi mình chẳng dám đâu.”

“Cần phải dũng cảm lên, cô bạn ngốc nghếch khốn khổ của mình, nếu không cậu sẽ mất tất cả đấy.”

“Anh ta sẽ chửi rửa, lăng nhục mình nếu người ta ngăn anh ta lại.”

“Không sao đâu, cậu có bằng chứng và cậu sẽ lấy chúng để kết tội anh ta.”

“Kết tội anh ta vì lẽ gì?”

“Vì những thiệt hại anh ta gây ra. Trong trường hợp này cần phải nhấn tâm!”

“À! Nhân tiện nói đến những thiệt hại... có một điều làm mình rất bức mình, rất rất bức mình... anh ta đã để lại cho mình... hai đồng vàng... trên mặt lò sưởi.”

“Hai đồng vàng?”

“Phải.”

“Không hơn?”

“Không.”

“Hơi ít, nếu là mình thì điều đó sẽ khiến mình hơi nhục. Vậy thì?”

“Thế đấy! Giờ mình biết làm gì với số tiền đó đây?”

Nữ hầu tước do dự vài giây rồi trả lời bằng một giọng rất nghiêm túc:

“Bạn yêu quý... cần phải... cần phải mua... một món quà nhỏ cho chồng cậu... điều đó là công bằng thôi mà.”

# CLOCHETTE

Có lạ lùng không khi có những kỷ niệm cũ cứ ám ảnh bạn mãi mà bạn không sao tổng khứ chúng đi được.

Tôi có một kỷ niệm, một kỷ niệm xa xưa, một kỷ niệm cũ kỹ lâu đời đến nỗi tôi cũng không sao hiểu nổi làm sao nó lại có thể nằm mãi trong trí nhớ của tôi một cách sống động và dai dẳng đến thế. Tôi đã chứng kiến biết bao chuyện, buồn có, vui có, cảm động có và cả khủng khiếp cũng có đến nỗi mà tôi tự cảm thấy ngạc nhiên khi thấy rằng không thể sống qua một ngày, dù chỉ một ngày thôi, mà không nhìn thấy khuôn mặt của bà Clochette hiển hiện trước mắt tôi, cho dù tôi biết bà từ ngày xưa ngày xưa, khi tôi còn là một cậu bé mười hay mười hai tuổi gì đó.

Đó là một bà thợ may già, cứ đến thứ ba hàng tuần đến vá lại những đồ vải trong nhà bố mẹ tôi. Bố mẹ tôi thuê đó sống trong một lâu đài cổ ở nông thôn với kiểu kiến trúc cổ: một ngôi nhà mái nhọn ở giữa và bốn năm trang trại bao xung quanh.

Ngôi làng, một ngôi làng lớn với một thị trấn nhỏ cách đó vài trăm mét, nằm sát xung quanh nhà thờ, một nhà thờ xây gạch đỏ nhưng qua năm tháng đã xỉn màu thành gần như màu đen.

Lại nói chuyện bà Clochette, cứ vào khoảng sáu rưỡi bảy giờ sáng thứ ba, bà lại đến nhà tôi và ngay khi vào kho đồ vải là bà bắt tay ngay vào việc.

Bà là một phụ nữ cao lớn gầy gò, có râu, hay nói đúng hơn là lông lá bởi bà có lông tơ khắp cả mặt, một kiểu lông tơ đáng ngạc nhiên, kỳ cục, mọc thành từng đám lạ lùng, từng túm xoắn xoắn trên khắp cả khuôn mặt to lớn của bà. Trông buồn cười kỳ quặc như một viên sen đầm mọc juýp thò hai ống chân lông lá ra khỏi juýp vậy. Bà có cả lông tơ trên mũi, dưới mũi, xung quanh mũi, trên cằm, trên má. Lông mày của bà có màu ghi vừa dày, vừa

rậm, vừa dài một cách khác thường. Trông nó như một đôi ria bị đặt nhầm chỗ.

Bà đi khập khễnh, nhưng không khập khễnh như những người què bình thường mà như một chiến thuyền có mỏ neo. Khi bà đặt cả tấm thân to lớn xương xẩu lên cái chân lành, trông bà có vẻ như đang lấy đà để nhảy lên trên đầu một con sóng lớn vậy, rồi, đột nhiên, bà lặn xuống như để biến mất trong một vực sâu, bà thụt sâu vào trong lòng đất. Bước chân của bà khiến cho người ta liên tưởng đến một cơn bão, và cứ thế bà lúc la lúc lắc đi. Đầu bà luôn đội một chiếc mũ trắng lớn không vành với những dải ruy băng dài phất phơ sau lưng, trông như dài tới tận chân trời, từ bắc đến nam, rồi lại từ nam đến bắc theo mỗi bước chuyển động của bà.

Tôi rất quý bà Clochette. Ngay khi tôi vừa dậy là tôi leo ngay lên kho đồ vải, ở đó, tôi thường thấy bà đang ngồi khâu, dưới chân để một chiếc lồng ấp chân nhỏ. Ngay khi tôi đến, bà liền ép bằng được tôi dùng chiếc lồng ấp của bà, ép tôi ngồi lên phía trên cái lồng ấp để tôi không bị lạnh, bị sổ mũi trong căn phòng lạnh lẽo nằm sát mái nhà này.

Bà thường bảo: “Lạnh sẽ làm cháu ho, nó sẽ hút máu cháu ra từ đường họng đấy”.

Bà kể chuyện cho tôi nghe, vừa kể vừa thoăn thoắt khâu đồ vải với những ngón tay dài, nhọn, khoằm khoằm. Đôi mắt bà khuất sau gọng kính dày, vì tuổi tác đã khiến mắt bà mất đi sự tinh anh, có vẻ to, sâu và như to gấp đôi lên.

Trong chùng mực nào đó, tôi vẫn còn nhớ được những điều bà đã nói với tôi, và những lời nói đó khiến trái tim non nớt của một cậu bé như tôi xúc động. Bà có một tâm hồn hào hiệp của một phụ nữ nghèo. Bà biết mọi chuyện và hiểu mọi việc theo một cách đơn giản. Bà kể cho tôi nghe mọi sự kiện diễn ra trong thị trấn, chuyện một con bò sữa xông khỏi chuồng bò và rồi một sáng, người ta thấy nó trước cửa cối xay gió của Prosper Malet, đang ngấm những cánh quạt cối xay quay quay, hay chuyện phát hiện ra một quả trứng gà trong gác chuông nhà thờ mà không ai biết con gà nào có thể leo tận lên đó mà đẻ trứng được, hay chuyện con chó nhà ông Jean Pilas, đã tìm bằng được và mang về cho ông chủ nó chiếc quần đùi từ một nơi cách xa

nhà nó đến mười dặm, do một kẻ đi qua đường đã tiện tay rút trộm và đang phơi trước cửa nhà hẳn.

Bà cứ rủ rỉ kể như thế, gieo vào tâm hồn tôi từ những chuyện ngây ngô vớ vẩn, những thảm kịch không thể quên được tới những bài thơ hào hùng, bí ẩn. Và những câu chuyện ly kỳ được tạo nên từ những vần thơ đã khiến nảy sinh trong tâm trí tôi một thế giới rộng lớn với bao điều kỳ diệu.

Thế rồi, một ngày thứ ba, sau khi đã hái những quả phỉ với một gia nhân ở rừng Hallets, phía sau trang trại Noirpré, tôi chạy về nhà, leo lên kho đồ vải để tìm bà. Tôi nhớ tất cả mọi chuyện hôm đó, rõ ràng như thể nó vừa diễn ra ngày hôm qua vậy.

Khi mở cửa kho đồ vải, tôi nhìn thấy bà thợ khâu già đang nằm xoài, cạnh chiếc ghế của bà, mặt úp xuống đất, hai cánh tay dài sũng sướt, một tay vẫn còn cầm kim và tay kia nằm một chiếc áo sơ-mi của tôi.

Một chân bà duỗi dài dưới ghế, kính của bà văng ra chân tường.

Tôi kêu thét lên. Mọi người chạy xô đến, và một vài phút sau đó thì tôi hiểu rằng bà Clochette đã chết.

Không bút nào tả xiết được nỗi đau đớn thống thiết xót xa của tôi lúc bấy giờ, một nỗi tiếc thương sâu sắc vò xé con tim non nớt của tôi. Tôi lê bước xuống dưới phòng khách và giấu mình trong một xó tối, thu lu trong một chiếc ghế bành to, úp mặt vào đầu gối và khóc. Tôi hẳn đã ở đó rất lâu vì tôi thấy trời tối dần.

Bỗng nhiên ai đó đi vào với một chiếc đèn, nhưng người đó không nhìn thấy tôi và tôi nghe thấy tiếng bố mẹ tôi nói chuyện với bác sĩ.

Họ đang nói chuyện về bà Clochette, ông bác sĩ giải thích nguyên nhân của tai nạn. Tuy nhiên tôi không hiểu gì lắm. Rồi ông ngồi xuống và uống một ly rượu mùi với một vài chiếc bánh bích quy.

Ông lại cất tiếng, và những gì ông nói lúc đó đã lưu lại mãi trong trí óc tôi và sẽ còn lưu lại mãi cho tới khi tôi xuống mồ. Thậm chí đến tận giờ tôi vẫn còn có thể kể lại một cách tương đối chính xác những gì hôm đó ông đã nói.

“A!” Ông nói “Người phụ nữ khốn khổ! Đó là bệnh nhân đầu tiên của tôi. Cô ta bị gãy chân vào đúng ngày đầu tiên tôi đến đây và tôi thậm chí còn không có thời gian để rửa tay nữa và vội vàng nhảy ngay lên xe khi người ta

đến tìm tôi rất gấp vì đó quả là một ca rất nghiêm trọng, cực kỳ nghiêm trọng.”

Cô lúc đó mới mười bảy tuổi và là một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp, rất xinh đẹp, ông bà có tin không? Còn về phần chuyện của cô, tôi đã không bao giờ nói cho cô ấy biết, và ở đây ngoài tôi và một người, người đó cũng đã đi khỏi xứ sở này ra, không một ai biết chuyện của cô. Giờ đây cô đã chết, tôi có thể nói ra một chút bí mật của cô rồi.

Thời đó, có một trợ giảng trẻ đến sống ở thị trấn, một chàng rất điển trai với khuôn mặt đẹp như tạc và một dáng vóc chuẩn trong bộ quân phục hạ sĩ quan. Tất cả các cô gái đều chạy theo anh ta nhưng anh ta không thèm đếm xỉa đến bọn họ, và chẳng anh ta rất sợ ông giáo Grabu, cấp trên của anh ta, người khá khó tính.

Rồi ông Grabu nhận cô gái xinh đẹp Hortense vào làm thợ may vá trong nhà. Cô Hortense xinh đẹp đó chính là người phụ nữ vừa mất trong nhà ông bà. Và người ta gọi cô là Clochette sau khi cô gặp nạn.

Anh chàng trợ giảng để ý ngay đến cô gái xinh đẹp này, còn cô thì thấy thích thú vui sướng vì đã đánh đổ được pháo đài tưởng như không thể chinh phục đó. Họ hẹn gặp nhau buổi đầu tiên ở tầng thượng trường học vào cuối buổi may, khi đêm xuống.

Hôm đó, lúc hết giờ làm, cô làm ra vẻ như đi về nhà nhưng thay vì đi xuống cầu thang sau khi rời khỏi nhà ông Grabu thì cô lại leo lên trên, rồi giấu mình vào một góc đợi người yêu. Anh này cũng mau chóng đến gặp cô ngay và anh bắt đầu buông lời tán tỉnh nguyệt hoa. Bỗng cánh cửa tầng thượng kẹt mở và ông Grabu xuất hiện, hỏi:

“Ồ! Anh làm gì ở đây thế hả Sigisbert?”

Cảm thấy mình sẽ bị vướng vào một điều tai hại, anh trợ giảng trẻ hoảng sợ trả lời một cách ngu ngốc:

“Ồ! Tôi lên đây để nghỉ ngơi thư giãn một lúc, thưa ông Grabu.”

Tầng thượng đó rất lớn, rất rộng và tối đen như mực. Sigisbert vừa thì thầm vừa đẩy nhẹ cô gái đang hốt hoảng:

“Đi đi, trốn đi. Tôi sẽ mất việc làm là chắc rồi, hãy tự cứu lấy mình, trốn đi!”

Ông hiệu trưởng nghe thấy tiếng thì thầm, lại hỏi:

“Hóa ra anh không ở đó một mình à?”

“Tôi có một mình thôi mà, thưa ông.”

“Không, tôi không tin vì anh vừa nói chuyện đấy thôi.”

“Xin thề với ông là tôi chỉ ở đây có một mình thôi mà.”

“Ta sẽ biết ngay thôi.”

Ông già vừa nói vừa mở cửa đi xuống để lấy đèn.

Thế là cậu trai hèn nhát sợ cuống lên, có vẻ như anh ta bỗng nhiên tức điên lên và luôn miệng nhắc:

“Cô trốn đi, nhanh lên, trốn đi. Làm sao để ông ấy không tìm thấy cô, cô sắp lấy mất miếng cơm của tôi rồi đấy, ông ta sẽ đuổi việc tôi mất thôi, trốn đi, cô phá hỏng sự nghiệp của tôi mất thôi... Trốn đi! Trốn ngay đi!”

Lại có tiếng chìa khóa quay trong ổ.

Hortense chạy đến chiếc cửa con trông ra phố, cô mau chóng mở nó ra rồi với một giọng khẽ khàng nhưng kiên quyết cô bảo:

“Tôi leo ra đây, lát nữa khi ông ấy đã đi khỏi thì ông ra đỡ tôi lên nhé.”

Rồi cô nhảy ra.

Ông Grabu chẳng tìm thấy ai ngoài cậu trợ giảng trên tầng áp mái cả, ông ta đi xuống, vô cùng ngạc nhiên.

Mười lăm phút sau, cậu Sigisbert đến nhà tôi và kể lại cho tôi nghe toàn bộ câu chuyện. Cô gái trẻ vẫn đang nằm ở chân tường và không sao gượng dậy được sau cú ngã từ tầng ba xuống. Tôi vội đi đến chỗ cô với anh ta. Anh ta khóc như mưa, tôi mang cô gái bất hạnh về nhà tôi, chân phải của cô bị gãy, xương gãy đâm vào thịt. Cô không hề rên la, than vãn gì mà chỉ nói một cách nhẫn nhục đáng khâm phục:

“Ôi, tôi bị phạt, bị phạt nặng quá!”

Tôi gọi cấp cứu và gọi bố mẹ cô đến, tôi bịa với bố mẹ cô rằng cô bị ô-tô đâm gãy chân ngay trước cửa nhà tôi. Họ tin tôi, và cảnh sát uống công tìm kiếm trong suốt một tháng trời thủ phạm gây nên vụ việc đó.

Thế đấy! Tôi có thể nói rằng người phụ nữ này là một anh hùng, chảy trong huyết quản cô là dòng máu của những người anh hùng, mà nếu có dịp nó sẽ được bộc lộ tạo nên những câu chuyện đẹp đáng ghi vào sử sách.

Và đó là tình yêu duy nhất của cô. Giờ đây cô đã chết hoàn toàn trình nguyên. Đó là một kẻ tử vì đạo, một người có trái tim nhân hậu, một con người cao thượng. Nếu tôi không khâm phục cô đến thế tôi đã không kể cho ông bà nghe câu chuyện này. Ông bà đã hiểu vì sao mà tôi đã không hề hé răng kể ai nghe chuyện của cô ta khi cô còn sống.

Ông bác sĩ im bật. Mẹ tôi bật khóc. Bố tôi nói gì đó nhưng tôi nghe không rõ. Rồi họ đi ra.

Tôi vẫn ngồi yên trong ghế bành, bật khóc. Rồi tôi nghe thấy những tiếng động lạ, tiếng chân bước nặng nề, tiếng va đụng trong cầu thang.

Họ mang thi thể của Clochette xuống.



# MỘT GIA ĐÌNH

Tôi đi thăm người bạn Simon Radevin mà tôi đã không gặp từ mười lăm năm nay.

Xưa kia đó là người bạn tốt nhất của tôi, người bạn luôn chia sẻ mọi ngọt bùi cùng tôi, là người cùng tôi chia sẻ biết bao buổi tối dài đầy vui vẻ thanh bình, là người tôi có thể dốc bầu tâm sự, là người mà mỗi khi tôi có một suy nghĩ, một ý tưởng dù lạ lùng, dù vớ vẩn, dù thông minh hay ngớ ngẩn tôi cũng sẽ tìm đến người đó để sẻ chia hoặc để thực hiện những ý tưởng dù là ngông cuồng, ngốc nghếch nhất, là người mà tôi luôn cảm thấy dễ chịu thoải mái khi ở bên.

Trong suốt một thời gian dài, chúng tôi gần như không hề rời nhau. Chúng tôi cùng sống, cùng chơi, cùng suy tưởng, cùng mơ mộng với nhau, chúng tôi có cùng sở thích; chúng tôi cùng yêu mến một số đồ vật đáng yêu, cùng đọc, cùng tán phịch cùng những cuốn sách, những tác phẩm nghệ thuật giống nhau, cùng có cảm giác giống nhau, và thường cùng bật cười trước một điều buồn cười vớ vẩn gì đó mà không cần phải liếc mắt nhìn nhau.

Thế rồi anh ta cưới vợ. Anh đột ngột lấy một cô gái quê lên Paris để kiếm tìm một đức lang quân.

Làm thế nào mà một cô gái bé nhỏ, gầy còm với mái tóc vàng xìn, với đôi tay thô kệch, với đôi mắt nhạt và vô hồn, có giọng nói the thé, hoàn toàn giống hàng trăm hàng nghìn con búp bê vô hồn lại có thể tóm được một người đàn ông thông minh và tinh tế đến thế? Làm sao người ta có thể hiểu điều đó được? Hiển nhiên là anh ta mong muốn có được hạnh phúc, một hạnh phúc bình dị, lâu bền trong vòng tay của một phụ nữ đức hạnh, dịu dàng và chung thủy; và anh ta đã thoáng thấy tất cả những cái đó trong đôi mắt trong suốt của cô gái láu lỉnh có mái tóc nhạt màu này.

Anh ta đã không nghĩ rằng một người đàn ông hoạt bát, nhanh nhẹn, rất dễ rung cảm sẽ mệt mỏi chán nản vì tất cả những cái mà anh ta đang nắm chặt lấy, trừ phi anh ta không u mê chờ đợi đến nỗi không còn hiểu được bất cứ điều gì nữa.

Giờ đây anh ta sẽ thế nào nhỉ? Vẫn hoạt bát nhanh nhẹn, hóm hình, hay cười, đầy nhiệt huyết hay đang uể oải trong nhịp điệu sống ở nông thôn? Một người đàn ông có thể thay đổi sau mười lăm năm chứ nhỉ!

Tàu dừng ở một ga nhỏ. Tôi xuống tàu, một người đàn ông to béo, rất to béo với đôi má phình phính đỏ hây hây, với cái bụng phệ lao bổ về phía tôi với hai cánh tay dang rộng và kêu to: “Georges”. Tôi ôm hôn anh ta nhưng tôi vẫn còn chưa nhận được ra anh ta. Thế rồi tôi rên rỉ một cách ngu ngốc, ngớ ngẩn:

“Cristi, cậu không hề gày đi.”

Anh ta vừa cười vừa trả lời:

“Cậu muốn gì bây giờ? Một cuộc sống tốt đẹp! Một bàn ăn đầy thức ăn ngon lành! Những giấc ngủ ngon không mộng mị! Lẽ sống của tôi là được ăn ngon miệng và ngủ đầy giấc!”

Tôi đứng lặng ngẫm nhìn anh, kiểm tìm trong dáng hình trước mặt, những nét thân quen xưa. Chỉ duy đôi mắt là không thay đổi gì về hình dáng, nhưng tôi không còn nhìn thấy cái cách nhìn thân thuộc xưa nữa, tôi tự nhủ: “Nếu đúng là cái nhìn phản ánh suy nghĩ, thì những suy nghĩ trong cái đầu của người bạn thân tôi từng rất hiểu, rất đồng cảm đã khác trước rất nhiều”.

Tuy ánh mắt anh vẫn lấp lánh sáng, một ánh sáng vui vẻ, yêu đời nhưng nó không còn sáng lên ánh sáng thông minh, dí dỏm, hài hước xưa nữa. Bỗng nhiên Simon nói với tôi:

“Xem này, đây là hai đứa lớn nhà tôi.”

Nhìn theo tay anh chỉ, tôi thấy một cô nhỏ khoảng mười bốn, trông đã ra dáng thiếu nữ lắm rồi và một cậu nhỏ mười ba, còn đang mặc đồng phục của trường cấp hai, chúng tiến lại gần tôi đầy vẻ rụt rè.

Tôi kêu lên:

“Con cậu đấy à?”

Anh vừa cười vừa trả lời:

“Ừ.”

“Bạn có bao nhiêu đứa?”

“Năm! Vẫn còn ba đứa ở nhà!”

Anh ta trả lời đầy vẻ tự hào, hài lòng, đầy vẻ hoan hỉ. Trong tôi bỗng dâng lên một cảm giác thương cảm sâu sắc, trộn lẫn với cảm giác hơi khinh thường đối với con vật giống kiêu căng và ngây thơ dành cả đêm cho việc duy trì nòi giống. Con đực đó được nhốt trong một ngôi nhà ở nông thôn, như thể một con thỏ bị nhốt trong lồng.

Tôi leo lên chiếc xe ô-tô anh ta tự lái và chúng tôi đi về phía thành phố, một thành phố buồn tẻ với nhịp sống ngái ngủ lơ đãng. Trên phố vắng ngoe vắng ngoắt, thỉnh thoảng có một vài con chó hay hai ba kẻ giúp việc đi qua đi lại. Thỉnh thoảng mới có một cửa hàng nhỏ ngoài cửa có giá để mũ.

Simon vừa đi vừa chào và gọi tên tất cả những người đàn ông mà chúng tôi gặp trên đường về, tôi có cảm tưởng anh biết hết, thuộc hết tên của tất cả những cư dân trong thành phố nhỏ bé này. Tôi vẫn mơ nghĩ, hẳn anh ta định ăn đời ở kiếp ở chốn này, chôn vùi thân xác cũng như mọi suy nghĩ tình cảm của anh ta ở mảnh đất này.

Chỉ một lát chúng tôi đã đi qua vùng thành phố, và ô-tô bắt đầu vào trong một khu vườn trông như một công viên thu nhỏ, rồi dừng lại trước cửa một ngôi nhà trông hoàn toàn giống một lâu đài.

“Đây là hang ổ của tôi.” Simon nói để chờ một lời khen.

Tôi trả lời:

“Tuyệt thật.”

Trên bậc thềm, xuất hiện một người phụ nữ, trang điểm, ăn mặc kỹ càng, cẩn thận để tiếp khách, với những lời có sẵn để hỏi khách. Đó không còn là cô gái nhỏ tóc vàng nhạt nhẽo mà tôi đã gặp ở nhà thờ cách đây mười lăm năm trước. Giờ đây trước mặt tôi là một phụ nữ đầy đà, trang sức lòe loẹt với những búp tóc xoắn, một trong những kiểu quý bà nhạt nhẽo, không có tuổi, không có tính cách, không lịch thiệp, không duyên dáng, không có chính kiến, chẳng có gì ngoài dáng vẻ bề ngoài là một quý bà. Đó là một người mẹ điển hình, một cỗ máy đẻ, một con gà mái, một cỗ máy bằng

xương bằng thịt mà mọi suy nghĩ trong đầu chỉ là con cái và các cuốn sách nấu ăn.

Cô ngỡ lời chào đón tôi, theo đúng thể thức chào khách, khi vào trong phòng tiền sảnh tôi thấy xuất hiện ở đó ba đứa nhỏ đang đứng xếp hàng tề chỉnh như thể những tên lính cứu hỏa.

Tôi hỏi:

“Á à! Đây là những đứa còn lại phải không?”

Simon hớn hờ gọi tên từng đứa:

“Jean, Sophie và Gontran.”

Cửa phòng khách đã mở sẵn. Tôi đi vào đó và tôi nhìn thấy sâu trong một chiếc ghế sa-lông có ai đó đang động đậy, một người đàn ông, một ông già liệt.

Bà Radevin đi lại gần ông già:

“Đây là cha tôi, thưa ông, ông cụ năm nay được tám mươi bảy tuổi.”

Rồi cô hét vào tai ông lão nghễnh ngãng: “Đây là bạn của Simon, bố ạ”. Ông cụ cố hết sức đưa tay ra hiệu chào tôi và rồi vừa khóc “oe, oe” vừa vẫy tay ra hiệu. Tôi nói với ông cụ: “Ông thật đáng mến, thưa ông”. Rồi tôi ngồi phịch xuống một chiếc ghế. Simon vừa vào, anh cười:

“Á! Á! Cậu đã làm quen với bố vợ mình đấy à. Ông cụ rất kỳ cục, bọn trẻ con hay lôi ông ra làm trò tiêu khiển. Ông rất háu ăn, bạn thân yêu của tôi ạ, ông ngốn tất cả những gì có trên bàn. Cậu không thể tưởng được, ông có thể ăn nhiều đến thế nào đâu nếu người ta không để mắt đến ông. Nhưng rồi cậu sẽ thấy, cậu sẽ thấy. Ông đang chăm chú nhìn đĩa đường như thể đang ngốn ngấu dáng hình khêu gợi của các cô gái trẻ kia. Cậu chưa bao giờ gặp một người buồn cười đến thế đâu, rồi cậu sẽ thấy.”

Rồi anh đưa tôi vào phòng nghỉ, để tôi rửa mặt mũi chân tay. Đã đến giờ ăn tối, tôi nghe tiếng chân bước rùng rùng ngoài cầu thang, tôi quay lại. Phía sau tôi bọn trẻ đi thành một hàng dài mà đi đầu là bố của chúng, không nghi ngờ gì là để tỏ lòng tôn kính tôi.

Phòng của tôi trông ra thảo nguyên, một thảo nguyên khô cằn, đơn điệu, chẳng có gì ngoài cỏ, lúa mì và yến mạch. Không có lấy một bụi cây, một

sườn đồi, trí tưởng tượng bị hạn hẹp, buồn rầu, giữa một cuộc sống tẻ nhạt, mà mọi người trong nhà này đang sống.

Một tiếng chuông vang lên, đó là tiếng chuông báo bữa tối đã sẵn sàng. Tôi đi xuống.

Bà Radevin nắm lấy tay tôi đẩy về trang trọng và chúng tôi cùng vào phòng ăn. Một người hầu đẩy chiếc ghế bành của ông cụ vào chỗ cụ ngồi, ông cụ nhìn lướt tất cả các đĩa ăn với một cái nhìn hau háu đầy tò mò và quay đầu một cách khó khăn nhìn từ đĩa này đến đĩa khác, cái đầu lúc la lúc lắc.

Thế là Simon xoa hai tay vào nhau và bảo tôi: “Cậu sẽ rất buồn cười cho mà xem”. Và tất cả bọn trẻ hiểu ngay rằng người ta sẽ cho tôi xem một màn trình diễn về người ông tham ăn, cùng cười toáng lên, trong khi đó mẹ chúng vừa mỉm cười vừa nhún vai.

Simon quay về phía ông già, lấy tay làm loa và hét vào tai ông: “Tối nay chúng ta có món bánh kem tráng miệng”.

Khuôn mặt nhăn nheo của ông lão sáng bừng lên và ông rung người rất mạnh để biểu thị rằng ông đã hiểu và ông rất hài lòng.

Và rồi người ta bắt đầu bữa tối.

“Xem này”. Simon rên lên. Ông lão không thích món súp và từ chối ăn nó. Người ta bắt ông phải ăn vì nó tốt cho sức khỏe của ông, người hầu tống vào miệng ông từng thìa súp đầy, trong khi ông cố chống cự lại bằng hết sức bình sinh để khỏi phải nuốt cái thứ nước ông không thích đó, chính vì thế ông làm đổ bắn hết cả ông, cả bàn ăn và cả những người xung quanh.

Bọn trẻ cười chảy cả nước mắt, trong khi đó bố chúng, vô cùng hài lòng, lặp đi lặp lại: “Có buồn cười không, ông lão này? Có tức cười không?”

Và trong suốt bữa ăn họ chỉ chăm chú cho ông lão. Ông lão nghiêng ngầu nhìn những đĩa thức ăn đặt trên bàn, và cố đưa bàn tay run rẩy ra để kéo những đĩa thức ăn về phía mình. Mọi người cố tình đặt chúng sao cho ông gần với tới được, để rồi xem ông cố công cố sức với chúng, vừa run lấy bầy vừa cố lấy đà để lao được đến đĩa thức ăn. Mùi thơm của thức ăn khiến ông chảy cả dãi ra vì thèm khát, ông vừa lau nhàu vừa cố với. Cả nhà reo hò vui vẻ vì vẻ khốn khổ lồ bịch của ông già.

Rồi người ta tiếp vào đĩa ông một miếng bánh bé tẹo mà ông ăn ngốn ngấu hết ngay với hy vọng người ta sẽ tiếp thêm miếng khác cho ông. Khi người ta mang bánh ngọt lên. Ông như người lên cơn động kinh. Ông rên lên vì thèm thuồng.

Gontran hét lên với ông: “Ông ăn nhiều quá rồi, ông không nên ăn nữa”. Và nó làm ra vẻ không cho ông ăn nữa.

Thế là ông già bật khóc nức nở. Ông vừa khóc, vừa run rất mạnh trong khi đó tất cả bọn trẻ con cười ngặt nghẽo. Cuối cùng người ta cũng mang phần của ông đến cho ông, một phần bánh rất nhỏ; ông nhét ngay nó vào mồm nghiến ngấu, vừa ăn vừa phát ra tiếng kêu chóp chép như một đứa trẻ phàm ăn. Vừa ăn vừa ợ, vừa nấc như một con vịt nuốt phải một miếng cá quá to.

Rồi khi ông ăn xong, ông lại giậm chân để bảo mọi người tiếp thêm cho ông.

Ái ngại cho ông già, mũi lòng tôi quay sang ướm lời:

“Xem kìa, đưa thêm một chút bánh ngọt cho ông chứ?”

Simon trả lời:

“Ôi không! Bạn thân mến, nếu ông ăn quá nhiều sẽ không tốt cho sức khỏe của ông đâu.”

Tôi cứng họng trước những lời như thế. Ôi đạo đức, ôi lập luận, ôi sự thông thái, ở tuổi ông, người ta đã tước nốt thú vui được ăn của ông vì lo lắng cho sức khỏe của ông! Sức khỏe của ông! Người ta sẽ làm gì được cho ông, cho một lão già liệt, run lẩy bẩy? Người ta giữ gìn sức khỏe cho ông, người ta giữ cho ông được sống lâu hơn, như người ta nói ư? Giữ cho ông sống được lâu hơn, nhưng sống lâu hơn được bao nhiêu ngày? Mười ngày, hai mươi ngày, năm mươi ngày hay một trăm ngày? Để làm gì? Vì cái gì? Vì ai? Vì ông? Hay để giữ cho gia đình một đồ vật để mà chơi, để mà đùa về thói tham ăn đầy bất lực của ông?

Ông chẳng còn việc gì để làm trong cuộc đời này nữa, chẳng còn gì nữa hết. Chỉ còn một mong muốn duy nhất còn lại, một thú vui duy nhất; tại sao người ta không thỏa mãn cho ông cái niềm vui cuối cùng đó, cho ông được hưởng cái niềm vui duy nhất còn lại đó cho tới ngày cuối đời?

Sau đó chúng tôi còn đánh bài rất lâu rồi tôi mới lên phòng đi nghỉ: tôi buồn, buồn, buồn quá!

Tôi ra đứng ở cửa sổ nhìn ra ngoài, ngoài kia, chẳng hề có một tiếng động nhẹ nào ngoài tiếng một con chim đang líu lo hót trong một bụi cây ở một nơi nào đó. Chú chim này hẳn đang hót với một giọng nhỏ nhẹ trong đêm để ru con mái ngủ, ấp trên những quả trứng.

Tôi lại nghĩ đến năm đứa con của anh bạn khốn khổ của tôi, người hẳn giờ đây đang ngáy bên người vợ xấu xí của anh ta.

# NGƯỜI CHA

Jean de Valnoix là một người bạn mà tôi thỉnh thoảng vẫn đến thăm. Ông sống trong một trang viên nhỏ, cạnh một con sông, trong rừng. Ông đã về đó sau một thời gian dài sống ở Paris, khoảng mười lăm năm, một cuộc sống vô cùng vui nhộn. Bỗng nhiên, ông chán ngán mọi thú tiêu khiển, chán các trận vui tiêu đêm suốt sáng, chán bạn bè, chán đàn bà, chán các trận đỏ đen, chán tất. Ông về sống ở nơi mình đã sinh ra.

Thỉnh thoảng, tôi và một hai người bạn lại đến thăm và ở lại chơi với ông ấy khi thì dăm bữa, khi thì nửa tháng. Hiển nhiên, ông rất vui khi thấy chúng tôi đến, và hoàn toàn hài lòng khi còn lại một mình khi chúng tôi về.

Vậy nên, tuần trước tôi đến thăm ông, ông đón tôi vô cùng niềm nở. Chúng tôi trải qua hàng giờ, khi thì cùng nhau, khi thì mỗi người một chỗ. Thường thì, ông đọc một cái gì đó còn tôi làm việc, và khi đêm xuống, chúng tôi trò chuyện tới tận nửa đêm.

Thế nên, thứ ba tuần trước, sau một ngày làm việc kiệt lực, chúng tôi cùng ngồi, lúc đó vào khoảng chín giờ tối, để ngắm sông chảy. Chúng tôi trao đổi những lời ngắn gọn, không rõ nghĩa về những vì sao đang lấp lánh trên bầu trời. Chúng tôi nói với nhau những ý tưởng rất mơ hồ, rất lộn xộn, rất ngắn bởi đầu óc của chúng tôi lúc đó rất nhạy cảm, rất yếu ớt, gần như tê liệt. Tôi mù lòng khi nghĩ đến mặt trời, trong những đêm trăng sáng, người ta không nhìn thấy cái tinh cầu đó nữa, nó mới nhạt nhòa làm sao. Khi trời mù sương, mặt trời như biến mất. Chúng tôi nghĩ đến những sinh vật đang sinh sôi nảy nở, tới những hình dạng không thể tưởng tượng được, tới những khả năng không ngờ tới, tới những loài vật, tới những loài cây, tới tất cả các giống, các loài, các chất mà ngay cả trong mơ con người cũng không thể gặp được.

Bỗng nhiên có tiếng gọi từ đằng xa:



“Ông ơi, ông ơi!”

Jean trả lời:

“Ở đây, Báp tít.”

Khi tên người hầu đến tới nơi, nó thông báo:

“Cô gái du mục của ông đến, thưa ông.”

Bạn tôi bật cười, cười như điên như dại, một việc hiếm thấy ở anh, rồi anh hỏi:

“Hôm nay ngày 19 tháng Bảy nhỉ?”

“Vâng, thưa ông.”

“Tốt. Hãy nói cô ấy đợi ta. Bảo nhà bếp làm thêm vài món để ăn đêm. Ta sẽ về trong vòng mười phút nữa.”

Khi tên hầu đã quay đi, anh nắm lấy tay tôi và bảo:

“Chúng ta đi từ từ thôi, tôi sẽ kể cho cậu nghe chuyện này.”

“Cách đây bảy năm, chính là năm tôi về đây, một hôm tôi ra ngoài đi dạo trong rừng. Hôm đó, trời cũng đẹp như hôm nay vậy, tôi bách bộ dạo chơi dưới những tán cây rừng, ngắm sao qua khe lá, hít sâu đầy lồng ngực không khí mát lành ban đêm trong rừng.

Tôi vừa rời bỏ Paris, vừa rời bỏ những thú vui mà tôi đã chán ngấy, rời bỏ những trò ngớ ngẩn, rời bỏ những trò hèn hạ, những trò nhơ bẩn mà tôi đã phải thấy, phải biết, phải tham gia trong suốt mười lăm năm.

Tôi đã đi rất xa, rất sâu vào trong rừng, và tiếp tục theo một con đường nhỏ dẫn đến làng Crouzille, cách đây mười lăm ki-lô-mét.

Đột nhiên, Bock, con chó giống bécgiê Đức của tôi, con vật không bao giờ rời tôi, bỗng đứng phắt lại và bắt đầu gầm gừ. Tôi cho là có con cáo, con sói, con thỏ gì đó chạy ngang qua chãng. Thế nên tôi nhón chân lên đi rất nhẹ để không gây ra tiếng động. Nhưng bỗng nhiên tôi nghe có tiếng kêu rên bị nén lại đầy đau đớn, tiếng kêu rên của người.

Rõ ràng là ai đó đang bị sát hại trong bãi cây thưa phía trước, tôi nắm chặt lấy cây gậy chống bằng gỗ sồi nặng như một cây chùy của mình và chạy ngay đến nơi đang phát ra tiếng kêu.

Càng chạy đến gần, tiếng kêu càng rõ, nhưng tiếng kêu nghe rất lạ. Cuối cùng tôi nhìn thấy một cái lều, trông như cái lều của người bán than, tiếng

kêu đang phát ra từ đó. Bock, chạy trước tôi ba bước chân, bỗng dừng phắt rồi lùi lại, miệng phát ra những tiếng gầm gừ đầy kích động.

Bỗng nhiên, một con chó to đùng, đen kịt, mắt như hai hòn than hồng nhảy xổ ra cản đường chúng tôi. Tôi nhìn thấy rất rõ những chiếc răng nanh to đùng trắng ớn trong miệng nó.

Tôi giơ chiếc gậy chống của tôi dứ về phía con chó để dọa nó, Bock nhảy phốc lên và hai con chó vồ lấy nhau lăn một vòng và bắt đầu cắn xé nhau. Nhanh chóng, tôi đi qua chúng và suýt nữa vấp phải một con ngựa đang nằm dài trên đường. Ngạc nhiên, tôi đứng lại xem xét con vật, chính vì thế nên tôi phát hiện thấy trước mặt tôi có một chiếc xe hòm do ngựa kéo, nói đúng hơn là một ngôi nhà di động bốn bánh, một dạng nhà lưu động của những gánh xiếc rong hoặc của những thương nhân bán hàng trong chợ phiên, những người luôn dong duổi trên đường đi từ chợ phiên này đến chợ phiên khác trong các vùng nông thôn.

Tiếng kêu phát ra từ đó, liên tục, đầy đau đớn. Vì cửa xe nằm ở phía bên kia, tôi phải đi vòng qua cái xe cà khổ đó và nhảy ba bước lên bậc gỗ của nó, nhảy phốc vào xe, tôi suýt ngã vào một người đang ngồi trong đó.

Cảnh tôi nhìn thấy đầu tiên khiến tôi không hiểu thế nào cả. Một người đàn ông đang quỳ gối và trông có vẻ như đang cầu nguyện, trên một chiếc giường gỗ, có một người đang nằm, quần quai, nửa người trần như nhộng, còn nửa kia quần chặt trong chăn, người đó cứ quần quai, rên la đầy đau đớn.

Một ca đẻ khó.

Ngay khi hiểu ra vấn đề, tôi giải thích vì sao tôi có mặt ở đây. Người đàn ông, một người Marseille đang hoảng loạn, van vỉ xin tôi hãy cứu lấy con anh ta, cứu lấy vợ anh ta. Tôi chưa từng chứng kiến một ca sinh nở nào, chưa từng đỡ đẻ cho bất cứ một con cái nào bao giờ, kể cả chó mèo cũng không, vì thế nên trong hoàn cảnh đó, tôi vừa ấp a ấp úng, vừa sững sờ nhìn người phụ nữ đang rên la thảm thiết trên giường.

Rồi khi lấy lại được bình tĩnh, tôi hỏi người đàn ông đang lo sợ rùng rờ kia tại sao không đi đến một ngôi làng gần nhất tìm sự giúp đỡ, anh ta bảo vì

ngựa của họ bị sa xuống hố và chắc nó đã bị gãy chân, nó không thể đứng lên được.

“Thôi được rồi, can đảm lên,” Tôi bảo anh ta “giờ đây tôi với anh đã là hai người, chúng ta sẽ cáng vợ anh về nhà tôi.”

Tiếng chó tru làm chúng tôi phải chạy ra ngoài. Chúng tôi phải dùng tới gậy, và suýt giết chết chúng mới tách được chúng ra. Rồi tôi nảy ra ý mắc chúng vào còng xe, một con ở còng xe trái, một con ở còng xe phải, cùng giúp chúng tôi kéo xe về. Trong vòng mười phút mọi thứ đã sẵn sàng, và chiếc xe ngựa lại bắt đầu lăn bánh, vừa đi vừa lúc lắc, mỗi khi bánh xe xóc lên lại khiến người phụ nữ khốn khổ trong xe bật lên một tiếng kêu rên đau đớn.

Con đường hôm đó mới dài khủng khiếp làm sao, bạn thân mến, chúng tôi vừa kéo xe, vừa thở hổn hển, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, vừa đi vừa trượt vừa ngã. Bên cạnh chúng tôi, hai con chó cũng thở như kéo bễ lò rèn.

Phải mất đến ba tiếng đồng hồ sau chúng tôi mới về được đến lâu đài. Khi chúng tôi đến đứng trước cửa lâu đài thì tiếng kêu rên trong xe ngừng hẳn, người mẹ đã hoàn thành sứ mệnh của cô, mẹ tròn con vuông.

Người nhà tôi chuẩn bị giường cho hai mẹ con, rồi tôi cho người đi mời bác sĩ, trong khi đó người chồng, vui mừng khôn xiết, ăn uống nhảy múa tưng bừng.

Họ sinh được một cô con gái.

Tôi giữ họ ở lại nhà tôi tám ngày. Người mẹ, có Elmire, là một người hơi có máu di gan, cô có khả năng đoán trước được tương lai, cô tiên đoán tôi sẽ sống rất lâu và sẽ hạnh phúc.

Năm sau, đúng vào ngày đó, khi màn đêm vừa buông xuống, tên gia nhân lúc nãy đến gọi tôi ở phòng đọc sách sau bữa tối của tôi và báo:

“Thưa ông, có cô gái du mục mà năm ngoái ông đã cứu, đến xin cảm ơn ông.”

Tôi cho phép cô gái vào và tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy đi vào cùng cô là một người đàn ông tóc vàng, cao lớn, một người miền Bắc điển hình, ông này vừa chào tôi vừa giới thiệu ngay ông là trưởng tộc và ông đã được biết

đến lòng tốt của tôi dành cho cô Elmire, vì thế nên ông không thể tổ chức lễ sinh nhật cho cô bé con mà không đến cảm ơn tôi.

Tôi mời họ ăn và dọn chỗ cho họ nghỉ lại một đêm. Sáng hôm sau họ ra về.

Thế là từ đó năm nào cũng thế, cứ đúng ngày đó người mẹ lại đến cùng cô con gái, một bé gái xinh đẹp tuyệt trần, và mỗi năm họ lại đến cùng một tộc trưởng mới, chỉ duy có một lần, có một người vùng Auyergnat là xuất hiện ở nhà tôi hai năm liền, cô bé gái gọi tất cả những người đó là cha, như thế chúng ta gọi tất cả những người đàn ông là ‘ông’ là ‘ngài’ vậy.

Chúng tôi về đến lâu đài và chúng tôi nhận thấy lời mờ ba bóng người đang đứng đợi chúng tôi ở thềm cửa trước nhà.

Người cao lớn nhất bước bốn bước về phía chúng tôi, ngả mũ chào vô cùng trịnh trọng:

“Thưa ông, ông biết đây, chúng tôi đến đây để tỏ lòng cảm ơn ông.”

Đó là một người Bỉ.

Sau anh ta, cô bé con nói lời cảm tạ với giọng kiêu cách không tự nhiên của trẻ con học thuộc lòng những lời nói cảm ơn.

Tôi ra về không biết chuyện, sau vài lời xã giao, tôi lại gần cô Elmire và hỏi:

“Đó là cha của con cô à?”

“Ồ không! Thưa ông!”

“Thế cha cô bé đâu, ông ta đã mất?”

“Không, thưa ông! Thịnh thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau. Anh ấy là hiến binh.”

“Ô hay, vậy đó không phải là ông người Marseille, người đã có mặt khi cô sinh hay sao?”

“Không! Thưa ông, tên đó là một tên bất lương, hắn đã ăn trộm hết cả tiền dành dụm của tôi.”

“Thế còn ông hiến binh, người cha thật sự của đứa bé, anh ta có biết con anh ta không?”

“Có chứ, thưa ông! Và anh ta thậm chí còn rất yêu nó nữa, nhưng anh ta không thể nuôi nó được, anh ta còn có nhiều đứa con khác với vợ của anh

ta”.”

# CUỘC GẶP GỠ (VIẾT CHO ÉDOUARD ROD)

Hoàn toàn tình cờ. Ông nam tước Étraille, mệt mỏi vì phải đứng quá lâu, dạo bước đi tham quan tất cả các phòng của công nương, vì trong ngày lễ, tất cả các buồng trong nhà công nương đều để ngỏ, và cuối cùng đi vào phòng ngủ vắng lặng và gần như có thể nói là tối tăm sau khi vừa ra khỏi các phòng khách sáng rực đèn hoa.

Ông tìm một chiếc ghế sô-pha để ngả lưng, chắc chắn là vợ ông sẽ không chịu rời khỏi buổi tiệc trước bình minh. Ông nhận thấy ngay từ lúc vừa bước đến cửa một chiếc giường lớn được khảm lá ngọc hoa vàng, chiếc giường được đặt giữa phòng rộng, gần giống như một chiếc quan tài lớn nằm giữa nhà táng, nơi đó hẳn đã chôn vùi tình yêu của công nương vì công nương không còn trẻ nữa. Phía sau giường là một mảng sáng gây cảm giác như nhìn ra một hồ nước mênh mông qua một chiếc cửa sổ cao. Đó là một chiếc gương, rất lớn, lấp sau những tấm rèm nặng, đôi khi người ta thả những tấm rèm đó xuống, nhưng thường thì những tấm rèm đó được vén lên. Tấm gương là nhân chứng, là tông phạm trong mọi việc đã từng diễn ra nơi đây. Người ta có thể nói rằng những tấm gương có kỷ niệm, có những buồn vui. Như trong những lâu đài bị ma ám, người ta sẽ có thể trông thấy những khuôn mặt phẳng lỳ, những bóng hình phơ phất, những vòng tay âu yếm, những bóng dáng phụ nữ xinh đẹp quyến rũ với áo khăn hững hờ, những cái siết mạnh của những vòng tay đam mê.

Nam tước đứng im, hơi xúc động một chút khi đứng ở ngưỡng cửa tình yêu này. Nhưng đột nhiên, một cái gì đó hiện lên trong gương như thể những bóng ma đã được dựng dậy trước mặt ông. Có một người đàn ông và một người phụ nữ đang ngồi trên một chiếc trường kỷ rất thấp được đặt trong

một góc tối, họ đứng lên. Và chiếc gương, một tấm kính trong suốt, phản chiếu bóng hình họ, chiếu hình họ đang cùng đứng dậy, hôn môi đầy tình tứ trước khi tạm biệt.

Nam tước nhận ra đó là vợ ông và bá tước Cervigné. Ông quay đi, lánh đi vì ông bá tước là người mạnh mẽ và là cấp trên của ông. Ông đợi cho trời sáng để đưa bà nam tước về nhưng giờ ông không còn thấy buồn ngủ nữa.

Ngay khi chỉ còn lại mình ông với vợ, ông bảo cô:

“Thưa cô, tôi vừa trông thấy cô trong phòng ngủ của công nương Raynes. Không cần phải giải thích gì hết. Tôi không muốn trách mắng, đánh chửi, chế giễu gì cô. Để tránh tất cả những phiền nhiễu khó chịu đó, tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ chia tay nhau một cách lặng lẽ, không âm ỹ. Các luật sư sẽ giải quyết rất nhanh gọn theo lệnh của tôi. Cô sẽ nhanh chóng được tự do sống theo sở thích của mình, nhưng không phải dưới mái nhà của tôi. Nhưng tôi cũng báo trước cho cô biết, nếu cô còn gây ra một vụ tai tiếng nào khi còn đang mang tên họ của tôi, tôi sẽ phải dùng tới các biện pháp cứng rắn với cô.”

Cô muốn nói, nhưng ông ngăn cô lại, cúi đầu chào một cách vô cùng lịch sự, ông bỏ về phòng riêng ngay.

Ông cảm thấy ngạc nhiên và buồn nhiều hơn là cảm thấy đau khổ. Ông đã từng yêu cô biết mấy trong thời gian đầu mới lấy nhau. Nhưng rồi sự cuồng nhiệt đó cứ nguội lạnh dần theo thời gian. Và giờ đây, với cô, ông có những tình cảm biến đổi rất thất thường, lúc thì rất yêu, lúc lại thấy bình thường, vô cảm, tuy nhiên ông vẫn luôn tỏ ra yêu quý cô.

Cô còn quá trẻ, cô mới chỉ vừa hai mươi tư tuổi, nhỏ nhắn, xinh xắn với mái tóc vàng như ánh nắng mặt trời, gày nhỏ, quá gày. Cô là mẫu điển hình của búp bê Paris, rất xinh đẹp, rất được yêu chiều, lịch lãm, đom dáng, khá hóm hình, rất duyên dáng. Đã có lần, trong một lần tâm sự với anh trai, ông đã nói một cách thân mật về cô: “Vợ em vô cùng duyên dáng, quyến rũ, chỉ có điều... cô ấy sẽ không thể nằm lâu trong tay bất cứ ai. Cô ấy giống như những ly rượu sâm panh đầy bọt. Khi ta đã uống cạn đến đáy, dù sao cùng tốt, nhưng hơi quá ít”.

Ông đi đi lại trong phòng, bồn chồn và nghĩ đến hàng nghìn điều. Đến lúc này, cơn giận dữ mới dâng lên trong lòng ông, và ông mong muốn cùn cào được nói toáng lên điều bí mật đó để phá tan sự nghiệp của tên bá tước, để dồn hẳn vào tròng. Rồi ông tự nhận thấy nếu ông làm điều đó, thì người bị cười nhạo trước tiên sẽ là ông chứ chẳng phải ai khác. Sự ngoại tình của vợ làm tổn thương tính kiêu căng của ông nhiều hơn là làm ông đau lòng. Ông lên giường đi nằm nhưng không sao chợp mắt được.

Một vài ngày sau, ở Paris mọi người biết rằng ông và bà nam tước thuận tình ly hôn vì không hợp nhau. Không ai nghi ngờ gì, không ai bàn tán gì, và cũng chẳng ai lấy làm ngạc nhiên gì.

Tuy nhiên, để tránh những cuộc gặp mặt có thể khiến ông thấy khó xử, ông nam tước đã lên đường đi du lịch. Mùa hè năm đó ông đi tắm biển, mùa thu ông đi săn và ông trở về Paris vào mùa đông. Suốt cả năm đó, ông không hề gặp lại vợ mình.

Ông thấy rằng mọi người chẳng hề dị nghị gì về cô. Ít nhất thì cô cũng đã để ý giữ thể diện. Ông đã không đề nghị cô làm điều đó.

Buồn chán, ông lại lên đường đi du lịch, ông tu sửa lại lâu đài của ông ở Villebon, việc tu sửa đó đã khiến ông mất đến hai năm; rồi ông mời bạn bè đến đó chơi, ít nhất ông cũng mất đến mười lăm tháng dài chơi bởi thiết đãi bạn bè. Nhưng mệt mỏi vì những trò vui đã nhàm, ông quay về ngôi nhà ở phố Lille sau sáu năm ly dị.

Giờ ông đã bốn mươi lăm tuổi, vẫn còn khá tráng kiện với mái tóc đã lốm đốm bạc, hơi có bụng. Sầu muộn, chán nản, không còn thấy hứng thú gì với bất cứ ai, bất cứ cái gì.

Một tháng sau khi về Paris, ông bị cảm lạnh và húng hắng ho vì một hôm đi chơi về khuya. Bác sĩ đề nghị ông về Nice nghỉ qua mùa đông.

Thế là ông lại lên đường vào một buổi tối thứ hai, trên một chuyến tàu tốc hành.

Ông đến muộn, khi ông đến nơi, đoàn tàu đang bắt đầu lăn bánh. Chỉ còn có một chỗ trên khoang phụ. Ông đi lên, sâu phía trong đã có người ngồi, người đó quấn kín trong bộ áo lông thú và măng-tô nên ông thậm chí không đoán nổi đó là một phụ nữ hay một người đàn ông nữa. Khi thấy rằng ông sẽ



không biết gì hơn về người bạn đồng hành, tới lượt mình, ông cũng tìm một tư thế cho thuận tiện, bỏ chiếc mũ rộng vành đi đường của mình xuống, mở chăn ra, quấn chặt mình trong chăn và ngủ thiếp đi.

Mãi đến khi bình minh lên ông mới tỉnh giấc. Ngay khi vừa tỉnh giấc, ông nhìn ngay sang chỗ người đồng hành, người này vẫn nằm yên ở tư thế từ hôm trước không hề cựa quậy và vẫn có vẻ đang say giấc nồng.

Ông Étraille tranh thủ thời gian để làm vệ sinh buổi sáng, chải lại râu tóc, và ngắm nghía khuôn mặt mình, sau có một đêm mà khuôn mặt đã thay đổi biết mấy, khuôn mặt có vẻ thay đổi thật nhanh khi người ta nhiều tuổi.

Một nhà thơ lớn từng nói: Khi ta trẻ, mỗi buổi sáng thức dậy, ta đều thấy hân hoan vui sướng!

Khi người ta trẻ, khi thức giấc ta thấy cuộc sống thật vô cùng tươi đẹp, với làn da rạng rỡ, với đôi mắt sáng long lanh, với mái tóc rục rở đầy sức sống.

Khi người ta già, mỗi sáng thức dậy, ta thấy mọi vật đều ảm đạm thê lương, đôi mắt lơ đãng, má phình phình đỏ, môi dày trề nải, tóc tai bù xù và râu ria xồm xoàm khiến cho khuôn mặt có một vẻ già nua, mệt mỏi.

Nam tước mở hộp đồ dùng cá nhân ra, lấy ra một cái lược và chải qua loa râu tóc một chút. Rồi ông ngồi đợi.

Tàu hú một hồi dài rồi ngừng hẳn lại. Người đồng hành cựa quậy, hẳn là người đó đã thức giấc. Một ánh nắng xiên chéo vào trong toa, gần như chiếu thẳng vào người đang say ngủ, người này lại cựa quậy, và lúc lắc đầu như một chú gà con đang chui ra khỏi vỏ, cuối cùng thò cả mặt ra ngoài.

Đó là một phụ nữ trẻ, tóc vàng, da dẻ mịn căng, rất xinh đẹp và đậm người. Cô ngồi hẳn dậy.

Nam tước sững sờ nhìn cô. Ông không tin nổi vào mắt mình nữa, trước mặt ông là... đích thị là cô vợ cũ của ông, nhưng đã hoàn toàn thay đổi một cách đáng ngạc nhiên... so với trước đây, cô đã béo lên rất nhiều, béo nhiều hơn cả ông nữa.

Cô điềm tĩnh nhìn ông, có vẻ như không nhận ra ông, bình thản gấp lại chăn, áo cho gọn.

Cô có vẻ bình thản và vô cùng tự tin, một vẻ bình thản tự tin ở một phụ nữ hoàn toàn rất tự tin vào bản thân mình.

Nam tước hoàn toàn mất bình tĩnh.

Phải đó là vợ ông không? Hay đó chỉ là một người giống cô ấy? Ông đã không gặp lại cô từ sáu năm nay rồi, có thể ông nhầm.

Cô ngáp dài, ông quen biết mấy cử chỉ này.

Nhưng một lần nữa, cô quay về phía ông và nhìn ông, một cái nhìn lạnh lùng, không cảm xúc của một người nhìn một người lạ mà mình không quen. Rồi cô quay sang ngắm cảnh nông thôn.

Ông hoàn toàn bất ngờ và vô cùng bối rối. Ông ngồi và thỉnh thoảng lại lén nhìn trộm cô.

Nhưng rõ ràng là vợ ông mà, Chúa ơi! Sao ông có thể nhầm lẫn được cơ chứ? Không thể có hai người có cùng một cái mũi giống nhau đến thế. Hàng nghìn kỷ niệm lại ùa về, kỷ niệm về những cái vuốt ve âu yếm, những chi tiết nhỏ trên cơ thể của cô, một nốt ruồi nhỏ giữa ngực và một cái khác nằm trên lưng đối xứng với cái trước ngực. Ông đã hôn lên chúng biết bao lần! Ông lại cảm thấy cảm giác ngất ngây sung sướng thuở xưa, ông như thoáng nghĩ thấy mùi hương cơ thể cô, như đang thấy miệng cô cười khi cô vòng tay ôm cổ ông, như đang nghe giọng nói ngọt ngào thỏ thẻ của cô bên tai, như cảm thấy những vuốt ve yêu đương trên da thịt.

Nhưng cô mới thay đổi biết mấy, đẹp lên rất nhiều, đúng là cô nhưng lại như không còn phải là cô nữa. Ông tìm lại được một phụ nữ chín chắn hơn, đảm thắm hơn, đàn bà hơn, quyến rũ hơn rất nhiều.

Vậy mà người phụ nữ xa lạ kia, người phụ nữ mà ông gặp một cách tình cờ trên toa tàu này đã từng là của ông, đã từng thuộc về ông cả thể xác lẫn linh hồn. Ông chỉ cần nói: “Tôi muốn” là có thể có được cô.

Xưa kia, ông đã từng nằm ngủ ngon lành trong vòng tay kia, từng sống trong tình yêu của cô. Giờ đây ông đã tìm lại được cô, đã thay đổi đến mức ông phải khó khăn lắm mới nhận ra được. Đó vừa là cô, vừa là một con người khác: một người vừa mới được sinh ra, lớn lên, trưởng thành từ ngày ông lìa xa cô. Đó chính là cô gái mà ông đã từng sở hữu, ông đã nhận ra được phong thái đã khá đổi khác của cô, nụ cười đã bớt yếu điệu, cử chỉ đã

tự tin hơn. Đó là hai người phụ nữ trong một con người, hòa lẫn trong một người đó là một phụ nữ hoàn toàn xa lạ và một người phụ nữ mà ông đã từng vô cùng yêu quý. Điều đó thật lạ lùng, gây nhiều bối rối. Đó chính là vợ ông trong một cơ thể mới, trong một da thịt mới, cái da thịt mà môi ông chưa từng chạm vào.

Quả thật, ông nghĩ, trong sáu năm chúng ta đã thay đổi biết mấy. Ngay cả đến cảnh vật sau sáu năm có thể có cảnh vẫn nguyên như cũ nhưng cũng có thể có cảnh đã hoàn toàn biến mất nữa là.

Máu, tóc, da, tất cả đều có thể thay đổi, tất cả đều có thể đổi khác. Và khi lâu ngày không gặp lại, người ta có thể gặp lại được một con người hoàn toàn khác, dù rằng ông vẫn thế và ông vẫn mang tên họ cũ.

Và con tim cũng có thể đã thay đổi, tư tưởng tình cảm cũng có thể đã đổi khác rất nhiều, có thể đã đổi mới đến nỗi mà ở tuổi bốn mươi, dần dần, một cách chắc chắn, mỗi người đã có thể biến đổi thành bốn năm con người mới hoàn toàn khác so với con người cũ.

Ông suy nghĩ và rung động đến tận tâm can. Kỷ niệm về buổi tối xưa cũ ở nhà công nương lại tràn về, hôm đó ông đã không hề phẫn nộ. Nhưng hôm nay, trước mặt ông không còn là cô búp bê Paris mỏng manh xinh xắn hồi đó nữa rồi.

Ông sẽ làm gì? Ông sẽ nói gì với cô? Ông sẽ xử sự với cô thế nào? Chẳng lẽ cô hoàn toàn không nhận ra ông sao?

Tàu lại dừng, ông đứng lên, chào và nói: “Berthe, cô có cần gì không? Tôi có thể mang đến cho cô...”

Cô nhìn ông từ đầu đến chân và trả lời, không hề ngạc nhiên, không bối rối, không giận giữ, thậm chí còn hơi có vẻ lạnh lùng: “Không, không cần gì hết, cảm ơn”.

Ông đi xuống, loạng choạng như thế đầu còn đang bị choáng sau một cú ngã. Ông sẽ làm gì bây giờ? Leo lên một toa khác ư? Ông sẽ có vẻ như trốn chạy. Tò ra ga lăng, ân cần sẵn đón ư? Ông sẽ có vẻ như hối hận. Lên giọng ông chủ ư? Ông sẽ có vẻ như một tên tồi, một kẻ bất lương. Vả lại, thực ra thì ông làm gì có quyền lên giọng ông chủ với cô nữa.

Ông lại lên tàu và ngồi vào chỗ của mình.

Cô cũng vậy, trong lúc ông xuống sân ga, cô đã đi vào phòng vệ sinh để chỉnh trang lại trang phục. Giờ cô ngồi xuống ghế của mình một cách thoải mái, rạng rỡ, tự tin, không một chút e ngại, bối rối.

Ông quay về phía cô và nói:

“Berthe quý mến, do một ngẫu nhiên tình cờ, chúng ta cùng có mặt ở đây sau sáu năm xa cách, sáu năm xa cách không một chút ồn ào, liệu chúng ta có nên tiếp tục nhìn nhau như nhìn kẻ thù không đội trời chung không? Liệu chúng ta có nên tiếp tục giữ mãi thái độ thù hằn với nhau không? Dù sao thì tôi, tôi cũng không muốn như vậy. Cho nên, liệu chúng ta có thể nói chuyện với nhau như... như... những người bạn trong cuộc hành trình này được không?”

Cô trả lời một cách bình thản:

“Tùy ý ông.”

Chưng hửng, ông không biết nói gì thêm. Nhưng rồi, lấy lại được dũng khí, ông tiến lại gần, ngồi vào ghế giữa và nói bằng một giọng ngọt ngào:

“Em có biết là em đã thay đổi biết mấy kể từ khi chúng ta không gặp nhau không. Gặp lại em làm tôi vui quá, em mới duyên dáng làm sao. Có lẽ tôi phải chinh phục lại em một lần nữa thôi, em biết không, chưa một phụ nữ nào làm tim tôi rộn ràng xao xuyến đến thế khi nhìn thấy bóng áo lông thú của em đi vào. Thật đấy, tôi không thể ngờ em đã thay đổi đến thế...”

Cô nói, không hề quay đầu sang, không hề nhìn ông:

“Tôi không tin lắm, bởi ông đã từng vô cùng nhầm lẫn.”

Ông đỏ mặt, bối rối rồi cười một cách cam chịu:

“Em thật cứng rắn.”

Cô quay hẳn về phía ông:

“Tại sao? Tôi đã thấy. Ông đã không hề có ý định dành cho tôi tình yêu của ông, không phải thế sao? Vậy thì tôi cho rằng ông tốt hay xấu thì cũng vậy thôi. Nhưng tôi thấy rằng chủ đề này làm ông khó chịu. Vậy thì chúng ta sẽ chuyển chủ đề khác, ông đã làm gì kể từ khi tôi không gặp ông?”

Ông hoàn toàn mất tự chủ, ông ấp úng:

“Tôi á? Tôi đã đi du lịch, tôi đã đi săn, tôi đã già đi, như cô thấy đấy. Thế còn cô?”

Cô nói một cách thản nhiên:

“Tôi, tôi đã giữ thể diện như ông đã yêu cầu.”

Ông suýt buột miệng chửi thề, nhưng ông kìm lại được, nhưng ông cầm lấy tay cô, hôn lên tay cô và nói:

“Cảm ơn cô.”

Cô ngạc nhiên. Ông thật sự mạnh mẽ, và luôn là chủ cô.

Ông nói tiếp:

“Vì cô đã chấp nhận lời đề nghị đầu tiên của tôi, cô có đồng ý để chúng ta cùng trò chuyện mà không chua chát mĩa mai gì nhau.”

Cô có một cử chỉ khinh miệt.

“Chua chát mĩa mai ư? Nhưng tôi đâu có làm thế. Ông làm tôi hơi lạ đấy. Tôi chỉ có ý nói chuyện vui thôi mà.”

Ông nhìn cô không chớp mắt, ông muốn chinh phục lại cô cho dù cô có tỏ ra thô lỗ với ông, một cảm giác lạ lùng xâm chiếm ông, một cảm giác mạnh mẽ dai dẳng, cảm giác cần phải chinh phục cho được cô.

Cô lại nói, rõ ràng cô đang làm ông tổn thương:

“Ông bao nhiêu tuổi rồi nhỉ? Tôi tin rằng ông trẻ tuổi hơn là vẻ ngoài của ông.”

Ông tái mặt:

“Tôi bốn lăm.”

Rồi ông hỏi:

“Tôi quên không hỏi công nương Raynes có gì mới không. Cô có hay gặp công nương không?”

Cô ném sang ông một cái nhìn thù địch:

“Ồ! Tôi rất hay gặp công nương, công nương vẫn rất khỏe, cảm ơn ông đã hỏi thăm.”

Họ ngồi cạnh nhau, hai người cùng vừa xúc động vừa bức mình. Đột nhiên, ông tuyên bố:

“Berthe thân mến, tôi vừa thay đổi ý định. Em là vợ tôi, tôi mong rằng em sẽ trở về sống dưới mái nhà tôi ngay ngày hôm nay. Tôi thấy rằng em đã trở nên rất xinh đẹp và có cá tính, tôi sẽ lấy lại em. Tôi là chồng em, đó là quyền của tôi.”

Sửng sốt, cô nhìn sâu vào mắt ông, mong đọc được ý ông. Trông ông có vẻ vô cùng cương quyết, cứng đầu và không thể lay chuyển.

Cô trả lời:

“Rất lấy làm tiếc, nhưng tôi không có ý định đó.”

Ông cười:

“Kệ em, luật pháp cho tôi quyền đó. Tôi sẽ sử dụng quyền đó.”

Tàu đi đến Marseille, tàu hú một hồi dài và đi chậm lại. Nữ nam tước đứng lên, cuộn lại chăn một cách cẩn thận, rồi quay về phía nam tước:

“Raymond thân mến, đừng lạm dụng cuộc gặp mặt mà em đã chuẩn bị trước. Em đã muốn có một cái cớ, theo lời khuyên của ông, để không có gì phải e ngại, không bị thất thố trước ông hay trước mọi người cho dù có chuyện gì xảy ra đi chăng nữa. Ông đi Nice, đúng không nào?”

“Anh đi đến đâu em đến.”

“Hoàn toàn không đâu. Nghe em nói đây, và em đoán chắc rằng ông sẽ lại để cho em yên thôi mà. Lát nữa, ông sẽ gặp công nương Raynes, nữ bá tước Henriot và chồng của họ đến sân ga đón em. Em muốn họ sẽ nhìn thấy chúng ta, ông và em, cùng bước ra, em muốn họ biết rằng chúng ta đã cùng nhau qua một đêm trên toa xe này. Đừng e ngại gì hết. Những người này sẽ loan báo sự kiện đó cho cả thành phố biết, điều đó sẽ gây ngạc nhiên chấn động lớn đối với mọi người cho mà xem.”

Lúc này em đã nói với ông rằng, em đã tuân thủ rất nghiêm chỉnh mọi dặn dò của ông, em đã giữ gìn cẩn thận danh tiết cùng như tăm tiếng của mình. Không hề có chút dị nghị gì, đúng không? Thế nên, để tiếp tục được như thế, em cần có cuộc gặp này. Ông đã ra lệnh cho em phải giữ gìn rất cẩn thận để tránh mọi vụ tai tiếng, em đang cố hết sức để tránh đây, ông thân mến.... bởi em sợ... em sợ...

Cô đợi cho con tàu dừng hẳn lại, và bởi lúc này đã có rất nhiều bạn bè cô đang chạy ào tới cửa xe và mở nó ra, cô nói nốt:

“Em sợ mình có mang.”

Công nương chìa tay về phía cô, ôm hôn cô. Nữ nam tước vừa nói vừa chỉ tay về phía ông nam tước đang sững sờ ngạc nhiên, và đang cố đoán sự thật là thế nào:

“Các bạn không nhận ra Raymond sao? Quả là anh ấy đã thay đổi biết mấy. Anh ấy đã đồng ý đưa tôi đi để tôi không phải đi một mình. Thỉnh thoảng chúng tôi cùng trốn đi như thế này, bên nhau như những người bạn tốt. Chúng tôi không muốn sống chung nhưng thỉnh thoảng chúng tôi muốn cùng nhau đi chơi thay đổi không khí như thế này. Và lại, chúng tôi cũng sẽ chia tay nhau ở đây thôi vì anh ấy đã chán ngấy tôi rồi.”

Cô chìa tay cho ông và ông cầm lấy nó một cách máy móc. Thế rồi cô nhảy xuống sân ga, vào giữa đám người đang đứng đón cô.

Ông nam tước đóng sầm cửa toa lại, quá xúc động đến nỗi ông không nói được một lời nào cũng như không kịp phản ứng gì. Ông nghe tiếng cô, nghe thấy tiếng cười vui vẻ hạnh phúc của cô xa dần.

Ông không bao giờ gặp lại cô nữa.

Và ông không bao giờ biết được những lời cô nói là thật hay vờ.

# ĐỨA TRẺ BỊ RUỒNG BỎ

Thật lòng mà nói thì anh thấy em điên thật rồi khi nảy ra ý muốn đi dạo ở nông thôn vào lúc thời tiết như thế này. Từ hai tháng nay, em có những ý tưởng thật lạ lùng. Bất chấp anh có muốn hay không nhưng em đã lôi anh đi ra biển chơi trong khi từ bốn mươi lăm năm nay, từ khi chúng ta kết hôn đến nay, em chưa từng nảy ra những ý ngông cuồng như thế. Em tự chọn một cách độc đoán Fécamps, một thành phố buồn tẻ, vắng vẻ. Em, một người chẳng bao giờ có thi hứng với những nơi vắng vẻ hiu quạnh, mà lại muốn đi dạo trên những cánh đồng vào những ngày nóng nực nhất trong năm. Hãy bảo D'Apereval đưa em đi vì cậu ta luôn sẵn lòng chiều theo mọi thói thất thường của em. Còn tôi, tôi về nghỉ trưa đây.

Bà Cadour quay về phía người bạn cũ:

“Đi với tôi chứ, D'Apereval?”

Ông này nghiêng người, mỉm cười đầy vẻ ga lăng như thuở trước:

“Bà đi đâu, tôi đi đấy.” Ông nói.

“VẬY thì, hãy đi mà phơi nắng, cả hai người.” Ông Cadour tuyên bố.

Ông quay về khách sạn Bain để nằm dài lên giường nghỉ ngơi một hai giờ.

Ngay khi ông đi khuất, hai người bạn già cũng quay gót đi. Bà nói rất khẽ, vừa nói vừa siết chặt tay ông:

“Thế là! Thế là!”

Ông thăm thì:

“Bà điên thật. Tôi đoán chắc là bà điên thật rồi. Hãy nghĩ đến điều có thể xảy đến. Nếu nó...”

Bà giật mình:

“Henri! Đừng gọi “nó” một cách xa lạ như thế...”

Ông này nói lại bằng một giọng hơi cục cằn:



“Tốt thôi! Nếu con trai chúng ta có nghi ngờ điều gì, nếu con nghi ngờ chúng ta, nếu con tóm được bà, tóm được chúng ta. Bà đã qua 40 năm không gặp mặt con. Vậy giờ đây bà muốn có gì?”

Họ cùng đi dọc theo con đường đi từ biển vào thành phố. Họ rẽ phải để đi lên vùng mũi d’Etrtat. Con đường trắng lấp lóa dưới ánh nắng thiêu đốt.

Họ cùng dạo bước chậm rãi dưới cái nóng, cái nắng gay gắt. Bà đã khoác tay mình vào tay người bạn già, nhìn thẳng về phía trước với cái nhìn bất động, ám ảnh.

Bà hỏi:

“Vậy, ông đã không hề gặp lại nó ư?”

“Không hề!”

“Có thể thế sao?”

“Thôi nào bà bạn thân mến, đừng lại bắt đầu cuộc tranh luận muôn thuở đó nữa đi. Tôi đã có vợ, có con, cũng như bà đã có một người chồng. Vậy nên cả hai chúng ta, cả bà và cả tôi, chúng ta đều sợ dư luận cả.”

Bà không trả lời. Bà nghĩ đến thời thiếu nữ xa xôi, nghĩ đến những điều đáng buồn đã qua.

Người ta đã cưới chồng cho bà, như cưới chồng cho mọi cô gái trẻ khác. Bà chẳng hề biết gì về người chồng của mình, một nhà ngoại giao, và bà về sống với ông, làm chức phận một người vợ như mọi phụ nữ trên đời.

Nhưng rồi, có một thanh niên trẻ, ông D’Apreval, cũng đã có vợ, đã yêu bà tha thiết, và trong một lần chồng bà vắng nhà lâu ngày vì phải đi công tác ở Ấn Độ, bà đã ngã lòng.

Bà đã không thể cưỡng lại? Không thể từ chối? Không thể có đủ sức mạnh, đủ dũng khí để không nhượng bộ ông? Bà có yêu không? Không, thực sự là không! Điều đó quá nặng nề! Bà đã quá đau khổ! Bởi cuộc đời này thật độc ác và nghiệt ngã! Liệu ai có thể tránh được những cú đánh của số phận, ai có thể trốn được định mệnh đã an bài? Nhất là khi ta chỉ là một phụ nữ cô đơn, không con cái, bị bỏ rơi, không được biết đến những âu yếm. Người phụ nữ đó có thể luôn trốn chạy được nỗi đam mê khát khao luôn dõi theo mình như trốn chạy ánh mặt trời để sống đến tận khi chết trong bóng đêm tối tăm, lạnh lẽo không tình yêu được không?

Giờ bà nhớ lại tất cả những chi tiết nhỏ thuở đó, những nụ hôn của ông ta, những nụ cười, cách ông ta ngừng lại trên bậc cửa nhìn bà đầy âu yếm trước khi bước vào nhà bà. Hạnh phúc biết bao những ngày đó, những ngày đẹp đẽ duy nhất trong đời bà, và những ngày đó mới sớm kết thúc biết mấy!

Rồi bà nhận thấy mình có mang! Thật kinh hoàng!

Ôi! Chuyến du lịch trong vùng Midi này, một chuyến du lịch dài, sự đau khổ, những khiếp sợ không bao giờ nguôi, cuộc sống được giấu trong căn phòng nhỏ cô đơn, trên bờ biển Địa Trung Hải, sâu trong một khu vườn mà bà đã từng không dám ra khỏi đó!

Vì rằng bà không hề nhắc nhớ gì đến những ngày đó, những ngày bà nằm dài dưới một cây cam, mắt dõi nhìn những quả cây chín đỏ, tròn xoe, nằm lấp ló trong những tán lá xanh! Bởi bà từng muốn ra khỏi đó, đi ra đến tận biển, tận hưởng những làn gió mát lành, vẫn thường thổi qua nhà bà, ở bờ biển đó, bà lắng tai nghe tiếng sóng vỗ ỳ oạp, ở đó, bà mơ về một khoảng không xanh biếc rộng lớn lấp lánh ánh mặt trời, với những cánh buồm trắng đi tới tận đường chân trời. Nhưng bà đã không hề dám bước ra khỏi cửa dù chỉ một bước. Nếu có ai nhận ra bà, với cái bụng kèn càng, thì thật xấu hổ nhường nào.

Và những ngày chờ đợi, những ngày cuối cùng đau đớn khổ sở! Những dấu hiệu cảnh báo! Những đau đớn! Rồi đến cái đêm khủng khiếp đó! Bà đã phải chịu đựng đau đớn bao nhiêu.

Đêm đó thật khủng khiếp, bà đã rên rỉ biết mấy, kêu gào biết mấy! Bà như vẫn còn nhìn thấy nét mặt xanh rờn của người tình, ông đã hôn mãi hôn mãi lên tay bà, nhớ khuôn mặt nhũn của ông bác sĩ, cái mũ trắng của cô y tá.

Và xúc động đến mấy khi cô nghe tiếng khóc oe oe của đứa trẻ. Sự cố gắng đầu tiên để tồn tại của một con người.

Và ngày hôm sau! Ngày hôm sau! Ngày duy nhất trong đời mình bà đã ngấm và ôm con mình trong tay, bởi từ đó trở đi, bà không bao giờ nhìn thấy nó nữa!

Và, kể từ ngày đó, bà luôn nhớ về nó, luôn nghĩ đến nó! Bà đã không hề gặp lại nó, cái cơ thể bé nhỏ tách ra từ cơ thể bà, con trai bà! Người ta đã

mang nó đi, đã giấu nó đi. Bà chỉ biết rằng nó được nuôi dạy bởi những người nông dân vùng Normand, và rồi nó cũng đã trở thành một nông dân, nó đã lấy vợ, nó cũng đã được bố nó trợ cấp cho một khoản tiền dưới danh nghĩa một người nào đó.

Biết bao lần, từ bốn mươi năm nay, bà đã muốn đến gặp nó để được ôm nó vào lòng, để được hôn nó! Bà không biết giờ đây nó đã lớn đến chừng nào rồi! Bà luôn nghĩ đến đứa trẻ sơ sinh mà bà đã một hôm ôm nó trong vòng tay, áp nó vào ngực mình.

Biết bao lần bà đã nói với người tình: “Em chẳng cần giữ gìn thể diện nữa, em muốn gặp nó, em sẽ đi tìm nó”.

Nhưng ông này luôn ngăn trở, luôn giữ bà lại. Bà phải biết nén lòng, phải biết kiềm chế, nếu không người ta sẽ đoán ra được, người ta sẽ khám phá ra bí mật của cả hai. Bà đến phát điên lên mất.

“Nó trông thế nào?” Bà hỏi.

“Tôi không biết. Tôi không hề gặp lại nó nữa.”

“Liệu có thể thế được chẳng? Sinh ra một đứa con trai và không hề biết chút gì về nó. Sợ hãi vì có nó, ném nó đi như ném một nỗi tủi hổ. Thật khủng khiếp.”

Họ đã đi được một quãng đường dài, mệt mỏi dưới cái nắng nóng, luôn phải trèo lên những đoạn đường dốc dài tưởng như bất tận.

Bà lại nói:

“Phải chăng đó chẳng phải là một sự trừng phạt? Tôi đã chẳng thể có thêm một đứa con nào nữa. Không, tôi không thể chịu đựng thêm nữa, tôi muốn gặp nó, nó luôn ám ảnh trong tôi từ suốt bốn mươi năm nay, ông không hiểu điều đó được đâu, các ông, những tên đàn ông. Hãy thử nghĩ xem, tôi suýt chết mới có được nó. Và tôi chẳng bao giờ còn được gặp nó nữa, không gặp lại nó nữa!... Có thể thế được chẳng? Làm sao tôi có thể chịu đựng được điều đó lâu đến thế cơ chứ. Tôi đã luôn nghĩ đến nó. Tôi đã phải chịu đựng, đã phải đau khổ biết bao nhiêu khi nhớ về nó. Chưa một ngày nào, ông nghe thấy, chưa một sáng nào, khi thức giấc mà tôi lại không nghĩ ngay đến nó, đến con trai của tôi. Trông nó thì thế nào? Ôi! Tôi cảm thấy mình có tội biết mấy khi đối diện nó! Liệu người ta có cảm thấy ghê sợ

những người sinh ra mình trong trường hợp tương tự như thế này không? Lẽ ra tôi phải rời bỏ mọi thứ và đưa nó đi, nuôi nấng, dạy dỗ nó, yêu thương chăm sóc nó. Như thế chắc hẳn tôi sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn. Tôi đã không dám. Tôi đã quá hèn nhát. Ôi! Tôi đau lòng quá! Ôi! Khốn khổ thay những đứa con bị bỏ rơi, hẳn nhiên chúng phải thù ghét mẹ chúng lắm, người đã đành lòng bỏ rơi chúng!”

Đột nhiên bà ngừng lại, nghẹn ngào nước nở. Cả thung lũng hoàn toàn vắng lặng dưới ánh nắng chói chang. Chỉ có những con châu chấu nhảy lách tách trong những đám cỏ vàng hiem hơi hai bên đường.

“Bà ngồi xuống một chút đi.” Ông bảo.

Bà để ông đưa vào sát lề đường và khụy xuống, úp mặt vào hai tay. Mái tóc trắng xòa xuống hai bên má, bà nước nở khóc, đầy đau khổ vì một nỗi đau nội tâm giằng xé.

Ông đứng đối diện trước mặt bà, lo lắng, không biết nói gì với bà. Ông rên rỉ:

“Thôi nào... đừng cảm lên nào.”

Bà ngẩng đầu lên:

“Tôi không sao.”

Và chùi nước mắt, bà lại tiếp tục bước đi bằng những bước chân nặng nề của người già.

Lấp ló phía xa xa, dưới bóng một hàng cây, có một vài nóc nhà. Họ nghe thấy rất rõ tiếng búa nện lên đe.

Và rồi họ nhìn thấy, trên đường bên phải, một chiếc xe ngựa kéo đang đỗ trước cửa một ngôi nhà thấp, và dưới lán hàng, hai người đàn ông đang đóng móng cho một con ngựa.

Ông D’Apreval tiến lại gần và hỏi to:

“Làm ơn cho hỏi trang trại nhà ông Pierre Bénédicte ở đâu?”

Một trong hai người đàn ông trả lời:

“Ông bà rẽ vào con đường nhỏ phía bên trái, ngay sát cạnh một quán cà phê nhỏ, đi thẳng qua đó một chút, nhà thứ ba sau nhà Poret. Có một cây thông cạnh hàng rào. Không thể nhầm được đâu.”

Họ rẽ vào bên trái. Bà đi một cách chậm rãi, hai chân như mềm nhũn ra, tim đập loạn nhịp khiến bà như cảm thấy tắt thở. Mỗi bước chân đi bà lại thềm thì như thềm thì một lời cầu nguyện:

“Lạy Chúa! Ôi, lạy Chúa!”

Và một cảm xúc mãnh liệt như đang chẹn lấy cổ họng bà, khiến bà phải thở một cách khó khăn, như đang níu chân bà, khiến bà bước đi một cách lảo đảo.

Ông D’Apreval, hơi tái mặt, bồn chồn, nói một cách thô bạo:

“Nếu bà không kiềm chế được, bà sẽ làm hỏng mọi chuyện mất. Hãy cố tĩnh tâm lại đi.”

Bà lắp bắp:

“Con trai tôi! Tôi làm sao tĩnh tâm khi tôi nghĩ rằng tôi sắp được gặp con trai tôi!”

Họ đi vào một con đường nhỏ nằm giữa những cánh đồng, rợp dưới bóng hai hàng sồi hai bên.

Rồi, họ bỗng nhìn thấy một cây thông non được trồng sát cạnh một hàng rào bằng gỗ.

“Kia rồi.” Ông nói.

Bà đứng phắt lại và quan sát.

Sau hàng rào là một sân rộng trồng táo, sâu phía trong có một ngôi nhà nhỏ mái rạ. Đối diện, là chuồng ngựa, kho thóc, chuồng bò, trại gà. Trong một nhà có mái đen, xếp hàng nào là xe ngựa kéo, xe bò, xe độc mã. Bốn con bê đang gặm cỏ non xanh rờn dưới bóng rợp của cây cối. Những chú gà đen đi lang thang chỗ nào cũng thấy trong khắp mảnh vườn đã được rào kín.

Không có một tiếng động nhỏ nào, cửa nhà vẫn đang mở. Nhưng không có bóng dáng một ai.

Họ đi vào, ngay khi đó, một con chó đen xì nhảy vọt ra từ một cái thùng tròn đặt nằm dưới chân một cây lê lớn, nó gầm gừ đầy vẻ hung tợn.

Dựa vào tường nhà, ở lối vào, có tổ ong lớn được đặt trên những tấm ván đặt thẳng hàng phía dưới vòm rơm.

Ông D’Apreval, đứng trước cửa nhà, gọi to:

“Có ai trong nhà không?”

Một đứa bé xuất hiện, một cô bé khoảng mười tuổi, mặc một chiếc áo sơ-mi và một chiếc váy len, hai chân để trần và bẩn lem luốc, cô bé có vẻ vừa e dè vừa tinh ranh. Nó đứng lại trước bậc cửa như thể để giữ không cho ai vào.

“Ông bà cần gì ạ?” Nó hỏi.

“Bố cháu có nhà không?”

“Không.”

“Ông ấy đang ở đâu?”

“Cháu không biết.”

“Thế mẹ cháu đâu?”

“Đang ở chỗ vắt sữa bò.”

“Mẹ cháu sắp về chưa?”

“Cháu không biết.”

Bỗng nhiên, một bà già, như thể bà sợ người ta bắt đứa bé đưa đi, nói vọng ra bằng một giọng hấp tấp:

“Tôi sẽ chẳng đi tìm nó về đâu.”

“Chúng tôi sẽ đợi thưa bà.”

Khi quay người lại, họ nhìn thấy một nữ tá điền đang đi về phía ngôi nhà, hai tay xách hai xô nặng, sóng sánh sữa.

Cô này hơi thọt chân phải, khuôn ngực căng tròn trong một chiếc áo dệt kim màu nâu, đã xỉn màu vì thời gian. Cô có vẻ của một cô hầu nghèo khó khốn khổ, bẩn thỉu.

“Mẹ cháu đấy.” Đứa bé nói.

Khi về gần đến nhà, cô nhìn hai người lạ với vẻ nghi ngờ không thiện cảm, rồi cô đi luôn vào nhà như thể cô không muốn gặp, không muốn nói chuyện gì với họ.

Cô có vẻ già, với khuôn mặt khắc khổ, nước da bủng beo, nét mặt khó dăm dăm. Vẻ mặt vô cảm của những người nông thôn.

Ông D’Apreval gọi cô:

“Thưa cô, chúng tôi vào để hỏi mua hai cốc sữa.”

Sau khi đã đặt hai xô sữa một cách cẩn thận cạnh cửa, cô lầu bầu:

“Tôi không bán sữa.”

“Vì chúng tôi đang rất khát. Và bà đây đã già và đang rất mệt. Cô có thể cho chúng tôi một thứ gì đó để uống được không?”

Cô nông dân nhìn họ bằng một cái nhìn lo lắng, ranh ma. Cuối cùng cô quyết định.

“Thôi thì vì ông bà đã đến đây, tôi có đưa cho ông bà một chút cũng không sao.” Cô nói. Rồi cô biến vào nhà. Một lát sau đưa trẻ ra, cầm hai cái chai và nó đặt dưới gốc cây táo, rồi tới lượt mẹ nó lại đi ra với hai bát đầy sữa ấm, cô đưa nó cho hai người. Rồi cô đứng trước mặt họ như thể để canh chừng họ và đoán xem họ định làm gì.

“Ông bà sống ở Fécamps?” Cô hỏi.

Ông D’Apreval trả lời:

“Vâng, vào mùa hè chúng tôi về sống ở Fécamps.”

Rồi sau một lúc im lặng, ông lại hỏi:

“Cô có thể bán gà cho chúng tôi hàng tuần được không?”

Cô do dự, rồi trả lời:

“Vâng, đương nhiên là được, ông bà thích những con gà tơ phải không?”

“Vâng, những con gà tơ.”

“Ông bà thường mua bao nhiêu một con?”

Ông D’Apreval, mù tịt về chuyện này, quay về phía bà bạn:

“Bà thường trả bao nhiêu cho một con gà, những con gà tơ ấy?”

Bà ấp úng, lấp bắp, hai mắt long lanh nước:

“Bốn frăng, bốn frăng năm mươi xu.”

Bà già từ trong góc nhìn ra, ngạc nhiên hỏi:

“Bà ấy ồm à, sao bà ấy lại khóc?”

Ông D’Apreval không biết trả lời thế nào, ấp úng:

“Không... không... bà ấy... bà ấy đánh mất cái đồng hồ đeo tay, một cái đồng hồ rất đẹp, và bà ấy đang rất buồn vì điều đó. Nếu ai đó có nhặt được nó, xin các bà báo cho chúng tôi.”

Bà Bénédicte không trả lời gì cả, bà thấy có gì ám muội ở đây. Đột nhiên bà thông báo:

“Đây là con trai tôi!”

Chỉ duy có bà nhìn thấy anh ta vì bà đối diện với cửa rào. Ông D'Apreval giật mình. Bà Cadour suýt ngã bổ chửng và cuống cuồng quay phắt lại.

Xuất hiện một người đàn ông, cách khoảng mười bước chân, đang ra sức kéo một con bò sữa, con này cố cưỡng lại, cả người cả vật cùng thờ hồn hển. Anh ta nói, không hề để ý đến hai người lạ:

“Mẹ kiếp! Cái con bò cái ngu đàn này!”

Anh ta đi qua, hướng về phía chuồng bò, và biến mất vào trong đó. Nước mắt bỗng giàn giụa trên khuôn mặt người phụ nữ già, hốt hoảng bà nức nở không thành câu, không kịp suy nghĩ: “Con trai tôi, đó chính là con trai tôi!”

Ông D'Apreval, cũng có chung cảm giác xúc động như của bà, hỏi bằng một giọng lạc cả đi:

“Có phải đó là ông Benedict không?”

Bà già hỏi lại một cách nghi ngờ:

“Sao ông biết tên nó?”

Ông trả lời:

“Ông thợ rèn ở góc đường lớn bảo cho tôi.”

Rồi cả hai cùng im thít, mắt đăm đăm nhìn vào cửa chuồng bò. Trên bức tường của chuồng bò có những lỗ tròn, từ ngoài nhìn vào thì không nhìn thấy gì hết nhưng người ta có thể nghe thấy tiếng đập đuôi của lũ súc vật, tiếng giậm chân, tiếng nhai cỏ nhóp nhép, tiếng chân bước trên cỏ khô lạo xạo.

Người đàn ông lại xuất hiện trên ngưỡng cửa, lau trán, bước về nhà bằng những bước chân dài, nặng nề.

Anh ta đi qua những người lạ mặt mà không hề có vẻ gì để ý đến họ, anh ta nói với vợ:

“Đi lấy cho tôi một hũ rượu táo đi, tôi khát khô cả cổ rồi đây.”

Rồi anh ta đi vào nhà. Cô gái cũng bỏ vào hầm rượu, để hai người khách lại một mình.

Và bà Cadour, vội vàng lấp bắp:

“Chúng ta đi khỏi đây thôi, Henry, chúng ta đi khỏi đây thôi.”

Ông D'Apreval đỡ lấy tay bà, nâng bà lên, và đỡ bà đi. Ông cảm thấy rất rõ ràng bà sắp ngã, ông kéo bà đi sau khi đã để lại năm frăng trên ghế.



Ngay khi họ vừa đi ra khỏi hàng rào, bà bật khóc nức nở, người rung bần bật đầy đau khổ và lấp bắp:

“Ôi! Ôi! Đó là đứa con mà chúng ta đã sinh ra đấy ư?...”

Ông cũng trở nên nhợt nhạt, trả lời một cách khô khan:

“Tôi đã làm tất cả những gì có thể. Trang trại đó trị giá tám mươi nghìn frăng. Đó là một khoản thừa kế không phải đứa trẻ thị dân nào cũng có được.”

Họ nhìn nhau đầy triu mến, không nói thêm một lời nào nữa. Bà cứ khóc mãi không ngừng. Nước mắt lã chã rơi trên má bà thành hàng không ngừng.

Cuối cùng thì bà cũng kiềm được cơn nức nở. Họ đã về đến Fécamps.

Ông Cadour đang đợi họ để dùng bữa tối. Ông bật cười và cao giọng nói khi nhìn thấy họ từ đằng xa.

“Hay quá, vợ tôi đã cháy nắng rồi kìa. Tôi thấy hài lòng quá. Thật tình mà nói, bấy lâu nay tôi thấy bà ấy cứ trở chứng thế nào ấy, tôi tin là bà ấy điên thật đấy!”

Cả hai đều không trả lời, vì thế, hai tay xoa vào nhau, ông chồng lại hỏi:

“Ít nhất thì hai người cũng đã có một chuyến đi dạo thú vị chứ?”

“Rất thú vị, bạn thân mến ạ, rất thú vị.” Ông D’Apreval trả lời.

# THẰNG NHÓC

Ông Lemonnier góa vợ, sống đơn chiếc với đứa con trai duy nhất, ông giữ mãi một tình yêu chung thủy với người vợ yêu dấu đã quá cố, một tình yêu đắm thắm thiết tha, họ chưa từng một lần to tiếng trong suốt quãng thời gian chung sống. Ông là một người trung hậu, tử tế, chất phác, chân thành, không bao giờ biết nói dối, không biết lừa ai bao giờ.

Yêu thương cô hàng xóm nghèo khổ cạnh nhà, ông ngỏ lời yêu cô và xin được cưới cô. Ông có một cửa hàng bán len dạ, việc buôn bán của ông khá trôi chảy vì thế thu nhập tương đối tốt. Hẳn nhiên vì thế, nên cô hàng xóm nghèo đã nhận lời ông ngay.

Cô đã mang lại hạnh phúc đến cho ông, ông yêu riêng chỉ mình cô, ông chỉ ngắm nhìn cô, ông chỉ nghĩ đến một mình cô, ông luôn dõi theo cô bằng ánh mắt si mê. Suốt các bữa ăn, ông vụng về làm đổ biết bao thứ, chỉ vì cứ mãi dõi mắt ngắm nhìn khuôn mặt yêu kiều yêu dấu của vợ: ông đổ rượu vào đĩa thức ăn, đổ nước vào lọ đựng muối... rồi bật cười như một đứa trẻ, vừa cười vừa bảo:

“Anh yêu em quá mất rồi! Đấy, em thấy đấy, vì mãi ngắm em mà anh hậu đậu thế đấy.”

Cô thường mỉm cười với vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, rồi nhìn đi chỗ khác có vẻ như hơi khó chịu bởi tình yêu quá mức của chồng, và cô cố bắt chuyện để ông nói về bất cứ chủ đề gì, hòng quên đi việc ngắm nhìn cô. Nhưng ông thường vươn tay qua bàn, nắm lấy tay cô đầy âu yếm và thắm thì:

“Em yêu quý, Jeanne yêu quý nhất đời của anh!”

Cô thường sốt ruột rút tay về và bảo:

“Thôi nào anh yêu, tỉnh táo một chút đi anh, anh ăn đi và để cho em ăn với chứ.”

Ông thường thờ dài rồi bẻ một miếng bánh mì và trệu trạo nhai nó một cách chậm rãi.

Suốt năm năm dài chung sống họ không có lấy một mụn con. Rồi bỗng nhiên, cô chữa. Ông vui mừng khôn xiết. Ông không rời cô một nửa bước trong suốt thời gian cô mang thai, đến nỗi mà, bà quản gia kiêm bà vú, người đã nuôi nấng chăm sóc ông thời ông còn thơ bé, người có một ảnh hưởng nhất định đến ông, thỉnh thoảng đã phải đẩy ông ra khỏi cửa, ép ông đi ra ngoài chơi để thư giãn, để thay đổi không khí một chút.

Ông chơi thân với Duretour, một thanh niên trẻ làm việc ở văn phòng tỉnh, anh này đã quen biết vợ ông từ tấm bé. Anh dùng cơm tối với vợ chồng ông ba lần mỗi tuần. Anh luôn mang theo hoa tặng cho nữ chủ nhà, thỉnh thoảng là một đôi vé xem kịch. Và thường đến bữa tráng miệng, ông Lemonnier thường ngả người về phía vợ và nói một cách sung sướng đầy thỏa mãn:

“Có được một người vợ như em, và một người bạn như cậu ta, tôi thấy cuộc đời mình quá sung sướng rồi.”

Vợ ông mất sau khi sinh, ông tưởng mình cũng có thể chết đi được. Nhưng khi nhìn đến đứa con, ông lấy lại được can đảm để sống: một thằng nhóc nhăn nheo đang khóc oe oe.

Ông yêu con vô cùng, một tình yêu đau đớn pha đôi chút bệnh hoạn. Ông nhìn con và nhớ đến vợ yêu, ông yêu con vì da thịt nó chính là da thịt vợ ông, nguồn sống trong nó chính là nguồn sống của vợ ông, máu của vợ ông đang chảy trong huyết quản của nó. Ngày nó chào đời cũng là ngày vợ ông lìa đời. Nó chính là hiện thân của vợ ông, là hình hài của vợ ông tái sinh. Vợ ông mất đi để nó được ra đời. Và người cha ôm chặt con với một nỗi đau điên dại đến nỗi ông suýt làm nó chết ngạt. Đến khi nó khóc ré lên thì ông mới như sực tỉnh và nhẹ nhàng đặt lại nó vào nôi rồi ngồi xuống cạnh nôi, vừa nhẹ nhàng đưa nôi vừa lặng lẽ ngắm mãi khuôn mặt bé tí xíu. Ông ngồi đó hàng giờ đồng hồ, vừa lặng ngắm đứa trẻ vừa nghĩ đến hàng nghìn điều buồn rầu đau khổ. Rồi khi thằng nhỏ thiếp ngủ, ông cúi xuống ngắm khuôn mặt nó và lặng lẽ khóc, để nước mắt chảy xuống diềm áo đàng ten của nó.

Đứa nhỏ đã lớn. Người cha không thể vắng nó dù chỉ một tiếng đồng hồ, ông luôn luẩn quẩn quanh nó, đưa nó đi dạo, mặc quần áo cho nó, tắm rửa cho nó, cho nó ăn. Bạn ông, anh Duretour, cũng có tình cảm quyến luyến đặc biệt với đứa nhỏ, anh thường ôm nó, nhắc bổng nó lên và vừa tung nó lên cho nó cười khanh khách vừa ôm hôn nó đầy âu yếm như người ta vẫn thường thấy cảnh đó diễn ra giữa một người cha với đứa con mình. Anh cho nó ngồi lên cổ đi nhong nhong, làm ngựa cho nó cưỡi. Thỉnh thoảng anh bỗng lật nó nằm ngả trên đầu gối anh, và lấy râu cù vào bắp đùi mềm mại của nó khiến cho nó vừa oằn mình vì buồn vừa cười khanh khách. Ông Lemonnier nhìn cảnh đó vừa cười sung sướng đầy hài lòng vừa bảo:

“Nó có dễ thương không, nó có dễ thương không!”

Và anh chàng Duretour ôm chặt thằng nhỏ vào lòng và lấy râu cù vào cổ nó.

Chỉ có mỗi bà Céleste, bà vú là không hề có một chút âu yếm nào với thằng nhỏ cả. Bà thường phát cáu lên vì những trò tinh nghịch của thằng nhỏ, và có vẻ phát bực bởi những thói chiều chuộng vô lối của cả hai người đàn ông. Bà thường kêu lên:

“Các ông dạy dỗ một đứa trẻ như vậy sao! Các ông đang và sẽ tạo ra được một con khi con xinh xắn đấy.”

Nhiều năm trôi qua. Giờ Jean đã chín tuổi. Nó hầu như không biết đọc, nó quá được chiều chuộng. Nó chỉ làm mọi điều theo ý nó, nó khăng khăng làm theo ý nó, không ai có thể lay chuyển được. Và lại, bố nó bao giờ cũng chiều theo ý nó, ông Duretour luôn mua và mang đến cho nó mọi thứ đồ chơi mà bọn trẻ con bằng tuổi nó thèm muốn. Và anh ta luôn cho nó ăn bánh ga tô và kẹo bất cứ khi nào nó muốn.

Céleste nổi khùng, kêu ầm lên:

“Thật đáng xấu hổ, thưa ông, thật đáng xấu hổ. Các ông đang làm hỏng thằng bé, các ông cần phải chấn chỉnh lại đi, ngay lập tức, nếu không sẽ là quá muộn đấy. Tôi không thể để cảnh này lại tiếp tục tái diễn được nữa đâu. Thật đấy.”

Ông Lemonnier vừa cười vừa trả lời:

“Vú muốn thế nào, vú thân mến? Tôi yêu nó quá, tôi không biết từ chối nó thế nào. Thôi thì vú cứ kệ nó vú ạ.”

Jean mệt mỏi, lử đử, hơi sôn sốt. Bác sĩ đến khám và kết luận là chứng thiếu máu, cho đơn là phải tăng cường ăn thêm các thức ăn giàu sắt như là thịt gia cầm, thủy cầm và súp giàu năng lượng.

Thế nhưng thằng nhỏ lại chỉ thích ăn bánh ga tô và không chịu ăn bất cứ thức ăn nào khác. Người cha thất vọng đành cho nó ăn thỏa thích bánh kem, bánh sô-cô-la.

Một tối, khi hai cha con đang cùng ngồi ở bàn ăn, Céleste mang ra một âu súp với một vẻ kiên quyết đầy uy quyền hiếm khi thấy ở bà. Bà mở nắp âu với một cử chỉ mạnh mẽ, khoáy cái muôi vào giữa âu súp và tuyên bố:

“Đây là món súp thập cẩm bổ dưỡng mà trước kia ta vẫn thường làm cho ông ăn, giờ ta làm cho cậu nhỏ và lần này nó phải ăn.”

Ông Lemonnier, kinh ngạc, cúi đầu xuống. Ông cho là sắp có chiến tranh nổ ra mất thôi. Céleste lấy đĩa, múc đầy súp vào và đặt đĩa súp trước mặt ông. Ông ném món súp ngay và tuyên bố:

“Quả là nó ngon tuyệt.”

Thế là bà vú liền lấy chiếc đĩa ăn của thằng nhỏ và múc đầy một muôi súp vào đó. Rồi bà lùi lại hai bước và đợi.

Jean hít hít, đẩy đĩa súp và phì ra đầy vẻ chán ngán. Celeste, đỏ cả mặt vì bực, liền bước ngay lại gần nó, nhanh nhẹn cầm ngay lấy chiếc thìa, xúc một thìa đầy và đút luôn thìa súp vào cái miệng đang hé mở của thằng nhỏ.

Nó sặc, ho, hắt hơi, khạc nhổ và hét lên. Nó chộp lấy cốc nước và hắt vào bà vú. Cả cốc nước hắt ướt hết cả bụng bà vú. Thế là, phát khùng lên, bà tóm lấy thằng nhóc và xúc hết thìa này đến thìa khác tống vào miệng nó. Nó nhổ ra, quần quai, ngạt thở, chân giãy, tay đập lung tung vào không khí, đỏ rực mặt lên như thể nó sắp chết ngạt.

Người cha đầu tiên ngạc nhiên đến nỗi không có một phản ứng gì. Rồi bỗng nhiên ông nhảy xổ đến, bóp cổ bà vú, đập đầu bà vào tường, lấp bấp:

“Ra ngoài!... Ra ngoài!... Ra ngoài ngay!... Đồ thô lậu!”

Bà vú, đầu tóc rối tung, mũ chùm đầu rơi xuống lưng, đẩy bật ông ra, run bần bật lên vì xúc động, hai mắt long lên giận dữ, hét lên:

“Ông làm gì thế? Ông muốn đánh tôi chỉ vì tôi muốn cho thằng nhãi này ăn súp ư? Cái thằng nhãi mà rồi ông sẽ làm hỏng nó bằng thói chiều chuộng vô lối của ông ư?”

Run lên vì giận dữ, ông nhắc lại:

“Ra ngoài!... Cút ra ngoài ngay... cút ra ngoài ngay cho ta, đồ thô lậu!...”

Giận điên lên, bà vú quay phắt lại, mặt đối mặt với ông Lemonnier, run giọng:

“A!... Thế đấy... ông đối xử với tôi thế sao, với tôi, với tôi?... A! A! A!... Và vì ai, vì ai... vì cái thằng oắt hoàn toàn chẳng phải con ông!... Hoàn toàn không hề là con ông!... Chẳng hề phải!... Chẳng hề phải!... Ôi Chúa ơi, mọi người đều biết nó chẳng phải con ông, tất cả mọi người, chỉ trừ ông! Ông cứ thử hỏi ông bán thịt, ông bán bánh mì, bà bán hoa quả, hỏi tất cả mọi người, tất cả mọi người mà xem...”

Bà lắp bắp nói, ngạt thở vì xúc động. Rồi bà im bặt, nhìn ông. Ông đứng lặng, hoang mang, hai tay buông thõng. Vài giây sau, với vẻ vô cùng xúc động, ông hỏi lại bằng một giọng yếu ớt:

“Vú bảo?... Vú bảo?... Vú bảo gì cơ?”

Bà vú im tịt, hoảng sợ vì vẻ mặt ông. Ông tiến một bước lại gần bà, lặp lại:

“Vú bảo?... Vú bảo gì cơ?”

Bà vú trả lời bằng một giọng bình tĩnh:

“Tôi nói điều tôi biết, Chúa ơi! Điều mà mọi người đều biết.”

Ông giơ cả hai tay lên và nhảy bổ đến bà vú một cách điên dại, cố vạt ngã bà xuống đất. Nhưng dù già cả bà vú vẫn rất khỏe và còn nhanh nhẹn nữa. Bà luồn khỏi tay ông, chạy quanh bàn, uất lên, bà lại gào tướng lên:

“Ông hãy nhìn nó xem, nhìn nó đi! Ông mới ngu ngốc làm sao, khuôn mặt nó chính là bản sao của khuôn mặt ông Duretourt mà ông không nhận thấy sao?! Hãy nhìn mũi nó! Nhìn mắt nó! Ông mà có đôi mắt thế à? Nhìn tóc nó đi! Nhìn mũi nó đi! Vợ ông có tóc thế không? Có mũi giống thế không? Vợ ông ấy! Tôi nói với ông rằng mọi người đều biết nó là con ai, tất

cả mọi người, chỉ trừ có ông! Và nó là trò cười của cả cái thành phố này! Ông nhìn nó xem...”

Bà vú đã ra đến cửa, bà mở cửa và chạy biến ra ngoài.

Jean, hoảng sợ, đứng bất động đối diện với đĩa súp.

Một giờ sau, bà vú quay lại, đã hoàn toàn bình tâm trở lại. Thằng nhóc đã chén hết một chiếc bánh ga tô to tướng, một chiếc bánh kem phết mứt táo. Và đang múc từng thìa tướng mứt bằng chiếc thìa ăn súp.

Người cha đã ra khỏi phòng ăn.

Céleste lại gần thằng nhỏ, bê nó lên, ôm hôn nó, rồi đưa nó vào phòng ngủ, cho nó ngủ. Rồi bà quay ra phòng ăn, dọn bát đĩa, sắp xếp lại mọi thứ cho ngăn nắp. Bà làm tất cả mọi việc đó với một vẻ rất lo lắng.

Trong nhà không có một tiếng động nào, không một tiếng động nhỏ nào. Bà vú dán tai vào cửa phòng ông chủ mà cũng không hề nghe thấy có chút tiếng động nào. Không có chút động tĩnh gì trong phòng ông Lemonnier. Bà vú dán mắt nhìn qua lỗ khóa. Ông đang viết, có vẻ rất yên lặng.

Thế là bà quay lại ngồi trong phòng bếp để sẵn sàng trong mọi trường hợp vì bà đã cảm thấy có điều gì đó sắp diễn ra.

Bà ngủ thiếp đi và chỉ tỉnh dậy vào sáng ngày hôm sau.

Bà dọn dẹp lau chùi nhà cửa như mọi ngày, và khoảng tám giờ, bà pha một bình cà phê cho ông Lemonnier.

Nhưng bà không dám mang cà phê lên phòng cho ông chủ như mọi khi, bà không biết liệu rồi ông chủ sẽ cư xử với bà thế nào, bà đợi ông rung chuông gọi. Ông không rung chuông. Chín giờ, rồi mười giờ đã trôi qua.

Céleste hốt hoảng, dọn một mâm ăn sáng và đi lên phòng ông chủ, vừa đi vừa run. Đến trước cửa phòng, bà đứng lại, nghe ngóng. Không có một chút động tĩnh gì. Bà vú gõ cửa, không có tiếng trả lời. Thu hết can đảm, bà đẩy cửa bước vào. Rú lên một tiếng kinh hoàng, bà đánh rơi khay thức ăn đang bưng.

Ông Lemonnier đang treo lủng lẳng ở giữa nhà, với cái lưỡi lè dài khủng khiếp. Một chiếc giày rơi dưới đất, một chiếc vẫn còn ở chân. Một chiếc ghế bị đẩy đổ lăn đến tận sát giường.

Céleste, hoảng loạn, vừa bỏ chạy vừa kêu thét lên. Hàng xóm chạy bổ đến. Bác sĩ kết luận ông đã chết từ lúc nửa đêm.

Một bức thư được tìm thấy trên bàn ngủ của ông đề tên người nhận là ông Duretour, nó chỉ vồn vẹn một dòng:

—“Tôi đi và trả lại thằng nhỏ cho ông”.—



# THÚ NHẬN

Marguerite de Thérèlles sắp chết. Mặc dầu bà mới chỉ năm mươi sáu tuổi nhưng trông bà già như người hơn bảy mươi lăm. Bà thở hỗn hển, mặt trắng bệch, người run bần bật, mặt co rúm lại, mắt nhớn nhác như thể có điều gì đó rất khủng khiếp đang hiện lên trước mắt bà. Đang quỳ gối cạnh giường khóc nức nở là chị cả của bà, Suzanne, lớn hơn bà sáu tuổi. Cạnh giường của người đang hấp hối, người ta đã kê sẵn một chiếc bàn con và thắp hai ngọn nến lớn trên đó, vì họ đang đợi cha xứ đến rửa tội và cầu nguyện cho người chết.

Ngôi nhà có vẻ buồn thảm thường thấy ở nhà có người sắp chết, cả ngôi nhà bao trùm một vẻ nặng nề buồn thảm. Những bình hoa bị vứt lên các nóc tủ, quần áo bị vứt vào các góc nhà, bị gạt qua loa vào đó bằng mấy cú đá chân hoặc mấy nhát chổi. Đồ đạc để ngổn ngang. Người đang hấp hối nằm đó, chờ đợi.

Câu chuyện của hai chị em nhà đó làm mũi lòng bất cứ ai biết chuyện. Người ta kể cho nhau nghe chuyện của họ và nó đã khiến cho biết bao người rơi nước mắt.

Suzanne, người chị cả, đã yêu say đắm một chàng trai trẻ và chàng trai này cũng si mê cô. Họ đã đính ước và chờ đến ngày lành làm lễ cưới thì bỗng nhiên Henry de Sampierre bỗng chết đột ngột.

Cô gái trẻ tuyệt vọng, khóc hết nước mắt, cô thề không lấy một ai nữa và cô đã giữ lời. Cô luôn mặc đồ đen như những người đàn bà góa để tang chồng và mặc nó suốt đến tận bây giờ.

Thế rồi, em gái cô, cô Marguerite, lúc đó mới mười hai tuổi, một sáng đã vào phòng chị gái, ôm chặt lấy chị và bảo: “Chị cả yêu quý, em không muốn chị đau khổ nữa, em không muốn chị buồn bã đau khổ mãi thế. Em sẽ không

đi đâu nữa cả, cả em nữa, em cũng sẽ không đi lấy chồng và sẽ ở mãi bên chị. Em sẽ mãi mãi ở bên cạnh chị”.

Suzanne ôm chặt lấy cô em gái bé bỏng, xúc động đến tận đáy lòng vì tình cảm của em gái, tuy rằng cô không tin em cô có thể làm thế.

Thế nhưng cô em gái cũng giữ đúng lời hứa, cô không lấy ai dù bố mẹ cô có van nài cầu khẩn, dù biết bao lời khuyên nhủ của họ hàng, cô không chịu kết hôn cùng bất cứ ai, dù cô vô cùng xinh đẹp và có biết bao chàng trai trẻ phải lòng cô, theo đuổi cô, ngỏ lời cầu hôn cô. Cô không lấy ai và không bao giờ rời xa cô chị.

Hai cô cùng sống một nhà và chưa bao giờ xa nhau dù chỉ một lần kể từ ngày đó. Họ luôn đi cạnh nhau, như một thể thống nhất không thể tách rời.

Nhưng Marguerite luôn có vẻ buồn bã, như có điều gì đó luôn đè nặng trong tâm can cô, cô trông còn ủ ê hơn cả chị gái mình, có vẻ như sự hy sinh cao thượng của cô đang gặm mòn cô, tàn phá cô. Cô già đi rất nhanh, cô bạc cả tóc ngay khi mới ba mươi tuổi và thường có những cơn buồn bã đau khổ, như thể đang bị rình rập giày vò bởi một điều tồi tệ nào đó.

Giờ cô lại là người ra đi trước.

Cô đã không nói gì nữa từ một ngày nay. Tảng sáng hôm nay, cô chỉ nói đúng một câu:

“Đi gọi cha xứ cho tôi, đến lúc rồi.”

Rồi cô lại nằm im, co quắp lại căng cứng cả người lên, môi run lên bần bật như thể những lời khủng khiếp đang dâng lên mà bị gìm chặt lại, không thể phát ra thành lời, mắt cô thất thần, thật đáng sợ khi nhìn cảnh đó.

Chị gái cô, lòng đau như cắt, khóc như mưa như gió, trán tì lên thành giường, nhắc đi nhắc lại:

“Margot, Margot khốn khổ của chị, em bé bỏng của chị!”

Cô chị luôn gọi cô em là: “em bé bỏng” cũng như cô em luôn gọi cô chị: “chị cả”.

Người ta nghe có tiếng chân bước lên cầu thang. Cửa mở ra và một lễ sinh xuất hiện, theo sau là một ông cha xứ mặc áo lễ. Ngay khi nhìn thấy họ, người đang hấp hối giật nảy mình, mở miệng lắp bắp, cào cào ngón tay vào thành giường.

Cha xứ Simon tiến lại gần, cầm lấy tay cô, hôn lên trán cô và nhẹ nhàng nói:

“Chúa tha thứ cho con, con thân mến, đừng cảm lên, đây là thời điểm thích hợp cuối cùng, hãy nói hết những gì con muốn nói, hãy thú tội một lần cuối cùng đi con.”

Thế là Marguerite, run lấy bầy từ đầu đến chân như thể đang chịu một nỗi đau vò xé cùng cực, lắp bắp:

“Chị ngồi lên, chị cả của em, nghe này.”

Cha xứ nghiêng người về phía Suzanne, cô này vẫn đang quỳ dưới chân giường, đỡ cô đứng lên, đỡ cô ngồi vào một chiếc ghế cạnh đó, và mỗi tay ông nắm lấy một tay của cả hai chị em, ông nói:

“Lạy chúa, xin người cho họ sức mạnh, xin người khoan dung với họ.”

Marguerite bắt đầu nói. Từng từ khàn khàn, giật cục thoát ra khỏi họng cô như khiến cô kiệt lực.

“Tha lỗi, tha lỗi cho em, chị cả, hãy tha lỗi cho em! Ôi! Giá chị biết được em đã kinh sợ biết mấy giờ phút này, suốt cuộc đời em!...”

Suzanne, nói trong nước mắt:

“Em phải xin lỗi chị vì cái gì, em bé bỏng? Em đã hy sinh tất cả vì chị, em là một thiên thần...”

Marguerite ngắt lời chị:

“Im nào chị cả! Đừng ngắt lời em! Xin đừng ngắt lời em! Hãy để em nói... đừng ngắt lời em... thật khủng khiếp... hãy để em nói ra... nói hết ra, ngồi im đi chị... nghe em nói... chị có nhớ... chị có nhớ... Henry...”

Suzanne rùng mình ngang lên nhìn em gái. Cô em lại nói:

“Chị phải nghe hết thì mới hiểu được, Thuở đó, em mới mười hai tuổi, chỉ mới mười hai tuổi, chị nhớ rõ mà, phải không? Em rất được chiều, em chỉ làm những gì em muốn!... Chị có nhớ mọi người đã chiều em đến thế nào không?... Nghe nhớ... Lần đầu tiên khi anh ấy đến, anh ấy đi một đôi ủng bóng loáng, đến trước cửa nhà mình, anh ấy xuống ngựa, trông anh ấy thật tuyệt trong bộ quần áo kỵ sĩ, hôm đó anh ấy đến báo tin cho bố. Chị nhớ rõ mà, đúng không?... Đừng nói gì cả... nghe em đã. Khi nhìn thấy anh ấy, em đã phải lòng anh ấy ngay lập tức, em thấy anh ấy mới đẹp trai làm sao, và

em đã đứng mãi ở góc phòng khách để ngắm anh ấy. Trẻ con thật... khủng khiếp thật... và em đã mơ mộng!...”

Anh ấy còn quay lại nhiều lần nữa... em luôn dõi mắt theo anh ấy... luôn hướng về anh ấy với tất cả tâm hồn... và em còn bày ra nhiều mưu mẹo hơn là mọi người có thể tưởng được cơ... Anh ấy rất hay đến... Em chỉ còn nghĩ đến anh ấy... Em thường gọi tên anh ấy một mình:

“Henry... Henry Sampierre!”

Rồi mọi người biết rằng anh ấy sẽ lấy chị. Đau khổ biết mấy... Ôi! Chị cả... một nỗi đau... một nỗi đau! Em đã khóc suốt ba đêm, không ngủ. Ngày nào cũng như ngày nào, cứ đến chiều, sau bữa ăn trưa là anh ấy đến. Chị nhớ rõ mà, đúng không?... Đừng nói gì... nghe em đã. Chị thường làm bánh ngọt, thứ bánh mà anh ấy rất thích... Em thuộc lòng cung cách của anh ấy. Anh ấy ném một miếng bánh, rồi hớp một ngụm rượu vang... rồi anh ấy nói: “Ngon tuyệt”. Chị có nhớ anh ấy đã nói thế, như thế nào không?

Em đã ghen, ghen khủng khiếp!... Ngày cưới của chị đến gần. Chỉ còn mười lăm ngày nữa. Em phát điên phát rồ. Em tự nhủ: Anh ấy sẽ không cưới Suzanne, không, ta không muốn!... Anh ấy sẽ cưới ta, khi ta đã lớn. Ta sẽ chẳng bao giờ yêu ai nhiều như thế... Nhưng một tối, mười ngày trước ngày cưới, chị và anh ấy cùng đi dạo trước cửa lâu đài, dưới ánh trăng sáng tỏa... dưới bóng những cây thông lớn... Anh ấy ôm chị... hôn chị... rất lâu... Chị nhớ chứ, đúng không? Chắc chắn đó là lần đầu tiên... đúng không... chị đã rất xúc động khi vào nhà!

Em đã nhìn thấy cả hai anh chị, lúc đó em đang ngồi ở trong một tán cây. Em đã đau khổ đến phát dại! Giá em có thể, em đã giết chết cả hai người! Em tự nhủ: Anh ấy sẽ không lấy Suzanne, không bao giờ! Anh ấy sẽ chẳng cưới bất cứ ai. Ta sẽ quá đau khổ... Và bỗng nhiên em bỗng thấy ghét anh ấy, ghét kinh khủng.

Và thế là chị có biết em đã làm gì không?... Hãy nghe. Em đã từng nhìn thấy người làm vườn làm những viên thịt bằm để giết bọn chó đi hoang. Ông ấy lấy một hòn gạch, nghiền nhỏ một cái chai thủy tinh ra và nhét những mảnh thủy tinh được nghiền nhỏ đó vào trong một viên thịt bằm.

Em đã lấy một cái chai thủy tinh đựng thuốc nhỏ ở phòng mẹ ra, và với một cái búa, em đã nghiền nát nó ra rồi em giấu phần thủy tinh bị nghiền nát đó vào túi áo. Đó là một chất bột lấp lánh sáng... Ngày hôm sau, khi chị đang làm những chiếc bánh nhỏ, em đã khoét một lỗ vào những chiếc bánh đó và em đổ bột thủy tinh vào đó... Anh ấy đã ăn ba chiếc... em cũng ăn, một chiếc... Em đã ném sáu chiếc xuống ao... hai con thiên nga cũng đã chết ba ngày sau đó... Chị nhớ không? Đừng nói gì hết... nghe em nói đã... nghe em đã... Chỉ có mỗi mình em, em đã không chết. Nhưng em mãi ôm yếu... chị nghe đã... Anh ấy chết... chị biết rõ mà... hãy nghe em nói... lúc đó điều đó chẳng có ý nghĩa gì mấy... nhưng sau đó... sau đó... thật khủng khiếp...

Suốt cuộc đời còn lại của mình, suốt cả cuộc đời mình... em đã đau khổ biết mấy! Em tự nhủ lòng: Ta sẽ không xa rời chị ta nữa. Và ta sẽ kể lại sự thật cho chị ấy nghe vào lúc ta sắp từ giã cõi đời... Và kể từ lúc đó, em đã luôn nghĩ đến giờ khắc này, cái thời khắc mà em sẽ phải kể lại tất cả... và thế là cuối cùng giờ khắc đó cũng đã đến rồi... Khủng khiếp quá... Ôi!... Chị cả!

Em đã luôn tự nhắc nhở mình, ngày cũng như đêm, sáng cũng như tối: Phải nói cho chị ấy biết điều đó... Và em đợi... khổ hình đó mới khủng khiếp làm sao!... Đừng!... Chị đừng nói gì hết... Giờ em sợ... em sợ quá... Lát nữa nếu em gặp anh ấy ở dưới đó, khi em chết đi... em gặp anh ấy... chị có nghĩ đến điều đó không?... Em là người xuống trước... Em sẽ không dám đâu... Anh ấy sẽ... Em sắp chết... em muốn chị tha thứ cho em. Em muốn có được lời tha thứ của chị. Em không thể xuống đó đứng trước mặt anh ấy mà không có lời tha thứ của chị. Ôi! Hãy bảo anh ấy tha thứ cho con. Thưa Cha, hãy bảo anh ấy... Làm ơn bảo anh ấy. Con không thể chết mà không được tha thứ...

Cô im bật, hỗn hển thở, cào cào liên tục vào tấm ga trải giường bằng những ngón tay co quắp...

Suzanne giấu mặt vào trong tay, bất động. Cô nghĩ tới người yêu, người cô đã mãi yêu điên cuồng! Người mà lẽ ra đã cùng cô sống một cuộc sống vô cùng hạnh phúc! Cô như đang nhìn thấy anh, như trong quá khứ xa xưa,

người yêu nhất đời của cô! Người đã làm con tim cô đau đớn đến thế! Ôi!  
Nụ hôn ấy, nụ hôn duy nhất! Cô đã giữ mãi nụ hôn ấy trong tâm khảm.

Bỗng ông cha xứ đứng dậy, bằng một giọng trầm, ngân vang, ông hô:

“Cô Suzanne, em gái cô đang hấp hối!”

Suzanne ngẩng khuôn mặt đang giàn giụa nước mắt lên, lao đến bên em gái, rồi rít hôn em, vừa hôn vừa lắp bắp:

“Chị tha thứ cho em, chị tha thứ cho em, em bé bỏng...”

# TỰ VẤN (VIẾT CHO GEORGES LEGRAND)

Vài ngày nay, người ta đọc được trên mục rao vặt của một vài tờ báo những dòng sau: “Đêm thứ tư rạng ngày thứ năm, những cư dân sống trong nhà số 40 phố... đã bị đánh thức bởi hai tiếng súng chói tai liên tiếp. Tiếng nổ phát ra từ ngôi nhà của ông M.X... Cánh cửa được mở ra và người ta thấy ông này đang nằm trong vũng máu, một tay đang cầm một khẩu súng lục, chắc hẳn ông đã dùng hung khí này để tự sát”.

“M.X... năm mươi bảy tuổi, có một cuộc sống nhàn hạ đầy đủ, ông có đủ mọi điều kiện để có thể sống hạnh phúc. Người ta hoàn toàn không hiểu vì lý do gì khiến ông phải tìm đến cái chết như thế”.

Nỗi đau nào, nỗi khổ tâm nào, nỗi thất vọng thầm kín nào, nỗi phiền muộn nào đã đẩy một người đàn ông có đủ mọi điều kiện sống hạnh phúc đó đến cái chết? Người ta tìm kiếm lý do, người ta suy đoán, người ta tưởng tượng ra những cuộc tình đau khổ, người ta nghi ngờ có thể có việc gì đó liên quan đến tiền bạc... và vì người ta chẳng tìm ra được manh mối gì, lý do gì để đoán định được vì sao ông ta tự tử, người ta đành gán cho cái chết đó một từ “bí ẩn”.

Một bức thư đã được tìm thấy trên bàn của kẻ tự tử không có lý do đó, bức thư được viết trong đêm cuối cùng, sau khi khẩu súng đã được lên đạn, giờ đây, nó đang nằm trong tay chúng ta, chúng ta thường tin rằng bức thư tuyệt mệnh rất có giá trị, nó có thể hé lộ cho chúng ta những lý do mà vì chúng con người ấy phải đi đến quyết định định mệnh đầy đau khổ đó. Bức

thư có thể giải thích một cách ngọn ngành những đau khổ mà chỉ những người nhạy cảm, dễ xúc động mới hiểu được.

Nó đây:

“Nửa đêm, khi tôi viết xong bức thư này, tôi sẽ tự kết thúc đời mình. Vì sao? Tôi sẽ phải nói, không phải cho những người sẽ đọc những dòng này mà là cho chính tôi, để khiến mình can đảm hơn, để tôi có đủ khả năng hoàn tất điều tôi sắp phải làm, và không trì hoãn thêm nữa.

Tôi được nuôi dạy bởi một ông bố và một bà mẹ hoàn toàn bình thường như tất cả các ông bố bà mẹ khác trên đời này, những người tin vào những gì người khác tin, và tôi cũng tin như họ.

Và tôi cũng sẽ mãi sống như thế, cho tới một khi cuộc sống của tôi tự vỡ vụn ra.

Từ một vài năm nay, trong tôi bỗng có một hiện tượng lạ. Tất cả những hiện tượng trước kia xuất hiện trước mắt tôi một cách lộng lẫy như buổi bình minh chẳng hạn thì giờ đây trông như phai nhạt đi. Tôi chẳng còn thấy hứng thú với bất cứ một điều gì nữa, âm nhạc, thơ ca, tình yêu, mọi vuốt ve chiều chuộng đều làm tôi chán ngấy.

Tôi cảm thấy mình như trò chơi của ai đó, tôi tự cảm thấy tất cả mọi người đều phục vụ cho một trò chơi, và trò chơi đó luôn tìm cái gì đó mới lạ hơn, đáng yêu hơn. Nghĩa là khi tôi già đi, tôi sẽ bị loại ra khỏi cuộc chơi, và tôi sẽ chết, dù tôi có cố gắng thế nào, dù tôi có nỗ lực thế nào, dù tôi có làm gì, có nghĩ gì thì tôi cũng sẽ vẫn cứ già đi, sẽ lụi tắt và sẽ có một ánh sáng mới thay tôi.

Trước kia, tôi vui sống! Mọi thứ trước mắt tôi đều đẹp đẽ, đáng yêu: những người phụ nữ đi ngang qua tôi đều kiều diễm, những góc phố, những con đường quen đều khiến tôi vui, tôi thậm chí còn quan tâm cả đến những kiểu quần kiểu áo của mọi người đi trên phố. Nhưng rồi tất cả những điều đó lại khiến tôi thấy phát nhàm, phát chán, như thể ta tối nào cũng xem lại một vở kịch ở cùng một nhà hát vậy.

Ngày nào cũng như ngày nào, từ ba mươi năm nay, cứ đúng giờ đó, tôi thức giấc, và đứng ở quán ăn đó, tôi ăn cùng vào giờ đó cũng những món ăn mà những người phục vụ bàn khác nhau mang đến cho tôi.



Tôi đã định đi du ngoạn. Nhưng sự cách biệt, không thân thiện tôi thường cảm nhận được mỗi khi tôi đến một chỗ lạ khiến tôi e sợ. Tôi cảm thấy mình cô đơn biết mấy trên cõi đời này, cảm thấy mình bé nhỏ biết mấy mỗi khi tôi ngồi một mình trong xe và phóng thật nhanh trên đường để trở về nhà.

Nhưng khi về đến nhà, đối mặt với những đồ vật bất di bất dịch, những đồ vật sờn cũ từ ba mươi năm nay của mình, những đồ vật mà tôi đã dùng từ khi nó còn mới tinh, ngửi thấy mùi đặc trưng của phòng mình (vì một cách lôgích là sau một thời gian thì cái gì cũng có một mùi đặc biệt của nó) tôi lại cảm thấy chán ngán, cảm thấy buồn bực.

Sự lặp đi lặp lại đến nhàm chán. Mỗi sáng, tôi ra khỏi nhà và khóa cửa, mỗi tối tôi bước về nhà và sờ đúng vào nơi tôi để công tắc đèn, ánh mắt tôi nhìn đúng vào một chỗ trong phòng mình khi đèn bật sáng... tất cả những điều đó khiến tôi luôn muốn nhảy qua cửa sổ để kết thúc mọi sự nhàm chán không bao giờ rời bỏ ta đó đi.

Ngày nào cũng như ngày nào, khi cạo râu, tôi lại có mong muốn không sao kìm hãm được là cắt cổ mình đi. Và khuôn mặt tôi, với đầy bọt xà phòng trên má, luôn có một vẻ như thế khi tôi ngắm nhìn mình qua chiếc gương bé tí làm tôi buồn bực đến phát khóc lên được.

Tôi thậm chí không muốn gặp, không muốn đến gần những người mà xưa kia tôi rất thích gặp họ, tôi đã quá quen họ, tôi biết trước họ sẽ nói những gì với tôi và tôi sẽ trả lời họ thế nào. Tôi biết rõ họ nghĩ gì, biết rõ họ phản ứng thế nào trong các tình huống, biết rõ họ sẽ nói gì, sẽ làm gì trong từng trường hợp cụ thể. Tôi quá quen với họ. Mỗi bộ óc là một vòng tròn, và suy nghĩ như một con ngựa khốn khổ bị nhốt chặt đi lòng vòng trong đó. Cho dù ta có cố gắng đến đâu, cho dù ta có cố cưỡng lại đến đâu, thì ta cũng không thể vượt qua được cái giới hạn đó, một cái giới hạn rất gần, tròn trịa theo một hình cong xác định, không thể vượt qua, không thể nhảy ra. Mọi suy nghĩ của ta phải xoay quanh nó, phải đi đúng guồng, cùng suy nghĩ, cùng quan niệm về cái đẹp, cùng quan niệm về niềm vui, cùng một thói quen, cùng một niềm tin, cùng một nỗi chán ghét.

Tối nay, sương mù thật đáng sợ, nó bao phủ toàn bộ quảng trường, những ngọn đèn đường mờ ảo như những ngọn nến mờ. Vai tôi như bị một lực nào

đó rất nặng nề xuống. Đầu óc tôi cũng như bị một bóng mù che phủ.

Ăn uống và tiêu hóa thức ăn tốt là tất cả trong cuộc sống. Chính nhờ tiêu hóa tốt thức ăn mà diễn ra sự trao đổi chất trong cơ thể con người. Mong muốn yêu đương ở thanh niên, những tư tưởng sáng suốt ở các nhà tư tưởng, niềm vui sống ở tất cả mọi người, và dạ dày cũng cho phép ăn rất nhiều (ăn uống đôi khi cũng tạo thành một niềm vui lớn). Một dạ dày đau yếu có thể dẫn con người đến việc luôn hoài nghi, luôn chán nản mọi thứ trên đời, nó gieo mầm cho mọi ý tưởng đen tối và mong muốn được chết. Tôi thường gặp mong muốn này. Có thể một ngày nào đó tôi sẽ tự kết liễu đời mình nếu tôi cứ mãi phải chịu đựng sự khó chịu như thế này.

Khi tôi ngồi vào trong chiếc ghế bành mà ngày nào tôi cũng ngồi từ ba mươi năm nay, tôi đảo mắt một vòng nhìn quanh mình, và tôi cảm thấy một cảm giác suy sụp buồn nản khủng khiếp đến nỗi tôi bỗng thấy mình sắp phát điên.

Tôi tìm cách để tôi có thể thoát khỏi chính mình? Có lẽ ngồi không khiến tôi suy nghĩ vẩn vơ mà bức bối, thế nên tôi nghĩ đến chuyện sắp xếp lại đồng giấy tờ của mình.

Từ lâu rồi tôi đã nghĩ đến chuyện phải mất một hôm nào đó thanh lọc đồng giấy tờ trong ngăn kéo của mình, bởi từ ba mươi năm nay, tôi cứ tổng tất cả mọi thứ giấy tờ, thư từ, hóa đơn vào cùng một tủ, và sự hỗn độn của đám giấy đó cũng không ít lần làm tôi vô cùng buồn phiền.

Nhưng tôi cảm thấy thật mệt óc, mệt người biết mấy khi nghĩ đến việc phải dọn lại, sắp xếp lại cái gì đó, và tôi đã không bao giờ đủ can đảm để bắt tay vào làm một công việc tẻ ngắt như thế.

Thế nên tôi ngồi trước bàn làm việc của mình và mở nó ra, tôi định loại những giấy tờ cũ ra và đốt hủy chúng đi.

Đầu tiên tôi phát bối rối trước một đồng những tờ giấy đã ngả vàng, rồi tôi nhặt lên một tờ.

Ôi! Tôi đã không bao giờ sờ đến cái ngăn bàn này, đến nơi chôn giấu biết bao nhiêu thư từ cũ. Nếu bạn giữ lại tất cả những thư từ bạn từng nhận được, và nếu một ngày nào đó bạn xem lại nó một cách ngẫu nhiên, những câu chữ trong nó nằm trên tay bạn, hãy nhắm mắt lại để không phải đọc một chữ nào

hết, để một nét chữ đã từng bị quên lãng không khiến bạn ngã ùm vào cả một đại dương mênh mông của kỷ niệm. Hãy mang chúng đi đốt ngay, đốt hết những trang giấy cũ, và khi chúng đã cháy thành tro, hãy nghiền tro ra thành bụi vô hình... nếu không, bạn sẽ mất rất nhiều thì giờ ngơ ngẩn... như tôi đang ngơ ngẩn từ một tiếng đồng hồ nay!...

Những bức thư đầu tiên tôi đọc không khiến tôi quan tâm chút nào. Tuy rằng nó là mới, nó được những người mà tôi khá quen và hay gặp gửi đến nhưng sự có mặt của chúng không làm tôi xúc động tí nào. Nhưng đột nhiên, một phong bì khiến tôi rùng mình run rẩy. Chữ trên phong bì to, tròn, viết tên tôi, nước mắt bỗng dâng đầy mi, đó là người bạn thân nhất thời thơ ấu của tôi, người đồng hành suốt thời trai trẻ với tôi, người bạn chí cốt trung thành từng cùng tôi thổ lộ mọi suy tư thầm kín. Cậu ta hiển hiện trước mắt tôi rất rõ nét, với nụ cười đầy vẻ trẻ con và cánh tay giang ra, chìa về phía tôi, tôi rùng mình ớn lạnh. Vâng, những người chết đang hiện về, vì tôi đã nhìn thấy cậu ta! Ký ức của chúng ta là một thế giới hoàn hảo hơn là vũ trụ này: Nó tái hiện cả những gì không còn tồn tại nữa!

Tay run rẩy, mắt mờ đi, tôi đọc lại tất cả những gì cậu ấy viết cho tôi, và trong con tim khốn khổ đang nức nở khóc của mình, tôi cảm thấy một nỗi đau vò xé đến nỗi tôi phải bật ra những tiếng rên rỉ như thể một người đang bị cắt, bị xẻo đi các chi, các phần cơ thể mình.

Tôi đã đảo lên, xem lại cả cuộc đời mình như thể người ta bơi ngược lên đầu nguồn sông. Tôi đã hồi tưởng lại những con người mà tôi đã quên đi từ rất lâu, lâu đến nỗi giờ đây tôi không còn nhớ nổi họ tên là gì. Chỉ còn khuôn mặt dáng hình họ là còn trong ký ức của tôi. Trong những bức thư của mẹ tôi, tôi đã tìm lại được, nhớ lại những người làm cũ của nhà tôi và hình dạng ngôi nhà xưa kia chúng tôi ở với những chi tiết nhỏ vô nghĩa nhưng vô cùng gắn bó với tâm hồn thơ trẻ.

Vâng bỗng nhiên tôi nhớ lại như in tất cả những bộ quần áo dạ hội cũ của mẹ tôi với những kiểu cách khác nhau tùy từng thời kỳ, tùy theo xu hướng mốt của thời kỳ đó, tôi nhớ cả những bộ tóc giả mẹ tôi từng đội. Đặc biệt tôi nhớ nhất tới một chiếc váy bằng vải soa có in hoa cũ, và tôi nhớ lại một hôm, khi đang mặc chiếc váy đó, mẹ tôi đã nói với tôi một câu rằng:

‘Robert, con yêu, nếu con không đứng cho thẳng lên, thì rồi con sẽ bị gù, và cả đời mang lấy bấu trên lưng đấy’.

Rồi, khi mở một ngăn tủ khác, tôi bỗng đối diện với những kỷ niệm về tình yêu: một đôi giày nhảy, một chiếc khăn tay bị xé, một chiếc bút tất nữ, những lọn tóc và những bông hoa được ép khô. Ôi những tiểu thuyết êm dịu của đời tôi mà nhân vật nữ chính vẫn đang sống và giờ chắc tóc đã bạc trắng, chúng khiến tôi như bơi trong dòng ký ức ngậm ngùi của những việc không bao giờ kết thúc. Ôi! Những vầng trán trẻ trung, xòa xuống một vài lọn tóc óng, những cái vuốt ve, những cái nhìn biết nói, những con tim thổn thức, nụ cười hứa hẹn, mời gọi... nụ hôn không dứt khiến đôi mắt nhắm lại, khiến mọi ý nghĩ đều mờ đi trong một niềm hạnh phúc vô biên.

Nắm chặt trong tay những bằng chứng cũ về những tình âu yếm xa xưa, tôi phủ lên chúng những cái vuốt ve đầy tình cảm mãnh liệt, và trong tâm hồn đang bị giày vò bởi những kỷ niệm của tôi, tôi bỗng nhớ lại từng giờ chia tay, tôi cảm thấy như mình đang bị khổ hình, một khổ hình ác nghiệt, tàn ác, gây đau khổ hơn nhiều so với những tưởng tượng về những sự hành hình trong chín tầng địa ngục.

Một bức thư cuối cùng còn lại. Nó là thư do tôi viết và thầy giáo dạy văn đã đọc chính tả cho tôi chép từ cách đây năm mươi năm về trước. Nó đây:

\_Mẹ yêu quý của con,

Hôm nay con tròn bảy tuổi, đó là tuổi bắt đầu biết lý lẽ. Chính vì thế con biết rằng con phải cảm ơn mẹ đã sinh ra con.

Con trai mẹ.

Yêu mẹ

Robert\_

Thế là hết. Tôi đã đi đến tận đầu nguồn, và bỗng tôi nhìn lại xem xét những ngày cuối đời của mình. Tôi nhìn thấy sự già nua góm ghiếc và cô đơn, thấy sự suy tàn cả về thể xác lẫn tinh thần đang tiến lại gần, và thế là hết, là hết, là kết thúc tất cả. Chẳng có ai thân cận ở quanh tôi.

Khẩu súng lục của tôi đang ở kia, trên bàn... tôi lên đạn... Đừng bao giờ đọc lại những thư từ cũ của bạn”.

Và đó, chính là tại sao khá nhiều người đã tự vẫn, sau khi lục tung mọi thứ lên một cách vô ích nhằm tìm ra một lý do chính đáng, một nỗi buồn to lớn mà vì nó một người đã tự kết liễu đời mình.

### **Chú thích:**

[1] Mesmer (1734-1875) bác sĩ, người tạo ra học thuyết thôi miên. Ông từ Vienne đến Paris và rất nổi tiếng nhờ học thuyết này, nhưng sau do bị Viện Hàn lâm khoa học kết tội lừa gạt và trục xuất ra khỏi lãnh thổ nước Pháp.

[2] Vaudeville: rạp hát nằm ở ngã tư giữa quảng trường Capucine và la Chaussée d'Antin.

[3] Quỹ Tín dụng Lyonnais: Ngân hàng nằm ở quảng trường Italiens, giữa phố Michodière và phố Grammont.

[4] Lô: trong rạp hát có những khoang kín mà người ta có thể kéo một loại rèm thưa như lưới mắt cáo để những khán giả khác không nhìn thấy họ.

[5] Viên cảnh sát đã bị kết án năm 1849 trong một vụ án nổi tiếng thời đó vì tội hiếp dâm một xác chết.

[6] Hội nghị đêm của các phù thủy mà Satăng làm chủ tọa.

[7] 1 fit = 0,3048 m.